

MARIA MONTESSORI

BÍ ẨN Tuổi Thơ

Nghiêm Phương Mai *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Bí Ẩn Tuổi Thơ

Maria Montessori

Nguyên tác: *Il segreto dell'infanzia*

Người dịch: Nghiêm Phương Mai

Dịch theo bản Anh ngữ: *The Secret of Childhood* của Barbara Barclay Carter, (1998), Sangam Books Limited, U.K.

Nhà xuất bản: NXB Tri Thức

Kích thước: 12 x 20cm

Số trang: 382 trang

Ngày xuất bản: 2015

∞ ∞ ∞ ∞ ∞

Thực hiện ebook: Bố & Mẹ Bùm Xi

Ngày hoàn thành: 17-06-2017

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Maria Montessori (1870-1952)



Maria Montessori sinh ra ở Chiaravelle, nước Ý, và mất tại Noordwijk, Hà Lan. Bà là phụ nữ đầu tiên tốt nghiệp Y khoa Đại học Rome (1894). Năm 1899, bà bắt đầu nghiên cứu về các vấn đề giáo dục trẻ, dựa theo một số khái niệm do bác sĩ E. Seguin khởi xướng. Bác sĩ Montessori nhận thấy các phương pháp thử nghiệm thành công đối với các trẻ em có khuyết tật về tâm thần cũng có thể áp dụng cho trẻ em bình thường. Bà bắt đầu làm việc với trẻ

em tại các trường tư và công lập ở Roma và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của giới cải cách. Từ 1900 đến 1907, Maria Montessori giảng dạy về khoa Giáo dục nhân chủng học tại Đại học Roma và được bổ nhiệm làm thanh tra các trường học (1922) của nhà nước tại Ý. Bà viết sách về giáo dục mà bà đã khai triển. Bà thực hiện nhiều khóa huấn luyện cho các giáo viên ở Tây Ban Nha, Ấn Độ, Anh và Hà Lan. Ngày nay, hệ thống giáo dục mang tên bà do tổ chức Association Montessori Internationale (AMI) đại diện và giám sát, có mặt tại hơn 100 quốc gia trên thế giới đã góp phần tạo dựng một nền tảng thiết yếu và đích thực cho việc giáo dục trẻ nhằm xây dựng một thế giới hòa bình và tiến bộ cho con người.

Dành tặng Mẹ Hiền Kính Yêu,
Thương tặng các con VT, VL và gia đình
cùng tất cả trẻ em Việt Nam

Mục lục

[Lời tựa](#)

[Dẫn nhập](#)

[Phần I PHÔI THAI TINH THẦN](#)

[Chương 1 ĐỨA TRẺ NGÀY NAY](#)

[Chương 2 PHÔI THAI TINH THẦN](#)

[Chương 3 TRÍ TUỆ ĐANG HÌNH THÀNH](#)

[Chương 4 NHỮNG VIỆC NGƯỜI LỚN GÂY TRỞ NGẠI](#)

[Chương 5 NHỊP ĐIỆU](#)

[Phần II GIÁO DỤC MỚI](#)

[Chương 1 VAI TRÒ CỦA NHÀ GIÁO](#)

[Chương 2 PHƯƠNG PHÁP CỦA CHÚNG TÔI](#)

[Chương 3 NHỮNG ĐIỀU ĐÃ ĐƯỢC KHAI TRIỂN THÊM](#)

[Chương 4 NHỮNG LỆCH LAC TÂM THẦN](#)

[Phần III ĐỨA TRẺ VÀ XÃ HỘI](#)

[Chương 1 HOMO LABORANS - CON NGƯỜI LAO ĐỘNG](#)

[Chương 2 ĐỨA TRẺ TRONG VAI TRÒ CHỦ NHÂN](#)

Lời tựa

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Nguyên tác tiếng Ý cuốn *Bí ẩn tuổi thơ* của bác sĩ Maria Montessori xuất bản lần đầu tiên năm 1936. Ngày nay, nếu không lưu ý rằng bác sĩ Maria Montessori sinh ra và lớn lên tại Âu châu cuối thế kỉ 19 “đầu thế kỉ 20, độc giả có thể sẽ ngỡ vì văn phong, ngôn từ và cách diễn đạt tư tưởng của tác giả.

Có lẽ điều này không có gì đáng ngạc nhiên, vì tự thân mỗi con người là kết quả của thời đại và môi trường, nơi họ sinh ra và lớn lên.

Xuyên qua lớp vỏ văn phong mang đậm sắc thái của một con người sinh trưởng ở nơi đạo Công giáo Roma ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt hằng ngày của xã hội, cái cốt lõi thâm thúy có giá trị đại đồng và có tính khai phá của đường lối giáo dục trẻ thơ của bác sĩ Maria Montessori ngời sáng với những nguyên tắc giáo dục mang tính phổ quát mà nền tảng là những quan sát và phân tích khoa học khách quan.

Với bác sĩ Maria Montessori, có lẽ quan niệm thần học về Thiên Chúa vô hình “nhập thể” mang lấy thể xác và thân phận con người để cứu rỗi nhân loại khỏi Tội tổ tông ngõ hầu phục hồi bản chất nguyên thủy cao trọng của con người, kẻ mang hình ảnh của Thiên chúa, là một tư tưởng khá quen thuộc. Maria Montessori đã sử dụng ý niệm “*nhập thể*” này để đề cao vai trò rất cao quý của trẻ thơ là “Cha của Con người” do tiềm năng vô song của đứa trẻ có thể đổi mới nhân loại.

Maria Montessori đồng thời cũng nhấn mạnh đến bản chất sâu sắc của đứa trẻ dưới sáu tuổi, khi “tâm thức hấp thụ” (hay trí tuệ thẩm hút) của đứa trẻ hoàn toàn khác biệt với trí óc của người lớn. Cái tâm thức này có khả năng tiếp thu tất cả những gì xung quanh nó để kiến tạo nên cá tính của đứa trẻ. Dù các “giai đoạn mẫn cảm” này có tính đoạn kì, chồng qua, đôi khi khó nhận ra, chúng lại có tầm quan trọng tiên quyết về mặt định hình nhân cách và cá tính của trẻ sau này.

Maria Montessori đưa ra quan điểm rằng chúng ta cần cung cấp cho đứa trẻ một “môi trường được chuẩn bị” với đầy đủ các yếu tố thiết yếu cho sự tự kiến tạo của trẻ. Trong môi trường này, các học cụ đều mang tính phản hồi, qua một cơ chế “tự kiểm tra sai lầm” giúp trẻ tự điều chỉnh, tự xác định sự thành công và tiến bộ của bản thân mà không cần đến sự can thiệp của người lớn. Nhờ vậy đứa trẻ tự quyết định, tự giải quyết thách thức, do đó củng cố ý chí và gia tăng lòng tự tin và tự trọng.

Trong “môi trường được chuẩn bị”, sự “bình thường hóa” là một quá trình tự nhiên xảy ra, mang lại một trạng thái thăng bằng về trí tuệ, thể chất và tinh thần khi đứa trẻ có cơ hội được tự do vận động, hoạt động hồn nhiên và tự phát để thỏa mãn các nhu cầu của trẻ.

Độc giả đôi khi cũng sẽ gặp thuật ngữ “thiên nhiên-trên-thiên nhiên” (supranature), với cụm từ này, Maria Montessori muốn nói đến những gì đã được thêm vào, khuếch trương hay triển khai từ thiên nhiên, về mặt văn hóa, xã hội và khoa, học kỹ thuật, độ biến đổi của nhu cầu, tri thức và sức sáng tạo theo tiến hóa của con người.

Hơn 100 năm qua cũng như hiện nay, triết lý và phương pháp giáo dục Montessori được thử nghiệm và kiểm chứng từng giờ, từng phút khắp địa cầu, từ Ngôi Nhà của Trẻ ở New York hay Paris đến Làng Trẻ Tây Tạng ở Dhamrasala hay ngôi trường làng các trại tị nạn ở Phi châu, từ những trung tâm cho trẻ em của những cộng đồng thổ dân ở Torres Strait của Úc châu cho đến các trường mẫu giáo ở Hàng Châu hay ở Thái Lan. Điều này cho thấy các thuật ngữ xem chừng như lạ lẫm trong các tác phẩm của Maria Montessori đã trở thành kinh điển quen thuộc cho giới quan tâm đến việc giáo dục trẻ em trên thế giới; chúng không hề là rào cản đối với những ai muốn tìm hiểu và áp dụng đường lối giáo dục Montessori. Lối giáo dục này hiện nay đã được nghiệm chứng bởi các khám phá mới nhất do các nghiên cứu khoa học về phát triển não bộ, về thần kinh học, về tâm lý học và di truyền học v.v.

Dịch giả đã cố gắng trung thành với nguyên tác, về nội dung và về văn phong đặc thù của Maria Montessori. Hiểu rõ một số thuật ngữ thường gặp trong các tác phẩm của bà sẽ giúp độc giả tiếp cận dễ dàng hơn với tư tưởng của bác sĩ Maria Montessori.

Chúng tôi cảm ơn bà Sandra Giralto, Giám đốc và giảng viên Trung tâm Huấn luyện của AMI tại Toronto (Canada) đã viết lời dẫn nhập cho bản dịch và góp phần lý giải một số thuật ngữ của Maria Montessori. Chúng tôi cảm ơn nhà giáo Phạm Toàn đã góp ý và hỗ trợ một phần trong việc hiệu đính, và cảm ơn Nhà xuất bản Tri thức, đặc biệt là Ban biên tập đã làm việc rất cẩn trọng trong vai trò của mình.

Mong rằng các tác phẩm của Maria Montessori, được giới thiệu rộng rãi đến độc giả qua các bản dịch do Nhà xuất bản Tri thức xuất bản, sẽ đem đến cho độc giả những kiến giải độc đáo và mở ra hướng đi mới cho nền giáo dục trẻ em của chúng ta.

Nghiêm Phương Mai

Dẫn nhập

Tôi đọc quyển *Il segreto dell'infanzia* (Bí ẩn tuổi thơ) ở tuổi 15. Bản nguyên tác bằng tiếng Ý là một quyển sách đã thay đổi cuộc đời tôi. Lời văn thấm sâu vào tâm hồn non trẻ của tôi và thúc giục tôi tiến bước, đem đến cho tôi niềm hi vọng rằng đã có người hiểu được trẻ thơ, hay hơn thế nữa, đã có kẻ hiểu được nhân loại. Tôi còn nhỏ đã cảm thấy mình phải đọc lại quyển sách ngay khi vừa đọc xong, bởi mỗi chữ, mỗi đoạn đều mang ý nghĩa sâu sắc mà tôi không thể nắm bắt hết được nếu chỉ đọc qua một lần. Tác giả, bác sĩ Maria Montessori được biết đến là nữ bác sĩ đầu tiên ở Ý, nhưng điều quan trọng hơn là với tác phẩm này, bà nổi bật trong vai trò của một nhà khoa học nghiên cứu sự phát triển của con người nhằm mục đích đem đến những môi trường bảo vệ và nâng cao con người đang tăng trưởng.

Chín năm sau, tôi gặp Renilde Montessori, cháu nội gái trẻ nhất của bác sĩ Maria Montessori, và bắt đầu hành trình tìm hiểu về Montessori của mình. Renilde là người đã hướng dẫn tôi ngay từ ban đầu, cho tôi cơ hội trực tiếp không những để thấu hiểu phương pháp của Montessori mà còn để hiểu được người phụ nữ đằng sau phương pháp ấy, bà nội của bà. Renilde là người bạn và là cố vấn tin cậy của tôi, cả về phương diện nghề nghiệp lẫn phương diện cá nhân, khi khai mở thế giới Montessori cho tôi. Tôi tiếp tục sự nghiệp của bà tại Trung tâm Foundation for Montessori Education ở Toronto, Canada, và luôn biết ơn bà đã cho tôi cái thoáng nhìn hiếm hoi vào thế giới Montessori từ một góc độ sâu xa và riêng tư. Renilde qua đời năm 2012, do đó đề tặng lời dẫn nhập này đặc biệt cho bà là điều thích đáng.

Tác phẩm cơ bản này (*Bí ẩn tuổi thơ*) được xuất bản lần đầu vào năm 1938, nó giúp độc giả biết được những điều bí mật: những bí mật có thể quan sát được bởi người quan sát kiên nhẫn, khách quan, quan tâm và nhân ái. Thật vậy, cuốn *Bí ẩn tuổi thơ* trình bày các nguyên tắc mấu chốt của triết lý Montessori. Phần đầu của quyển sách đưa ra rất nhiều bằng chứng khoa học và tâm lý cần thiết để đưa trẻ thơ vào vị trí của một nguồn lực được khảo sát và kính trọng. Đối với một sinh linh chỉ được xem là một sự phóng to, Montessori khẩn cầu chúng ta nên tỏ ra “tôn kính bậc thầy của sáng tạo”. Ngày nay, chúng ta vẫn còn vất vả để tìm hiểu tất cả những sự kiện khoa học xung quanh đứa trẻ sơ sinh. Bé thật đẹp đẽ, thật dễ thương, thật ngây thơ, thật mê hoặc đến nỗi chúng ta chóng quên rằng đằng sau dáng vẻ non nớt bên ngoài của nó là một sức mạnh nội tại tương tự nền móng của những đá tảng nguyên khối hay nền tảng của những nền văn minh lớn.

Có lẽ chính việc là một bác sĩ y khoa đã cho phép Montessori mô tả các thời kì mẫn cảm ở đứa trẻ đang lớn. Ngày nay chúng ta có thể chọn các từ

ngữ khác nhau để bàn luận về các bản năng nhất thời đã khiến con người đang phát triển được thúc đẩy hướng đến các sinh hoạt đã ấn định. Khoa học thần kinh hiện đại tập trung vào các cơ hội cho phép trẻ sơ sinh được biến đổi từ một khối điện năng khuếch tán với những phản ứng tổng quát đối với thế giới bên ngoài thành một đứa trẻ sẽ có khả năng hoạch định và thực hiện những hành động đặc thù có ý thức tác động lên thế giới xung quanh. Bác sĩ Montessori đã suy luận nhiều về cái tri thức này trước khi người ta có thể chứng minh được nó bằng khoa học kỹ thuật, và bà còn tuyên bố rằng đứa trẻ có một tâm thức hoàn toàn khác người lớn - đó là *tâm thức hấp thụ*. Sự tôn trọng mãnh liệt sự sống của con người, mối quan tâm sâu sắc đến sự hỗ trợ cho phát triển con người và các kỹ năng của một quan sát viên khoa học đã cung cấp cho bà bằng chứng về đời sống nội tâm và quá trình tự hình thành của đứa trẻ.

Bác sĩ Montessori cho chúng ta mục đích để suy tư và động lực để hành động. Bà cho thấy con trẻ của loài người không sinh ra trong thế giới với sự hiểu biết về cách để sống hay để là thành viên của một cái gì đó. Không như các con non của các loài khác luôn tuân thủ các định luật về bản năng và có đời sống được chỉ đạo bởi đường lối gián tiếp của sự chuyên hóa, con trẻ của chúng ta hoàn toàn nguyên sơ khi sinh ra, sẵn sàng sáng tạo ra khả năng mới, và được thiên nhiên khéo léo phú cho những tiềm năng độc đáo. Con trẻ của chúng ta là những bậc thầy xây dựng nên bản thân và tập thể, bởi con trẻ là niềm hi vọng của cái sẽ đến. Hãy tưởng tượng rằng với mỗi đứa trẻ, chúng ta được chúc phúc bởi vì một thế hệ mới đã sinh ra, một viễn tượng mới trở thành khả dĩ và một lịch sử mới có thể được khám phá. Là người lớn, chúng ta phải tôn kính vì đáng cứu tinh của chúng ta đang đi giữa chúng ta trong hình hài của trẻ sơ sinh. Sự tôn kính không phải do mù lòa như niềm tin của những kẻ chìm đắm trong sự ngu dốt, nhưng phải được thấm nhuần hiểu biết về cách phát triển của con người mới này. Chúng ta phải nhận ra các tiềm năng của trẻ sơ sinh, như thể nó là một kẻ hành hương với hành trang cần thiết để hoàn tất một hành trình đặc biệt. Là người lớn, chúng ta có trách nhiệm đối với hành trình vĩ đại này, và trách nhiệm đó là có được kiến thức và hiểu biết về trẻ sơ sinh, về trẻ thơ, và hơn nữa là có phương tiện để hỗ trợ, che chở và tạo ra những môi trường có chuẩn bị cần thiết mà từ đó đứa trẻ sẽ tìm được những chất liệu thiết yếu để hoàn tất công việc của nó: đó là công việc sáng tạo ra một con người độc lập bên trong một thế giới của tương quan.

Con người, kẻ chinh phục vĩ đại, nhà ngôn ngữ học tuyệt vời và kẻ sáng chế phi thường, trong thời kỳ sơ sinh, lại yếu kém hơn mọi loài khác, bị lệ thuộc và đòi hỏi sự chú ý và chăm sóc kỹ lưỡng. Tuy nhiên, từ một khởi đầu chậm chạp như thế, chúng ta thấy con người cuối cùng trở thành kẻ biến đổi

thế giới của chính nó và thế giới tự nhiên. Những khởi đầu thanh đạm tương phản với các sự chinh phục tối hậu của nó. Bác sĩ Montessori chỉ ra rằng *“người lớn chúng ta được giàu có bởi chúng ta là những kẻ thừa kế của trẻ thơ; kẻ đã đem lại các nền tảng của đời sống từ cái không có.”* Con người đã hoàn tất mà ta hầu như khó nhận ra được, đã sử dụng các sáng tạo trọng yếu nhất ở giai đoạn đầu đời trong sáu năm đầu tiên của cuộc đời của nó. Và sự sáng tạo quan trọng nhất, cái sẽ không bao giờ có thể hoàn thành trở lại trong đời người, đó là sự sáng tạo để trở thành một con người của không gian, thời gian và văn hóa của nó. Không một loài nào, không một động vật nào, không một sinh vật nào có thể làm được như vậy. Sự xây dựng độc đáo và xuất sắc này tạo nên mối quan hệ của con người đối với chính nó và với những kẻ xung quanh trong suốt phần còn lại của cuộc đời nó. Sinh linh bé nhỏ, trẻ sơ sinh, có vẻ yếu ớt, thực ra có sức lực để phát triển tất cả các phẩm chất thiết yếu để đồng hành với những kẻ khác. Thiên nhiên, vĩ đại và tinh thông, ban cho trẻ sơ sinh với bề ngoài tuy mong manh, nhưng sâu thẳm bên trong, một quyền năng phát triển bản thân và khả năng biến đổi cả nhân loại.

Nếu trẻ thơ là kẻ sáng tạo, thì chúng ta là người lớn phải cung cấp những phương tiện mà qua đó vị thần linh này có thể hoàn thành sứ mệnh trần gian của mình. Không mù quáng như thành viên của một giáo phái, không thụ động như kẻ kinh ngạc bên đường, không khờ dại như những kẻ thiếu hiểu biết, hay ngu dốt như những kẻ không hiểu rõ, nhưng là những người ủng hộ một quá trình luôn lặp lại với từng con người mới. Bác sĩ Montessori nhắc chúng ta rằng *“nay chính người lớn là một thành phần của môi trường của trẻ thơ; người lớn phải tự điều chỉnh theo các nhu cầu của đứa trẻ nếu không muốn mình là một chướng ngại cho trẻ và không muốn thay thế đứa trẻ trong các hoạt động thiết yếu cho sự tăng trưởng và phát triển.”*

Con trẻ hấp thụ và không phân tích những cái xung quanh chúng, bởi chúng đang trong thời kì của tâm thức hấp thụ. Montessori thúc giục chúng ta nên hiểu rằng đây là *“một Cuộc sáng tạo đang luôn luôn trong quá trình hiện thực hóa, một năng lượng xây dựng luôn luôn mới mẻ, một sự lao động nhập thể của tinh thần không ngừng nghỉ. Do đó cá tính con người tự hình thành chính nó, giống như phôi thai (thể chất), và đứa trẻ trở thành đáng sáng tạo ra con người, là cha mẹ của con người”*. Đứa trẻ đang trong quá trình tự kiến tạo. Thời kì này sẽ luôn được khắc sâu trong tiểu sử của mỗi người. Trong cuộc đời của mình, chúng ta sẽ không bao giờ viết lại được chương sách này, bởi phần lớn, chúng ta hầu như không hề ý thức được cái đã viết trong bản hồ sơ lưu lại vĩnh viễn này. Vậy mà sự hiện hữu của thời kì này lại ảnh hưởng lên mỗi chi tiết, mỗi quyết định và mỗi khía cạnh trong cá tính của chúng ta.

Chính trong thời kì đầu tiên này mà đứa trẻ cần một môi trường rộng lớn hơn ở nhà. Trong khi cuộc sống gia đình cung cấp các yếu tố cần thiết cho sự gắn bó đầu tiên của trẻ với thế giới, bây giờ trẻ cần hoàn thành phần hành trình chỉ có thể hoàn tất bằng cách ở chung với những kẻ không có quan hệ với nó, kẻ không nhất thiết chấp nhận nó một cách vô điều kiện, kẻ sẽ không hoàn toàn chịu sự sai khiến của nó, nhưng hẳn sẽ cho nó những cơ hội trao đổi về mặt xã hội. Nó phải ở một nơi có thể giúp cá thể hòa nhập vào tập thể. Vì vậy nó phải vào một môi trường đã được phát triển một cách đặc biệt và khoa học - đó là Ngôi Nhà của Trẻ (*La Casa del Bambini*).

Người lớn phải ngày càng ý thức hơn về các môi trường nơi trẻ con của mình sẽ sinh sống, học tập, và quan trọng nhất là nhận thức được rằng những điều xảy ra trong những môi trường đầu tiên này không trở thành một lớp đắp hời hợt bên trên tâm lí của trẻ, nhưng chúng sẽ vẫn tồn tại như một yếu tố sâu sắc bên trong chính bản ngã của đứa trẻ.

Ngôi Nhà của Trẻ không phải là một thiết kế ngẫu nhiên, dựng lên một cách tùy tiện với sự áp đặt chủ quan. Ngược lại, Ngôi Nhà của Trẻ là một không gian được suy tính, cân nhắc kĩ lưỡng. Tôi quả quyết rằng không phải vô lí khi cho rằng Ngôi Nhà của Trẻ, với thiết kế thông minh, là một nơi ẩn náu cho đứa trẻ từ ba đến sáu tuổi. Theo thời gian, không gian và theo từng nền văn hóa, Ngôi Nhà của Trẻ đã tự chứng minh là chốn an toàn nuôi dưỡng cái linh hồn của thể chất, trí khôn và tâm linh của đứa trẻ. Có phải bác sĩ Montessori đã thiết lập nên khung cảnh này không? Không, hoàn toàn không, chính trẻ em đã và đang lập ra nó, nhưng chính thiên tài của bác sĩ Montessori đã nhận ra cái mà trẻ em đang tìm kiếm và bà đã đáp ứng các nhu cầu của trẻ. Bác sĩ Montessori, không phải với trí óc của một thuyết lí gia, mà với trí tuệ và tinh thần của một khoa học gia; luôn kiên nhẫn, khách quan, nhũn nhặn và đầy khiêm tốn, đã tìm cách học hỏi từ đối tượng bà đang quan sát và đã có thể khám phá ra những phẩm chất bị ẩn giấu trong con người đang lớn cho đến lúc được bà nhận ra. Thực vậy, qua hành động độc đáo là cung cấp những môi trường tối ưu cho trẻ em, bác sĩ Montessori đã cho chúng ta thấy rằng đạo đức là đóng góp vào sự hoàn thiện hóa nhân loại. Nếu chúng ta nhận ra cái tiềm năng nằm trong thời thơ ấu, chúng ta có thể bắt đầu quá trình thay đổi cái dòng lịch sử của chính chúng ta và của những kẻ sẽ đến sau chúng ta trong thế giới này. Renilde Montessori, trong bài “*Educateurs sans Frontières*” (Giáo dục không biên giới) đã khẳng định “*Hãy nhìn đứa trẻ, hãy theo chân đứa trẻ, cùng với trẻ vâng theo các lời hướng dẫn nội tại của trẻ; cung cấp những môi trường nơi trẻ có thể tăng trưởng mạnh mẽ, phát triển và hoàn tất cái tiềm năng phi thường và vô biên của nó ví lời tiên đoán về một tương lai lành mạnh cho giống loài của chúng ta nằm chính bên trong đứa trẻ*”.

Điều mà bác sĩ Montessori đã nhìn thấy là một quang cảnh có hệ quả khó quên, thật rõ ràng đến nỗi bà thay đổi cả cuộc đời của mình để tranh đấu cho quyền lợi của tất cả trẻ thơ, tự công hiến cho nhiệm vụ đánh thức trong tất cả chúng ta khả năng để nhìn thấy. Bà nói, *“Trẻ thơ là cha mẹ của con người”*. Cái chúng ta cần để hiện hữu như những con người có năng lực, thành công và hiệu quả trên hành tinh này, đang sinh sống và lao động bên trong cái kiến trúc của con người, nơi kết hợp sự đồng dạng với sự đa dạng, là cái đã khởi sự từ lúc mới sinh ra đến năm sáu tuổi. Mỗi đứa trẻ phải sáng tạo ra chính cơ thể, chính trí tuệ và chính tinh thần của nó. Mỗi đứa trẻ đứng ở khởi đầu của cuộc đời của nó. Montessori nói, *“Đứa trẻ không đơn thuần là khởi đầu của một cơ thể con người, hay chỉ là khởi đầu của linh hồn một con người. Đứa trẻ đứng ở cái điểm nơi mà tất cả những gì con người thật sự là và phải là có thể được bộc lộ - thậm chí một cách dễ dàng và đẹp đẽ.”* (Hội thảo Montessori Quốc tế, London).

Đứa trẻ sẽ không mãi mãi là kẻ ba tuổi nhưng một ngày kia sẽ là một người lớn ba mươi, bốn mươi và năm mươi tuổi. Tất cả chúng ta đều suy nghĩ, vì đó là bản chất của chúng ta, nhưng chúng ta phải ý thức được rằng suy nghĩ của chúng ta có thể bị lệch lạc, méo mó, đồng bộ hay bị định kiến, vậy mà, phẩm chất đời sống của chúng ta và của con cái chúng ta sẽ dựa trên phẩm chất tư duy của chúng ta một cách trực tiếp và sâu sắc. Chúng ta phải hoàn hảo trong tư tưởng, bởi vì tư tưởng của chúng ta biến thành lời nói, và lời nói thành hành động, và hành động thành thói quen và thói quen thành cá tính; và trong cuộc đời này, tất cả cái ta có là cá tính bởi chính cá tính quyết định vận mệnh của chúng ta. Vì thế, người làm công tác giáo dục là một con dao hai lưỡi, chúng ta là những kẻ với tất cả sự hoàn hảo và bất toàn của mình, với tất cả tiềm năng mà cũng với tất cả thất bại của chúng ta. Nay chúng ta đã chọn ở với con người mới, con người non trẻ hiện hữu trong tiềm năng của nó. Chuẩn bị môi trường hữu hình hoàn hảo là chưa đủ, mà chúng ta còn phải chuẩn bị môi trường phi vật thể nữa. Môi trường hữu hình cụ thể, các sinh hoạt khác nhau, với rất nhiều món đồ, vật liệu đã được chế tạo ra: những món thủ công, bàn ghế, kệ tủ, cả căn phòng nữa, với cửa sổ và cửa ra vào. Những thứ chúng ta có thể xây dựng, mua, sơn, sửa, lau chùi và đánh bóng. Chúng ta biết rất nhiều về những gì mà một môi trường được chuẩn bị nên có: bao nhiêu khu vực cụ thể cần phải có giữa các bức tường, loại sách phải để trên kệ, hay cả những từ ngữ nào là cần lưu lại. Cái phi hữu hình là cái chúng ta thấy, nhưng nó không hẳn là thành phần xác định sự thành công của đứa trẻ trong không gian đó, bởi có một yếu tố mạnh mẽ hơn bên dưới bất cứ điều gì có giá trị về mặt vật chất, và đó chính là môi trường phi vật thể. Cái phi vật thể sẽ trở thành nhân tố hỗ trợ sự phát triển lành mạnh và toàn diện của đứa trẻ.

Là người lớn trong thế giới của đứa trẻ, dù với tư cách nhà giáo hay cha mẹ, cô hay thím, chú hay bác, hay dì, cậu, bạn bè, hàng xóm hay ngay cả những người xa lạ, chúng ta sẽ có một trong những ảnh hưởng lớn nhất lên tính khí của đứa trẻ. Montessori nói, “*Chúng ta thấy người lớn đã bỏ thời thơ ấu của họ lại sau lưng nhưng lại tự đặt vấn đề làm sao để giáo dục đứa trẻ về mặt đạo đức và tôn giáo. Việc đào tạo chuẩn bị người thầy (người lớn) trong trường hợp này, có tầm quan trọng sâu sắc, bởi người ấy có tinh luyện về mặt lương tâm hay không? và giả dụ nếu người ấy có lương tâm, họ có biết những con đường của kỉ luật nội tâm, qua đó ân lành lan tỏa bằng chính các suối nguồn của nó hay không. Tất cả chúng ta đều tin rằng chúng ta có đạo đức và lương tâm nhạy cảm; tuy nhiên rõ ràng là chúng ta chưa đạt được mức tinh tế như thế, để có được sự nhạy bén đặc biệt này với sự tàn mạnh của lương tâm song song với sự nhạy cảm bên ngoài*”. (Bài thuyết trình ở Khóa Huấn luyện Montessori Quốc tế Đầu tiên).

Tất cả trẻ em sẽ cho chúng ta những “sự bất ngờ về tính cá nhân”. Trẻ em thật thà, cởi mở và linh động. Chúng thiết tha sôi nổi, tràn đầy từ tâm và đồng cảm sâu sắc hơn bất cứ người lớn nào. Nếu người lớn chúng ta, ít nhất không ngăn cản tinh thần vui tươi, và sự chính trực không khoan nhượng của chúng, chúng ta có thể sẽ học được nhiều điều từ trẻ thơ. Trẻ em làm bạn dễ dàng và nhanh chóng, chúng không phân biệt màu da, tôn giáo, địa vị xã hội, khuyết tật hay yếu kém. Chúng dường như không để ý đến quá trình mà mỗi em đang thực hiện, mà chỉ giúp đỡ khi cần thiết và tán dương sự thành công của người khác, chúng chưa phải là người lớn bị thu nhỏ nhưng là sự hứa hẹn của một đời sống tốt hơn với sự huy hoàng của nó. Nếu chúng ta theo dõi trẻ em trong một môi trường đặc biệt đã được tạo ra cho riêng chúng, chúng ta sẽ thấy có hi vọng cho nhân loại. Montessori thúc giục chúng ta, “*Người lớn, không ý thức về sự lao động bí ẩn này, có thể phá tan hình mẫu tiên khởi trong tâm thức của đứa trẻ, như biển cả khi tràn vào bờ cát sẽ mang theo tất cả những lâu đài cát, khiến những kẻ xây lâu đài trên cát phải luôn bắt đầu lại từ đầu*”.

Chúng ta biết rằng bất cứ điều gì còn lưu lại như một năng lượng bị sai hướng sẽ mãi mãi giống như một sợi dây điện đang tải điện, bắn ra một cách vô ích, làm khổ kẻ xung quanh, chúng ta biết rằng những thời kì mãn cảm bị bỏ đói kích thích sẽ khiến con người luôn thiếu dinh dưỡng, không bao giờ có khả năng tiếp nhận thức ăn tinh thần ở bất cứ bình diện phát triển nào khác; chúng ta cũng biết trẻ em bị tổn thương sẽ tiếp tục quậy phá như đó là cách hành xử của chúng. Chúng ta hiểu rằng những trẻ em thiếu động lực cần thiết để tương tác với môi trường và sợ hãi môi trường sẽ khó phát triển và không thích ứng được về mặt xã hội; William Blake tuyên bố, “*Nếu các*

cánh cửa nhận thức được thanh tẩy, mọi thứ sẽ hiện ra cho con người đúng như cái nó là: vô tận. Bởi con người đã tự khép kín, cho đến khi nó thấy mọi sự qua những khe hở chật hẹp của cái hang của nó” (Giáo dục tâm hồn).

Chúng ta biết con người không phải được tạo ra trong giây lát hay trong một khoảnh khắc, nhưng con người là kết quả của từng trải nghiệm, từng nỗ lực và từng xây dựng, và chúng ta phải ý thức rằng nền tảng vững chắc và sâu sắc nhất cho kẻ trưởng thành xảy ra trong thời gian của tâm thức hấp thụ một cách vô thức. Ảnh hưởng vĩnh viễn của thời kì này lên cá tính con người là không thể phủ nhận. Montessori nhắc chúng ta rằng, “*Một khoa học phải được hình thành để nghiên cứu việc này trong từng giai đoạn của nó: Nghiên cứu sự kiến tạo con người qua đứa trẻ đang xây nên ‘con người-sẽ-là’ của tương lai qua trải nghiệm. Bất cứ nơi nào có con người, ở đó trẻ em ra đời. Và nếu chúng ta lười cuốn được tình yêu và sự quan tâm của những người nam và nữ đối với trẻ thơ; chúng ta phải nhớ rằng không phải đối với đứa trẻ mà chúng ta muốn kêu gọi sự chú ý của họ nhưng đối với những người nam và nữ mà một ngày kia sẽ là những người lớn, những người lớn chỉ mới tiến lên con đường hướng thượng; và đối với những đám người lớn đã và sẽ sản xuất ra (qua nhiều thế kỉ) tất cả những điều kì diệu đã từng được sáng tạo để hình thành ra văn minh” (Giáo dục là một hỗ trợ cho sự sống).* Trong quyển *Bí ẩn tuổi thơ*, Montessori tránh xa các quan điểm giáo dục truyền thống để chỉ ra một hướng đi mới cho thấy rằng giáo dục không chỉ là trao truyền lại kiến thức từ một cá thể này cho một cá thể khác, mà là để tìm cách khai phóng tiềm năng của con người. Hãy nhìn xung quanh, đây là các con trẻ của chúng ta. Bây giờ là người lớn nhưng đã từng là những em bé của những năm về trước. Người lớn được sinh ra hai lần, một lần do thể chất và một lần do môi trường. Ra khỏi cơ thể của người mẹ và ra khỏi các giới hạn của cái ‘thiên nhiên-trên-thiên nhiên’ (supranature). Trong tác phẩm rất quan trọng này, Montessori đã sử dụng một cách tài tình khả năng tuyệt vời về quan sát và nhận thức, tầm hiểu biết của bà về y học, tâm lí và nhân học để hướng dẫn chúng ta một cách thuyết phục và khéo léo đến sự hiểu biết thu hút mối quan tâm của chúng ta đối với trẻ thơ với thấu thị mới mẻ, cái hiểu biết sẽ cho ta thấy những công dân tận tâm, vẹn toàn, thông minh, tự quyết, tự tin và có khả năng mang đến một xã hội hòa bình.

Sandra Giralto,

Giám đốc Trung tâm Huấn luyện Foundation for Montessori Education,
Toronto.

16 tháng 3, 2013

Phần I
PHÔI THAI TINH THẦN

Chương 1

ĐỨA TRẺ NGÀY NAY

Thế kỉ của trẻ

Sự tiến bộ nhanh chóng đến mức đáng kinh ngạc, những năm gần đây, trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ em có thể một phần do nguyên nhân chất lượng cuộc sống nói chung được nâng cao, song phần nhiều hơn nữa còn do lương tri con người đã thức tỉnh. Không những mối quan tâm đến sức khỏe trẻ em ngày càng gia tăng (điều này đã bắt đầu từ thập niên cuối của thế kỉ 19) mà một ý thức mới về nhân cách của đứa trẻ, được xem là cái tối quan trọng, cũng đã hình thành.

Ngày nay không thể nghiên cứu sâu bất cứ lĩnh vực nào của y khoa, triết học hay xã hội học nếu bỏ qua những đóng góp nhờ sự hiểu biết về đời sống của đứa trẻ. Tương tự, nhưng ở mức độ thấp hơn, đó là ánh sáng chiếu rọi từ khoa phôi thai học lên sinh lí học nói chung và lên sự tiến hóa. Nhưng việc nghiên cứu đứa trẻ không chỉ về thể chất mà còn về tâm lí còn có tầm ảnh hưởng rộng lớn hơn đến vô cùng, bao trùm tất cả những vấn đề của con người. Trong tâm trí đứa trẻ, có thể chúng ta sẽ tìm thấy chìa khóa dẫn đến sự tiến bộ, và biết đâu đây đến cả cuộc khởi đầu của một nền văn minh mới nữa.

Nhà thơ, tác giả người Thụy Điển Ellen Key tiên đoán thế kỉ của chúng ta sẽ là thế kỉ của trẻ thơ. Nếu có ai kiên nhẫn tìm kiếm trong những tài liệu lịch sử hẳn sẽ bắt gặp những tư tưởng tương tự trong bài Diễn văn Đức vua lần đầu tiên của vua Victor Emmanuel III nước Italia vào năm 1900, ở ngưỡng cửa thế kỉ (20) khi ngài lên ngôi, sau vụ ám sát người tiền nhiệm, ông đã nói đến một thời đại mới bắt đầu với thế kỉ mới và cũng đề cập đến nó như là “Thế kỉ của Tuổi thơ”.

Có vẻ như những cái nhìn thoáng qua nhưng lại gần như tiên tri này đã nảy sinh từ ấn tượng tạo ra bởi các cuộc khảo sát khoa học trong những thập niên cuối của thế kỉ 19, từ hình ảnh đứa trẻ bệnh hoạn được khảo sát, với tỉ lệ tử vong vì bệnh truyền nhiễm cao gấp mười lần so với người lớn, hay từ hình ảnh đứa trẻ là nạn nhân của chế độ học đường khắc nghiệt. Không ai có thể tiên đoán được rằng trẻ thơ nắm giữ toàn bộ bí mật về sự sống trong chính bản thân nó, có thể vén lên bức màn bao phủ những bí ẩn của tâm hồn con người, rằng đứa trẻ biểu thị cả một khối lượng những điều chưa được biết mà nếu khám phá ra, có thể giúp người lớn giải quyết những vấn đề cá nhân và xã hội của họ. Có thể, khía cạnh này đủ làm nền tảng cho một ngành

khoa học mới nghiên cứu về trẻ em, có khả năng ảnh hưởng đến toàn thể đời sống xã hội của con người.

Trẻ em và phân tâm học

Phân tâm học đã mở ra lĩnh vực nghiên cứu cho đến nay vẫn chưa được biết đến, rọi sáng lên những điều bí mật của tiềm thức, nhưng lại không đưa ra những giải pháp thực tiễn cho những vấn đề cấp bách của cuộc sống thực tế. Tuy nhiên, nó có thể góp phần vào việc giúp chúng ta hiểu được nhiều điều khi đi vào cuộc sống còn ẩn khuất của đứa trẻ.

Có thể nói phân tâm học đã xuyên thủng lớp vỏ của miền ý thức mà tâm lí học từng nghĩ là không thể nào xuyên qua - *ne plus ultra*, giống như những Cột trụ của Hercules trong lịch sử cổ đại mà các thủy thủ Hi Lạp do mê tín từng coi là những giới hạn thực sự của thế giới.

Phân tâm học đã thăm dò đại dương của miền vô thức. Không có khám phá này, có lẽ sẽ khó mà giải thích cho mọi người vì sao hiểu sâu được tâm trí của đứa trẻ lại có thể giúp chúng ta hiểu sâu hơn về các vấn đề của con người. Như chúng ta đã biết, phân tâm học ban đầu là một kĩ thuật mới để điều trị các chứng bệnh tâm thần và do đó là một nhánh của y khoa. Nó đã đem đến một khám phá thật sự rọi sáng lên sức mạnh của vô thức đối với các hành động của con người. Nó nghiên cứu những phản ứng tâm lí đằng sau cái ý thức, những phản ứng phô bày các yếu tố ẩn tàng ra ánh sáng và những thực tại không ngờ, làm đảo ngược mọi ý niệm đã từng được công nhận. Chúng mở ra một thế giới rộng lớn chưa từng được biết đến mà ta có thể nói là được gắn kết mật thiết với vận mệnh của con người cá thể. Nhưng phân tâm học không thể thám hiểm hoàn toàn thế giới chưa biết này. Vào thời của Charcot, ở thế kỉ trước, khoa tâm lí học đã khám phá ra tiềm thức. Giống như trong ngọn núi lửa, những chất sôi sục trong trung tâm của trái đất bị phun trào lên mặt đất, ta thấy tiềm thức được lộ ra trong những trường hợp ngoại lệ của những tình trạng trầm trọng hơn của bệnh tâm thần. Do đó, hiện tượng lạ lùng của nó, xung đột với các biểu lộ có ý thức, chỉ được xem đơn thuần là những triệu chứng của căn bệnh. Freud đã chọn hướng nghiên cứu ngược lại. Bằng một kĩ thuật vất vả khó khăn, ông tìm được lối thâm nhập vào miền vô thức, thế nhưng đến tận gần đây, ông hình như cũng chỉ tự giới hạn trong lĩnh vực bệnh lí. Bởi vì đã có bao nhiêu người bình thường sẽ tự nguyện trải qua những thí nghiệm đau đớn của phân tâm học? Bao nhiêu người chịu trải qua một dạng giải phẫu tâm hồn? Chính từ việc điều trị bệnh nhân mà Freud đã suy ra những nguyên tắc về tâm lí học của ông, và học thuyết tâm lí mỗi phần lớn đã được xây dựng trên các suy luận cá nhân từ cái không thường. Do vậy, các học thuyết của Freud không thỏa đáng, cũng như

kỹ thuật điều trị bệnh nhân của ông không phải lúc nào cũng chữa lành được “căn bệnh tâm hồn”. Hệ quả là những truyền thống xã hội, nơi tích tụ những kinh nghiệm nghìn đời đã dựng lên một rào cản chống lại một số điều đã được tổng quát hóa trong học thuyết của Freud. Có lẽ việc thám hiểm cái bản chất mênh mông của miền vô thức còn cần đến điều gì đó hầu như khác hơn là kỹ thuật trị liệu lâm sàng hay những suy diễn lý thuyết.

Bí ẩn tuổi thơ

Nhiệm vụ thăm dò cái đại dương của miền vô thức này còn chờ những đóng góp của các ngành khoa học khác và đòi hỏi một cách tiếp cận khác là nghiên cứu con người từ nguồn gốc của nó, trong nỗ lực giải mã sự phát triển của nó ở tâm hồn dựa trên xung đột với môi trường, để tìm cho ra điều bí ẩn sâu sắc hay bi thảm trong các cuộc tranh đấu qua • đó tâm hồn con người vẫn còn biến dạng và tăm tối.

Phân tâm học đã chạm tay đến điều bí ẩn này. Một trong những khám phá ấn tượng nhất của phân tâm học, qua kỹ thuật của nó, là nhận ra rằng chứng rối loạn tâm thần có thể bắt nguồn từ thời thơ ấu xa xăm. Những kí ức được gọi lên từ tiềm thức chứng minh rằng trong tuổi ấu thơ đã có những tổn thương khác ngoài những tổn thương mà mọi người đều biết, chúng ẩn sâu trong ý thức, khác xa với những ý tưởng đã được chấp nhận, đến nỗi phát hiện này là điều gây ấn tượng sâu sắc và hoang mang nhất trong tất cả các khám phá của phân tâm học. Những đau khổ như vậy thuộc lĩnh vực hoàn toàn về tâm thần, chúng diễn ra chậm chạp và dai dẳng, chúng không bao giờ được nhìn nhận là những sự kiện dẫn đến bệnh tâm thần trong nhân cách người lớn tuổi. Chúng xuất phát từ những ức chế các hành động tự phát của trẻ bởi người lớn có quyền hành đối với đứa trẻ, do vậy mà chúng liên quan đến người lớn có ảnh hưởng nhất đối với trẻ, là người mẹ.

Chúng ta nên phân biệt rõ ràng hai bình diện khảo sát của phân tâm học. Một bình diện thì nông cạn hơn, bao gồm sự xung đột giữa các bản năng tự nhiên của cá nhân và môi trường mà nó phải thích ứng. Xung đột này có thể giải quyết được, vì không khó để nhận thức được các nguyên nhân gây rối loạn nằm bên dưới miền ý thức. Nhưng có một bình diện khác, nằm ở sâu hơn, đó là những kí ức tuổi ấu thơ, nơi mà mâu thuẫn không phải giữa con người và môi trường xã hội đương thời, mà là giữa đứa trẻ và người mẹ, hay nói chung là giữa trẻ con và người lớn. Xung đột này có thể dẫn đến những chứng bệnh còn khó chữa hơn. Giờ đây, người ta đã nhận ra tầm quan trọng của những gì xảy ra ở thời thơ ấu trong tất cả các chứng bệnh, dù là về thể xác hay về tâm lý. Nhưng chính trong vấn đề này, ta cần một phương pháp khác ngoài phân tâm học. Chính cái kỹ thuật thăm dò vô thức đã dẫn đến các

khám phá ở người lớn nay lại trở thành một trở ngại ở trường hợp của đứa trẻ. Do bản chất, đứa trẻ không phải là đối tượng thích hợp cho một phương pháp như vậy, trẻ chẳng có gì để hồi tưởng lại thời thơ ấu của nó. Đứa trẻ sống cái tuổi thơ của nó. Trẻ phải được quan sát hơn là được đem ra phân tích, nhưng đó phải là quan sát từ quan điểm tâm thần để xác định được cái xung đột trẻ đã trải qua trong các quan hệ với người lớn và với môi trường xã hội của trẻ. Rõ ràng là cách tiếp cận này sẽ dẫn chúng ta rời xa khỏi học thuyết và kĩ thuật phân tâm học để đi vào lĩnh vực mới: quan sát trẻ trong đời sống xã hội của nó. Đây không phải là những mê lộ quanh co của một tâm trí bệnh hoạn mà là một không gian trải rộng của đời người ngay trong thực tại của nó, xoay quanh đời sống tâm lí của đứa trẻ, bởi vấn đề thực tiễn bao hàm toàn bộ đời sống con người khi nó phát triển từ lúc mới sinh ra.

Chúng ta vẫn còn chưa đọc tới trang lịch sử của nhân loại kể về những cuộc phiêu lưu của con người như là tâm thức, của đứa trẻ có sự nhạy cảm phải đối mặt với các trở ngại và tự thấy nó lâm vào những xung đột không thể khắc phục được, với người lớn mạnh bạo hơn, kẻ thống trị đứa trẻ mà chẳng hiểu gì về nó cả. Đây là trang giấy trống còn đợi viết lên đó câu chuyện về những đau khổ chưa ý thức được khiến đời sống tinh thần nguyên vẹn và mong manh của đứa trẻ phải đau đớn quằn quại, dựng lên một con người thấp kém trong tiềm thức đứa trẻ, khác hẳn cái con người mà thiên nhiên chủ định tạo thành.

Vấn đề phức tạp này, phân tâm học đã thấy rõ ràng rồi, nhưng không giải quyết. Phân tâm học chủ yếu chỉ quan tâm đến bệnh trạng và cách chữa trị. Khi liên quan đến phân tâm học, vấn đề tâm thần của trẻ thơ chứa đựng một vị thuốc ngừa; bởi nó sẽ ảnh hưởng đến việc chữa trị thông thường và nói chung cho nhân loại còn ấu thơ, một phép chữa trị có thể giúp ngăn chặn các trở ngại, các xung đột và do đó ngăn chặn cả các hệ lụy của chúng - đó là những chứng bệnh tâm lí do phân tâm học phụ trách hoặc là các thích ứng tâm lí sai lệch đã tiềm nhiễm hầu hết cả nhân loại.

Do vậy mà đã hình thành một lĩnh vực nghiên cứu khoa học mới mà đối tượng là trẻ em, khác biệt với phân tâm học là lĩnh vực duy nhất tương ứng với nó. Về cơ bản, lĩnh vực khoa học mới này là một hình thức hỗ trợ đời sống tâm thức của tuổi ấu thơ, chú trọng đến đặc tính bình thường và sự giáo dục. Do đó đặc điểm của nó là sự xác định các dữ kiện tâm lí liên quan đến trẻ em vẫn còn chưa được biết đến, đồng thời là sự thức tỉnh của người lớn, kẻ đã có những thái độ sai lầm bất rã trong tiềm thức, đối với trẻ em.

Buộc tội

Từ ngữ “ức chế” mà Freud sử dụng để mô tả căn nguyên sâu xa của rối

loạn tâm lí ở người lớn đã tự giải thích chính nó.

Đứa trẻ không thể tăng trưởng theo cách thức mà một sinh thể đang trong quá trình phát triển của nó đòi hỏi, vì người lớn “ức chế” đứa trẻ. Từ ngữ “người lớn” là một từ trừu tượng. Đứa trẻ bị cô lập trong xã hội; nên nếu có “người lớn” nào ảnh hưởng đến nó, thì đó phải là một người lớn cụ thể, người gần gũi nhất với nó, trước hết là người mẹ, rồi đến người cha và cuối cùng là thầy cô giáo.

Xã hội gán cho người lớn gần như một vai trò khác, khi công nhận vai trò của họ trong sự giáo dục và phát triển của đứa trẻ. Nhưng giờ đây, ngược lại, sự thăm dò các vực sâu của tâm hồn phơi bày ra ánh sáng một lời buộc tội đối với những người trước đây được cho là quản gia và ân nhân của nhân loại. Nhưng bởi hầu như tất cả người lớn đều là mẹ, cha, thầy cô giáo hay kẻ được giao phó công việc chăm sóc trẻ, nên lời buộc tội được áp dụng cho thế giới người lớn nói chung, cái xã hội chịu trách nhiệm đối với đứa trẻ. Có điều gì đó có tính chất khai huyền về sự luận tội đáng kinh ngạc này, nó huyền bí và khủng khiếp giống như lời nói vang lên trong Ngày Phán Quyết: “Các người đã làm gì với bọn trẻ ta giao phó cho?”.

Phản ứng đầu tiên là tự bênh vực và phản đối: “Chúng tôi đã cố hết sức. Chúng tôi yêu con cái. Chúng tôi hi sinh bản thân cho chúng”, và điều này sắp cạnh kề hai thái độ mâu thuẫn đối chọi nhau, một thái độ có ý thức, còn thái độ kia xuất phát từ cái vô thức. Sự biện hộ nghe quen thuộc, thâm căn cố đế, không cọ gì đáng để chúng ta quan tâm. Điều đáng chú ý là ở sự cáo buộc, hay đúng ra là những kẻ bị cáo buộc. Họ nhọc nhằn và gắng sức để kiện toàn việc chăm sóc và giáo dục con cái, và họ bỗng nhận thấy mình lâm vào một mạng lưới những rắc rối, bởi vì họ không thấy được sai lầm của họ che giấu trong bản thân họ.

Tất cả những ai vẫn rao giảng vì quyền lợi của trẻ em phải duy trì lời buộc tội này vào người lớn, một lời buộc tội không khoan nhượng, không ngoại lệ. Khi đó ngay lập tức cáo buộc này trở thành trung tâm thu hút sự chú ý, vì không những nó tố cáo những sai lầm không cố ý mà cả những sai sót hoàn toàn vô ý, do đó nó nâng cao tâm vóc của chúng ta và dẫn ta đến sự khám phá về chính bản thân mình. Và mọi tiến bộ đích thực đều xuất phát từ sự khám phá và sử dụng những gì không quen thuộc. Vì lí do này, ở mọi thời đại, thái độ của con người đối với sai lầm của chính họ đều mâu thuẫn. Ai cũng cảm thấy bị xúc phạm bởi sai lầm cố ý nhưng lại bị hấp dẫn và mê hoặc bởi lỗi lầm vô thức. Lỗi lầm chưa biết chứa đựng cái bí quyết của sự tiến bộ vượt qua mục tiêu đã biết và đã mong ước và nâng chúng ta lên một lĩnh vực cao hơn. Do đó người hiệp sĩ thời Trung cổ, dù sẵn sàng đấu kiếm tay đôi vì sự xúc phạm nhỏ nhất nhất ảnh hưởng đến quy tắc đạo đức có ý

thức của họ, lại sẽ phủ phục trước bàn thờ và khiêm nhường chấp nhận “Tôi có tội, xin xưng ra trước tất cả mọi người, và tội lỗi chỉ do riêng tôi”. Kinh Thánh cho chúng ta vài ví dụ lí thú về những thái độ mâu thuẫn như vậy. Cái gì đã khiến đám đông tụ tập quanh Jonah ở thành Nineveh, khiến cho cả nhà vua và dân chúng đều tràn đầy phấn khởi, rồi đổ xô ra đường theo sau nhà tiên tri này? Ông tuyên bố họ là những kẻ tội đồ đáng khinh, nếu họ không hoán cải, thành phố Nineveh sẽ bị hủy diệt.

Làm thế nào mà John Tẩy Giả (làm phép Thánh Tẩy Rửa tội - ND) kêu gọi được mọi người tụ tập bên bờ sông Jordan? ông đã dùng những ngôn từ hấp dẫn nào để khiến một đám đông khác thường tụ họp lại như vậy? ông gọi tất cả bọn họ là “lũ rắn độc”!

Đây là một hiện tượng tâm linh: người ta đổ xô đến để nghe mình bị kết tội, và khi hành động như vậy, họ đồng ý và công nhận lỗi lầm của mình. Có những cáo buộc gay gắt và dai dẳng đưa những điều bị chôn vùi trong tiềm thức lên thành ý thức; cả quá trình phát triển tâm linh là một thành tựu của ý thức đã nhận lấy vào bản thân nó cái đã từng tồn tại ở bên ngoài nó. Vì vậy, văn minh quả nhiên tiến triển do những khám phá liên tiếp với nhau. Giờ đây, để cứu con trẻ khỏi những xung đột đe dọa cuộc sống tâm thần của chúng, để cho con trẻ nhận được cách đối xử khác với những gì nó nhận được hiện nay, thì bước đầu tiên, căn bản và tất yếu mà mọi thứ khác sẽ phụ thuộc vào, đó là phải làm cho người lớn thay đổi. Thực vậy, nếu người lớn đã làm tất cả mọi điều có thể làm, và như họ vẫn sẽ nói, họ yêu trẻ đến độ có thể hi sinh, người lớn công nhận rằng họ đang đối diện với một khó khăn không thể khắc phục. Họ cần phải đi tìm xa hơn cái đã biết, cái đã cố ý và đã ý thức.

Có bao nhiêu điều chưa được biết đến ngay trong bản thân đứa trẻ. Có cái phần tâm hồn đứa trẻ luôn được giấu kín nhưng lại là điều phải được biết cho rõ. Cũng trong đứa trẻ, ta cần một khám phá sẽ đưa ta đến điều chưa biết ở chúng, bởi bên cạnh đứa trẻ đã được quan sát và nghiên cứu bởi tâm lí học và giáo dục học, vẫn còn một đứa trẻ ẩn tàng. Chúng ta cần tìm kiếm nó với một tinh thần phấn chấn, như kẻ biết có kho vàng ẩn giấu và như kẻ đi thám hiểm những vùng đất xa lạ, như kẻ xẻ núi dời non để tìm ra kim loại quý giá. Đây là điều người lớn phải làm khi tìm kiếm điều chưa biết ấy, cái đang ẩn náu tận nơi sâu thẳm tâm hồn đứa trẻ. Đây là công việc mà tất cả phải gánh vác, không phân biệt giai cấp, chủng tộc hay quốc gia, vì điều đó có nghĩa là mang lại một yếu tố không thể thiếu cho sự tiến bộ về đạo đức của nhân loại.

Người lớn không hiểu đứa trẻ hay đứa thiếu niên thì hệ quả là họ liên tục xung đột với nó. Giải pháp không nằm ở chỗ người lớn phải học hỏi về mặt tri thức hay bổ sung một văn hóa còn khiêm khuyết. Họ phải tìm một khởi

điểm khác. Người lớn phải tìm ra ngay trong bản thân mình cái lỗi lầm mãi tới bây giờ vẫn chưa nhận ra, đã ngăn cản họ nhìn thấy đứa trẻ như chính là nó. Nếu thiếu sự chuẩn bị này, và nếu họ không thụ đắc được cái khả năng mà sự chuẩn bị này đòi hỏi, người lớn sẽ không thể tiến xa hơn được.

Hành động tự biết mình là điều không khó như ta tưởng bởi mọi sai lầm dù không ý thức đều khiến người lớn đau khổ và khắc khoải, và chỉ một gợi ý nhỏ đến cách chữa trị cũng khiến ta cảm nhận được điều gì ta đang vô cùng cần đến. Như người có ngón tay trật khớp cảm nhận được nhu cầu muốn nó trở lại đúng vị trí vì anh ta biết rằng bàn tay không thể cử động và cơn đau sẽ chỉ chấm dứt chừng nào việc nắn khớp được thực hiện. Tương tự, ngay khi ta hiểu được lỗi lầm của mình, ta cảm thấy có nhu cầu chấn chỉnh lương tri, bởi từ lúc ấy ta sẽ không còn chịu đựng nỗi sự yếu kém và đau đớn đã cam chịu từ lâu. Và khi đã làm được điều này, thì mọi việc trở nên dễ dàng. Ngay khi chúng ta quả quyết khẳng định là mình đã quy tụ quá nhiều uy tín cho bản thân và tin là ta có thể làm những điều thật sự nằm ngoài giới hạn của lĩnh vực và khả năng của mình, chúng ta sẽ có khả năng và quan tâm đến việc nhìn nhận sự khác biệt đa dạng trong các đặc tính tâm hồn chúng ta và tâm hồn trẻ em.

Trong quan hệ đối với trẻ, người lớn đã trở thành những kẻ chỉ biết đến bản thân mình, không phải họ vị kỉ, mà là họ tự kỉ. Họ nhìn mọi thứ liên quan đến đời sống tinh thần của đứa trẻ từ lập trường của người chỉ biết soi vào bản thân mình, do đó mà họ hiểu lầm đứa trẻ. Vì người lớn chỉ biết đứng trên lập trường này, nên họ mới có quan niệm rằng đứa trẻ là một sinh thể trống rỗng mà chính người lớn phải nỗ lực đổ cho đầy, đứa trẻ chỉ như kẻ *bất lực và vô dụng* mà mọi thứ phải được làm giúp nó, như kẻ thiếu sự *hướng dẫn nội tại* nên người lớn phải chỉ dẫn từng bước từ bên ngoài. Cuối cùng, người lớn hành xử như thể họ là đấng sáng tạo ra đứa trẻ và phán quyết hành động của trẻ xấu hay tốt từ quan điểm của mỗi quan hệ của họ với trẻ. Người lớn là tiêu chuẩn cho cái tốt và cái xấu. Họ không thể sai lầm, họ là cái tốt làm gương cho trẻ tự uốn nắn theo. Bất cứ điều gì đứa trẻ làm khác với cách đặc thù của người lớn đều bị coi là xấu xa, cần phải nhanh chóng sửa đổi. Và khi thể hiện thái độ *gạt bỏ nhân cách của đứa trẻ* một cách vô thức như vậy, người lớn cảm thấy đúng là họ có nhiệt huyết, họ có tình yêu thương và họ có lòng hi sinh!

Chương 2

PHÔI THAI TINH THẦN

Khúc dạo đầu sinh học

Khi K.F, Wolff công bố những khám phá về sự phân chia của nguyên bào, ông cho thấy quá trình tạo ra các sinh vật sống, đồng thời qua sự quan sát trực tiếp, đã giúp kiểm chứng sự hiện hữu của những năng lực nội tại hoạt động theo đúng một cái mẫu có sẵn. Chính ông đã đánh đổ một số tư tưởng triết học như của Leibnitz và Spallanzani, cho rằng trong cái mầm sống đã giả định có chứa cái hình thể hoàn chỉnh của sinh vật tương lai ở dạng nhỏ bé. Họ giả định rằng trong tế bào trứng, có nghĩa là từ lúc khởi đầu, đã hình thành cái sinh thể sẽ phát triển nếu được đưa vào một môi trường thích hợp, mặc dù sinh thể này chưa hoàn thiện và ở kích cỡ cực nhỏ. Ý tưởng này xuất phát từ sự quan sát hạt giống cây trồng có chứa, bên trong giữa hai lá mầm, một cái cây bé xíu mà ta thấy rõ cả lá và rễ, và nếu gieo xuống đất, hạt giống này sẽ phát triển thành một cây mới. Người ta ngỡ rằng một quá trình tương tự cũng xảy ra ở động vật và con người. Tuy nhiên sau phát minh ra kính hiển vi, khi Wolff có thể quan sát cách một sinh thể thật sự hình thành ra sao (ông bắt đầu bằng quan sát phôi của chim), ông đã phát hiện ra rằng giai đoạn đầu tiên bắt đầu từ một đơn bào mầm, và kính hiển vi với khả năng hiển thị những cái không thể nhìn thấy bằng mắt thường, đã cho thấy là không hề có sẵn một hình thái tiền định nào. Tế bào mầm, kết quả từ sự phối hợp của hai tế bào đực và cái, chỉ đơn thuần bao gồm chất nguyên sinh và màng bên ngoài với hạt nhân, như bất cứ tế bào nào khác; thật vậy, nó chỉ là một đơn bào, ở dạng sơ khai nhất, không có sự phân hóa rõ rệt nào. Mỗi sinh vật sống, dù là thực vật hay động vật, đều xuất phát từ một đơn bào gốc chưa phân hóa. Cái cây bé tí nằm trong hạt giống là cái phôi đã phát triển từ một nguyên bào mầm, đã hoàn tất các giai đoạn phát triển trước đó trong quả chứa hạt giống đã chín muồi rồi rơi xuống đất.

Tuy nhiên tế bào mầm có một tính chất đặc biệt hơn cả là nó trải qua quá trình phân chia nhanh chóng và phân chia theo một hình mẫu đã được định trước. Nhưng người ta lại không thấy chút dấu vết nhỏ nhất của hình mẫu này trong tế bào sơ khởi. Nếu theo dõi sự phát triển ngay từ đầu của phôi động vật, ta sẽ thấy tế bào đầu tiên phân thành hai, sau đó đến lượt các tế bào này phân thành bốn, và sẽ tiếp tục cho đến khi chúng có dạng một khối cầu rỗng gọi là “morula”, khối cầu này, sau đó, gập vào bên trong thành hai lớp, chừa ra một lỗ hổng do đó tạo thành một cái hốc rỗng có vách đôi, gọi là “gastrula”. Thế là, bằng quá trình phân chia tế bào liên tục và lũy tiến, gập

vào trong và chuyên hóa, nó trở thành một tổng thể phức tạp gồm các cơ quan và mô. Do đó, cái tế bào mầm đơn giản, trong suốt, và không có bất kì phức tạp cụ thể nào, nó hoạt động và xây dựng, hoàn toàn tuân theo mệnh lệnh vô hình mang trong bản thân, như người đầy tớ trung thành khắc ghi trong lòng sứ mệnh được giao phó và hoàn tất dù tự thân không mang bất cứ tư liệu nào có thể tiết lộ mệnh lệnh bí mật đó. Bản thiết kế chỉ có thể nhận thấy qua hoạt động không mệt mỏi của những tế bào và chúng ta chỉ có thể thấy công việc đã hoàn tất. Bên trên tác phẩm đã hoàn tất, không có cái gì cả.

Trong phôi của động vật có vú, tức cũng như của con người, cơ quan đầu tiên xuất hiện là trái tim, hay đúng hơn, cái sẽ trở thành trái tim, một cái túi bắt đầu đập ngay với nhịp đều đặn, nhanh gấp hai lần nhịp đập của mẹ. Và nó sẽ tiếp tục đập không mệt mỏi vì nó là động cơ thiết yếu bơm chất dinh dưỡng cần thiết đến tất cả các mô sống giúp chúng hình thành và cần đến trong cả cuộc đời.

Toàn bộ công cuộc lao động này diễn ra một cách bí mật và kì diệu chính vì nó được thực hiện một cách đơn độc. Đây là phép lạ sáng tạo hầu như bắt đầu từ cái hư vô. Những tế bào sống tí hon khôn ngoan này không bao giờ phạm sai lầm và tìm ra trong tự thân cái năng lực biến hóa lớn lao, một số trở thành tế bào sụn, số khác thành tế bào thần kinh,, số khác thành tế bào da, và mỗi mô tìm ra được vị trí chính xác của nó. Sự sáng tạo kì diệu này là một trong những bí mật của vũ trụ được nghiêm ngặt giấu kín; thiên nhiên bao phủ nó trong những bức màn che và lớp vỏ không gì xâm nhập nổi, và chỉ mình nó mới có thể tự tách bỏ, khi cuối cùng, một sinh vật mới, hoàn chỉnh và đầy đủ, được sinh ra trong thế giới.

Nhưng tạo vật được sinh ra không chỉ đơn thuần là cơ thể vật chất. Đen lượt nó, giống như tế bào mầm, nó sở hữu những chức năng tinh thần tiềm ẩn đã định sẵn. Cơ thể mới không chỉ đơn thuần hoạt vận động qua các cơ quan của nó. Nó có những chức năng khác - những thôi thúc không thể đặt trong một tế bào mà trong một cơ thể sống, trong một sinh vật đã được sinh ra. Giống như mỗi tế bào mầm chứa trong mình hình mẫu của cả cái cơ thể sẽ hình thành đầy đủ, dù không có một dấu hiệu nào nhìn thấy được bằng mắt, tương tự, mỗi cơ thể sơ sinh, dù thuộc bất cứ giống loài nào, đều có trong chính mình một hình mẫu về các bản năng tâm thần, về các chức năng sẽ đặt nó vào trong mối quan hệ với môi trường của nó, để nó hoàn tất một sứ mệnh có tính hoàn vũ. Và điều này đúng với bất kì sinh vật sống nào, ngay cả ở một con côn trùng. Những bản năng kì diệu của loài ong, khiến chúng có một cơ cấu xã hội rất mực phức tạp, chỉ bắt đầu hoạt động ở con ong chứ không hoạt động ở trứng hay ấu trùng. Con chim có bản năng bay được, nhưng chỉ sau khi nở ra. Và v.v. Giai đoạn thứ hai này liên quan đến đời sống tinh thần trong mối quan hệ với môi trường bên ngoài, vốn đã có

trong giai đoạn đầu, trong sự sống của phôi thai mà thiên nhiên đã cách li và giấu kín. Thật vậy, khi một sinh vật mới được thành hình, nó giống như một cái trứng của tâm linh, mang trong lòng một sự hướng dẫn huyền bí mà kết quả là những hành vi, những đặc tính, những lao động, nói ngắn gọn là những chức năng tác động lên môi trường bên ngoài của nó.

Môi trường bên ngoài này phải cung cấp không chỉ những phương tiện cho sự tồn tại về mặt sinh lí mà còn cung cấp những kích thích cho sứ mệnh huyền bí được khắc sâu trong mỗi sinh vật đã sinh ra, tất cả chúng được triệu tập bởi môi trường của chúng không những cho sự sống mà còn để thực thi một nhiệm vụ cần thiết hầu bảo tồn thế giới và sự hài hòa của thế giới đó. Điều đó xảy ra với mỗi sinh thể, tùy theo giống loài của nó. Chính xác là mỗi cơ thể có hình dạng thích nghi với cái siêu chức năng về tinh thần này, và phải xảy ra vì lợi ích của vũ trụ. Những chức năng cao cả như thế vốn đã có hữu trong các sinh vật ngay từ khi vừa sinh ra, chẳng hạn như ở loài động vật. Chúng ta biết một động vật có vú sẽ tỏ ra hiền hòa vì nó là cừu, loài khác sẽ tỏ ra hung tợn vì nó là sư tử, một loài côn trùng sẽ lao động theo một nhịp kỉ luật không thay đổi vì nó là kiến, và loài khác nữa thì sẽ không làm gì ngoài việc kêu trong cô độc vì nó là dế mèn.

Và như thế, một đứa trẻ sơ sinh không chỉ là một cơ thể sẵn sàng hoạt động đơn thuần như là một cơ thể, mà đó còn là cái phôi thai tâm linh với những khả năng tâm thần tiềm tàng. Sẽ vô lí khi nghĩ rằng chỉ có con người, có tính đặc thù và khác biệt tất cả các sinh vật khác bởi sự cao quý của đời sống tinh thần của nó, là loài duy nhất không có một khuôn mẫu phát triển về tinh thần.

Tinh thần có thể tiềm ẩn sâu kín đến nỗi sẽ không bộc lộ ra giống như bản năng ở con vật, có thể ngay lập tức lộ ra trong các hành động của chúng. Sự vắng mặt của các bản năng chỉ đạo cố định và tất định ở con vật, là chỉ dấu của một nguồn tự do hành động, đòi hỏi một sự triển khai đặc biệt, gần như thể nó phải được sáng tạo ra và phát triển bởi mỗi cá thể và do đó không thể tiên đoán. Vì thế mà có một sự bí ẩn không thể xâm nhập trong tâm hồn đứa trẻ trừ phi chính nó tự biểu lộ dần dần trong tiến trình hình thành bản thể của nó. Cũng giống như sự phân đoạn ở tế bào mầm, ở đó ta chẳng thấy gì ngoài một hình mẫu tiên định vô hình, không có cách nào nhận ra được và sẽ chỉ tự biểu lộ qua sự sáng tạo dần dần ra các chi tiết của sinh vật. Và chính vì thế chỉ có đứa trẻ mới có thể phơi mở cái *khuôn thức tự nhiên của con người*. Nhưng chính vì sự tinh tế của mọi sáng tạo từ cái hư không, nên đời sống tinh thần của đứa trẻ mới cần đến sự bảo vệ và cần đến một môi trường tương tự những lớp vỏ hay tấm màng mà tự nhiên đã bao phủ lên phôi thai vật chất.

Đưa trẻ sơ sinh

Một giọng nói run rẩy vang lên trên mặt đất, chưa từng nghe thấy. Đến từ một cỗ họng chưa từng được kích thích.

“Họ kể tôi nghe về một con người đã sống trong tối tăm sâu thẳm nhất, mắt nó chưa hề thấy chút ánh sáng yếu ớt nhất, như thể nó ở tận đáy vực sâu.

“Họ kể tôi nghe về một con người đã sống trong cõi im lặng, tai chưa hề nghe một tiếng động nhẹ nhất...”

“Tôi nghe kể về một con người đã thực sự sống, luôn luôn ở dưới nước, nước ấm lạ lùng, và bỗng bị nhúng vào một dòng nước lạnh giá như băng.

“Và nó mở ra buồng phổi chưa hề thở. Không khí lập tức mở toang buồng phổi của nó, lúc đầu vẫn còn được gấp lại, và con người ấy cất tiếng khóc...”

“Một giọng nói run rẩy vang lên trên mặt đất, chưa từng nghe thấy, đến từ một cỗ họng chưa từng được kích thích.

“Nó là con người đã sống trong trạng thái nghỉ ngơi.

“Ai có thể tưởng tượng được sự nghỉ ngơi hoàn toàn như thế?

“Sự nghỉ ngơi của kẻ chưa từng phải lo ăn vì có kẻ khác đã ăn cho nó. Tất cả mô của nó đều thư giãn, vì các mô khác đã tạo ra hơi ấm cần thiết cho sự sống của nó. Ngay cả những mô ở nơi sâu nhất của nó cũng không phải làm việc để bảo vệ nó khỏi chất độc và vi trùng, và dưỡng khí được cung cấp cho nó mà không qua hơi thở của nó - một đặc ân duy nhất trong các sinh vật sống.

“Lao động duy nhất của nó là lao động của trái tim, nhịp tim đập từ trước khi nó từng hiện hữu, đập nhanh gấp đôi nhịp tim của bất kì trái tim nào khác. Đó là trái tim của con người.

“Và bây giờ... Nó bước ra. Nó lãnh nhận tất cả công việc. Nó bị thương tổn vì ánh sáng và tiếng động xuyên thấu qua phẩm chất của bản thể nó, và nó vừa tiến tới, vừa kêu to lên:

“Chúa ơi, sao Ngài bỏ rơi con?

“Và như thế đó, lần đầu tiên, mỗi con người là ánh phản chiếu của Đấng Ki-Tô đã chết và Đấng Ki-Tô đã thắng thiên.”

Lúc mới sinh ra đứa trẻ không bước vào một môi trường tự nhiên mà là vào một môi trường văn minh dành cho đời sống của con người. Nó là môi trường “thiên nhiên-trên-thiên nhiên” được con người xây dựng bên trên thiên nhiên và bằng cái giá phải trả của thiên nhiên, thông qua động lực cung cấp sẵn mọi thứ sẽ hỗ trợ cuộc sống đến từng chi tiết của con người và khiến

con người thích ứng dễ dàng hơn. Nhưng ông Trời nào đã chuẩn bị sẵn được một nền văn minh để hỗ trợ trẻ sơ sinh, kẻ phải hoàn tất nỗ lực thích ứng vĩ đại nhất khi, vào lúc ra đời, bé phải chuyển từ đời sống này sang một đời sống khác?

Giai đoạn chuyển tiếp kinh khủng khi ra đời đòi hỏi một sự chăm sóc khoa học cho đứa trẻ sơ sinh vì không có giai đoạn nào trong đời người, nó sẽ phải trải qua một tình huống đấu tranh và xung đột dữ dội và do đó đau đớn như vậy.

Ấy thế nhưng chẳng có sự chuẩn bị nào để làm cho cuộc chuyển tiếp khủng khiếp này được dễ chịu hơn. Trong lịch sử văn minh loài người, một trang sách cần phải được dành ra, trước tất cả các trang khác, để kể ra những gì con người văn minh đã làm để giúp trẻ sơ sinh. Ấy thế mà ở đây trang giấy vẫn còn trống không.

Nhiều người sẽ nói rằng, đâu có chuyện ấy, thế giới văn minh vô cùng quan tâm đến trẻ sơ sinh.

Nó quan tâm thế nào đây?

Khi đứa trẻ ra đời, mọi người chỉ quan tâm đến người mẹ. Bà mẹ chịu quá nhiều đau đớn.

Nhưng trẻ không bị đau đớn sao?

Người mẹ cần sự chăm sóc đặc biệt.

Nhưng đứa bé không cần được chăm sóc đặc biệt như vậy sao?

Phòng người mẹ tôi và yên lặng vì bà quá kiệt sức.

Nhưng chính đứa bé là người vừa đến từ nơi không chút ánh sáng và không chút tiếng động đến tai. Vậy thì phải chuẩn bị yên lặng và bóng tối cho bé.

Bé đến từ trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi mà bây giờ bỗng nhiên phải vận dụng tất cả chức năng của nó. Vì thế, chắc chắn là bé cũng rất mệt mỏi và kiệt sức.

Kiệt sức không chỉ do tương phản giữa hai môi trường trái nghịch, bé vừa tự mình vật lộn qua cuộc lao động sinh nở kiệt lực. Cơ thể của bé bị dồn ép lại, như trong một nhà máy xay siết nó đến mức xương cốt trật đi. Bé đến với cuộc đời kiệt sức do sự tương phản to lớn giữa trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi và cố gắng không tưởng tượng nổi để được sinh ra.

Bé đến với đời như một kẻ lữ hành từ một nơi xa xăm, người tả tơi với thương tích. Và chúng ta đã làm gì để tiếp đón và cứu giúp bé trước nhu cầu lớn lao như vậy?

Bác sĩ chỉ liếc qua đứa bé để xem nó sống hay không. Chắc hẳn ông nghĩ rằng: “Nó sống, thôi để bé qua một bên, bây giờ ta không thể bận tâm đến nó.”

Ngược lại, cha mẹ nhìn bé triu mến và vui mừng, và họ tiếp đón bé với sự vị kỉ của kẻ vui mừng nhận được một món quà từ thiên nhiên: “Nó đẹp đấy chứ? Con trai chúng ta đấy à?”

Mọi người chờ đợi bé đều vội vã thưởng thức nó, chiêm ngưỡng nó, chạm tay vào nó. Người cha thì muốn nhìn màu mắt của bé, và sẽ cố vạch mí mắt của sinh vật mới kia, háo hức nhìn thật kĩ và vui mừng mỉm cười như thể ông thấy con người kia rồi sẽ một ngày nhìn thấy ông và nhận ra ông.

Nhưng không có ai nhìn thấy trong đứa bé một con người đau khổ, hình ảnh đầu tiên của Đức Ki-Tô, tinh khiết và không được thấu hiểu. Người lớn tới gần kẻ đã đến từ hư không như thế nào, kẻ bỗng thấy mình ở giữa thế giới, với đôi mắt non nớt chưa từng thấy ánh sáng, với đôi tai từng chìm lắng trong thinh lặng? Sinh linh với tứ chi chưa từng chạm đến điều gì, nay bị hành hạ.

Cơ thể mong manh phải chịu đựng sự tiếp xúc thô bạo với vật cứng và bị cầm nắm bởi bàn tay vô tâm thô bạo của một người đàn ông đang quên mất đó là một cơ thể mong manh.

Vâng, đứa trẻ sơ sinh đã bị cầm nắm thô bạo, làn da mỏng manh bị cọ xát bởi những bàn tay nặng nề, và quần áo thô nhám.

Thật ra, những người trong gia đình không dám chạm vào đứa trẻ sơ sinh vì nó quá mỏng manh; bà con anh chị và mẹ nó có vẻ sợ sệt. Nên họ giao phó nó cho những *bàn tay chuyên nghiệp* để họ được an tâm, lương tâm được thanh thản. Thế là chẳng còn ai cảm thấy cần phải canh giữ và che chở cho cái cơ thể bé bỏng chưa từng bị sờ chạm đến. Thiên hạ sẽ hỏi: “Vậy chúng ta sẽ phải làm gì? Phải có ai đó chạm tay đến đứa bé.”

Đúng, nhưng những bàn tay chuyên nghiệp này bây giờ sờ đến đứa bé chưa từng học cách chạm đến một sinh linh mỏng manh như vậy. Đó là những bàn tay thô nhám có khả năng duy nhất là giữ bé chắc chắn, không để nó rơi. Người ta chỉ nghĩ rằng, đứa bé, sinh ra, còn sống, là đủ rồi; điều duy nhất họ muốn là đứa bé không bị mất cái nỗ lực tồn tại kia. Nhưng họ chưa hề tìm hiểu cách tiếp cận với sinh linh mong manh này.

Bác sĩ mạnh tay bế nó lên và khi đứa bé vừa cất tiếng khóc tuyệt vọng, mọi người đều cười mãn nguyện, đó là tiếng nói của bé. Khóc là ngôn ngữ của nó, và những điều như thế là cần thiết để lau sạch mắt và làm căng buồng phổi của nó.

Trẻ sơ sinh lập tức được mặc quần áo.

Bé bị quấn chặt trong vải tã thô cứng như thể bị bó bột, và tay chân của bé trước đây vốn xếp vào nhau, nay bị căng ra và giữ cố định một cách tàn bạo. Nhưng quần áo chưa cần thiết cho trẻ sơ sinh, ngay từ khi mới sinh ra hay trong suốt tháng đầu tiên của đời nó.

Nếu chúng ta muốn theo dõi câu chuyện về quần áo của trẻ sơ sinh, ta sẽ thấy có sự biến đổi dần từ sự thay thế tã vải thô cứng bằng những quần áo nhẹ và vải mềm; cùng với sự giảm dần về số lượng trang phục của bé. Thật vậy, ngày nay, quần áo của trẻ sơ sinh ở ngưỡng gần như là không thân. Thêm một bước nữa thì bé sẽ được để trần truồng.

Thật ra, tốt hơn nên để trẻ sơ sinh trần truồng để bé được sưởi ấm bởi không khí xung quanh hơn là bởi quần áo. Tự nó không có đủ hơi ấm để đối phó với nhiệt độ bên ngoài, bởi vừa trước đây nó vẫn còn sống ấm áp trong cơ thể của bà mẹ. Quần áo chỉ có thể giữ ấm cơ thể, ngăn hơi ấm cơ thể thoát ra ngoài. Nếu gian phòng đã ấm áp rồi, thì quần áo thành vật cản giữa sức ấm của không khí và cơ thể. Ta có thể quan sát các động vật, những con vật còn non tuy được bao phủ bằng lông măng hay lông tơ, song mẹ chúng vẫn ấp ủ, sưởi ấm chúng bằng cơ thể của mình.

Chúng tôi không muốn bàn cãi quá lâu về vấn đề này. Chắc chắn là nếu hỏi ý kiến của những bậc cha mẹ người Mỹ, họ sẽ kể về những chăm sóc dành cho trẻ sơ sinh ở nước họ, và người Đức và người Anh cũng sẽ ngạc nhiên hỏi tôi có biết gì hay không về tiến bộ đạt được trong chuyên môn này của khoa y và khoa điều dưỡng tại các nước họ. Đáng lẽ tôi phải trả lời rằng tôi biết tất cả điều này và bản thân tôi đã nghiên cứu tất cả những cải thiện mới nhất trong lĩnh vực chăm sóc trẻ tại một số các quốc gia đó. Song đồng thời tôi cũng phải tuyên bố rằng ở đâu cũng đều thiếu sự cao thượng của lương tâm cao quý được đòi hỏi cho sự tiếp đón xứng đáng đối với con người mới được sinh ra.

Đúng là rất nhiều điều đã được thực hiện, nhưng tiến bộ là gì nếu nó không là một ý thức về cái chúng ta từng biết và thêm vào cái gì có vẻ như là đã hoàn chỉnh và thậm chí cả cái có vẻ như không thể vượt được?

Không có nơi nào trên thế giới mà trẻ sơ sinh được hiểu rõ như ta cần phải hiểu.

Tôi muốn đề cập đến một điểm khác, đó là chuyện tuy chúng ta có thể yêu đưa trẻ sơ sinh một cách sâu sắc đây, song chúng ta vẫn có cái bản năng phòng chống lại đứa bé, ngay từ thời điểm đầu tiên lúc nó vào đời. Đó không những là một bản năng tự vệ mà còn là một bản năng keo kiệt khiến chúng ta vội vàng bảo vệ mọi thứ sở hữu của mình khỏi tay đứa bé, ngay cả khi chúng

không có giá trị. Ví dụ, để gìn giữ tâm nệm nhỏ tôi tệ khỏi bị bần, chúng ta trải một tấm che không thấm nước giữa nệm và cơ thể của bé và để cơ thể của nó phải gánh chịu các hậu quả.

Kể từ lúc bé vào đời ấy, tâm trí người lớn sẽ giữ nguyên nhíp điệu tiết tấu: coi chừng để em bé không làm bần đến tôi, không gây phiền toái cho tôi. Hãy đề phòng nó!

Tôi tin rằng khi chúng ta dần dần hiểu về trẻ em đầy đủ hơn, chúng ta sẽ tìm ra những phương pháp hoàn thiện hơn để chăm sóc trẻ. Chỉ mới gần đây, ở Vienna (Áo - ND) người ta đã bắt đầu có những phương pháp để giảm thiểu những đau đớn của trẻ sơ sinh. Tấm nệm trải đón bé rơi vào khi ra đời được làm ấm và nệm được chế tạo bằng các vật liệu có tính thấm, có thể rút đi khi bị bần. Những biện pháp này là khúc dạo đầu, một dấu hiệu đầu tiên của một sự kiện có tầm quan trọng lớn lao, rằng người lớn đã bắt đầu có ý thức về đứa bé.

Nhưng chăm sóc trẻ sơ sinh không chỉ nên giới hạn trong việc ngăn ngừa cái chết, trong việc tránh để bé bị nhiễm trùng, như người ta làm ngày nay trong các bệnh viện hiện đại, nơi các nữ điều dưỡng đến gần trẻ với khăn che mặt để vi trùng trong hơi thở của họ không truyền sang đứa bé. Có những vấn đề về “sự chăm sóc tinh thần của trẻ” từ ngay lúc mới sinh ra và những biện pháp để đứa bé thích nghi dễ dàng với thế giới, về mặt này, các thí nghiệm vẫn còn đang thực hiện ở bệnh viện và cần được tuyên truyền rộng rãi đến các gia đình nhằm thay đổi thái độ đối với trẻ sơ sinh.

Trong những gia đình giàu có, người ta vẫn còn nghĩ đến việc dùng những chiếc nôi lông lầy và quần áo nhiều rua ren đẹp để cho con cái. Những thứ xa xỉ như thế cho thấy một sự hoàn toàn thiếu tôn trọng đối với bản thể nội tại của đứa bé. Cửa cái có thể dùng để cung cấp tiện nghi, chứ không phải để đem lại sự xa hoa cho những đứa bé được đặc quyền như thế.

Đối với trẻ sinh ra, tiện nghi là có một căn phòng che chắn khỏi tiếng ồn ào của thành phố, với đủ yên lặng, và một ánh sáng ôn hòa, có thể điều chỉnh, bằng các cửa sổ có kính màu như trong nhà thờ. Một nhiệt độ ấm, không thay đổi, như ở các nhà hát trong vài năm gần đây, khiến cho trẻ có thể ở trần. Một vấn đề khác là việc di chuyển và bế đứa bé trần truồng, làm thế nào để trẻ bị tay ta chạm vào càng ít càng tốt. Đứa bé phải được nâng dậy bằng một phương tiện nhẹ và mềm mại, như một cái võng nhồi bông mềm, nâng đỡ sao cho cả cơ thể co lại trong tư thế tương tự khi còn trong bụng mẹ.

Việc nâng bế như vậy cần được thực hiện với sự tinh tế và hết sức chú tâm bởi những bàn tay sạch, khéo léo nhờ đã thực tập kỹ lưỡng. Thay đổi tư

thể của bé từ thẳng đứng sang nằm ngang cần đến kỹ năng đặc biệt. Từ lâu các điều dưỡng viên đã ý thức được rằng cần có một kỹ thuật đặc biệt để nâng một người bệnh lên và đưa họ đi trong thể nằm ngang một cách chậm rãi. Di chuyển một bệnh nhân là một trong những bài học sơ đẳng của ngành điều dưỡng. Không ai kéo mạnh một bệnh nhân đứng thẳng lên, bệnh nhân được dìu đi bằng một vật nâng đỡ mềm mại, khéo léo đặt bên dưới cơ thể họ, và bằng phương pháp này, người ta có thể di chuyển bệnh nhân đi mà không cần thay đổi vị trí nằm ngang của họ.

Trẻ sơ sinh cũng giống như một bệnh nhân. Như mẹ của nó, bé đã trải qua cơn thập tử nhất sinh. Niềm vui và sự mãn nguyện khi thấy bé sống sót cũng làm nhẹ gánh lo âu đối với nguy hiểm bé vừa trải qua. Đôi lúc bé gần như nghẹt thở và được hồi sinh bằng cách áp dụng nhanh hô hấp nhân tạo. Đầu bé thường bị móp méo bởi một khối máu tụ, do hiện tượng xuất huyết dưới da. Vậy phải xem bé là thực sự bị bệnh nặng. Nhưng đồng thời, không nên nhầm là trẻ sơ sinh cũng giống bệnh nhân người lớn. Nhu cầu của trẻ không giống như của người bệnh, nhưng là nhu cầu của kẻ đã có một cố gắng tái thích nghi quá sức tưởng tượng, kèm theo những ấn tượng tâm thần đầu tiên của kẻ đã đến từ hư không nhưng các giác quan đều hoạt động. Tôi đã thấy một trẻ sơ sinh được cứu sống khỏi tình trạng nguy hiểm vì bị ngạt do bị nhúng xuống cái bồn nước gần sát mặt đất: khi đang bị rơi nhanh xuống nước, đưa bé mở to đôi mắt, lao mình tới trong co giật, duỗi thẳng tay chân, như thể nó cảm thấy mình đang bị rơi. Đó là kinh nghiệm đầu tiên của bé về sợ hãi.

Tình cảm của chúng ta đối với trẻ sơ sinh không nên chỉ là sự đồng cảm đối với người bệnh hay kẻ yếu, mà nên là lòng tôn kính trước bí ẩn của sự hình thành tạo vật, sự bí ẩn về cái vô biên bị giam hãm trong một hình thể hữu hạn. Cách chúng ta chạm tay bé ẵm và di chuyển trẻ sơ sinh, và cảm xúc về sự tinh tế cần có trong cách đối xử ấy khiến chúng ta nghĩ đến vị linh mục công giáo khi cầm Bánh Thánh trên bàn thờ. Với đôi tay sạch sẽ, các động tác được luyện tập kỹ càng, vẻ khéo léo tinh tế và tập trung, ông di chuyển Bánh Thánh, lúc dọc, lúc ngang, đôi lúc đặt xuống như thể nó bị kiệt sức, như thể những động tác này đã quá mạnh bạo và cần tạm nghỉ. Và trong khi tay ông nâng Bánh Thánh lên, chân ông quỳ phục trong sự phụng thờ. Sự im lặng, ánh sáng chiếu nhẹ nhàng qua lớp kính màu; một cảm giác hi vọng, thăng hoa bao trùm khắp một môi trường như thế thật xứng đáng cho việc đón đưa bé mới ra đời.

Người ta nói đưa bé không có ý thức, và đã không có ý thức thì không có đau đớn hay vui thú, do đó có tinh tế tao nhã thì cũng chỉ phí phạm. Nhưng sao người ta lại chăm sóc chu đáo cho bệnh nhân người lớn trong nguy cơ mất mạng và hôn mê bất tỉnh? Đó là nhu cầu được chăm sóc, chứ không phải

là ý thức về nhu cầu đó, đối với bất cứ giai đoạn nào của đời người thì cũng đòi hỏi sự chú ý của khoa học và tình cảm.

Không thể có sự biện minh nào.

Chúng ta không có tình cảm thật đối với trẻ sơ sinh, vì đối với chúng ta nó không phải là người. Khi nó bước vào thế giới của chúng ta, chúng ta không biết làm cách nào để đón nhận nó, mặc dù thế giới chúng ta tạo ra là để cho nó, sao cho nó có thể tiếp nối và-tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn cái thế giới của chúng ta.

“Người đến với thế gian, và thế gian được làm ra cho Người nhưng thế gian không nhìn biết Người. Người đến với đồng loại nhưng họ không tiếp đón Người,”

Lời dạy của thiên nhiên

Các động vật cấp cao hơn, loài có vú, với sự khôn ngoan bất biến của bản năng, đã không xem thường giai đoạn thích nghi mong manh và khó khăn mà con non của chúng phải đối mặt. Con vật nhũn nhặn như mèo là một ví dụ; nó giấu lỗ mèo con vừa mới đẻ ở nơi tối, khuất để chăm sóc chúng, và nó rất cảnh giác không để ai nhìn đến đám mèo con. Rồi sau một khoảng thời gian ngắn, những chú mèo con ra ngoài và công khai theo sau mèo mẹ.

Loài động vật có vú sống hoang dã cũng có những đặc điểm chứng minh rõ ràng hơn về sự chăm sóc con non. Hầu hết chúng sống theo bầy đàn; nhưng khi sắp đẻ, con cái rời đàn và tìm một nơi kín đáo để con, giữ con trong yên tĩnh và tách biệt khoảng hai hay ba tuần cho đến một tháng hay lâu hơn nữa, tùy theo chủng loài. Con mẹ lập tức trở thành “vú nuôi” trợ giúp sinh vật mới. Con non không thể sống giữa bầy, phơi ra ánh sáng và tiếng ồn, do đó nó giữ con ở nơi yên tĩnh kín đáo. Mặc dù con non nói chung có thể đứng trên đôi chân và bước đi, con mẹ vẫn giữ chúng tách đàn cho đến khi chúng làm chủ được các chức năng thiết yếu cho sự sống của mình và có thể tự thích ứng với môi trường xung quanh. Chỉ khi đó nó mới dẫn con về với bầy, với quần thể đồng loại.

Câu chuyện về cách chăm sóc con non thật độc đáo, về cơ bản đều giống nhau, ngay cả ở các loài thật khác nhau như ngựa, bò rừng, heo rừng, sói hay hổ.

Bò rừng cái một mình giữ bê con cách xa đàn nhiều tuần, nó âu yếm chăm sóc con. Khi bê con lạnh, nó ủ con giữa đôi chân trước; khi bê con bẩn, nó liếm cho sạch; và khi bê con bú, nó đứng trên ba chân để con có thể bú dễ dàng hơn. Và sau khi dẫn con trở lại đàn, nó tiếp tục cho bê con bú với vẻ dửng dưng kiên nhẫn thường thấy ở những con cái thuộc động vật bốn chân.

Đôi khi con mẹ không chỉ tìm một nơi hẻo lánh để đẻ con mà còn chuẩn bị một nơi thích hợp cho lũ con sắp sinh. Chẳng hạn, cáo mẹ tìm một nơi ẩm náu rậm rạp, xa xôi, yên tĩnh, kiểu như cái hang để ở. Nhưng nếu nó không thể tìm thấy nơi ẩm náu thích hợp, nó sẽ đào một cái lỗ hoặc chuẩn bị một lớp nệm trong thân cây rỗng hay đào một chỗ trũng giữa bụi rậm, rồi nó làm một cái ổ lót với chất liệu mềm, hầu như luôn luôn bằng lông rút ra từ ngực, quanh núm vú của nó, như vậy thuận tiện cho đám cáo con bú dễ dàng hơn. Ổ đó nó đẻ sáu hay bảy cáo con mắt nhắm và tai khép kín; nó giấu chúng ở đó và ít khi rời xa.

Trong suốt giai đoạn đầu này tất cả con cái đều thận trọng canh giữ con non và tấn công bất cứ ai muốn đến gần con của chúng. Đối với động vật đã thuần dưỡng, đôi lúc ta không thấy rõ những bản năng làm mẹ này hoặc là chúng đã bị mất đi. Chẳng ai lạ gì chuyện lợn nái thường ăn con mình, thế nhưng lợn rừng cái là một trong những “bà mẹ” dịu dàng nhất. Hồ cái và sư tử cái cũng vậy, khi bị nhốt trong chuồng ở sở thú, đôi khi chúng cắn chết con.

Điều này cho ta thấy những năng lượng bảo vệ và che chở của thiên nhiên chỉ hoạt động khi các sinh vật được tự do đi theo mệnh lệnh nội tại của các bản năng chỉ đạo của chúng.

Trong các bản năng này, chúng ta có thể phác họa ra một logic rõ ràng và đơn giản; con non của các động vật có vú phải được chăm sóc đặc biệt trong *cuộc tiếp xúc đầu tiên với môi trường bên ngoài*, và do đó ta cần nhận ra cái giai đoạn đầu tiên cực kỳ nhạy cảm khi sinh vật mới ra đời, là giai đoạn khi mà nó phải nghỉ ngơi sau cố gắng lớn lao để được sinh ra và cùng một lúc phải vận dụng thuần thục tất cả các chức năng của nó. Sau giai đoạn này, cái giai đoạn có thể gọi là thời kì ấu sinh thứ nhất, năm đầu đời, giai đoạn bú, giai đoạn đầu tiên của cuộc sống ở trần gian.

Các con cái không chỉ quan tâm đến nhu cầu cơ thể của con non. Đúng là thiên nhiên, với sữa và hơi ấm cơ thể của con mẹ, đã cung cấp đủ để con non chống chọi với các khó khăn chính về thể chất cần khắc phục trong môi trường mới. Đúng là con mẹ đã đơn độc chờ đợi sự thức giấc huyền bí của các bản năng xuất phát từ bản thể sâu xa của sinh vật mới và sẽ biến nó thành một cá thể khác trong giống loài của nó. Sự thức tỉnh này phải xảy ra ở một địa điểm được che chắn khỏi ánh sáng chói chang và tiếng động ồn ào, và luôn yên tĩnh. Con mẹ chờ đợi sự thức tỉnh bản năng của con non trong khi nuôi dưỡng, liếm láp, thương yêu, huấn luyện con non trước khi đưa nó về với bầy. Lúc ấy, ngựa non sẽ linh hoạt trên đôi chân, học cách nhận biết mẹ nó và đi theo mẹ, nhưng trên hết, nó sẽ phải có thời gian để cho *bản tính ngựa* lộ ra trong cơ thể mỏng manh và chưa vững vàng của nó.

Nó phải làm cho tính di truyền của loài trở thành hiện thực. Ngựa cái sẽ không cho phép bất cứ ai thấy con của nó cho đến khi nó thật sự trở thành ngựa con; mèo cũng giấu con non cho đến khi chúng mở mắt và tập đứng trên đôi chân của chúng, nói ngắn gọn, cho tới khi nào chúng thật sự là những chú mèo con.

Rõ ràng là thiên nhiên giám sát mạnh mẽ sự thức tỉnh này, sự hoàn tất mỹ mãn của công việc này. Mục đích của sự chăm sóc của con mẹ cao hơn là mục đích sinh lí thuần túy. Qua sự trì mến và chăm sóc dịu dàng, sinh vật mẹ chờ đợi sự ra đời của các bản năng tiềm tàng. Và đối với con người, chúng ta cũng có thể nói rằng, qua sự chăm sóc tế nhị cho trẻ sơ sinh, chúng ta phải chờ đợi sự ra đời của tâm linh con người.

Hoàn thành sự nhập thể

Vậy là, có một *đời sống tinh thần* cần được chú trọng trong cách đối xử với trẻ sơ sinh hay không?

Nếu đời sống tinh thần đó đã hiện hữu trong trẻ sơ sinh, thì nó cần được chú trọng hơn nữa trong năm đầu tiên của cuộc đời và những năm tiếp theo. Bước tiến đã thực hiện trong việc chăm sóc đứa trẻ ngày nay là ở chỗ không những sự sống thể chất của đứa trẻ được quan tâm đến mà cả sự sống tinh thần của nó cũng vậy. Ngày nay người ta thường lặp lại rằng giáo dục phải khởi sự từ lúc bé chào đời.

Dĩ nhiên, không nên hiểu từ ngữ ‘giáo dục’ theo nghĩa giảng dạy, mà theo nghĩa trợ giúp sự phát triển tâm lí của trẻ. Bây giờ do sự phân biệt giữa ý thức và vô thức, ta có thể hiểu tại sao trẻ em có một đời sống tinh thần thật sự từ lúc mới sinh. Ý tưởng về một cõi vô thức đầy những động lực và thực tại tinh thần đã trở thành một trong những tranh luận phổ biến ở thời đại chúng ta. Nếu chúng ta hình dung em bé có một đời sống tinh thần với nhu cầu phát triển ý thức của nó bằng cách tự đặt mình vào một quan hệ năng động với thế giới xung quanh, hình ảnh hiện ra trước mắt chúng ta thật là ấn tượng, chúng ta thấy linh hồn bị giam cầm trong bóng tối cố gắng vươn ra ánh sáng để sinh ra và lớn lên trong một môi trường chưa được chuẩn bị cho một sự kiện lớn lao như thế. Chúng ta thấy mình đứng trước một linh hồn đang dần thân vào nhiệm vụ khó khăn này, và chúng ta không biết cách nào để có thể hỗ trợ cho nó, thậm chí chúng ta còn có thể gây trở ngại cho nó nữa.

Nhưng dù có tự bó mình trong những khái niệm sơ đẳng và hiển nhiên nhất, chúng ta vẫn có thể suy đoán trong đứa trẻ có sự hoạt động của những bản năng chi phối không riêng các chức năng về thể chất mà cả những chức

năng tinh thần, như trường hợp con non của động vật có vú bỗng nhiên, do một sự kiện hướng nội, bộc lộ đặc tính của loài. Con trẻ của loài người, thật ra, chậm phát triển khả năng vận động hơn con non của các động vật. Khi các giác quan của chúng hoạt động lúc chào đời, đứa bé ngay lập tức nhạy cảm với ánh sáng, âm thanh, sự sờ chạm, song bé vẫn còn có ít khả năng vận động. Nó không thể tự đứng dậy, không thể bước đi hay nói năng. Nó nằm bất lực lâu hơn bất cứ tạo vật nào khác, nó bắt đầu bước đi sau một năm, với nhiều cố gắng trong một thời gian dài với nhiều lần thất bại. Bé sẽ chỉ tập đi đúng cách khi đã hai tuổi, việc nói năng cũng tương tự việc vận động. Trong một thời gian dài, đứa bé không nói được, lúc sáu tháng tuổi bé chỉ bập bẹ các vần. Nó là một sinh vật bất lực, la hét được nhưng không nói được, trong khi con non của động vật có tiếng kêu đặc thù. Tiếng kêu của chúng thật ra yếu ớt và rên rỉ, nhưng chó con phát ra tiếng sủa thật, mèo con kêu “meo meo” và cừu con kêu “be be”; nói chung, chúng đều có ngôn ngữ của chúng, chứ không chỉ la hét và khóc như những đứa con của loài người, thú sinh - *At* ngu ngu nhất trong các loài.

Sẽ lầm lẫn to nếu nghĩ rằng sự yếu ớt của cơ bắp ngăn cản em bé đứng lên và ngồi thẳng, hay cho rằng thiếu khả năng cử động nhịp nhàng là tính bẩm sinh ở người. Không thể nghi ngờ sức lực của cơ bắp trẻ sơ sinh như ta đã thấy qua sự xô đẩy hay chống cự của tứ chi của bé. Và không gì có thể xem là hoàn hảo hơn sự phối hợp khó khăn của động tác bú và nuốt mà các em bé có được ngay từ đầu. Thiên nhiên đã huấn luyện đứa bé khác hơn so với con non của động vật. Thiên nhiên đặt lĩnh vực vận động ra khỏi sự lệ thuộc vào cái áp đặt độc đoán của bản năng. Bản năng rút lui; cơ bắp mạnh mẽ và tuân phục chờ đợi mệnh lệnh mới; chúng chờ sự chỉ huy của ý chí điều khiển chúng để phục vụ tinh thần của con người. Chúng phải bộc lộ không chỉ các đặc tính chung của giống loài mà còn của một tâm hồn riêng lẻ của cá nhân. Các bản năng của giống loài cũng chắc chắn sẽ xuất hiện và áp đặt một số đặc tính cơ bản: ta biết rằng tất cả những đứa trẻ bình thường đều sẽ đi theo dáng đứng thẳng lưng và sẽ biết nói. Nhưng mỗi đứa trẻ sẽ biểu lộ những biến đổi có tính cá nhân bất ngờ và đó là một điều bí ẩn. Với những con thú nhỏ, ta biết chúng sẽ ra sao khi hoàn toàn trưởng thành; một con nai sẽ có chân nhanh nhẹn; một con voi sẽ có dáng đi chậm chạp và nặng nề; một con hổ sẽ hung tợn với đôi hàm khỏe; và một con thỏ sẽ hiền lành và ăn cây cỏ. Những đặc tính này sẽ không thay đổi hay đảo ngược. Nhưng con người có thể làm bất cứ điều gì. Cái vẻ ù lì bên ngoài chuẩn bị những điều bất ngờ của cá tính. Cái tiếng không ra lời rồi một ngày sẽ thành lời, nhưng chúng ta không biết đó sẽ là ngôn ngữ nào. Trẻ sẽ nói thứ tiếng mà nó tiếp thu được khi lắng nghe những người xung quanh, và với cố gắng lớn lao, bé sẽ tạo nên âm, vần và cuối cùng là từ ngữ. Bé sẽ là người xây dựng cho riêng mình tất

cả các chức năng trong quan hệ với môi trường; bé sẽ là kẻ sáng tạo ra bản thể mới của nó.

Do đó sự kích hoạt các cơ quan vận động của bé là sự *nhập thể* chức năng của cá thể với những đặc điểm của riêng nó.

Cái thông thường vẫn được biết như là thể xác là một *hợp phức* của những cơ quan vận động mà sinh lí học gọi là các cơ bắp cử động theo ý. Như tên gọi đã hàm ý, chúng có thể vận động theo ý (của chủ thể - ND). Không có gì cho thấy rõ hơn rằng vận động gắn chặt với đời sống tinh thần. Nhưng nếu không có các cơ quan là công cụ của ý chí, thì ý chí không làm được gì cả.

Ngay các bản năng của sinh vật, ở loài nào cũng vậy, từ những loài côn trùng nhỏ bé nhất, cũng không thể tự biểu lộ nếu không có các cơ quan vận động, ở dạng tiến hóa cao như con người, hệ cơ cực kì phức tạp và nhiều đến nỗi các sinh viên môn cơ thể học nói rằng, “để nhớ tất cả các cơ, bạn sẽ phải quên chúng bảy lần”, về mặt chức năng, chúng phối hợp để thực hiện các hành động phức tạp nhất, có cái gây kích thích, có cái gây ức chế, có cái chỉ có thể tiến tới, nhưng cái khác chỉ thụt lùi. Vậy mà, với tất cả các chức năng đối lập nhau, chúng không hoạt động trong mâu thuẫn mà là trong hài hòa. Mỗi kích thích được điều chỉnh bằng một ức chế, do đó luôn đồng hành, cái tiến tới được kết hợp với cái thụt lùi. Chúng thực sự là những hiệp hội, những nhóm đoàn kết trong cùng một động tác, và do đó cử động có thể trở nên vô cùng tinh tế, như ta thấy ở một vũ công, trong bàn tay của người chơi vĩ cầm, người có thể truyền tải những động tác tinh tế nhất đến cây cung (vĩ) của đàn. Mỗi động tác là sự kết hợp của các đối nghịch, mỗi cải thiện tinh tế hơn huy động cái gần như là một đội quân của các cơ, hành động cùng lúc với nhóm đối kháng, và trong cả hai trường hợp, sự hoàn hảo được đạt đến trải qua một thời gian chuẩn bị.

Nếu sự chuẩn bị này không được trao hẳn cho thiên nhiên, và đúng ra, nếu một phần, phần cao nhất, bao hàm định hướng và xây dựng, được trao phó cho một năng lượng của cá thể, cái năng lượng chông bên trên thiên nhiên có tính thiên nhiên-trên- thiên nhiên này, thì đây chính là sự kiện đầu tiên chúng ta nên xét đến ở con người. Nói rõ hơn, tinh thần sinh động của con người phải nhập thể để có thể hoạt động, tự biểu lộ ra trong thế giới. Đây là chương sách đầu tiên trong cuộc đời của đứa trẻ, đó là nhiệm vụ đầu tiên của con người trong cuộc sống.

Nếu có một sự nhập thể cá nhân chỉ đạo sự phát triển tinh thần của đứa trẻ, thì đứa trẻ phải sở hữu một đời sống tinh thần trước khi có đời sống vận động, đời sống tinh thần này hiện hữu trước và cách biệt với bất cứ biểu hiện bên ngoài nào. Ngập ngừng và mong manh, nó hiện ra ở ngưỡng cửa của ý

thức, sắp đặt các giác quan vào môi trường quan với môi trường của chúng, và lập tức tác động qua các cơ bắp trong nỗ lực tìm cách biểu lộ. Có một tác động hỗ tương giữa cá thể, hay đúng hơn giữa phôi thai tinh thần, và môi trường của nó, và qua sự hỗ tương này, cá nhân tự hình thành, tự hoàn chỉnh chính nó. Hoạt động hình thành sơ khai này có thể so sánh với chức năng của cái túi đập theo nhịp tượng trưng cho quả tim trong phôi thai của thể chất, và đẩy chất dinh dưỡng đến tất cả các phần của cơ thể phôi thai, trong khi chính nó cũng tiếp nhận chất lọc từ mạch máu của người mẹ, môi trường sống của nó. Vậy tính cá thể về mặt tinh thần phát triển và tự tổ chức quanh hành động của cái nguyên tắc động lực này trong tương quan với môi trường bên ngoài. Đứa trẻ gắng sức hấp thu môi trường của nó và từ những nỗ lực như vậy, xuất phát sự thống nhất sâu xa của nhân cách đứa trẻ. Công cuộc lao động kéo dài và từ từ này là một quá trình liên tục, nhờ đó tinh thần chiếm lấy cái phương tiện của nó. Nó phải liên tiếp duy trì chủ quyền bằng chính sức lực của nó, nếu không, cử động sẽ nhường chỗ cho bất động hay trở thành cử động đồng loạt và máy móc. Nó phải liên tục chỉ huy, để sự vận động, khi được tách khỏi sự chỉ đạo của một bản năng cố định, sẽ không bị chìm trong hỗn độn. Từ đó mà có thể thấy rằng sáng tạo là luôn luôn ở trong quá trình hiện thực, là một năng lượng có tính xây dựng luôn mới mẻ, là sự lao động không ngừng nghỉ của tinh thần đang nhập thể. Và thế là nhân cách của con người tự tạo ra chính nó, giống như phôi thai, và đứa trẻ trở thành kẻ sáng tạo ra con người, đứa trẻ là cha của con người.

Chương 3

TRÍ TUỆ ĐANG HÌNH THÀNH

Những giai đoạn mẫn cảm

Tính nhạy cảm ở trẻ sơ sinh, trước khi nó kích hoạt các phương tiện tự biểu lộ, dẫn đến một cấu trúc trí tuệ sơ khai có lẽ vẫn chưa bộc lộ ra. Có điều gì đó huyền nhiệm khi ta nghĩ rằng đứa bé nhỏ nhất cũng đã có đời sống tinh thần. Ý nghĩ này có thể dẫn ta đến sự chiêm ngắm đứa trẻ sơ sinh trong cùng một tinh thần giống như khi ta chiêm ngắm Giêsu Hải Đồng trong tôn giáo, như là sự nhập thể của một Đấng Thượng Đế thật sự hiện diện trong thân thể bé nhỏ kia. Vậy, chúng ta có thể tưởng tượng rằng có một linh hồn con người ẩn giấu trong cơ thể non nớt, chưa tự làm được việc gì của một em bé, một linh hồn đã phát triển và nhạy cảm, cho dù vẫn còn đại khờ.

Nhưng quan niệm này không đúng. Cũng giống như ta nói rằng đứa trẻ sơ sinh đã có sẵn một ngôn ngữ hoàn chỉnh, nhưng các cơ quan phát âm vẫn còn bất lực, chưa có khả năng để biểu lộ. Cái đã có mới chỉ là một thiên hướng cho năng lực ngôn ngữ. Và, tương tự, cũng có thể áp dụng cho toàn bộ *phức thể* tâm lí mà ngôn ngữ là cái được biểu lộ. Em bé có một khả năng sáng tạo, một năng lượng tiềm tàng sẽ giúp nó có thể xây lên cả một thế giới tinh thần từ thế giới xung quanh nó. Trong việc này, bé sẽ gặp cản trở, nó phải đấu tranh cho sự hiện hữu về tinh thần, dù chưa có ý thức về cái tinh thần đó, nhưng nó vẫn có thật, với những hậu quả không ngăn được đối với mức cuối cùng của sự thành tựu của nó. Nếu không ai giúp nó, nếu môi trường không được chuẩn bị để tiếp đón nó, nó sẽ là một sinh vật luôn gặp hiểm nguy trong đời sống tinh thần. Ta có thể nói rằng khi đó đứa trẻ nhỏ bị đặt trong tình thế nguy hiểm, bị bỏ rơi giữa thế gian.

Trong quá trình phát triển tâm lí, đứa bé hoàn thành nhiều điều kì diệu như là những phép lạ vậy, và chỉ do thói quen mà chúng ta đã trở thành những khán giả thờ ơ. Làm sao một đứa trẻ như vậy, đến từ hư vô, tự định hướng được trong cái thế giới phức tạp này? Làm sao nó phân biệt được vật này với vật khác, và do sự kì diệu nào mà nó thành công trong việc học một ngôn ngữ đặc biệt với nhiều chi tiết, không cần thầy, chỉ đơn giản học trong đời sống? Bé học đơn giản và vui vẻ, không mệt mỏi, trong khi một người lớn khi phải tự định hướng trong môi trường mới, sẽ phải cần đến rất nhiều trợ giúp, và để học một ngôn ngữ mới, sẽ phải trầy trật và không bao giờ đạt được sự hoàn hảo như trường hợp được học nói tiếng mẹ đẻ từ khi còn thơ.

Chỉ mới gần đây chúng ta mới có thể tự hỏi rằng một sự phát triển như

thể đã dựa vào điều gì và một sinh vật sống tăng trưởng như thế nào.

Khi nói về sự phát triển, sự gia tăng của ý thức, chúng ta nói đến một sự kiện thấy rõ bên ngoài, gần đây chúng ta mới hiểu được cơ chế bên trong của vấn đề này. Khoa học hiện đại đã tạo thuận lợi cho những nghiên cứu khảo sát như thế qua hai cách. Một là qua nghiên cứu về các tuyến nội tiết tác động đến sự tăng trưởng, những khám phá trong lĩnh vực này đã ngay lập tức khơi dậy mối quan tâm do ảnh hưởng lớn lao của chúng đối với sự chăm sóc trẻ em trong thực tiễn. Cách kia là nghiên cứu các *giai đoạn mẫn cảm*, đã chiếu rọi ánh sáng lên sự phát triển về tinh thần của đứa trẻ.

Chính nhà khoa học người Hà Lan Hugo de Vries là người đã khám phá ra những giai đoạn nhạy cảm trong đời sống động vật, nhưng chính chúng tôi, ở trường của mình, quan sát đời sống của trẻ trong gia đình, là những người đầu tiên đã phát hiện các giai đoạn mẫn cảm trong thời ấu thơ, và đã đáp ứng lại theo quan điểm về giáo dục.

Các giai đoạn này tương ứng với những sự nhạy cảm đặc biệt phát hiện thấy ở các sinh vật đang trong quá trình phát triển, chúng có tính chuyển tiếp và được giới hạn cho việc thụ đắc một đặc tính đã ấn định. Một khi đặc điểm này đã thay đổi, sự nhạy cảm tương ứng cũng biến mất. Vậy là, mỗi đặc điểm được thiết lập nên là nhờ có sự trợ giúp của một kích thích, của một sự mẫn cảm nhất thời kéo dài trong một giai đoạn tăng trưởng có giới hạn, tức là trong giai đoạn mẫn cảm tương ứng. Vì vậy tăng trưởng không phải là cái gì mơ hồ, một sự di truyền bẩm sinh bất biến, mà là một công việc được hướng dẫn tỉ mỉ bởi những bản năng nhất thời đem đến một sự thôi thúc hướng tới những hoạt động đã được ấn định, và những hoạt động này thường khác biệt lạ thường với những hoạt động của cùng cá thể ở giai đoạn trưởng thành.

Trong sinh học, De Vries là người đầu tiên nghiên cứu các giai đoạn này, và thấy chúng xuất hiện rõ rệt ở các sinh vật đã đạt đến mức trưởng thành qua sự lột xác như trong trường hợp các côn trùng. Một ví dụ là ở con sâu bướm, sâu bướm phải ăn những búp lá rất non, thế nhưng con bướm lại đẻ trứng ở cái chạc ba nhánh kín nhất, gần thân cây. Ai sẽ chỉ cho các con sâu bướm nhỏ xíu ẩn kín ở đó, khi chúng chui khỏi vỏ rằng những lá mềm chúng cần ăn đều ở phía ngọn của nhánh, trong ánh sáng? Ở giai đoạn này, con sâu bướm cực kì nhạy cảm với ánh sáng. Ánh sáng thu hút, mời gọi nó như một tiếng gọi khó cưỡng, mê hoặc nó, và thế là con sâu ngọ nguậy bò lặn đến nơi sáng nhất, tới khi nó đến tận cùng ngọn nhánh, và trong cơn đói cồn cào, nó thấy mình ở giữa những chồi lá non mềm có thể nuôi dưỡng nó. Điều kì lạ là khi con sâu bướm đã trải qua giai đoạn đầu tiên của nó và đã tăng trưởng hết mức, nó có thể ăn thức ăn khác và đến khi đó nó bỗng mất đi sự nhạy cảm

với ánh sáng. Điều này đã được chứng minh trong các phòng thí nghiệm khoa học. Trong một cái hộp tối chỉ có con sâu và ánh sáng, con sâu sẽ bò nhanh về phía bất cứ tia sáng nào xuyên qua một cái lỗ trong hộp tối nơi nó bị nhốt làm thí nghiệm. Sau một thời gian nào đó, nó hoàn toàn dừng dừng với các tia sáng. Bản năng này không còn tác động đến nó nữa. Con sâu bướm sẽ đi theo những hướng khác, tìm những lối sống khác.

Một sự nhạy cảm tác động tương tự bỗng nhiên biến con sâu, đã từng rất tham ăn phá hoại các cây cối đẹp đẽ, thành một kẻ khổ hạnh ăn kiêng. Kiêng cử khắt khe, nó xây nên một thứ “quan tài” để chôn mình trong đó như không còn sống và công việc này nó làm thật ráo riết và khó cưỡng. Chôn mình như thế, nó sẽ chuẩn bị cho giai đoạn cuối; là sự ra đời của con bướm đẹp đẽ với đôi cánh lộng lẫy.

Chúng ta biết rõ rằng ở các ấu trùng của loài ong, có một giai đoạn mà mỗi con ong cái đều có thể trở thành ong chúa. Nhưng bây giờ chỉ chọn một trong số đó. Các con ong thợ chuẩn bị một chất dinh dưỡng đặc biệt chỉ riêng cho con ong được chọn, cái mà các nhà động vật học gọi là “sữa ong chúa” được nó ăn ngẫu nhiên. Thế là con ong được đặc ân nuôi bằng yến tiệc vua chúa này trở thành ong chúa của bầy. Nhưng sau một thời gian, nếu những con ong thợ muốn chọn con ấu trùng cái khác và cũng nuôi bằng sữa ong chúa tốt nhất, con ấu trùng này sẽ không bao giờ có thể trở thành ong chúa; giai đoạn thềm ăn dữ dội đã qua và cơ thể của nó không còn khả năng để phát triển như thế nữa.

Những sự kiện này có thể giúp chúng ta thấu hiểu được then chốt của vấn đề, kể cả khi nó liên quan đến con trẻ của loài người, sự khác biệt to lớn là giữa động lực sinh động thúc đẩy thực hiện những hành động tuyệt vời đáng sửng sốt và sự lãnh đạm dẫn tới sự mù quáng và thiếu khả năng. Người lớn không thể làm gì được từ bên ngoài để tác động lên những trạng thái khác nhau này.

Trong những giai đoạn nhạy cảm, đứa trẻ lĩnh hội nhiều thứ, những cái sẽ đặt nó vào trong mối quan hệ với thế giới bên ngoài một cách cực kì mãnh liệt. Tiếp theo đó, mọi sự đều dễ dàng; tất cả đều là nhiệt huyết, là sự sống, mỗi nỗ lực đều là một sự gia tăng quyền năng cho mình.

Và khi một số đam mê tinh thần này tàn lụi đi, thì những ngọn lửa khác lại nhen lên, thế là tuổi ấu thơ trải qua một loạt các chinh phục, trong một sự sôi nổi liên tục đầy sức sống mà ta gọi là niềm vui và sự giản dị. Công việc sáng tạo ra thế giới tinh thần của con người đã diễn ra qua chính cái ngọn lửa đẹp đẽ bùng cháy không tàn này.

Vì vậy, cái sinh lực đầy phấn chấn của đứa trẻ là điều lí giải cho các phép

lạ về sự chinh phục tự nhiên cần quan sát trong sự phát triển về tinh thần.

Vậy là, cái ta gọi bằng thuật ngữ “nhập thể” và các giai đoạn mẫn cảm có thể so sánh được với lỗ nhòm để nhìn vào các quá trình nội tại của trí tuệ đang thành hình, để chúng ta thấy thực sự các cơ quan bên trong đang làm việc và xác định sự phát triển tinh thần của đứa trẻ như thế nào.

Thế nên, chúng ta đã thấy rõ là sự phát triển tâm lí không xảy ra một cách ngẫu nhiên và không xuất phát từ các kích thích bên ngoài; nó được chỉ đạo bởi các nhạy cảm nhất thời, bởi các bản năng tạm thời kết nối với sự thụ đắc một số đặc điểm nào đó. Mặc dù sự phát triển này diễn ra bằng những phương tiện nằm ở thế giới bên ngoài, cái thế giới này không có tính xây dựng nào. Nó chỉ đơn thuần cung cấp những phương tiện cần thiết cho đời sống tinh thần, giống như cơ thể, do ăn và thở, tiếp thu từ môi trường bên ngoài những phương tiện cần thiết cho đời sống vật chất.

Những sự mẫn cảm nội tại, mà chúng tôi đã đề cập, quyết định sự chọn lọc những gì cần thiết từ một môi trường đa diện và chọn lọc những tình huống thuận lợi cho sự phát triển. Hướng dẫn này được thể hiện qua cách làm cho đứa trẻ chỉ nhạy cảm với một số điều nào đó, nhưng lại để nó thờ ơ với những thứ khác. Khi trẻ tỏ ra mẫn cảm với cái gì đó, lúc đó như thể có một ánh sáng đến từ đứa trẻ chỉ chiếu rọi vào cái đó mà không vào thứ gì khác, và từ những thứ đó mà thế giới của đứa trẻ được tạo thành. Nhưng đây không chỉ là vấn đề của một khát khao mãnh liệt tự đặt mình vào những hoàn cảnh nào đó, hoặc chỉ để hấp thu các nhân tố nào đó. Đứa trẻ có một khả năng đặc biệt, độc nhất khiến trẻ sử dụng những mẫn cảm này để lớn, bởi chính trong giai đoạn nhạy cảm mà trẻ thụ đắc một số khả năng tâm lí, như khả năng tự định hướng trong môi trường bên ngoài, và trở nên có khả năng kích hoạt các cơ quan vận động của nó với tất cả những cái đặc thù kín đáo và tinh tế của chúng.

Trong những mối quan hệ nhạy cảm này giữa đứa trẻ và môi trường của nó, ta có thể tìm ra chìa khóa dẫn đến ngõ ngách bí ẩn nơi phơi thai tinh thần hoàn tất các phép lạ của sự tăng trưởng.

Chúng ta có thể mừng rỡ được cái hoạt động sáng tạo này như một loạt cảm xúc nhiệt tình trời dậy từ tiềm thức, qua sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài mà xây dựng nên ý thức của con người. Bắt đầu từ sự hỗn độn, chúng đạt đến sự phân biệt rõ ràng, rồi tạo ra hoạt động, ví dụ như trong thành tựu về tiếng nói. Lúc đầu các âm thanh của môi trường thật lộn xộn và hỗn độn, không sao phân biệt được và bỗng nhiên chúng trở nên rõ ràng, quyen rũ, mê hoặc, những âm thanh riêng lẻ của một ngôn ngữ rõ ràng tuy vẫn chưa hiểu được, và trí tuệ, lúc ấy dù chưa có tư duy, nghe thấy một thứ âm nhạc ngập tràn thế giới. Rồi sau đó, chính các thớ thịt trong bản thân đứa bé được kích

động, không phải tất cả, mà chỉ những cái giờ đây phải đóng vai trò của chúng, dù trước đây vẫn ẩn tàng, chỉ rung lên qua những tiếng kêu lộn xộn vô nghĩa. Bây giờ chúng đã đánh thức trong một chuyển động đều đặn, có trật tự, thay đổi cách vang rung và do đó một nhịp độ và tiết tấu mới được chuẩn bị cho cái vũ trụ của phôi thai tinh thần. Nhưng chính nó đang sống mãnh liệt trong thì hiện tại và hoàn toàn tập trung vào hiện tại, chưa hề biết tới sự huy hoàng của bản thể tương lai của nó.

Dần dần, đôi tai nghe được âm thanh, cái lưỡi trước đây chỉ giữ vai trò bú mút cũng được kích hoạt theo động tác mới, bây giờ bắt đầu cảm thấy một rung động hướng nội và như thể có một lực khó cưỡng, lôi cuốn nó tìm kiếm cổ họng, đôi môi, gò má. Những rung động này là sự sống, nhưng chưa phục vụ một mục đích nào, chỉ đem đến niềm khoái lạc khôn tả.

Một giai đoạn mãn cảm đang hoạt động, một mệnh lệnh thần thánh đang thổi qua các vật bất động, kích hoạt chúng bằng sinh khí của tinh thần.

Vở diễn nội tại trong đời sống của đứa bé là một vở diễn về tình yêu. Tình yêu theo nghĩa rộng lớn nhất của nó là thực tại lớn lao duy nhất, biến hóa trong các hốc ẩn kín của tâm hồn và đôi lúc hoàn toàn tràn ngập tâm hồn. Những hoạt động kì diệu này không biến đi mà không để lại những dấu vết không phai mờ, qua đó con người sẽ thành kẻ vĩ đại hơn, và trao cho nó những đặc điểm cao quý hơn, sẽ đi theo nó suốt đời; tất cả đều đang diễn ra trong sự im lặng khiêm nhường.

Tất cả những điều này diễn ra lặng lẽ và không thể nhận thấy được, chừng nào các điều kiện môi trường bên ngoài còn phù hợp tương ứng với những nhu cầu nội tại của đứa trẻ. Chẳng hạn như trong trường hợp tiếng nói, đây là một trong những quá trình kích hoạt khó khăn nhất, tương ứng với giai đoạn nhạy cảm dài nhất, nó nằm tiềm ẩn vì đứa trẻ luôn được bao quanh bởi những người biết nói, và do đó họ cung cấp cho trẻ những yếu tố cần thiết cho thành tựu của nó. Dấu hiệu duy nhất bộc lộ ra bên ngoài cho thấy trạng thái mãn cảm của đứa bé là nụ cười của nó, là niềm vui rõ ràng nó bộc lộ ra khi chúng ta trực tiếp nói với trẻ bằng những từ ngắn, phát âm rõ ràng, để nó có thể phân biệt như ta phân biệt âm thanh của hồi chuông. Hoặc chúng ta thấy đứa trẻ trở nên yên tĩnh trong bình an hạnh phúc vào buổi tối khi có người lớn ca bài ru em, lặp đi lặp lại những từ giống nhau; chính trong trạng thái thích thú như thế mà trẻ rời thế giới ý thức để đi vào thế giới của giấc mộng. Bởi vì chúng ta biết rõ điều này nên chúng ta nói với đứa trẻ những lời dịu dàng ve vuốt để nhận được nụ cười đầy sức sống của nó; và đây là lí do tại sao từ thời xa xưa cha mẹ vào buổi tối lại đến bên con trẻ đang chờ đợi và đòi được nghe lời ca và tiếng nhạc với sự khẩn khoản của kẻ xin được an ủi khi sắp chết.

Đó là những bằng chứng tích cực về tính nhạy cảm sáng tạo của trẻ.

Nhưng cũng có những bằng chứng rõ ràng hơn, với ý nghĩa tiêu cực. Đó là những điều bộc lộ ra khi có những hoàn cảnh bên ngoài nào đó ngăn cản hoạt động bí ẩn nội tại của trẻ, gây nên những xáo trộn dữ dội và những méo mó dẫn đến những khiếm khuyết sẽ lưu lại suốt đời. Nếu đứa trẻ không có khả năng làm việc phù hợp với những hướng dẫn trong giai đoạn nhạy cảm của nó, thì có nghĩa là nó đã mất đi cơ hội chinh phục tự nhiên và sẽ mất hẳn cơ hội đó.

Khi có cái gì trong môi trường của nó cản trở hoạt động bên trong của nó, sự hiện hữu của một giai đoạn nhạy cảm được bộc lộ qua những phản ứng dữ dội, trong một nỗi tuyệt vọng ta nghĩ là vô cớ, và do đó bị xem là “ngỗ nghịch” và tính khí thất thường. Ngỗ nghịch là một biểu hiện của sự rối loạn bên trong hay của một nhu cầu không được thỏa mãn, một trạng thái căng thẳng; tâm hồn của trẻ lên tiếng khóc đòi cái nó cần, để tự vệ.

Điều này được bộc lộ qua sự gia tăng hoạt động vô ích và không ngừng nghỉ, tương tự cơn sốt cao thường hay xảy ra ở các em bé mà ta không biết được nguyên nhân, về mặt thể chất. Ta thường thấy trẻ em bị thân nhiệt cao đáng ngại khi bị bệnh nhẹ mà nếu ở trường hợp người lớn thì hầu như chẳng có chuyện gì, cơn sốt chợt đến rồi cũng chợt biến nhanh. Tương tự, ở lĩnh vực tâm lí, ta có thể thấy trạng thái kích động dữ dội xuất phát từ nguyên nhân cực nhỏ, tương ứng với sự nhạy cảm cực độ của đứa bé. Ai cũng từng biết về những phản ứng này, và thật vậy, những cơn nổi nóng thất thường của trẻ nhỏ hầu như từ lúc sinh ra đều được xem là bằng chứng của tính xấu bẩm sinh của bản chất con người. Tuy nhiên, nếu mỗi sự rối loạn chức năng được xem là bệnh về chức năng, chúng ta cũng phải gọi rối loạn tâm thần tác động cả đời người là bệnh về chức năng, cơn “ngỗ nghịch” đầu tiên của bé là cơn bệnh đầu tiên của tâm hồn một con người.

Những phản ứng dữ dội này đã được quan sát vì những sự kiện bệnh lí rõ ràng luôn là những cái đầu tiên được ta để ý đến ngay; không phải sự yên tĩnh mà chính sự mất yên tĩnh tự lộ ra như một vấn đề mà ta cần suy nghĩ. Những gì hiển nhiên nhất của thiên nhiên không phải là các quy luật của nó mà là các lệch lạc của thiên nhiên. Do vậy không ai để ý thấy các dấu hiệu bên ngoài khó nhận thấy của nhiệm vụ sáng tạo sự sống hay những chức năng tiếp theo làm công việc duy trì sự sống đó. Các sự kiện sáng tạo và bảo tồn đều bị giấu kín. Trong hoạt động của cơ thể, cơ chế của các cơ quan nội tạng thật sự kì diệu, nhưng không ai nhìn thấy hay để ý đến chúng. Ngay cả người được sống nhờ vào các cơ quan này cũng không nhận thức được sự sắp đặt lạ lùng của chúng. Thiên nhiên làm việc mà không hiển lộ, và ta gọi sự cân bằng hài hòa giữa các năng lượng tổng hợp là sức khỏe, là sự bình

thường. Sức khỏe! chuyện đơn giản, nhưng lại có nghĩa là sự chiến thắng trong từng chi tiết, là sự chiến thắng của mục đích đối với mọi nguyên nhân.

Chúng ta khách quan ghi nhận mọi chi tiết về căn bệnh mặc dù vẫn chưa hiểu biết đầy đủ những điều kì diệu của hiện tượng sức khỏe. Đúng là trong lịch sử y khoa, từ thời xa xưa nhất con người đã hiểu biết về bệnh tật. Chúng ta tìm được vết tích lưu lại của người tiền sử về cách trị bệnh bằng giải phẫu, trong khi nguồn gốc khoa y học đã có từ các nền văn minh của Hi Lạp và Ai cập. Nhưng khám phá về những chức năng của các cơ quan nội tạng thì mới có gần đây. Khám phá về tuần hoàn của máu là vào thế kỉ 17, còn cuộc giải phẫu đầu tiên trên cơ thể con người với mục đích tìm hiểu về cơ quan nội tạng của nó diễn ra vào năm 1600. Chính bệnh lí học, có nghĩa là bệnh tật, đã gián tiếp dẫn đến việc khám phá ra các bí ẩn của sinh lí học, hay của những chức năng bình thường.

Do đó, ta không nên ngạc nhiên khi người ta chỉ biết đến những chứng bệnh tâm thần của trẻ em, còn hoạt động bình thường của tâm hồn đứa trẻ thì vẫn bị che khuất hoàn toàn trong bóng tối. Và điều này càng dễ hiểu hơn do sự tinh tế cực kì của những chức năng tâm thần đó, chúng hoạt động trong bóng tối, trong bí mật, không thể biểu lộ ra ngoài.

Do đó, nói rằng người lớn chỉ biết về các rối loạn tâm lí của đứa trẻ mà không biết gì về sức khỏe tâm thần của nó sẽ gây sững sốt nhưng lại không vô lí. Tâm lí khỏe mạnh vẫn bị che khuất, giống như các lực khác trong vũ trụ vẫn cần được khám phá.

Nếu hẳn như vậy, một khi ta phải xem đứa bé là một trong những lực còn giấu kín, vẫn còn là điều bí mật đối với chúng ta, và nếu đời sống tinh thần của đứa trẻ phát triển trong tình trạng rối loạn chức năng và bệnh tật, thì hậu quả đương nhiên sẽ là một loạt méo mó dị dạng cùng với sự mù lòa, yếu ớt và ngừng phát triển. Đây không phải là chuyện tưởng tượng, mà chính là thực tại. Những nguyên nhân nho nhỏ xảy ra trong giai đoạn đầu của sự sống có thể dẫn đến sự chệch hướng nghiêm trọng; con người lớn lên và trưởng thành dưới một cái vẻ đặc trưng khác hẳn, không còn là chính nó nữa.

Sự chăm sóc cần thiết

Người lớn không trợ giúp bởi họ không hiểu những nỗ lực của trẻ, và do đó không nhận ra phép lạ đang diễn ra, phép lạ của sự sáng tạo từ cái gần như không có, như thể sự sáng tạo đang được thực hiện bởi một sinh thể không có đời sống tinh thần.

Nhờ quan niệm này mà chúng ta có được một phương cách cư xử mới đối với đứa trẻ vốn vẫn bị coi như là một cơ thể nhỏ sống lay lắt, có nhu cầu cấp

bách được chăm sóc về thể chất, và chỉ có thể. Ngày nay, điều ưu tiên trước nhất phải là một thái độ mong chờ các biểu hiện của trí tuệ: trong việc chăm sóc trẻ, chúng ta phải quan tâm không chỉ đến cái đang có mà còn phải chú ý đến cái sẽ có. Người lớn không được nhắm mắt trước cái thực tại tinh thần đang trong quá trình trở thành hiện thực dù là ở một đứa trẻ sơ sinh; người lớn phải theo dõi sự phát triển sơ khởi của bé và khuyến khích nó. Người lớn không cần phải giúp đỡ đứa bé tự thành hình, vì đó là việc của thiên nhiên, nhưng người lớn phải tỏ sự tôn trọng tể nhị đối với các biểu hiện của cái hiện thực tinh thần này, cung cấp cho nó cái nó cần nhưng không thể cung cấp cho sự hình thành của chính nó. Nói một cách ngắn gọn, người lớn phải tiếp tục cung cấp một môi trường thích hợp cho cái phôi thai tinh thần, giống như thiên nhiên dưới dạng người mẹ đã cung cấp một môi trường thích hợp cho cái phôi thai vật chất.

Để chứng minh sự hiện hữu của đời sống tinh thần trong đứa trẻ nhỏ bé nhất, chúng ta không cần đến các thí nghiệm khoa học, hiểu theo nghĩa tâm lý học thực nghiệm, như đã từng được tiến hành bởi một số nhà tâm lý học hiện đại khi họ tìm cách kích thích các giác quan của trẻ để thu hút sự chú ý của nó, họ mong sẽ thấy được các phản ứng vận động như thế và xem đó là dấu hiệu của một phản ứng tâm lý.

Trước hết, đây không phải là một điều có thể chứng minh, ngoại trừ ở một giai đoạn (đúng ra có thể xảy đến trong vòng năm đầu đời) khi một sự phối hợp tâm lý của các cơ quan của vận động đã được thiết lập, có nghĩa là, khi quá trình kích hoạt hay nhập thể đang diễn ra. Ấy thế nhưng nhất thiết phải có một sự sống tinh thần, dù là ở dạng phôi thai, cái sự sống tinh thần có trước bất cứ sự kích hoạt nào của vận động tùy ý, nói cho thật chính xác, đó là vì tinh thần đang kích hoạt động tác ấy.

Dạng thức kích hoạt sớm nhất được tạo ra bởi cảm xúc. Ví dụ, như Levine đã cho thấy trong các bộ phim về tâm lý, khi đứa trẻ muốn một vật nào, nó phóng cả cơ thể lao vào vật ấy, và phải một thời gian lâu hơn sau đó, khi đã có được sự phối hợp các cơ quan vận động, đứa trẻ mới có thể tách biệt hành động này với hành động khác, ví dụ như vươn tay đến món đồ nó muốn.

Một ví dụ khác có thể thấy ở bé bốn tháng tuổi, nó dán mắt vào đôi môi của một người đang nói và đôi môi nó biểu lộ những cử động mơ hồ, không âm thanh và đặc biệt là cái nhìn chăm chú trên gương mặt của bé, cho thấy bé hoàn toàn bị thu hút bởi hiện tượng thú vị trước mặt. Nhưng sau đó, chỉ sau sáu tháng, bé có thể bắt đầu phát ra một âm tiết, vậy là, trước khi đứa bé phát ra được những âm thanh rõ ràng, bé đã có một mối quan tâm mang tính xúc cảm rõ rệt, tích lũy âm thanh và bí mật chuẩn bị kích hoạt các cơ quan

phát âm; vậy là, trước khi hành động, trẻ đã bị một nhân tố kích hoạt. Những sự nhạy cảm này là đối tượng của quan sát chứ không phải của thí nghiệm. Thật ra, những thí nghiệm do các nhà tâm lý học thực nghiệm thực hiện kiểu như vậy có lẽ thuộc vào những loại tình huống bên ngoài, chúng có thể gây tổn hại cho sự lao động bí mật của tâm thần ở trẻ sơ sinh vì đã sử dụng những năng lượng xây dựng trước thời điểm sẽ cần đến.

Đời sống tâm thần của đứa trẻ phải được quan sát giống như Fabre đã quan sát côn trùng, đi tìm chúng trong môi trường tự nhiên của chúng, và ông đã ẩn mình để không tác động đến chúng. Và chúng ta cũng phải bắt đầu quan sát đứa trẻ trong thời gian khi các giác quan của trẻ, như các cơ quan cầm nắm, bắt đầu chụp lấy và tích lũy những ấn tượng có ý thức về thế giới bên ngoài; vì từ lúc đó, cũng bắt đầu nảy nở một cuộc sống tự phát theo môi trường bên ngoài của nó.

Để giúp trẻ, ta không cần phát triển năng lực quan sát tinh vi khác thường hay có khả năng lí giải được nó. Chỉ cần một điều đơn giản hơn: đó là một tâm hồn đã được chuẩn bị để trợ giúp cái trí tuệ ẩn tàng của đứa trẻ. Rồi chỉ cần có sự khôn ngoan thông thường là đủ để ta đi theo được nó.

Sự chăm sóc cần thiết vừa đơn giản lại thực tiễn, như tôi sẽ trình bày trong một vài ví dụ. Bắt đầu với một điều gì rất thông thường, người ta tin rằng vì đứa bé không thể ngồi dậy, nên bé phải luôn nằm thẳng. Và thế là các quan hệ giác quan đầu tiên của đứa bé với môi trường của nó là quan hệ với bầu trời hơn là với mặt đất, nhưng cảnh tượng bầu trời lại đúng là cái nó bị ngăn cản. Trong thực tế, trẻ nằm nhìn lên trần nhà của căn phòng, thường là có màu trắng và trơn nhẵn hoặc nhìn lên mũi của chiếc xe đẩy. Ấy thế nhưng chính qua thị giác mà các ấn tượng đầu tiên phải được tiếp thu để nuôi dưỡng cái linh hồn đói khát.

Những người quan niệm rằng đứa bé cần có cái để nhìn, đã nghĩ cách đặt các vật trước mặt bé, chứ không đem bé khỏi những điều kiện sai lầm đã tách biệt bé ra khỏi môi trường của nó. Bắt chước theo cách của các nhà tâm lý thực nghiệm, những người tốt bụng này sẽ treo một chuỗi quả bóng hay những đồ vật sặc sỡ trước cái nôi của bé. Em bé háo hức lĩnh hội hay đúng hơn là nó ngấu nghiến tiếp thu những hình ảnh từ môi trường của nó, bé đưa mắt dõi theo các trái bóng hay những món đồ chơi đang nhảy múa trước mặt, cơ thể bé cố vịn vẹo một cách không tự nhiên. Người lớn dùng một món quà nhân tạo, thô thiển về mặt hình thức lẫn vận động để áp đặt lên đứa bé và khiến chúng cố công cố sức tự tạo cho mình thành dị dạng. Thực ra, ta chỉ cần đặt đứa trẻ ở một nơi cao, trên một mặt phẳng hơi nghiêng, là đủ để trẻ có thể nhìn hết toàn cảnh, ít nhất là môi trường trong căn phòng của nó. Nhưng ta vẫn có thể đặt đứa trẻ theo cách đó trong khu vườn nơi hoa lá cây

cỏ lung linh và các con thú đang chạy nhảy tạo thành một quang cảnh sống động cho bé.

Các cảnh tượng cho em bé thám hiểm cần phải luôn giống như vậy trong một thời gian dài. Do nhìn thấy cũng những vật đó mà bé tập nhận ra chúng, luôn tìm thấy chúng ở cùng chỗ cũ, đồng thời bé học phân biệt được những chuyển động của những thứ đi chuyển do luồng không khí với các chuyển động của các sinh vật sống.

Định hướng qua trật tự

Một em bé mới một tháng tuổi chưa bao giờ ra khỏi nhà. Bảo mẫu của bé đang ôm bé trên đùi khi cha bé và một người chú sống trong nhà *cùng lúc* xuất hiện trước mặt bé. Cả hai người cao gần như nhau và cùng tuổi tác. Lúc đầu, bé nhìn sững sờ và gần như sợ hãi, cả hai đều ở trước mặt bé, nhưng đứng riêng, người đi về bên phải, người đi về bên trái. Em bé quay đầu chăm chú nhìn một trong hai người với vẻ lo lắng rõ rệt, và sau khi nhìn ông hồi lâu bé mỉm cười. Nhưng bỗng nhiên, nét mặt bé lại lộ vẻ lo âu, rồi thậm chí, bé tỏ ra sợ hãi. Với một động tác chớp nhoáng, bé quay đầu nhìn sang người kia, và sau khi nhìn một lúc, bé lại mỉm cười. Bé tiếp tục chuyển từ trạng thái lo âu sang mỉm cười gần hai mươi lần trước khi có một thứ ánh sáng vụt hiện trong bộ óc nhỏ bé của nó, và bé hiểu ra là có *hai ông*. Họ là những người đàn ông duy nhất mà bé đã thấy. Cả hai đều tíu tít vì bé, cho bé ăn, và nói lời trìu mến với bé, và bé đã hiểu ra việc có một kiểu người khác ngoài bà mẹ, bảo mẫu, và những người đàn bà khác mà bé đã có dịp để ý, nhưng chưa bao giờ thấy hai người đàn ông cùng một lúc, rõ ràng là trong đầu bé chỉ có *một* ông. Do đó, bé sợ vì bỗng nhiên nhận thấy rằng cái con người mà bé đã cố gắng phân loại từ đám hỗn độn kia đã biến thành hai người.

Một đặc điểm của trẻ nhỏ là tình yêu trật tự. Các trẻ một tuổi rưỡi hay hai tuổi đã bộc lộ rõ ràng cái đã bộc lộ một cách mơ hồ từ trước đó; các bé cần sự trật tự trong môi trường xung quanh mình. Tình yêu trật tự này không thể so sánh được với điều người nội trợ tốt đã tuyên bố, “Tôi yêu cái nhà của tôi, tôi muốn nó phải luôn ngăn nắp”. Bà chỉ nói, nhưng em bé thì không thể sống trong hỗn loạn. Sự mất trật tự gây quấy rầy, xáo trộn cho đứa trẻ, và bé có thể bộc lộ nỗi đau khổ của mình bằng những tiếng khóc tuyệt vọng, hay một xáo động đôi khi như là cơn bệnh. Đứa bé nhận ra ngay lập tức có sự mất trật tự, điều mà người lớn và các trẻ em lớn hơn không để ý và nhận ra. Rõ ràng trật tự trong môi trường bên ngoài ảnh hưởng tới sự mãn cảm của bé rồi sẽ biến mất khi bé lớn lên. Vậy thì, đây đích thực là một trong những sự mãn cảm có tính giai đoạn đặc thù ở các sinh vật đang trong quá trình phát triển và ta gọi là “giai đoạn mãn cảm”; đây là một trong những giai đoạn

quan trọng và bí ẩn nhất.

Sẽ có vẻ bất thường và lạ lùng khi ta nói trẻ trải qua một giai đoạn nhạy cảm về trật tự bên ngoài, trong khi mọi người đều tin rằng trẻ em đương nhiên là bừa bãi. Lí do của điều mâu thuẫn này nằm trong sự kiện là bé không thể bộc lộ hết mình trong một môi trường không phải của chính nó, mà kẻ làm chủ môi trường là một người lớn mạnh hơn bé song lại không hiểu được bé, rồi với cách suy nghĩ của họ, họ lại cho bé là một sinh vật có tính khí thất thường. Nhưng chúng ta đã chẳng thường thấy một em bé khóc một cách vô vọng, không rõ lí do, hay như ta nói là do tính khí thất thường hay sao? Chúng ta đã chẳng thường thấy một em bé khóc mà không gì dỗ nín được hay sao? Trong tâm hồn của em bé, có những bí ẩn vẫn còn giấu kín đối với người lớn.

Nhưng chỉ cần một gợi ý nho nhỏ, một lời hướng dẫn về sự hiện hữu của các nhu cầu bí mật này, để người lớn nhận ra chúng thì họ sẽ thấy tâm hồn của trẻ thơ bộc lộ các bí ẩn đó như thế nào.

Trong trường chúng tôi, nếu có vật gì đặt không đúng chỗ, chính đứa trẻ hai tuổi sẽ nhận ra và để nó lại đúng chỗ. Điều này không xảy ra thường xuyên, vì theo lệ, trẻ hai tuổi không đến trường. Trẻ em phải cần tập thói quen, giữ mọi thứ ở đúng chỗ của nó, như ở trường chúng tôi, nơi tất cả những thứ thừa thãi đều bị loại bỏ. Chưa kể là để bộc lộ các xu hướng đó, trẻ em phải được tự do.

Khá đông công chúng đã có thể quan sát hiện tượng như thế ở lớp học mẫu trong tòa nhà Trung tâm Triển lãm San Francisco vào năm khai trương Kênh đào Panama (1917). Có một đứa bé hai tuổi, sau giờ học, đã đem tất cả các ghế ngồi đặt lại vị trí của chúng dọc theo tường. Nó có vẻ như đang suy nghĩ trong lúc làm việc. Một ngày kia, đứng tựa vào một cái ghế to, nó có vẻ do dự, nó bỏ đi chỗ khác rồi trở lại đặt chiếc ghế ấy ra xa các ghế còn lại; ở đây, đúng là vị trí thường đặt cái ghế lớn. Một lần khác, một đứa bé lớn hơn, khoảng bốn tuổi, khi rót nước từ một bình đựng sang bình đựng khác, làm rơi vài giọt trên nền nhà mà không để ý thấy. Một đứa bé tí hon đã lấy một miếng giẻ, ngồi xuống nền nhà và lau các giọt nước vừa rơi; đứa lớn không hề chú ý đến. Khi nước ngừng rơi, đứa nhỏ hỏi, “Không còn nữa hả?”

“Còn cái gì?”, đứa lớn ngạc nhiên hỏi.

Nhưng nếu môi trường không được chuẩn bị và em bé thấy mình đang ở giữa các người lớn, các biểu hiện thú vị từng xảy ra thật bình yên này, có lẽ sẽ trở thành một tình trạng khổ sở, một điều khó hiểu, hay một sự nghịch ngợm.

Để có thể bất ngờ gây ra một biểu hiện tích cực về nhạy cảm này ở trẻ sơ

sinh, như biểu hiện niềm vui và phấn chấn khi nhu cầu của trẻ được thỏa mãn, người lớn cần tìm hiểu khía cạnh này của tâm lí trẻ và hơn thế nữa cần lưu ý rằng giai đoạn mãn cảm với trật tự tự bộc lộ trong những tháng đầu tiên của cuộc đời. Chỉ có các bảo mẫu được đào tạo theo các quy tắc của chúng tôi mới có thể đưa ra các dẫn chứng về điều này. Tôi có thể đưa ra ví dụ của một bảo mẫu đã quan sát được điều ấy khi cô đẩy một bé gái năm tháng tuổi trong xe đi chậm chậm trong phạm vi căn nhà, bé tỏ vẻ quan tâm đặc biệt và vui thích khi thấy một tấm đá cẩm thạch trắng ghép trên bức tường xám cũ kĩ. Mặc dù trên mặt đất có nhiều bông hoa xinh đẹp, bé luôn tỏ ra hào hứng và hài lòng khi xe đến gần tấm đá cẩm thạch. Do đó, mỗi ngày người bảo mẫu ngừng xe ngay trước đó, mặc dù ai cũng nghĩ rằng với một đứa trẻ sơ sinh thì tấm đá đó có lẽ là thứ cuối cùng có thể đem đến niềm thích thú thường trực cho nó.

Mặt khác, có những cản trở mà qua đó ta dễ nhận thấy sự hiện hữu của một giai đoạn mãn cảm; có lẽ đa số các trường hợp giận dữ ở lứa tuổi quá nhỏ xuất phát từ những sự mãn cảm này.

Tôi sẽ đưa ra vài ví dụ rút từ đời sống thực. Đây là chuyện xảy ra trong một gia đình nhỏ. Em bé trong câu chuyện, chỉ mới vài tháng tuổi, quen nằm trên một cái giường cao, đặt nghiêng, để có thể nhìn thấy toàn bộ môi trường trong căn phòng của nó. Phòng của bé không sơn màu trắng thông thường, có thể lau rửa đúng nguyên tắc vệ sinh vật lí; phòng này của em sạch sẽ về mặt tâm lí. Có những tấm bảng màu trên cửa sổ, có bàn ghế xinh xắn, có hoa và còn có một chiếc bàn có khăn trải màu vàng, trên đặt một chậu cây. Một bữa nọ, có một người khách đến và đặt chiếc dù của bà lên bàn. Bé trở nên kích động, chắc chắn chiếc dù phải là lí do, vì sau khi chăm chú nhìn chiếc dù đó, bé bắt đầu khóc. Người phụ nữ nghĩ rằng bé muốn chiếc dù, nên cầm lên và đưa cho bé, nhưng đứa bé đẩy nó ra. Chiếc dù được đặt trở lại trên bàn và bảo mẫu nhẹ nhàng ẵm bé đến đó và đặt bé trên bàn, gần chiếc dù, nhưng bé vẫn khóc và càng chống cự lại. Người không rành sẽ coi phản ứng này là một trong những cơn giận dữ quá sớm từ lúc sinh ra. Nhưng mẹ của bé, nhờ có chút hiểu biết về các triệu chứng tâm lí trẻ sơ sinh, đã lấy chiếc dù khỏi bàn và mang nó ra khỏi căn phòng. Bé lập tức trở nên bình tĩnh. Nguyên nhân kích động của bé là chiếc dù trên bàn không ở đúng chỗ và điều này gây xáo trộn dữ dội trong hình ảnh thông thường của vị trí các đồ vật trong trật tự mà đứa bé cần nhớ.

Sau đây là một ví dụ khác. Trong trường hợp này đứa bé lớn hơn nhiều, khoảng một tuổi rưỡi, và bản thân tôi cũng đóng một vai tích cực trong cảnh này.

Một ngày nọ, tôi cùng một nhóm người đi băng qua bang Nero ở Naples.

Một phụ nữ trẻ dẫn theo đứa con quá nhỏ để có thể đi bộ hết đoạn đường hầm chạy xuyên một ngọn đồi. Bé khoảng một tuổi rưỡi.

Đúng là sau một lúc thì bé thấy mệt mỏi và đòi mẹ bế nhưng cô ấy đã lượng quá sức lực của mình. Người phụ nữ thấy nóng, nên dừng lại để cởi áo khoác rồi vắt nó lên tay, thế là tay cô vướng víu với chiếc áo này, cô nhắc đứa bé lên, lúc này bé bắt đầu khóc, và tiếng kêu gào càng lúc càng lớn. Mẹ bé cố gắng đỡ dành bé trong vô vọng. Tiếng ồn ào khiến mọi người trong nhóm trở nên khó chịu và đương nhiên họ giúp bế đứa bé. Đứa bé được chuyển từ cánh tay này qua cánh tay khác, nó chống cự, la hét và mọi người đỡ dành nó, la mắng nó nhưng điều này chỉ làm tình trạng tồi tệ hơn.

Có vẻ rồi thì mẹ của bé vẫn phải bế nó, nhưng bây giờ bé đã đến mức bị coi rõ ràng là hư đốn, và tình trạng dường như không thể giải quyết được. Đến nỗi người hướng dẫn phải la lên, “Bà ơi, sao chồng bà lại có thể để bà đi một mình với đứa bé như vậy? Đưa nó cho tôi!”. Rồi ông ta nắm lấy đứa bé trong đôi tay vững chắc với vẻ nghiêm trọng kiên quyết, nhưng khi đó đứa bé càng chống cự dữ dội.

Tôi nghĩ đến bí ẩn của trẻ sơ sinh và nghĩ rằng các phản ứng của trẻ phải luôn có một nguyên do. Tôi đến bên mẹ của bé và nói với cô ấy: “Tôi có thể giúp cô mặc lại áo khoác được không?”, cô ấy nhìn tôi kinh ngạc vì cô vẫn còn thấy nóng; nhưng đang lúc bối rối, cô nhượng bộ và để tôi giúp mặc lại áo khoác. Đứa bé lập tức lảng đi, những giọt nước mắt và sự kích động biến mất, bé nói, “Mẹ, áo khoác lên”, như thể nó muốn nói “Đúng, mẹ à, áo khoác là để mặc”, tựa như còn có ngụ ý rằng “Thế là mẹ đã hiểu con.”, và bé đưa tay về phía mẹ với nụ cười, chuyển hành trình kết thúc hoàn toàn êm đẹp. Áo khoác là để mặc và không phải để vắt như một miếng giẻ trên tay, và sự luộm thuộm của người mẹ đã tác động đến đứa bé như một xáo trộn gây bức bối.

Tôi có mặt trong một cảnh có ý nghĩa soi sáng nhất, với một gia đình khác. Một người phụ nữ đau ốm, đang ngồi hay đứng hơn là đang ngã mình trên một chiếc ghế bành, nơi bảo mẫu đã đặt hai cái gối, và đứa con gái nhỏ của cô, mới hai mươi tháng, đứng bên và đòi cô kể một “câu chuyện”. Người mẹ nào có thể từ chối một lời yêu cầu như thế? Dù cảm thấy không khỏe, người phụ nữ bắt đầu kể một mẫu chuyện được bé theo dõi vô cùng chăm chú. Nhưng mẹ của bé thấy đau đến nỗi không thể tiếp tục. Cô phải ngồi dậy và yêu cầu giúp cô vào giường ở phòng bên cạnh. Bé gái nhỏ khóc, nó bám vào cái ghế, mọi người nghĩ rằng bé khóc là tự nhiên vì sợ và lo buồn cho cơn bệnh của mẹ, họ cố đỡ dành bé. Nhưng khi người bảo mẫu muốn lấy hai cái gối từ ghế để mang vào phòng bên kia, bé bắt đầu thét lên, “Không, không phải mấy cái gối...” Dường như bé đang cố nói, “Ít nhất cái gì cũng

phải ở lại đúng vị trí của nó!”

Mọi người âu yếm và nói lời an ủi đưa bé đến bên giường mẹ, và bắt chấp con đau, mẹ nó cố gắng tiếp tục kể câu chuyện, nghĩ rằng như vậy có thể dỗ dành được bé. Nhưng bé vẫn nức nở, mặt đầm đìa nước mắt, bé nói liên tục “Mẹ ơi, cái ghê!”

Bé không còn hứng thú với câu chuyện, cả mẹ và mấy cái gối đều thay đổi vị trí, câu chuyện đã bắt đầu ở phòng này nhưng lại kết thúc ở phòng khác và mâu thuẫn trong đầu óc của đứa bé quả thật sâu sắc và không thể giải tỏa được.

Những ví dụ này cho thấy sự mãnh liệt của bản năng về trật tự và sự phát triển sớm đến mức đáng ngạc nhiên của đứa trẻ, ở đứa trẻ ba tuổi, nhu cầu về trật tự đã đi vào giai đoạn tĩnh lặng, hợp nhất với giai đoạn yên tĩnh và năng động về mặt thực hành ứng dụng của nó. Thật vậy, một trong những hiện tượng thú vị nhất trong các trường học của chúng tôi, như chúng tôi đã nói, là nếu vật nào nằm sai vị trí, chính đứa trẻ hai tuổi sẽ nhận thấy và đặt nó về chỗ cũ. Đứa trẻ cảm nhận được những chi tiết nhỏ nhất về sự xáo trộn, nằm ngoài sự chú ý của người lớn và thậm chí của trẻ lớn hơn. Chẳng hạn, nếu một mẫu xà phòng nằm trên bồn rửa thay vì trong đĩa đựng xà phòng, hay chiếc ghế đặt không ngay ngắn hoặc sai chỗ, chính đứa bé hai tuổi sẽ nhìn thấy và đặt nó lại đúng vị trí. Sự bất trật tự dường như đem đến một kích động, một lời kêu gọi sinh động, nhưng hơn thế, việc đặt mọi vật trật tự đem lại niềm vui thật sự. Thật vậy, chúng tôi nhận thấy ở trường ngay cả những đứa trẻ lớn hơn, đã ba hay bốn tuổi, sau khi kết thúc một trò chơi hay bài học, sẽ đặt mọi thứ trở lại vị trí, và công việc này rõ ràng là tự phát và thú vị như bao việc khác.

Trật tự là mọi vật ở đúng chỗ của chúng. Điều đó có nghĩa là trẻ đã nhận biết cách sắp xếp mọi vật xung quanh và ghi nhớ đúng vị trí của mỗi vật. Điều này có nghĩa là trẻ có thể tự định hướng trong môi trường của mình và nắm rõ môi trường đó đến từng chi tiết. Chúng ta làm chủ một môi trường trong trí óc khi chúng ta biết rõ nó và có thể nhắm mắt tìm ra lỗi đi và tìm ra mọi thứ mình muốn trong tầm tay. Một nơi như vậy là thiết yếu cho sự bình an và hạnh phúc trong cuộc sống.

Đơn giản là *tình yêu trật tự* của trẻ không giống như cái người lớn hiểu qua câu chữ. Ở một độ tuổi nào đó, nó là nhu cầu thiết yếu cho sự sống, ở đó sự xáo trộn gây đau đớn, tạo ra một vết thương trong thẳm sâu linh hồn, như thể trẻ có thể nói, “Con không thể sống trừ phi có trật tự quanh con.” Thật vậy, đây là một vấn đề sống còn. Đối với người lớn, nó chỉ là một vấn đề thú vị bên ngoài, hoặc tiện nghi ít nhiều thoải mái, một chuyện không quan trọng. Nhưng trẻ nhỏ lại tự *tạo ra* chính bản thân nó từ các yếu tố của môi

trường của nó, và sự tự tạo ra bản thân này không thể hoàn tất với những công thức mơ hồ, mà phải đi theo một sự hướng dẫn chính xác và xác định. Sự hướng dẫn của thiên nhiên áp đặt một chương trình và thời gian biểu phải tuân theo bởi một kỉ luật độc đáo trong đó sức khỏe và bệnh tật, sự sống và cái chết đều có vai trò của chúng. Đối với đứa trẻ nhỏ bé, trật tự giống như một mặt bằng nơi các sinh vật trên mặt đất nghỉ ngơi nếu chúng muốn tiến tới, như nước đối với cá. Điều cần thiết là từ thuở còn thơ, đứa trẻ phải thụ đắc những *yếu tố về định hướng* trong môi trường nơi mà tâm hồn nó phải tiến tới những cuộc chinh phục mới.

Những đặc tính của niềm đam mê trật tự này được bộc lộ ra qua các trò chơi của con trẻ. Giáo sư Piaget, nhà tâm lí học Thụy Sĩ, người giữ chức vụ mà Giáo sư Claparède đã đảm nhiệm trước đó ở Geneva, đã làm những thí nghiệm lí thú với đứa con mình. Ông giấu một vật dưới tấm đệm của một chiếc ghế bành, và sau khi đưa bé ra khỏi phòng, ông lấy vật đó và đặt nó dưới tấm đệm của một chiếc ghế khác đối diện với chiếc ghế đầu tiên. Ý của giáo sư là bé sẽ đi tìm món đồ sau khi bé không tìm thấy ở chỗ ban đầu, và để cho sự tìm kiếm dễ dàng hơn, ông đã giấu nó ở một chỗ tương tự. Nhưng đứa bé chỉ đơn thuần giở tấm đệm của chiếc ghế thứ nhất và nói với ngôn ngữ trẻ thơ “*Hồng có ở đó*”. Phản ứng mà ông dự đoán là bé sẽ tìm kiếm cái vật bị biến mất đã không xảy ra sau đó. Giáo sư lặp lại thí nghiệm, nhưng lần này cho bé thấy ông mang đồ vật từ ghế này sang ghế kia. Nhưng cậu bé làm giống hệt lần trước và cũng nói “*Hồng có ở đó*”. Vị giáo sư sắp sửa kết luận là con trai mình ngu ngốc và gần như mất kiên nhẫn, ông giở tấm đệm của chiếc ghế thứ hai và nói, “*Con không thấy bố để nó ở đây à?*”. “*Đúng*” đứa bé trả lời, và sau đó chỉ vào chiếc ghế thứ nhất bé nói, “*Nhưng nó phải ở đây*”.

Đứa trẻ không có ý niệm về việc tìm đồ vật, nó không quan tâm đến chuyện này, cái nó quan tâm là món đồ phải trở về đúng nơi của nó, và có lẽ chính bé sẽ kết luận là vị giáo sư không hiểu trò chơi. Trò chơi không phải là đem vật gì đi rồi đặt nó lại vào đúng vị trí của nó hay sao? Đem “*giấu*” theo ý người bố chỉ có nghĩa là giấu vật đó khỏi tầm mắt, dưới tấm đệm. Nhưng nếu không đặt món đồ trở lại chỗ cũ, thì đâu còn là trò chơi?

Tôi cũng đã từng kinh ngạc khi theo dõi mấy đứa trẻ rất nhỏ (từ hai đến ba tuổi) chơi trò đi trốn-đi tìm. Trong những trò chơi kiểu này, trẻ em luôn hào hứng, sung sướng, và tràn đầy mong đợi. Chúng đã chơi như thế này: Một bé, trước mặt các bé khác, núp dưới một cái bàn được phủ tấm khăn trải kín đến tận sàn nhà. Sau đó, tất cả các bé khác đi ra rồi trở vào và giở tấm khăn bàn lên với những tiếng hét vui mừng như thể chúng đã vừa phát hiện ra bạn mình núp dưới đó. Trò chơi được lặp đi lặp lại. Chúng thay phiên

nhau nói, “Bây giờ tớ sẽ trốn”, rồi chui xuống dưới tấm khăn trải bàn. Một dịp khác tôi thấy các bé lớn hơn chơi trò trốn tìm với một bé nhỏ. Chúng để đứa nhỏ giấu mình sau một đồ nội thất, rồi trở lại, giả vờ như không thấy bé và đi tìm kiếm khắp mọi nơi. Nhưng đứa bé kêu lên, “Em ở đây”, bằng giọng điệu rõ ràng như muốn nói rằng “Các anh chị không thấy em ở đây sao?”.

Một lần, tôi đã tham gia vào một trò chơi tương tự. Tôi thấy một nhóm các bé nhỏ đang hò hét và vỗ tay trong niềm hân hoan vì chúng tìm thấy bạn mình trốn sau cánh cửa. Chúng vây quanh tôi và nói “Chơi với chúng con đi, cô trốn đi”. Tôi chấp nhận lời mời, và tất cả chúng chạy khỏi phòng như thể không muốn nhìn thấy nơi tôi sẽ trốn. Thay vì đứng sau cánh cửa, tôi trốn trong một góc tối sau tủ áo. Khi các bé trở vào, tất cả đều chạy tìm tôi phía sau cánh cửa. Tôi chờ một lúc và, cuối cùng, thấy rằng chúng sẽ không tìm tôi, tôi bước ra khỏi chỗ trốn. Các bé đều thất vọng và thiếu nã. “Tại sao cô không chơi với chúng con?”, chúng trách móc, “Tại sao cô không trốn?”.

Nếu mục đích của trò chơi là sự vui sướng (và đúng là trẻ hoàn toàn vui vẻ trong việc lặp lại nghi thức “ngớ ngẩn” của chúng), phải thừa nhận rằng ở một lứa tuổi nào đó, trẻ có thú vui đặc biệt trong việc tìm lại các món đồ ở nơi chúng đã được đặt trước đó, “Giấu” đối với trẻ là đặt cái gì ra khỏi tầm mắt, còn tìm thấy lại nó, đem đến một cảm giác về trật tự không chỉ trong cái có thể thấy được mà còn ở trong cái không thể thấy, để trẻ có thể tự nói với mình, “Bạn không thể nhìn thấy nó, nhưng tôi biết nó ở đâu và nhắm mắt cũng có thể tìm thấy, biết chắc nơi nó đã được đặt”.

Thiên nhiên phú cho trẻ nhỏ sự nhạy cảm với trật tự, dựng lên bởi một giác quan bên trong là một giác quan không phải để phân biệt các vật mà để phân biệt mối quan hệ giữa các vật, để nó nhận thức môi trường như một tổng thể với những thành phần phụ thuộc lẫn nhau. Chỉ trong một môi trường được biết đến như một tổng thể như vậy, đứa trẻ mới có thể tự mình định hướng và hành động có mục đích; không có nó, trẻ sẽ không có một nền tảng để xây dựng cái nhận thức về quan hệ của nó. Điều này giống như có đồ đạc mà không có căn nhà để xếp vào. Có ích gì khi tích lũy những hình ảnh bên ngoài không có trật tự để đưa chúng vào mối quan hệ có tổ chức. Nếu một người chỉ biết các vật riêng lẻ mà không hiểu mối quan hệ giữa chúng, họ sẽ như ở trong một tình trạng hỗn độn không thể thoát ra. Chính nhờ lao động vất vả của đứa trẻ mà con người có được khả năng tìm ra lối đi trong thế giới, điều tưởng như là quà tặng của thiên nhiên để con người tự mình định hướng. Trong giai đoạn mẫn cảm về trật tự, thiên nhiên dạy bài học đầu tiên theo cách giáo viên sẽ chỉ cho đứa trẻ sơ đồ lớp học để chuẩn bị cho nó học bản đồ địa lí. Ta cũng có thể nói rằng qua bài học đầu tiên này, thiên nhiên đã cho con người chiếc la bàn để tự định hướng trong thế giới. Cũng theo cách này, tự nhiên trao cho đứa trẻ năng lực lặp lại chính xác những âm

thanh cấu tạo nên ngôn ngữ, cái ngôn ngữ có thể phát triển đến vô tận và được con người phát triển qua các thời đại. Trí tuệ của con người không phải nảy sinh từ con số không; nó được hình thành dựa trên các nền tảng mà trẻ xây dựng trong những giai đoạn mãn cảm của chúng.

Định hướng vào bên trong

Nhạy cảm về trật tự của đứa trẻ xảy ra cùng một lúc trên hai phương diện, cái hướng ra bên ngoài (*cái ngoại tại* - ND) liên quan đến các thành phần thuộc về môi trường của trẻ, cái hướng vào bên trong (*cái nội tại* - ND) khiến trẻ nhận thức được những phần cơ thể của mình, các cử động và vị trí của chúng. Phương diện thứ hai này có thể gọi là sự định hướng nội tại của trẻ.

Đã có nhiều đề tài nghiên cứu định hướng nội tại này. Các nhà tâm lý học thực nghiệm đề cập đến một cảm giác cơ bắp cho phép đứa trẻ ý thức được những vị trí của các chi khác nhau và ấn định một dạng trí nhớ đặc biệt: trí nhớ cơ bắp. Lối giải thích này trở thành cơ sở của một lý thuyết hoàn toàn máy móc, dựa trên kinh nghiệm của những cử động có ý thức. Chẳng hạn, nếu ta cử động bàn tay để nắm lấy một vật gì, ta có ý thức về động tác đó, ghi nhớ và có thể lặp lại.

Nhưng ngược lại, đứa trẻ đã chứng minh là có một giai đoạn nhạy cảm rất phát triển, liên quan đến những vị trí khác nhau của cơ thể từ lâu trước khi nó có thể di chuyển tự do và làm bất cứ thí nghiệm nào. Nói cách khác, tự nhiên đã trang bị cho trẻ sự nhạy cảm đặc biệt đối với các khả năng và vị trí của cơ thể.

Những học thuyết cũ trước đây dựa vào cơ chế thần kinh; nhưng những giai đoạn nhạy cảm lại liên quan tới những sự kiện tâm lý, những bùng nổ tâm linh và những “rung động”, chuẩn bị cho sự xuất hiện của ý thức, chúng là những năng lượng xuất phát từ “cái không hiện hữu”, đem lại sự hiện hữu của các yếu tố cơ bản mà từ đó thế giới tinh thần của trẻ cuối cùng được xây dựng. Những khả năng này khởi thủy là món quà của thiên nhiên, và các thử nghiệm có ý thức chỉ làm chúng phát triển thêm mà thôi.

Có những bằng chứng tiêu cực cho thấy giai đoạn mãn cảm này không những tồn tại mà biểu hiện mãnh liệt của nó, trong các điều kiện môi trường của đứa trẻ, còn cản trở sự tiến triển âm thầm của đứa trẻ trong các chinh phục sáng tạo của nó. Khi đó, đứa trẻ trở thành nạn nhân của sự xáo động gay gắt và thường là dữ dội được bộc phát không chỉ qua các cơn giận dữ, la khóc, đứa trẻ có vẻ như đang bị bệnh một khi các tình huống bất lợi không được dẹp bỏ, trong khi, ngay lúc vật cản được tháo gỡ thì cả cơn giận dữ và

bệnh tật đều biến mất, đây là một bằng chứng rõ ràng về nguyên nhân của hiện tượng bất thường.

Một cô bảo mẫu người Anh đã kể cho tôi một ví dụ thú vị về điều này. Cô phải nghỉ phép ngắn hạn, tạm xa cái gia đình đã thuê cô. Cô tìm được người bảo mẫu thay thế cũng khéo léo như cô để chăm sóc em bé. Mọi việc diễn ra thuận lợi cho cô bảo mẫu sau, cho tới khi cô này tắm cho em bé. Đứa bé trở nên khó bảo. Không những la hét, nó còn chống cự để thoát khỏi vòng tay người bảo mẫu. Còn người bảo mẫu thì vẫn cố gắng hết sức để chuẩn bị cho các lần tắm cho em bé, nhưng vô ích. Dần dần, đứa bé không còn muốn nhìn thấy cô. Khi người bảo mẫu đầu tiên trở về, bé lại hoàn toàn ngoan ngoãn và yên lặng, có vẻ thích thú với việc tắm rửa. Người bảo mẫu này đã được đào tạo theo các nguyên tắc của chúng tôi, do đó có hứng thú trong việc khám phá yếu tố tâm lí, trong việc tìm hiểu bí ẩn nào của tuổi thơ có thể giải thích cho hiện tượng đã xảy ra. Cô kiên nhẫn thử diễn giải những “lời nói” chưa hoàn chỉnh của em bé còn nhỏ như vậy. Cô phát hiện ra hai điều: Đứa trẻ sơ sinh coi người bảo mẫu thứ hai là *xấu*, nhưng tại sao? Bởi cô ấy cho bé tắm theo trình tự ngược lại. Hai người bảo mẫu, khi so sánh cách họ tắm cho bé đã phát hiện rằng trong khi người thứ nhất đỡ đầu của bé bằng tay phải và tay trái để gần chân của bé, người bảo mẫu thứ hai làm ngược lại. Cách làm đó khiến bé có cảm tưởng là đầu của bé sẽ được tắm vào lúc cuối trong khi nó đã quen rằng chân mới là phần cuối.

Có lần tôi có liên can đến một trường hợp bệnh lí. Lần ấy, tôi không được trực tiếp mời đến với tư cách là bác sĩ, nhưng tôi chứng kiến mọi việc xảy ra. Một gia đình vừa trở về sau một chuyến đi rất dài và một trong các đứa trẻ quá nhỏ không chịu nổi sự mệt mỏi, hay đúng hơn những người lớn cho rằng như vậy. Tuy nhiên, mẹ của bé nói mọi việc trong cuộc hành trình đều ổn. Họ nghỉ đêm ở các khách sạn rất tốt, mọi sự đã được sắp xếp cho họ, bé có thức ăn và nôi phù hợp. Họ hiện đang sống tại một căn hộ có tiện nghi; không có nôi nhưng em bé ngủ trong một chiếc giường rộng với mẹ. Bệnh khởi phát với tình trạng bé lăn lộn mất ngủ về đêm và bị rối loạn tiêu hóa. Đêm đến, bé phải được bế lên đi tới đi lui, bởi người ta nghĩ bé khóc là do đau bụng, các bác sĩ chuyên gia được tham vấn và một người kê đơn cho bé ăn những món ăn mới giàu vitamin, được nấu rất kĩ lưỡng. Rồi còn tắm nắng, ra ngoài với khí trời trong lành, song mọi cách điều trị tận tâm đều không hiệu quả. Tình trạng của bé ngày thêm trầm trọng và đêm đến là những buổi canh thức vô vọng cho cả gia đình. Cuối cùng, bé bị những cơn co giật. Bé lăn lộn trên giường trong những cơn co giật đáng ngại. Những cơn co giật này xảy ra hai đến ba lần một ngày. Bé còn quá nhỏ chưa biết nói, nên rất cần sự trợ giúp để tìm ra nguyên nhân. Họ quyết định tham vấn một trong các chuyên gia nổi tiếng nhất về bệnh thần kinh ở trẻ. Lúc ấy, tôi

mới can thiệp. Đứa bé trông khỏe mạnh, và theo như lời cha mẹ của nó, bé có sức khỏe tốt và không quấy trong suốt chuyến đi. Do đó nguyên nhân của các triệu chứng có lẽ là về tâm lý - một trong những bí ẩn của trẻ sơ sinh. Bỗng nhiên tôi có một hành động theo trực giác. Đứa bé đang nằm trên một cái giường lớn, trong cơn xáo động. Tôi lấy hai cái ghế bành và đặt chúng đối diện nhau với hai thành ghế là vách giống một *chiếc nôi*; tôi đặt chân và tấm trải vào, và lẳng lặng kéo nó đến cạnh *chiếc nôi*. Em bé nhìn nó, ngừng khóc, *lăn trườn* cho đến mép giường, và sau đó thả mình xuống *chiếc nôi* tôi vừa chế ra, miệng nói, “Ulla, ulla, ulla!”^[1]. Và bé ngủ ngay lập tức. Các triệu chứng bệnh không xảy ra nữa. Bé đã theo cách của mình, phản đối lại một sự xáo trộn khủng khiếp là người ta đã lấy đi chiếc nôi của bé và đặt bé vào cái giường lớn của người lớn.

Rõ ràng đứa bé tỏ ra nhạy cảm khi tiếp xúc với chiếc giường nhỏ, bao bọc lấy thân bé và làm chỗ tựa cho tay chân của bé, trong khi chiếc giường lớn không cho bé một nơi ẩn náu như thế. Hệ quả là một sự xáo trộn về định hướng nội tại của bé và xáo trộn này là nguyên nhân của xung đột đau đớn khiến bé bị rơi vào bàn tay chăm sóc của quá nhiều y sĩ. Quyền năng của các giai đoạn nhạy cảm là như thế. Chúng có sức mạnh đầy quyền uy của thiên nhiên sáng tạo.

Đứa bé không có cảm giác về trật tự giống như chúng ta. Chúng ta đã có được vô số ấn tượng và chúng ta vẫn còn thờ ơ đối với trật tự, nhưng đứa bé thì nghèo nàn và đến từ số không. Trong mọi việc bé làm, bé khởi đầu từ cái không; bé chỉ biết sự lao động của sáng tạo và để chúng ta làm người thừa kế của nó. Chúng ta giống như đứa con trai của một người đã tích lũy của cải bằng mồ hôi nước mắt của ông ta, và chúng ta không hiểu gì về sự vất vả cực nhọc mà người ấy đã chịu đựng. Chúng ta vô ơn và lạnh lùng vì chúng ta mang thái độ kẻ cả, được cung cấp đầy đủ mọi thứ với một vị trí đã được thiết lập sẵn trong xã hội. Chúng ta chỉ cần sử dụng cái lí trí đứa bé đã phát triển cho chúng ta, cái ý chí bé đã dựng nên, cơ bắp mà bé đã kích hoạt để chúng ta có thể sử dụng chúng. Chúng ta tìm ra hướng đi trong thế giới, là vì trẻ đã ban cho chúng ta khả năng để làm điều đó. Chúng ta cảm nhận được bản thân, vì trẻ đã chuẩn bị cho ta sự nhạy cảm đó. Chúng ta giàu có vì chúng ta là những kẻ kế-thừa của đứa trẻ, người đã vẽ ra tất cả các nền tảng của đời sống của chúng ta từ cái không có gì. Đứa bé hoàn thành nỗ lực lớn lao của bước đầu tiên, cái bước từ hư không đến khởi điểm. Trẻ gần với chính suối nguồn của sự sống đến nỗi trẻ hành động chỉ vì hành động, vì đó là điều xảy ra trên bình diện của sáng tạo, và trẻ không thể tự mình cảm nhận và không thể khiến mình tự nhớ lại về mình.

Trí tuệ đang khai mở

Đứa trẻ cho chúng ta thấy rằng sự hiểu biết của nó không phải là cái gì được xây dựng dần từ bên ngoài. Thế nhưng, đây lại là quan niệm của tâm lí học theo thuyết cơ giới, vẫn có ảnh hưởng chính về mặt thực hành cả trên khoa học thuần túy và giáo dục. Các nhà tâm lí của trường phái này khẳng định rằng hình ảnh của các vật ngoại tại gõ vào các cánh cửa giác quan, và gần như là xâm nhập vào, để được truyền đi bằng một luồng kích thích từ bên ngoài, nhưng, vẫn trên bình diện tâm lí, chúng liên hợp với nhau, và dần dần rơi vào một trật tự có tổ chức và tạo nên tâm trí. Điều này giả định rằng đứa trẻ hoàn toàn thụ động về mặt tâm lí, phó mặc cho ảnh hưởng của môi trường, do đó chịu sự kiểm soát hoàn toàn của người lớn. Ý tưởng này được bổ sung bởi một định đề phổ thông khác rằng về mặt tinh thần, đứa trẻ không những thụ động mà còn, như các nhà giáo dục xưa thường nói, giống như cái bình rỗng, phải được làm đầy và khuôn đúc.

Chắc chắn là kinh nghiệm riêng của chúng tôi không khiến chúng tôi xem nhẹ tầm quan trọng của môi trường trong sự hình thành trí tuệ. Mọi người đều biết, đường lối sư phạm của chúng tôi đề cao môi trường của trẻ đến nỗi biến nó thành tâm điểm của toàn bộ đường lối sư phạm, đồng thời chúng tôi cũng xem hoạt động giác quan của trẻ có tầm quan trọng cơ bản hơn và có tính hệ thống hơn bất cứ phương pháp giáo dục nào đã có trước đây. Tuy nhiên, có sự khác biệt tinh tế giữa cái quan niệm xưa xem trẻ em là thụ động và các sự kiện có thật. Sự khác biệt này là do sự mãn cảm nội tại của trẻ. Có một giai đoạn nhạy cảm gần như kéo dài đến tận lúc năm tuổi, lúc này trẻ có một khả năng thực sự phi thường để tự mình sở hữu những hình ảnh của môi trường của nó. Trẻ là người quan sát chủ động hấp thụ các hình ảnh thông qua các giác quan của trẻ, điều này rất khác với quan điểm coi trẻ tiếp thu chúng như một tấm gương. Làm người quan sát có nghĩa là phải có một động lực nội tại được xác định bởi tình cảm hay hứng thú, do đó mà có sự chọn lọc những hình ảnh nào đó thay vì những hình ảnh khác. Ý tưởng này được William James minh họa khi ông nói rằng không ai từng nhìn thấy cái gì với toàn bộ chi tiết của nó, mà mỗi người chỉ thấy một phần của nó, được quyết định bởi tình cảm và sở thích của họ; vì lí do đó, những người khác nhau. Sẽ có mô tả khác nhau về cùng một vật. James cho một ví dụ hóm hỉnh về điều này, ông nói nếu bạn đang mặc bộ cánh mới mà bạn ưa thích, khi bạn đi trên đường, bạn sẽ đặc biệt để ý đến quần áo của những người mặc đẹp đến nỗi bạn có nguy cơ sẽ bị xe cán.

Bây giờ, có một vấn đề được đặt ra: những sở thích của trẻ nhỏ là gì khi chúng làm công việc chọn lọc từ đồng hỗn độn vô tận những hình ảnh cấu thành môi trường của chúng? Điều hiển nhiên là em bé sẽ không bị ảnh hưởng gì bởi các động lực bên ngoài, như những điều mà James đã nêu ra, bởi đứa trẻ không có kinh nghiệm nào hết. Đứa trẻ bắt đầu từ, cái không, nó

là một hữu thể chủ động tiến lên bằng chính năng lực của nó. Chúng ta hãy đi thẳng vào vấn đề, cái trục mà xoay quanh đó, giai đoạn nhạy cảm đang hoạt động bên trong đứa trẻ chính là lí trí. “Hoạt động tư duy” này phải được xem như là một chức năng sáng tạo tự nhiên dần kết tụ, dần phát triển và mang một hình dạng cụ thể từ các hình ảnh mà nó thu nhận từ môi trường.

Đây là cái sức mạnh khó cưỡng, là thứ năng lượng sơ khai. Các hình ảnh lập tức rơi vào khuôn thức phục vụ cho lí trí: chính nhằm để phục vụ lí trí mà trẻ hấp thụ trước hết những hình ảnh như vậy. Đứa trẻ khao khát hình ảnh, và chúng ta có thể nói, nó không hề biết nó biết chán hình ảnh. Như chúng ta đều biết, trẻ con bị thu hút mạnh mẽ bởi ánh sáng, màu sắc, âm thanh, tất cả những thứ này làm chúng vui thích rõ ràng. Nhưng cái chúng tôi muốn chứng minh là sự thực nội tại về một lí trí (của con trẻ - ND) hiện hữu ở một trạng thái đơn thuần là của cái mầm.

Không cần chúng tôi phải nhấn mạnh rằng chúng ta phải tôn kính và hỗ trợ sự chuyển tiếp từ hư vô đến một khởi nguyên như thế; đứa trẻ đang làm sống dậy cái món quà quý báu nhất đem đến sự cao cả cho con người, đó là lí trí. Trẻ sẽ tiến bước trên con đường lí trí này ngay từ trước khi đôi chân nhỏ bé của nó có thể đủ sức nâng đỡ cơ thể nó bước đi.

Một ví dụ sẽ làm sáng tỏ hơn hẳn sự tranh luận nên tôi sẽ nhắc lại trường hợp rất ấn tượng của một đứa trẻ bốn tuần tuổi đã kể ở trang 98.

Trong một môi trường khác, nơi người lớn có liên quan không biết gì về quá trình tâm trí đã hoạt động từ khi bé mới sinh, biến cố có lẽ xảy ra mà không ai để ý tới, và đứa bé hẳn là đã bị mất đi sự trợ giúp lớn lao mà hai người đàn ông đã cho bé, bằng cách giúp bé đi qua một bước khó nhất để gắng sức hiện thực hóa ý thức của nó.

Tôi muốn nêu thêm các ví dụ từ những trải nghiệm với các trẻ lớn hơn. Một bé bảy tháng đang ngồi trên sàn chơi với một cái gối. Cái áo gối được trang trí với hình hoa lá và trẻ con, cô bé ngửi hình bông hoa và hôn hình trẻ con với sự thích thú rõ ràng. Một cô hầu thiếu hiểu biết phụ trách việc chăm sóc bé, diễn giải điều này rằng bé thích chơi trò ngửi và hôn mọi thứ, nên cô vội vã mang cho bé đủ món đồ và nói, “Ngửi cái này! Hôn cái này!”. Thế là tư duy của bé đang hình thành các khuôn thức của riêng nó, đang nhận ra các hình ảnh và cố định chúng bằng cách vận động, đang hoàn thành công việc xây dựng nội tại trong niềm vui và yên tĩnh, bỗng bị đẩy vào cảnh hỗn loạn. Những nỗ lực huyền bí của trật tự nội tại bị phá tan bởi sự thiếu hiểu biết trong lối suy nghĩ của người lớn. Người lớn do đó có thể cản trở công việc nội tại này khi họ bỗng gặp các trẻ nhỏ mà không hiểu chúng, họ bế bổng nhún nhảy chúng lên xuống hay cố làm vui và can thiệp một cách thô bạo đồng suy nghĩ của chúng làm cho chúng bị phân tâm. Cũng như khi họ nắm

bàn tay của trẻ mà hôn, như một trò đùa, hay khi họ cố làm trẻ ngủ mà không chú ý đến quá trình tâm thần đang hoạt động trong trẻ. Vì không ý thức được công việc bí ẩn này, người lớn có thể phá tan khuôn thức sơ khai trong tâm trí của trẻ, như sóng biển quét trên cát và cuốn đi các lâu đài cát, khiến kẻ xây trên cát cứ mãi mãi phải làm lại từ đầu. Trong khi đó, điều quan trọng là đứa trẻ phải làm sao bảo tồn được những hình ảnh mà nó thu nhận với sự sáng suốt tối đa; vì chính qua sự rõ ràng và rực sáng về ấn tượng phân biệt cái này với cái khác mà bản ngã có thể xây nên trí tuệ.

Một trải nghiệm thú vị nhất đã xảy đến với một bác sĩ chuyên về cách nuôi trẻ sơ sinh bằng thức ăn không tự nhiên (thay vì bú sữa mẹ - ND) trong những năm đầu đời, ông ta lập một bệnh viện lớn và các thí nghiệm cho ông thấy rằng có một yếu tố cá nhân cần phải xét đến ngay trong việc nuôi dưỡng đứa bé; do đó, không có một thực phẩm nào thay thế sữa mẹ lại có thể được cho là “bổ dưỡng cho trẻ em” ở thời gian nào đó của năm đầu đời, bởi một thức ăn bổ cho đứa trẻ này có thể có hại cho đứa trẻ khác. Bệnh viện của ông là kiểu mẫu hoàn hảo nhất, về cả phương diện khoa học lẫn thẩm mỹ. Những kết quả về sức khỏe cho trẻ đến sáu tháng tuổi thật tuyệt vời, nhưng sau giai đoạn đó, sức khỏe của chúng bắt đầu suy giảm. Đây là một bí ẩn, vì việc nuôi trẻ bằng thức ăn không tự nhiên trở nên dễ dàng sau sáu tháng đầu tiên. Nay, ông có một phòng mạch, kết nối với bệnh viện của ông, cho các bà mẹ nghèo không thể nuôi con bằng sữa mẹ, do đó cần thức ăn không tự nhiên cung cấp theo lời hướng dẫn của bệnh viện, và các trẻ này, khác với các trẻ ở bệnh viện, sau sáu tháng lại không ngã bệnh. Sau khi lặp lại những quan sát này. Vị giáo sư nghĩ rằng phải có nhân tố tâm thần nào đó có thể giải thích hiện tượng này, và ông lập tức nhận thấy các trẻ hơn sáu tháng tuổi trong bệnh viện bị bệnh vì “buồn chán, do thiếu thức dinh dưỡng cho tâm trí”, ông cho các bé những trò giải trí và tạo thay đổi trong đời sống của trẻ, chú ý khi cho chúng ra ngoài thay vì chỉ cho chúng tới vườn hoa cảnh của bệnh viện; kết quả là chúng phục hồi được sức khỏe.

Vô số thí nghiệm đã cho thấy chắc chắn rằng trẻ con, trong năm đầu tiên của cuộc đời, đã lĩnh hội những ấn tượng giác quan về môi trường của chúng rõ ràng đến mức chúng có thể nhận ra mình trong các bức hình, cả hình ảnh phối cảnh hay trên mặt phẳng. Nhưng ngoài điều này, chúng tôi có thể khẳng định rằng các ấn tượng này đã bị vượt qua và không còn vẽ lồi cuốn sinh động nữa.

Từ lúc bắt đầu năm thứ hai, trẻ không còn bị lồi cuốn bởi những món đồ lòe loẹt và màu sắc sặc sỡ với sự hấp dẫn rất đặc trưng của những giai đoạn nhạy cảm, nhưng trẻ chú ý đến những vật bé xíu mà chúng ta không để ý. Thậm chí có thể nói bây giờ cái thu hút sự chú ý của trẻ là cái vô hình, hoặc những gì nằm ngay bên lề của ý thức.

Tôi nhận thấy sự mẫn cảm này lần đầu tiên ở một bé gái mười lăm tháng tuổi. Tôi nghe bé cười phá lên từ trong vườn, lối cười khác thường ở những trẻ em nhỏ như vậy. Bé tự đi ra một mình và ngồi trên nền đá lót sân hiên nhà. Gần đó là một thảm hoa phong lữ lộng lẫy nở rộ dưới ánh nắng gần như của miền nhiệt đới. Nhưng bé không nhìn đến hoa. Mắt bé dán vào mặt đất, nơi rõ ràng không có gì để nhìn. Đây là một trong những bí mật của trẻ nhỏ. Tôi bò đến và xem xét chỗ bé đang nhìn nhưng không thấy gì cả. Chính bé giải thích cho tôi bằng những từ gần như không phải là các từ ngữ, “Có cái gì nhỏ đang động đậy ở đó”, với lời chỉ dẫn này, tôi có thể thấy một côn trùng cực nhỏ, hầu như không thể thấy được, gần như cùng màu với các viên gạch, đang bò rất nhanh. Điều đập mạnh vào trí óc của bé là việc một sinh vật nhỏ đến vậy, có thể di chuyển, có thể chạy! Sự kinh ngạc trước điều kì diệu khiến bé thích thú cười lớn, lớn hơn bình thường ở các trẻ nhỏ như vậy, và niềm vui của bé không phải từ ánh mặt trời, hoa lá, hay sắc màu.

Tôi có một kinh nghiệm tương tự với một bé trai khoảng tuổi em bé đó. Mẹ của bé đã cho bé một bộ sưu tập lớn những tấm bưu thiếp màu, và bé dường như rất mong khoe bộ sưu tập với tôi. “Bam-bam”, bé nói, đó là chữ bé dùng, nghĩa là, “xe hơi”, và tôi hiểu rằng bé muốn chỉ cho tôi tấm hình một chiếc xe hơi. Bé có vô số tấm hình, rõ ràng là mẹ bé đã kết hợp việc dạy dỗ với việc làm cho con vui thú. Có những tấm hình những động vật lạ như hươu cao cổ, sư tử, gấu, khỉ, chim chóc và có những tấm hình thú nuôi, những thứ chắc hẳn sẽ thu hút một đứa trẻ nhỏ - cừu, mèo, lừa, ngựa, và bò. Và cũng có cả những bức phong cảnh nhỏ có thú vật, nhà cửa, và con người. Tuy nhiên, điều lạ là không có hình xe hơi trong bộ sưu tập phong phú này.

“Cô không thấy chiếc xe hơi nào”, tôi nói với bé. Bé tìm hết trong bộ ảnh rồi lấy ra một tấm hình và nói một cách đắc thắng, “Đây này!”. Bức hình có cảnh đi săn nhưng chủ thể chính là một chú chó săn tuyệt đẹp. Ở phía xa hơn là người thợ săn vác súng trên vai, ở một góc, phía xa, có một túp lều nhỏ với một đường ngoằn ngoèo chắc là một con đường, và trên con đường này có thể thấy một chấm đen. Đứa trẻ chỉ tay vào chấm đen và nói, “Bam-bam”. Và thực ra, dù kích thước của cái chấm quá nhỏ gần như vô hình, tôi cũng có thể thấy nó thật sự tượng trưng cho một chiếc xe hơi. Chính sự khó khăn để nhìn thấy nó, chính cái sự kiện chiếc xe đã được làm nhỏ như vậy khiến bức hình thành lí thú và đáng được chỉ cho tôi xem.

Tôi nghĩ có thể không ai chỉ cho bé thấy những hình ảnh đẹp đẽ và hữu ích trên các tấm bưu thiếp khác. Tôi chọn ra một tấm có hình đầu và cổ của một con hươu cao cổ và bắt đầu giảng giải, “Nhìn cái cổ ngò ngò, quá dài này!”, “Affa!” (Hươu cao cổ), bé trả lời một cách nghiêm túc. Tôi không còn dám tiếp tục nữa.

Dường như trong năm thứ hai cuộc đời của đứa trẻ, có một thời kì khi đó thiên nhiên, qua các giai đoạn liên tiếp, dẫn dắt trí tuệ của trẻ đến sự hiểu biết hoàn toàn về các sự vật trong môi trường của nó. Đây là vài ví dụ từ kinh nghiệm bản thân tôi. Hôm đó, tôi muốn cho một bé trai khoảng hai mươi tháng tuổi xem một quyển sách đẹp dành cho người lớn. Nó là bản sao của Kinh Tân Ước được Gustave Dore minh họa. Đầu đó, ông có vẽ lại những bức tranh của các danh họa xưa, như bức “Biển Hình” của Raphael. Tôi chọn một tấm hình có chúa Giêsu đang gọi các em nhỏ đến bên Ngài và tôi bắt đầu giảng giải: “Đây là một em bé đang trong vòng tay của Chúa Giêsu. Bé khác đang tựa đầu vào Ngài. Tất cả đều ngược nhìn Ngài và Ngài đều yêu thương chúng...”.

Mặt của cậu bé không biểu lộ chút hứng thú nào, và ra vẻ như không để ý, tôi lật trang sách và tìm một bức hình khác trong quyển sách. Bỗng nhiên đứa bé nói, “Ngủ”. Câu nói khiến tôi nhận ra cái bí ẩn đáng ngạc nhiên về tâm trí của trẻ con. “Ai ngủ?”.

“Giêsu” bé sốt sắng trả lời. “Giêsu ngủ”. Và bé ra hiệu cho tôi lật lại các trang sách. Hình tượng Đức Ki-Tô được vẽ trên cao nên khi Ngài nhìn xuống các đứa trẻ, mí mắt Ngài hạ xuống giống mắt người đang ngủ. Sự chú ý của bé bị lôi cuốn bởi một chi tiết mà không người lớn nào để ý đến.

Tôi tiếp tục giảng giải về những bức hình và dừng lại ở hình lấy từ bức “Biển Hình” của Raphael. Tôi nói “Nhìn này, Giêsu được nâng lên khỏi mặt đất và mọi người hoảng sợ. Nhìn đứa bé có đôi mắt tròn xoe và người phụ nữ đang dang đôi cánh tay ra này!”. Tôi nhận ra lời giải thích của tôi không thực sự thích hợp với cậu bé, và tôi đã không chọn một bức hình tốt. Nhưng nay cái tôi quan tâm là gây ra một phản ứng bí ẩn, gần như để so với cái mà người lớn thấy trong một bức ảnh thật phức tạp với cái một đứa bé nhỏ như vậy có thể thấy. Nhưng lần này, bé chỉ lẩm bẩm như đang nói “Lật tiếp đi”, và gương mặt nhỏ nhắn của bé không biểu lộ chút quan tâm nào. Trong lúc tôi chuẩn bị lật trang sách, bé sờ vào chiếc mè-day nhỏ đeo ở cổ, có hình như con thỏ. Rồi bé nói, “Thỏ con!”

“Bé bị phân tâm bởi cái ảnh đeo cổ”, tôi nghĩ vậy. Nhưng đột nhiên bé giục tôi lật lại trang sách, và đây rồi, đúng là có một con thỏ nhỏ được vẽ ở một bên của bức “Biển Hình”. Có ai từng để ý đến con thỏ đó chưa?

Người lớn tin rằng trẻ con chỉ nhạy cảm với những vật lòe loẹt, những màu sắc rực rỡ, và những tiếng động ồn ào, v.v. Đúng là các kích thích dữ dội thu hút sự chú ý của trẻ, tất cả chúng ta đều thấy trẻ em bị thu hút bởi người đang ca hát, bởi tiếng chuông ngân, bởi những là cờ bay hay ánh đèn rực rỡ. Nhưng những thu hút mạnh mẽ từ bên ngoài này chỉ có tính nhất thời, có thể làm các em sao nhãng trong phút chốc, có thể đánh thức sự chú ý và

khuếch tán nó ra trên những gì đã kích thích các giác quan. Chúng ta cũng vậy, mặc dù sự so sánh không hoàn toàn đúng hẳn, như khi chúng ta đang tập trung đọc một quyển sách hay và đột nhiên nghe một ban nhạc ồn ào đi qua dưới cửa sổ, chúng ta đứng dậy xem điều gì đang xảy ra. Nếu ta không để ý đến việc một người đang yên lặng tập trung cao độ ngồi đọc sách mà chỉ thấy việc anh ta đứng lên để nghe ban nhạc, có lẽ ta sẽ nói con người bị kích thích bởi âm thanh nhiều hơn bất cứ yếu tố nào khác. Đó cũng là cách mà chúng ta phán đoán về trẻ nhỏ. Sự thật là một kích thích mạnh mẽ bên ngoài thu hút sự chú ý của trẻ chỉ hoàn toàn là ngẫu nhiên và xảy ra do may rủi. Nó không có mối liên hệ với phần hình thành sâu sắc đặc điểm tư duy của trẻ, cái thuộc về đời sống nội tại của trẻ. Chúng ta có thể nhìn thấy các biểu hiện của quá trình nội tại này khi chúng ta thấy trẻ chú tâm đến những vật nhỏ bé rất khó nhận biết. Kẻ nào quan sát sự nhỏ bé của các vật sẽ quan tâm nhiều đến chính các vật ấy và không còn cảm thấy chúng là những ấn tượng của giác quan mà là sự biểu hiện của một “trí khôn của tình yêu”.

Đối với tất cả các mục tiêu thực tiễn, mặt tinh thần của đứa trẻ là một bí mật đối với người lớn, vì họ đánh giá nó đơn thuần từ sự bất lực về phản ứng trong thực tiễn, chứ không từ cái năng lượng tâm thần tự nó có đầy uy lực. Chúng ta phải nghĩ rằng đằng sau mỗi biểu hiện đều có một nguyên nhân có thể giải mã. Không có hiện tượng nào lại không có động cơ của nó, cái *raison d' être* (“lí do tồn tại” - ND) của nó. Thật quá dễ đánh giá mỗi phản ứng khó hiểu, mỗi giai đoạn khó khăn chỉ là một sự bốc đồng. Phải giả định rằng những bốc đồng này có tầm quan trọng của một vấn đề phải giải quyết, một bí ẩn phải được giải mã. Điều này chắc chắn khó khăn nhưng cực kì thú vị. Hơn hết, nó có nghĩa là một thái độ mới và cao thượng hơn từ phía người lớn. Nó khiến người lớn trở thành một học trò hơn là kẻ thống trị mù quáng hay một quan tòa chuyên chế, như nhiều lúc họ đã ứng xử trong mối quan hệ với trẻ. Một nhóm phụ nữ có những quan niệm tân tiến thảo luận với nhau chỉ riêng về đề tài này, ở một góc phòng khách. Gần bên họ, đứa con trai nhỏ của bà chủ nhà khoảng một tuổi rưỡi đang yên lặng ngồi chơi một mình. Cuộc nói chuyện đi từ lí thuyết sang những chuyện cụ thể hơn và rồi họ cũng bàn cãi về các cuốn sách viết cho trẻ em. “Mấy cuốn sách ngớ ngẩn với những hình ảnh vô lí”, một bà mẹ trẻ nói vậy. “Tôi có một quyển tựa là *Chủ bé Sambo Đen*. Sambo là em bé da đen. Vào ngày sinh nhật của nó, cha mẹ cho nó đủ thứ, một chiếc ô, một chiếc quần, giày, tất, và một cái áo khoác màu và họ chuẩn bị một bữa tối ngon lành cho bé. Sambo thì muốn khoe quần áo mới, nó mặc vào và trốn ra khỏi nhà. Trên đường bé gặp nhiều loại thú hoang dã, khiến nó sợ hãi, và để dụ chúng bé phải dần dần cho hết tư trang của mình. Con hươu cao cổ lấy chiếc ô, hổ lấy đôi giày, và cứ thế cuối cùng chú bé Sambo trở về nhà trần truồng và khóc lóc, nhưng bố mẹ tha thứ

cho bé và câu chuyện kết thúc vui vẻ trong một buổi tiệc lớn, như có thể thấy ở trang cuối cùng của quyển sách.”

Quyển sách được chuyền tay mọi người. Bồng đưa bé lên tiếng, “Không, Lola”. Mọi người đều ngạc nhiên, đây có lẽ là một trong những bí ẩn của tuổi thơ. Đứa bé đã nói. Đúng vậy nó tiếp tục quả quyết lặp lại câu khẳng định bí ẩn này, “Không, Lola.” Mẹ nó nói “Lola là bảo mẫu mới trông nom bé được vài ngày”. Nhưng đứa bé bắt đầu hét lên, “Lola”, trong cơn giận dữ hầu như vô lí. Rồi có người đưa cho bé quyển sách và bé chỉ vào bức hình cuối cùng, không phải ở trong nội dung câu chuyện mà ở bìa sau có hình một chú bé da đen đang khóc. Lập tức mọi người đều hiểu từ “Lola” bé đang nói, với ngôn ngữ trẻ con của nó. Từ “*llorar*“, tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là “khóc”.

Sự thật là thế này, kết thúc của câu chuyện không phải là buổi tiệc vui, mà là bức hình Sambo đang khóc ở bìa sau. Không ai chú ý có bức hình này ở đó. Sự phản đối của bé do vậy là hợp lí bởi mẹ của bé nói, “Mọi chuyện đều kết thúc một cách vui vẻ”.

Đối với bé, rõ ràng là quyển sách kết thúc với cảnh Sambo đang khóc. Cậu bé đã quan sát quyển sách kĩ hơn mẹ của nó, và bé chính xác và độc đáo khi quyết định đây mới là bức ảnh cuối. Nhưng cái đáng kinh ngạc hơn là đứa bé hầu như chưa nói trọn được một từ, lại có thể theo dõi toàn bộ cuộc trò chuyện khá dài của người lớn.

Hiển nhiên là đứa trẻ và người lớn là hai nhân cách khác biệt. Đây không phải là trường hợp cái tối thiểu (đứa trẻ - ND) phát triển dần dần thành cái tối đa (người lớn - ND).

Đứa trẻ thấy được những chi tiết nhỏ nhất nhất trong cái thực tại của chúng hẳn phải xem thường chúng ta như những sinh vật hạ đẳng, những kẻ đem áp đặt những điều trí óc mình tổng hợp lên những gì mình thấy, coi chúng ta như những kẻ không biết cách nhìn sự vật. Có lẽ, trẻ em đánh giá chúng ta là không có đầu óc chính xác, hơn thế nữa, chúng ta đã dừng dừng hoặc vô thức bỏ qua những điều thú vị. Chắc hẳn là, nếu tự bày tỏ được, trẻ em sẽ bộc lộ rằng từ thăm sâu trong thế giới tâm thức, chúng không tin tưởng chúng ta, cũng hết như chúng ta không tin ở con trẻ, vì chúng quá xa lạ với cách nhận thức sự vật của chúng ta. Đây là lí do tại sao người lớn và trẻ con không hiểu nhau.

Chương 4

NHỮNG VIỆC NGƯỜI LỚN GÂY TRỞ NGẠI

Chuyện giấc ngủ

Xung đột giữa người lớn và trẻ em bắt đầu lúc đứa trẻ đạt đến thời điểm có khả năng tự làm được nhiều việc.

Trước thời điểm đó, không ai có thể tuyệt đối cấm trẻ nhìn và nghe, có nghĩa là ngăn trẻ không được chinh phục thế giới của chúng bằng giác quan. Và người lớn nào có ý thức về sự hiện hữu của một đời sống tinh thần mãnh liệt trong trẻ sẵn sàng làm cho các điều kiện môi trường của trẻ hợp lí hơn, nhằm tạo thuận lợi hơn cho quá trình hấp thụ thẳm lạng đang diễn ra trong tâm trí đứa trẻ.

Nhưng khi đứa trẻ năng động lên, chúng đi lại, chúng sờ chạm đồ vật, lúc đó lại là một chuyện khác rồi. Người lớn, dù thật sự yêu trẻ, cũng vẫn cảm thấy có một bản năng tự vệ khó cưỡng đối với trẻ. Đó là một cảm giác vô thức sợ bị quấy rầy bởi một tạo vật thiếu lí trí, lại thêm vấn đề sở hữu khi lo các đồ vật có thể bị làm bẩn hay hư hại.

Thái độ lo âu, tự vệ phức tạp này xung đột với tình yêu vốn vẫn khiến cho người lớn tin rằng sự hiện diện của đứa trẻ đem lại cho họ nguồn vui lớn nhất và chính họ sẵn sàng hi sinh tất cả, dâng hiến tột độ cho đứa trẻ. Nhưng tới lúc này, hai trạng thái tâm lí của người lớn và đứa trẻ đã khác nhau quá nhiều, khiến cho đứa trẻ và người lớn không có khả năng sống chung trừ phi có những sự điều chỉnh cần thiết. Đây là vấn đề quan trọng về cách đối xử với trẻ ngay trong phạm vi gia đình của trẻ. Ta dễ dàng nhận thấy rằng những điều chỉnh này sẽ hoàn toàn bất lợi cho trẻ, là kẻ ở vị thế hoàn toàn thấp kém trong xã hội. Việc áp chế các hành động bất tiện của trẻ trong môi trường do người lớn ngự trị, trở nên khó tránh khỏi do người lớn không có ý thức về thái độ tự vệ của chính họ, mà chỉ có ý thức về tình yêu thương và sự tự dâng hiến quảng đại của họ. Sự nguy trang mà Freud từng đề cập đến chính xác là từ các mối xung đột này.

Bản năng tự vệ của tiềm thức xuất hiện có ý thức dưới một dạng che giấu khác, đầu óc sở hữu khiến người lớn lo lắng bảo vệ những cái mà họ yêu thích khỏi bị đứa trẻ đụng tới bỗng trở thành “trách nhiệm dạy dỗ đứa trẻ để nó có những thói quen tốt”, và nỗi sợ hãi đối với đứa trẻ quấy phá sự bình yên của họ trở thành “nhu cầu cho trẻ ngủ nghỉ thật nhiều để bảo vệ sức khỏe của trẻ”.

Một cách đơn giản, người phụ nữ thuộc giới lao động công khai tự vệ bằng những cái tát, bằng la mắng, bằng bạo hành và bằng cách tống đũa trẻ khỏi nhà, cho nó ra ngoài đường - đan xen với những cái ôm dạt dào và những cái hôn chùn chụt tương ứng với niềm thương yêu dành cho con của người đàn bà.

Ở mức cao hơn của xã hội, nơi vài hình thức tình cảm như tình yêu, hi sinh, trách nhiệm, và tự chủ trong hành vi bên ngoài được xem là đương nhiên, thì các bản năng như thế phải được che giấu. Những bà mẹ ở những tầng lớp trên thậm chí còn sẵn sàng giải thoát bản thân khỏi con cái hơn các bà mẹ ở tầng lớp thấp trong nhân dân, bằng cách giao phó con cái cho bảo mẫu, người sẽ dẫn chúng đi dạo hay dỗ cho chúng ngủ yên.

Sự nhẫn nại, vẻ tốt bụng, và thậm chí sự nhún nhường của những phụ nữ tầng lớp trên này đối với các bảo mẫu mà họ thuê thật sự là một sự hiểu ngầm là họ sẽ tha thứ, sẽ chấp nhận bất cứ điều gì, miễn là khi nào đũa trẻ gây rắc rối, nó sẽ được tách ra xa cha mẹ nó và những đồ sở hữu của họ.

Và thế là khi vừa thoát khỏi sự giam cầm trong một cơ thể bất lực, và đang vui mừng hân hoan trong chiến thắng của *cái Tôi*, nay đang điều khiển các cơ quan hoạt động tuyệt vời - những cơ quan vận động có ý thức, đũa trẻ lại đụng đầu với một nhóm người không lồ đầy quyền năng đang ngăn chặn bước dân thân của nó vào thế giới. Hoàn cảnh này khác gì sự ra đi của một dân tộc sơ khai, tìm cách tự giải phóng khỏi sự nô lệ và tiến vào những vùng đất khắc nghiệt mà chưa ai thám hiểm, như những người Do Thái dưới sự lãnh đạo của Moses (ra khỏi Ai Cập ND). Cuối cùng, khi đã bỏ lại đằng sau những cái khắc nghiệt của miền hoang vu và tìm ra ốc đảo phì nhiêu nơi họ có lẽ được sống bình yên, họ chỉ gặp thấy chiến tranh, thay vì được tiếp đón niềm nở.

Bản tính tự nhiên của con người khiến kẻ sở hữu một môi trường đã được thiết lập sẽ tự vệ chống lại kẻ xâm lăng. Điều này xảy ra rõ ràng và dữ dội ở trường hợp những kẻ có xung đột, có điều là nguồn gốc của hiện tượng như vậy lại ẩn kín bên dưới lớp tiềm thức thẳm sâu của tâm hồn con người. Và biểu hiện ban đầu, thường không ai để ý, được bộc lộ khi người lớn bảo vệ sự bình yên và tài sản của họ chống lại những kẻ xâm lăng thuộc về thế hệ mới. Nhưng bước tiến của kẻ xâm lăng không bị ngăn chặn, chúng chiến đấu một cách vô vọng, vì chúng đang đấu tranh cho sự sống của mình.

Cuộc xung đột này, trong tiềm thức, lại được ngụ ý, xảy ra giữa sự ngây thơ của đũa trẻ và tình yêu của cha mẹ nó.

Thật là thuận tiện cho người lớn khi họ nói, “Trẻ con không nên chạy lung tung, không được chạm vào những thứ của người lớn, không nên nói

hay la hét, phải nằm yên thật nhiều. Nên ăn và ngủ”. Hay là quyết định rằng điều “tốt nhất” cho đứa trẻ là “nên gửi nó đi xa khỏi nhà”, thậm chí là đến ở cùng với người không hề thương yêu nó hay chẳng có quan hệ nào với gia đình của nó. Do thói quen bởi quán tính, người lớn chọn con đường dễ dãi nhất là cho đứa trẻ đi ngủ.

Có ai lại không công nhận rằng trẻ cần ngủ chứ?

Nhưng nếu đứa trẻ đang linh hoạt, lanh lợi, đầy khả năng quan sát, đứa trẻ trước hết không phải là “người ngủ”. Trẻ sẽ cần giấc ngủ bình thường, và chúng ta phải đảm bảo cho trẻ ngủ đủ. Nhưng ta cần phân biệt giữa giấc ngủ bình thường và giấc ngủ gây ra một cách giả tạo. Người lớn buộc trẻ đi ngủ nhiều hơn mức trẻ cần. Chúng ta biết một kẻ có cá tính mạnh mẽ có thể áp đặt ý muốn của mình lên kẻ có ý chí yếu hơn, và cái áp đặt đầu tiên là cho bệnh nhân đi ngủ. Và thế là người lớn theo lời góp ý dù là một cách vô thức, đã cho trẻ đi ngủ.

Các bà mẹ thất học công khai cho con cái uống các liều thuốc ngủ; nông dân biết pha chế những hỗn hợp với ngọn hoa anh túc để làm cho các bé ngủ lâu. Nhưng ngoài điều này ra, chúng ta có thể nói rằng người lớn nói chung, có văn hóa hay không văn hóa, ngay cả giới chuyên môn về nuôi trẻ, như các bảo mẫu, cũng đồng ý buộc các sinh linh sống này phải ngủ trong khi thiên nhiên lại muốn đánh thức chúng. Không chỉ các trẻ mới vài tháng tuổi mà thậm chí trẻ hai, ba, hay bốn tuổi, đều bị buộc đi ngủ nhiều hơn chúng cần. Trong trường hợp sau, điều này không áp dụng cho con cái của thường dân. Chúng rong chơi cả ngày ngoài đường, để mẹ chúng không phải lo nghĩ, và do đó chúng không bị mối nguy hiểm này. Như ta biết rõ, trẻ em trong những gia đình nghèo ít nhút nhát cáu bẳn hơn những trẻ xuất thân từ các gia đình khá giả hơn trong xã hội. Vậy mà người ta cứ khẳng định rằng “ngủ lâu” là cần thiết cho sức khỏe của trẻ em, như ăn uống và không khí trong lành; họ chỉ quan tâm đến cái ta gọi là đời sống thực vật của đứa trẻ. Tôi nhớ một bé bảy tuổi thổ lộ với tôi rằng bé chưa bao giờ nhìn thấy các ngôi sao vì cha mẹ luôn cho bé đi ngủ trước khi trời tối. Bé nói với tôi “Con muốn dù chỉ một đêm thôi được lên đỉnh một ngọn núi và duỗi mình trên mặt đất để nhìn các vì sao”. Nhiều cha mẹ khoe khoang rằng con họ thường đi ngủ sớm đến nỗi họ hoàn toàn tự do đi ra ngoài vào buổi tối.

Giường chuẩn bị cho trẻ em, một khi chúng có thể chạy nhảy, là cái gì khá đặc biệt, chúng không giống cái nôi đẹp đẽ và mềm mại, cũng không giống như giường người lớn, giường trẻ em đơn giản phải là để trẻ em có thể ngủ thoải mái. Cái giường có song của trẻ là một cũi tù độc địa được tạo ra cho sinh vật đang tranh đấu cho sự hiện hữu tinh thần ấy. Trong đó, trẻ là người tù, và cái lồng sắt nơi bé được đặt xuống ngoài ý muốn, vừa là một

thực tại, vừa là một biểu tượng. Bé là người tù của nền văn minh xây đắp lên bởi người lớn vì sự tiện lợi cho người lớn; và dường như ngày càng gò bó và chừa ít chỗ cho sự tự do của bé. Xung quanh đứa trẻ, chỉ có nhà tù và sự trống rỗng.

Cái giường có song là một cái lồng có chân cao, để người lớn có thể bông bế em bé mà không cần cúi xuống, và họ có thể để bé một mình, an toàn, ở trong đó dù bé có khóc thì cũng chẳng hề hấn gì, căn phòng tối tăm để không ánh sáng nào, ngay cả ánh sáng bình minh cũng không chiếu được vào và đánh thức bé. Đứa bé phải đi ngủ sớm ban đêm để cha mẹ được tự do, và bé phải ngủ dậy trễ buổi sáng để người lớn được ngủ đủ vì họ lên giường muộn.

Một trong những trợ giúp đầu tiên cho sự phát triển tâm lí của trẻ nên là cải tiến cái giường của trẻ và bỏ thói quen ép trẻ ngủ giấc dài không tự nhiên. Trẻ nên được phép đi ngủ khi buồn ngủ, và thức giấc khi đã ngủ đủ, và thích dậy sớm lúc nào thì dậy lúc ấy. Do đó chúng tôi có lời khuyên - và nhiều gia đình đã làm theo - rằng nên vứt cái giường cũ có song của trẻ, và thay vào đó, nên có một chiếc giường rất thấp, nơi trẻ có thể nằm xuống và đứng lên khi trẻ muốn. Sự sửa đổi nhỏ đơn giản này sẽ giải quyết được nhiều khó khăn tưởng chừng như không có giải pháp. Một cái giường nhỏ, thấp, gần như trên sàn nhà, rất tiết kiệm, như tất cả các cuộc cải thiện, sẽ hỗ trợ cho trẻ trong đời sống tâm trí, bởi trẻ cần những vật đơn giản xung quanh nó; không nên sử dụng những món đồ phức tạp bất lợi cho trẻ. Trong nhiều gia đình, sự cải thiện này được thực hiện bằng cách đặt một tấm đệm nhỏ trên sàn, trên một tấm thảm to và mềm, để trẻ có thể lên giường theo ý muốn, vui vẻ đi ngủ vào buổi tối và thức dậy vào buổi sáng mà không đánh thức làm phiền ai. Nhiều ví dụ cho thấy sự sai lầm trầm trọng khi muốn sắp đặt trật tự cho đời sống của một đứa trẻ, và cách thức của người lớn, vì lo lắng muốn làm điều tốt cho trẻ, thực ra lại đi ngược nhu cầu của nó và bị thúc đẩy một cách vô thức bởi một bản năng phòng thủ có thể dễ dàng vượt qua.

Từ những điều này mà người lớn nên thử diễn giải các nhu cầu của trẻ để có thể đáp ứng tốt nhất bằng cách chuẩn bị một môi trường thật sự thích hợp. Đây có thể là khởi nguyên cho một thời đại giáo dục mới, sẽ chú trọng đến *cách trợ giúp cho đời sống* của đứa trẻ. Chúng ta phải từ bỏ tư tưởng rằng đứa trẻ là một món đồ để bế lên và mang đi bất cứ nơi nào khi nó còn nhỏ, và khi nó lớn hơn, nó chỉ có việc vâng lời và bắt chước người lớn. Tư tưởng này là một trở ngại khó vượt qua đối với bất cứ nỗ lực nào để làm cho đời sống của đứa trẻ hợp lí hơn. Người lớn phải nhìn nhận rằng họ đóng vai trò thứ yếu, họ phải cố gắng làm tất cả để hiểu trẻ, phải đi theo và giúp trẻ trong sự phát triển đời sống của nó. Đây phải là mục tiêu và là niềm khao khát của người mẹ và người thầy.

Nếu phải hỗ trợ sự phát triển nhân cách của đứa trẻ, bởi trẻ là kẻ yếu hơn, người lớn với cá tính mạnh hơn phải tự xem xét mình và đi theo sự dẫn dắt của đứa trẻ, người lớn phải cảm thấy hãnh diện vì họ có thể hiểu và theo chân đứa trẻ.

Vui bước chân đi

Nhiệm vụ của người lớn phải tương đồng với nhu cầu của sinh vật chưa trưởng thành do họ chăm nom, phải tự điều chỉnh theo các điều thiết yếu của nó và phải từ bỏ cách hành động riêng của mình.

Những động vật cấp cao hơn đã hành động như thế theo bản năng và chúng điều chỉnh bản thân theo các nhu cầu của con non. Không có gì thú vị hơn cảnh voi con được mẹ dẫn đến với bầy. Cả đám thú to lớn chậm bước chân theo nhịp chân của con nhỏ, và khi nó mệt và dừng lại, tất cả chúng cũng dừng theo.

Ý tưởng hi sinh tương tự cho đứa trẻ cũng được thấy ở một số hình thái văn minh. Tôi có lần đã quan sát và đi theo một ông bố người Nhật dẫn con trai nhỏ, khoảng một tuổi rưỡi, đi dạo. Bỗng đứa trẻ vòng tay ôm chân bố. Người đàn ông đứng yên và để đứa bé xoay tròn quanh cái chân nó đã chọn cho trò chơi. Khi bé chơi chán rồi, hai người lại tiếp tục chậm rãi đi dạo. Sau một lúc đứa trẻ ngồi xuống lề đường, còn ông bố đứng im bên cạnh, khuôn mặt ông nghiêm nghị, nhưng hoàn toàn tự nhiên, ông ta không làm gì khác thường. Đơn giản chỉ là một ông bố dắt đứa con nhỏ đi dạo.

Đây là kiểu đi ra ngoài thích hợp nhất cho trẻ, giúp trẻ có thể tập luyện thao tác cần thiết cho bước đi ở thời điểm khi cơ thể của nó cần thiết lập một số động tác phối hợp khác nhau để giữ thăng bằng. Chúng ta phải nhận thức được sự khó khăn lớn lao, chỉ dành riêng cho con người, trong việc đi đứng thẳng chỉ trên đôi chân của mình. Dù tứ chi của cơ thể con người cũng tương ứng với tứ chi của các động vật có vú khác, con người phải đi trên hai chân thay vì bốn chân. Ngay loài khỉ cũng có cánh tay dài để chúng có thể cho một tay nghỉ trên mặt đất khi bước đi. Chỉ có con người là giao phó cả công việc đi với thăng bằng cho hai chân, thay vì bước đi có điểm tựa. Khi động vật có vú bước đi, chúng nhấc hai chân, theo đường chéo, để cơ thể của chúng luôn có hai điểm tựa, nhưng khi con người bước đi, đầu tiên nó đặt trọng lượng cơ thể lên một chân và tiếp đó lên chân còn lại. Thiên nhiên đã giải quyết sự khó khăn theo hai cách, một cách theo bản năng, cách kia theo nỗ lực tự nguyện của cá nhân. Đứa trẻ không phát triển năng lực đi thẳng đứng bằng cách ngồi chờ điều đó xảy ra, mà bằng cách bước đi. Bước đi đầu tiên của trẻ, được cha mẹ chào đón với sự vui mừng, đúng là sự chinh phục của tự nhiên và hầu như là sự ra đời của con người năng động, thay cho con

người bất động, bất lực, và đối với đứa trẻ, một cuộc sống mới bắt đầu. Trong sinh lí học, sự xuất hiện của chức năng mới này là một trong những thử thách chính trong sự phát triển bình thường của trẻ. Nhưng sau đó, chính sự luyện tập mới quan trọng. Đạt được thăng bằng và một dáng đi vững vàng là kết quả của sự luyện tập lâu dài và do đó, của nỗ lực cá nhân. Ta biết đứa trẻ bắt đầu bước đi với một động lực không thể cưỡng cùng với sự can đảm. Trẻ gan dạ và thậm chí liều lĩnh, giống như một chiến binh thực thụ, lao đến chiến thắng bất kể hiểm nguy. Vì lí do đó, người lớn tạo quanh trẻ những sự bảo vệ gây quá nhiều hạn chế và trở ngại, nó bị giam vào lồng chơi, cài vào xe đẩy, để đưa ra ngoài chơi mặc dù chân nó đã cứng cáp.

Điều này là do bước chân của đứa trẻ ngắn hơn bước chân của người lớn nhiều, và nó ít khả năng chịu được những cuộc đi dạo dài. Và người lớn không chịu giảm tốc độ của mình. Thậm chí khi người lớn là một bảo mẫu - có nghĩa là người đã chuyên và tự hiến mình duy nhất cho việc chăm sóc trẻ - chính đứa trẻ phải tự thích ứng theo lối của bảo mẫu, chứ không phải bảo mẫu tự điều chỉnh theo trẻ. Người bảo mẫu sẽ đi theo tốc độ của mình, đẩy xe, trong đó đứa bé ngồi tựa như một trái cây xinh đẹp được đưa ra chợ. Chỉ khi cô ấy đến nơi định đến, có lẽ là một công viên đẹp, cô ấy sẽ ngồi xuống và nhắc đứa trẻ ra khỏi xe, và cho phép bé chơi dưới cặp mắt canh chừng của cô. Trong toàn bộ câu chuyện này, người ta chỉ quan tâm đến cơ thể của đứa trẻ, đời sống “thực vật” của nó phải được che chắn khỏi bất cứ nguy hiểm nào từ bên ngoài, không ai chú trọng đến những nhu cầu cơ bản và mang tính xây dựng của đời sống tâm trí của trẻ.

Đứa trẻ ở giữa độ một tuổi rưỡi và hai tuổi thật sự có thể đi bộ nhiều dặm và leo trèo những nơi khó đi như bờ dốc hay cầu thang. Nhưng trẻ đi bộ với mục tiêu hoàn toàn khác với chúng ta. Người lớn đi bộ để đến một mục tiêu bên ngoài và cứ thế mà thẳng tiến đến đó. Hơn nữa, họ có nhịp bước riêng khiến họ đi tới đích một cách máy móc. Đứa trẻ nhỏ bước đi để phát triển các năng lực của nó, trẻ đang xây dựng nên chính bản thân nó. Trẻ bước chậm chạp, nó không bước theo nhịp hay có một mục tiêu. Nếu người lớn có giúp được gì, họ phải từ bỏ nhịp điệu và mục tiêu riêng của chính mình.

Tôi từng biết một cặp vợ chồng trẻ ở Naples có đứa con nhỏ nhất mười tám tháng tuổi. Mùa hè, để đến bãi biển, họ phải đi bộ gần một dặm đường dốc xuống chân đồi, gần như hoàn toàn không thể vượt qua bằng phương tiện nào khác. Đôi vợ chồng trẻ muốn con theo cùng, nhưng bế nó trên tay thì quá mệt. Đứa bé tự giải quyết khó khăn bằng cách tỏ ra là nó có thể đi bộ suốt cả đoạn đường. Thỉnh thoảng bé dừng lại để ngắm một bông hoa, hoặc ngồi xuống cỏ đồng nội, hay đứng nhìn một con vật. Có một lần bé đứng yên gần mười lăm phút chăm chú nhìn một con lừa đang ăn cỏ. Và như thế, mỗi ngày, em bé này đi xuống và đi lên đoạn đường dài và khó khăn mà không

mỗi mệ.

Ở Tây Ban Nha, tôi được biết hai đứa bé khoảng hai và ba tuổi có thể đi bộ hơn một dặm. Nhiều đứa bé khác có thể đi hơn một giờ lên và xuống các cầu thang dốc với những bậc thang rất hẹp.

Nói về chuyện cầu thang, tôi được nhắc rằng đây cũng là một cái cớ để các bà mẹ hay âu lo mắng con mình “nghịch ngợm”. Một phụ nữ từng hỏi tôi về những cơn nóng giận của cô con gái nhỏ chỉ mới biết đi. Hễ nhìn thấy cầu thang, là bé kêu gào, và khi có người bế bé lên hay xuống cầu thang, bé trở nên gần như điên cuồng. Mẹ của bé nghĩ rằng đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên vì không có lí do gì để bé khóc và chống cự chỉ bởi được bế lên bé xuống cầu thang. Nhưng rõ ràng là đứa bé chỉ muốn *tự mình* leo lên leo xuống cầu thang. Đối với bé, nơi này dường như là nơi hấp dẫn nhất, với nhiều chỗ để tay nắm và có nhiều chiếc ghế nhỏ (bậc thang), hấp dẫn hơn là đi trên các cánh đồng, nơi chân bé bị lún vào đám cỏ và tay không có gì để nắm. Nhưng các cánh đồng là nơi duy nhất bé được phép đi lang thang mà không bị bế trong tay người lớn hay bị nhốt vào trong một xe đẩy.

Thật dễ để ý đến cách trẻ em muốn đi và chạy; và thấy vì sao những bậc thang ở ngoài luôn đầy trẻ con đi lên đi xuống, ngồi xuống, đứng dậy, và tuột xuống. Khả năng tìm ra lối đi giữa các chướng ngại, tránh các nguy hiểm, chạy, hay thậm chí bám theo chiếc xe đang chạy, cho thấy một tiềm năng khác xa sự chậm chạp của một đứa trẻ nhút nhát, cuối cùng thành đứa trẻ lười biếng của tầng lớp thượng lưu. Không đứa trẻ nào được *giúp đỡ* trong sự phát triển của nó; đứa thì bị bỏ mặc trong môi trường không thích hợp và nguy hiểm nơi người lớn sinh sống, đứa khác thì, nhằm bảo vệ nó khỏi môi trường nguy hiểm này, đã bị kiểm chế và rào ngăn che chắn bởi những chướng ngại.

Đứa trẻ tranh đấu để xây dựng nên con người trong nó giống như Đấng cứu Thế, mà tiên tri đã nói rằng Ngài “không có nơi nào để gối đầu hay đặt chân”.

Bàn tay và não bộ

Thật thú vị khi ghi nhận rằng hai cột mốc mà sinh lí học xem là dấu hiệu của sự phát triển bình thường của một đứa trẻ lại liên quan đến sự vận động. Chúng khởi đầu cho bước đi và tiếng nói. Do đó, khoa học đã xem hai chức năng vận động này là một dạng số tử vì có thể đọc được tương lai của con người; bởi thật ra, hai biểu hiện phức tạp này cho thấy kẻ-sẽ-là-người đã đạt được chiến thắng đầu tiên của cái Tôi của nó đối với các công cụ biểu đạt và hoạt động của nó. Ngôn ngữ là một đặc tính riêng biệt của con người, vì nó

diễn tả tư duy, còn bước đi là một hoạt động có chung trong các động vật. Động vật khác với thực vật ở chỗ nó có thể tự di chuyển. Và khi sự vận động này được giao phó cho các chi chuyên biệt, bước đi trở thành một đặc tính cơ bản. Tuy nhiên, ở con người, mặc dù khả năng di chuyển cơ thể của nó trong không gian lớn đến mức nó xâm chiếm cả trái đất, bước đi không phải là vận động đặc thù của loài thông minh.

Thay vào đó, những “đặc tính vận động” gắn kết với trí tuệ của con người là những chuyển động của cơ quan phát âm và của bàn tay phục vụ cho trí tuệ để hình thành một ý tưởng. Ta biết những vết tích đầu tiên của con người thời tiền sử được suy ra từ những hòn đá được đẽ gọt và mài láng, những dụng cụ đầu tiên của con người, vậy đó chính là đặc tính đánh dấu một thời kì mới trong lịch sử sinh học của những sinh vật sống. Chính cái ngôn ngữ xuất hiện như một tài liệu về quá khứ của con người, khi từ những âm thanh tan biến đi trong không khí, nó đã trở thành cái gì đó mà bàn tay con người khắc ghi trên đá. Hình thái của cơ thể và thành tựu trong bước đi được đánh dấu đặc trưng bởi sự giải phóng này của bàn tay, bởi sự chuyên hóa của hai chi trên cho những chức năng khác hơn là các chức năng dành riêng cho sự vận động, khiến chúng trở thành cơ quan thừa hành của trí tuệ. Do đó mà trong sự tiến hóa của các sinh vật sống, con người chiếm lĩnh một vị trí mới, biểu thị sự thống nhất về chức năng của tâm thức và sự vận động của nó.

Bàn tay là cơ quan tinh tế và phức tạp về cấu trúc, cho phép tư duy không chỉ biểu lộ, mà còn đi vào các mối quan hệ đặc biệt với môi trường của nó. Thậm chí chúng ta có thể nói rằng con người “sở hữu môi trường của mình bằng đôi tay” và dùng trí tuệ của mình để biến đổi môi trường, do vậy mà hoàn thành sứ mệnh trên sân khấu vĩ đại của vũ trụ.

Vì vậy, sẽ là hợp lí nếu chúng ta muốn đánh giá sự phát triển tâm lí của một đứa trẻ, muốn xét đến các bước đầu tiên của cái ta gọi là hai dạng vận động do trí tuệ gợi hứng, đó là sự xuất hiện của tiếng nói và sự xuất hiện của hoạt động ở đôi tay, coi đó như là ước vọng lao động của con người.

Do bản năng ở tiềm thức, con người luôn liên kết hai dạng biểu hiện vận động của tư duy đặc trưng ở loài người và thấy được tầm quan trọng của chúng, nhưng chỉ mới thấy trong một số biểu tượng gắn với đời sống xã hội của người lớn. Chẳng hạn, khi một người nam và một người nữ kết hôn, họ thốt lên vài lời và nắm tay nhau. Đồng ý cưới còn được diễn tả là “trao lời hẹn ước” và xin cưới một phụ nữ là “xin bàn tay” của cô. Khi tuyên thệ, người ta thốt ra một lời và làm một cử chỉ. Trong bất cứ nghi thức nào có sự thể hiện mạnh mẽ của cái Tôi, bàn tay đều có vai trò của nó. Để chối bỏ tất cả trách nhiệm bản thân (về cái chết của Đức Giêsu), Pilate tuyên bố trong một câu có tính nghi thức rằng ông ta đã rửa tay của mình và đồng thời thực

sự rửa tay trước đám đông. Trước khi bước vào phần long trọng nhất của chức năng thiêng liêng, vị linh mục công giáo trong Thánh Lễ tuyên bố rằng ông sẽ rửa tay, “Tôi sẽ rửa tay trước người vô tội”, và rửa tay trong một chậu nước nhỏ, mặc dù tay ông không những đã rửa mà còn được làm cho tinh khiết trước khi bước đến bàn thờ.

Tất cả điều này cho thấy trong tiềm thức của nhân loại, đôi tay được xem là biểu hiện của cái “Tôi” nội tại. Chúng ta có thể nghĩ đến điều gì thiêng liêng và tuyệt vời hơn sự phát triển của “cử động cơ bản đặc thù của con người” này ở lứa trẻ? Không gì đánh thức được sự mong đợi long trọng hơn thế.

Động tác vươn ra đầu tiên của đôi tay bé nhỏ hướng tới những vật bên ngoài, động lực thúc đẩy cử động biểu thị nỗ lực đi vào thế giới của bản ngã phải khiến người quan sát đã trưởng thành thán phục và tôn kính. Nhưng thay vào đó, con người lại lo sợ đôi tay bé xíu đang vươn tới những thứ không có giá trị hay vô nghĩa trong tầm tay của chúng; họ cố bảo vệ các món đồ đó khỏi tay trẻ. Người lớn luôn miệng nói “Đừng sờ vào!”, luôn lặp lại, “Ngồi yên nào! Im lặng nào!”. Và trong mỗi lo âu này, trong vực sâu tối tăm của tiềm thức, người lớn tổ chức một sự tự vệ và kêu gọi sự trợ giúp của những người lớn khác, cứ như thể họ phải bí mật chiến đấu chống lại một quyền lực đang đe dọa tiện nghi và của cải của họ.

Để nhìn thấy, để nghe được, nghĩa là để tiếp thu những yếu tố cần thiết từ môi trường xung quanh, hầu xây nên chất liệu tư duy đầu tiên của mình, đứa trẻ phải có thể chiếm hữu chúng, “nắm bắt” được chúng. Nay đứa trẻ phải vận động theo hướng xây dựng, sử dụng đôi tay để làm việc, trẻ cần có những vật bên ngoài mà nó có thể tiếp cận, có nghĩa là các “động cơ hoạt động” mà trẻ cần phải có trong môi trường của nó. Nhưng trong vòng vây của gia đình, nhu cầu này đã bị sao nhãng. Những đồ vật xung quanh trẻ thuộc về người lớn và chỉ dành cho họ sử dụng, chúng là điều cấm kị đối với trẻ. Mệnh lệnh “Đừng đụng vào!” là câu trả lời duy nhất cho vấn đề sinh tử của sự phát triển của trẻ. Nếu trẻ sờ đến vật đã bị cấm, nó bị phạt và la mắng. Nếu đứa trẻ thành công trong việc cầm nắm một vật gì, trẻ giống như chó cún con đói khát mang một khúc xương đến một góc để gặm nhấm, cố tìm kiếm chút chất dinh dưỡng, dù là không đủ, trước khi bị xua đuổi.

Nay sự vận động của trẻ không còn do ngẫu nhiên nữa. Trẻ đang tạo ra sự phối hợp cần thiết cho vận động có tổ chức, dưới sự chỉ đạo từ bên trong của bản ngã. Bản ngã của trẻ, làm công việc tổ chức và điều hợp, thống nhất tâm thức nội tại và các cơ quan biểu hiện của nó nhờ các kinh nghiệm bổ sung liên tục. Do vậy, điều quan trọng là chính trẻ khi hành động tự phát phải chọn lựa và thực hiện hành động của mình. Vận động hình thành nhân cách

này có những tính chất đặc biệt, nó không phải là kết quả do may rủi hay những động lực ngẫu nhiên. Đứa trẻ không đơn thuần chạy, nhảy, cầm mọi thứ không có mục đích, hay đòi chúng đi để gây ra xáo trộn hoặc phá hoại chúng, vận động có tính xây dựng của trẻ tìm cảm hứng trong các hoạt động mà trẻ thấy người khác làm. Những hành động trẻ cố bắt chước luôn là những việc liên quan đến cách vận dụng hay sử dụng một vật mà trẻ cố dùng để thực hiện những hành động mà nó thấy người lớn đã làm. Do vậy, những hoạt động này được liên kết với những cách sử dụng môi trường khác nhau trong gia đình và xã hội. Đứa trẻ sẽ muốn quét nhà, rửa bát, giặt đồ, đổ nước, tự tắm rửa, tự mặc quần áo, và chải đầu. Bởi đây là một điều phổ quát, nó đã được gọi là “sự bắt chước”: đứa trẻ làm cái đã thấy người ta làm. Nhưng có một khác biệt giữa cái trẻ làm và hành động bắt chước trực tiếp của một con khỉ. Những vận động có tính định hình của trẻ bắt nguồn từ một cấu trúc tâm linh, được xây trên sự hiểu biết. Đời sống tâm thần của trẻ phải chỉ đạo các vận động của nó, luôn luôn hiện hữu trước các vận động được liên kết với nó. Khi đứa trẻ muốn làm điều gì, trẻ biết trước đó là cái gì; trẻ muốn làm cái nó biết, tức là cái nó đã thấy người ta làm. Chúng ta có thể nói rằng, về mặt phát triển tiếng nói, tình hình có lẽ cũng tương tự. Trẻ hấp thụ lời nói nó nghe thấy ở xung quanh, và khi trẻ nói một từ, nó nói vì nó đã học được khi nghe từ đó và giữ nó trong trí nhớ. Trẻ dùng nó theo nhu cầu lúc đó. Tri thức và việc sử dụng của một từ mà trẻ đã nghe không phải là bắt chước giống con vẹt. Trẻ không đơn thuần bắt chước một âm thanh mà sử dụng tri thức đã có và đã lưu trữ. Sự bắt chước của trẻ không hẳn là bắt chước ngay lập tức, nhưng là cái gì đã được quan sát, lưu trữ, là tri thức đã được lĩnh hội. Sự lặp lại lời nói là một hành vi đặc biệt. Sự phân biệt này rất quan trọng vì một mặt nó chiếu rọi ánh sáng lên các mối quan hệ giữa người lớn và đứa trẻ, mặt khác nó cho phép chúng ta có được sự thấu hiểu sâu sắc về các hoạt động của trẻ.

Hoạt động có mục đích

Trước khi đứa trẻ có thể thực hiện được các hành động theo một động cơ rõ ràng hợp lí như những điều trẻ thấy người lớn làm, trẻ bắt đầu hành động cho những mục tiêu của chính mình, sử dụng các vật cho những mục đích thường là khó hiểu đối với người lớn. Điều này thường xảy ra với trẻ ở độ một tuổi rưỡi đến ba tuổi. Chẳng hạn, có lần, tôi từng thấy một bé một tuổi rưỡi tìm thấy một xấp khăn ăn vừa được ủi xong và xếp gọn gàng, từng cái chồng lên nhau. Đứa bé lấy một trong những cái đã xếp, cầm nó một cách vô cùng cẩn thận và đặt một tay bên dưới để khăn không bị bung ra và mang nó đi theo hướng chéo ngang phòng đến góc đối diện, nơi bé đặt nó xuống sàn nhà rồi nói, “Một”. Sau đó bé trở lại chỗ cũ - một dấu hiệu cho thấy bé được

chỉ đạo bởi sự nhạy cảm đặc biệt nào đó về phương hướng. Bé lấy cái khăn thứ hai theo cách tương tự, mang nó theo lộ trình cũ, và đặt nó lên trên cái khăn đầu tiên đã ở trên sàn, và lại nói, “Một”. Bé lặp lại công việc này cho đến khi đã mang cả chồng khăn ăn đến góc phòng. Sau đó, cũng theo quá trình như vậy, bé mang tất cả khăn lần lượt trở lại vị trí ban đầu. Mặc dù xấp khăn ăn không còn trong tình trạng gọn gàng như lúc người hầu đã đặt trước đây, chúng vẫn được xếp khá ngay ngắn, và chồng khăn dù trông hơi xấu đi, vẫn không thể xem là bị phá tung. May mắn cho bé là không ai trong gia đình có mặt trong suốt quá trình thao tác rất lâu này. Trẻ nhỏ thường hay được nghe người lớn la hét ở sau lưng, “Dừng lại! Để cái đó xuống!”. Và bao nhiêu lần, những đôi tay nhỏ bé này, đáng lẽ phải được tôn thờ, lại bị đánh khẽ để chúng học cách không được sờ vào đồ vật gì!

Một công việc “cơ bản” khác hấp dẫn trẻ là vặn nắp chai ra rồi lại vặn vào, đặc biệt nếu nắp chai là thủy tinh dạng lăng kính, phản chiếu màu sắc của cầu vồng, như nắp của một chai dầu thơm. Vặn ra rồi vặn vào nắp chai dường như là một trong những động tác cơ bản được trẻ yêu thích; một hoạt động yêu thích khác là nâng lên và hạ xuống nắp đậy của hộp đựng bút hoặc nắp của một cái hộp lớn, hay thậm chí là việc mở và đóng cửa tủ, và không cần nói rằng xung đột sẽ xảy ra thường xuyên giữa trẻ và người lớn xung quanh những vật quá hấp dẫn, vô cùng cấm kỵ vì chúng thuộc về bàn trang điểm của mẹ hay bàn viết của cha, hoặc đồ nội thất của phòng khách, và hậu quả thường xuyên là “sự ngộ nghịch”. Nhưng đứa trẻ không muốn một cái chai hay cái hộp đựng bút riêng biệt đó, trẻ sẽ thỏa mãn với những *vật được làm cho trẻ*, để trẻ được phép luyện tập những động tác như vậy.

Những hành động này và hành động tương tự là những hành động cơ bản không có mục đích hợp lý, và có thể được xem là những bước dò dẫm đầu tiên của con người với tư cách là người lao động. Chính trong giai đoạn chuẩn bị này mà chúng tôi đã hình dung ra một số học cụ cho những trẻ rất nhỏ sử dụng, chẳng hạn như những tấm *inset* (mảnh lồng ghép có dạng hình học khác nhau, thường bằng kim loại - ND) được ưa chuộng khắp nơi.

Ý tưởng để trẻ tự do hành động là điều dễ hiểu, nhưng việc thực hành gặp phải nhiều trở ngại phức tạp đã ăn sâu trong tư duy của người lớn. Nhiều khi người lớn có ý để trẻ được tự do sờ mó và di chuyển đồ vật nhưng lại không cưỡng nổi những động cơ mơ hồ rất cuộc sẽ thống lĩnh họ. Một bà mẹ trẻ ở New York, tán thành các ý tưởng này, mong được áp dụng chúng cho đứa con trai xinh xắn hai tuổi rưỡi của mình. Ngày nọ, bà thấy bé mang một ca đựng đầy nước từ phòng ngủ vào phòng khách, chẳng biết để làm gì. Bà chú ý đến vẻ căng thẳng của bé, sự cố gắng ở mỗi bước đi của bé, miệng luôn lầm bầm, “Cẩn thận! cẩn thận!”. Cái ca nước thì nặng, và thế rồi bà mẹ

không cưỡng lại nổi ý định giúp bé, nên bà lấy ca nước từ tay bé và mang nó tới nơi bé định mang đến, cậu bé khóc lóc và cảm thấy bị nhục, còn bà mẹ thì buồn rầu vì nghĩ mình đã gây đau đớn cho bé. Bà tự bào chữa nói rằng dù biết bé bị thôi thúc bởi nhu cầu nội tại nào đó, song bà cảm thấy không thể để con phải vất vả và phải mất quá nhiều thời gian để làm điều mà bà có thể làm cho bé ngay lúc đó.

“Tôi biết mình sai”, bà nói với tôi, xin tôi tư vấn, như thể bà là bệnh nhân hỏi bác sĩ cách điều trị.

Tôi suy ngẫm về khía cạnh khác của vấn đề, về cái bản năng bảo vệ các vật khỏi tay trẻ, cái cảm giác gần như “tính bủn xỉn” đối với trẻ. Tôi hỏi bà ấy, “Cô có đồ sứ nào hiếm không, vài cái tách chẳng hạn, thật quý giá? Để bé mang một trong số những cái tách nhẹ này và xem điều gì xảy ra”. Người phụ nữ theo lời khuyên của tôi, và kể rằng sau khi con trai cô mang những cái tách với sự cẩn thận và chú ý, nó dừng ở mỗi bước đi, cho đến khi đặt chúng an toàn ở đích đến. Người mẹ bị giằng xé giữa hai cảm xúc, nỗi vui mừng khi thấy con đang làm việc và nỗi lo lắng về mấy chiếc tách. Hai cảm xúc đối trọng nhau nên bà có thể tự để mình cho phép con thực hiện công việc đang mê hoặc hấp dẫn bé và có vẻ cần thiết cho sức khỏe tâm thần của bé.

Một dịp khác tôi đưa cho một bé gái một tuổi rưỡi miếng giẻ lau, đó là niềm thích thú cho bé khi nó ngồi xuống và lau bụi làm nhiều vật sáng bóng lên. Nhưng trong lòng người mẹ của bé thì có một thứ ức chế không cho phép bà đưa cho đứa trẻ một vật có vẻ vô dụng và quá xa lạ với những quy tắc vệ sinh mà đứa bé đã học.

Những biểu hiện đầu tiên của bản năng lao động làm chấn động sâu sắc bất cứ người lớn nào đã nhận thức ra tầm quan trọng của vấn đề này. Họ thấy phải khước từ hi sinh vô số điều, như thể nhân cách họ bị hạ nhục, phải từ bỏ môi trường của họ, nhưng điều này không tương thích nổi với đời sống xã hội hiện hành. Trong môi trường của người lớn, đứa trẻ chắc chắn là kẻ dư thừa của xã hội. Thế nhưng, nếu chỉ đơn thuần loại trừ đứa trẻ, như họ vẫn làm từ trước đến nay, thì lại có nghĩa là đè nén sự phát triển của trẻ, như thể đứa trẻ đã bị kết án sẵn là phải chịu trở thành kẻ ngu ngốc.

Giải pháp cho xung đột này nằm trong việc chuẩn bị một môi trường thích hợp cho những biểu hiện cao hơn của đứa trẻ. Khi đứa trẻ thoát ra từ đầu tiên, thì không cần chuẩn bị bất cứ điều gì, và ngôn ngữ trẻ con của nó là âm thanh được vui vẻ đón nhận trong nhà. Nhưng công việc của đôi tay bé nhỏ đòi hỏi “những động cơ thúc đẩy hoạt động” dưới dạng của những vật thích hợp. Rồi chúng ta sẽ thấy những đứa bé thực hiện các hành động đòi hỏi một nỗ lực đầy ấn tượng, đôi khi vượt xa cái ta phải xem là phù hợp với năng lực

thể chất của chúng. Tôi có bức hình một bé gái người Anh mang một chiếc bánh mì quê lớn, lớn đến nỗi hai cánh tay của nó không chịu nổi sức nặng và bé phải tựa chiếc bánh vào thân mình. Do đó, bé buộc phải bước đi với tấm thân uốn cong về phía sau nên không thể nhìn thấy chỗ đặt chân trên đường đi của mình. Trong bức hình, ta chỉ thấy vẻ lo âu của con chó của bé, nó không rời mắt khỏi đứa bé.

Nó bồn chồn và dường như sắp nhảy đến để giúp đỡ bé. Nhưng xa hơn đó có những người lớn đang hết sức cố gắng tránh việc chạy đến để đỡ lấy chiếc bánh trên tay bé.

Đôi lúc những đứa trẻ rất nhỏ bộc lộ một kỹ năng rất sớm và sự chính xác trong cử động khiến chúng ta phải vô cùng kinh ngạc. Nếu chuẩn bị được một môi trường cho trẻ, thì chúng sẽ nhận lãnh được những chức năng xã hội phức tạp trong thế giới trẻ em. Tôi còn nhớ ấn tượng sâu sắc mà một bé trai hai tuổi đã tạo ra, khi nó phục vụ các đứa trẻ khác cùng tuổi với vẻ trân trọng, nó chuẩn bị bàn ăn cho các bạn và lo việc đón tiếp trong nhà. Trong những công việc tuyệt vời này, bé rõ ràng chỉ ngạc nhiên vì hai ngọn nến thấp sáng mà mẹ của bé đã đặt trên bánh sinh nhật của nó; bị lẫn lộn ý nghĩa của sự vật, bé đi quanh và nói với mọi người, “Con hai tuổi và có hai cây nến”.

Chương 5

NHỊP ĐIỆU

Nhịp điệu

Người lớn không hiểu nổi rằng sinh hoạt bằng tay là nhu cầu thiết yếu cho trẻ và không nhận ra được biểu hiện đầu tiên của bản năng lao động, vì thế mà đã ngăn cản sự làm việc của trẻ. Điều này không phải luôn là hậu quả của một thái độ tự vệ nhưng có thể có những nguyên nhân khác. Một trong số nguyên nhân đó là việc người lớn đi tìm mục đích bên ngoài cho hành động và bản chất tư duy của họ khiến họ có lối hành động cố định riêng, cố gắng đạt được mục tiêu của mình trong thời gian ngắn nhất có thể, đối với người lớn đã trở thành một thứ luật tự nhiên mà họ thật sự đã phát biểu thành công thức là “luật cố gắng tối thiểu”. Khi thấy trẻ hết sức nỗ lực thực hiện hành động dường như vô bổ, hay không thiết thực mà bản thân người lớn có thể làm trong nháy mắt và làm tốt hơn nhiều, người lớn bị thôi thúc phải xông ra giúp một tay, như để kết thúc một cảnh tượng khó chịu.

Sự hăng say mà người lớn thấy ở đứa trẻ nhỏ đối với những điều tầm thường khiến họ bực bội vì thấy vô lí và thậm chí khó hiểu. Nếu trẻ thấy khăn trải bàn bị lệch, và nhớ cách chiếc khăn vẫn được trải ra, nó sẽ cố đặt nó lại y như kiểu nó nhớ, và nếu nó được làm như thế, nó sẽ làm một cách chậm chạp nhưng với tất cả năng lực và nhiệt tình vốn có; bởi nhớ là nhiệm vụ chính của tâm trí đứa trẻ, và đặt cái gì lại cho đúng như nó đã thấy, là chiến thắng tối thượng, tương ứng với trình độ phát triển của nó. Nhưng bé chỉ có thể làm được điều này khi không có người lớn nào ở gần đó chú ý đến sự gắng sức của bé.

Nếu đứa trẻ muốn tự chải đầu, người lớn thay vì vui mừng trước sự cố gắng tuyệt vời này, lại cảm thấy chính các quy tắc của mình bị vi phạm. Người lớn biết là trẻ không thể chải đầu gọn gàng hay nhanh chóng, và trẻ sẽ không đạt đến mục đích yêu cầu, trong khi người lớn có thể làm nhanh chóng và tốt hơn trẻ. Thế là, đứa trẻ đang thích thú thực hiện một trong những hành động xây dựng nên nhân cách của nó, nó bỗng thấy người lớn, một kẻ khổng lồ cao gần trần nhà vô cùng mạnh mẽ, không gì có thể chống lại, đến trước mặt, lấy đi chiếc lược và nói rằng họ sẽ chải đầu cho nó. Điều tương tự xảy ra khi người lớn thấy trẻ cố tự mặc quần áo hay thắt dây giày một cách khó khăn. Mọi nỗ lực của trẻ đều bị gián đoạn. Người lớn bực bội không chỉ vì trẻ cố thực hiện một hành động không cần thiết, mà còn bực bội bởi nhịp điệu khác biệt, cách cử động khác biệt của trẻ. Nhịp điệu không như một khái niệm cũ có thể thay đổi, hay một tư tưởng mới có thể hiểu

được. Mỗi cá thể có một nhịp điệu riêng trong vận động, là một phần của bản thân nó, một đặc tính cố hữu nội tại, gần giống như vóc dáng cơ thể của nó, và nếu nhịp điệu riêng này hài hòa được với các nhịp điệu tương tự, thì nó lại không thể thích nghi được với các nhịp điệu khác nó mà không bị đau khổ. Chẳng hạn, nếu ở gần và phải đi bộ cạnh người bị liệt chúng ta cảm thấy rất khó chịu, và khi chúng ta thấy họ chậm rãi nâng cái li lên miệng, có thể làm đổ chất lỏng bên trong, một sự xung đột khôn tả giữa các nhịp điệu khác nhau khiến ta khó chịu và tìm cách hóa giải bằng cách thay thế nhịp điệu riêng của chúng ta cho nhịp điệu của kẻ khác, và chúng ta gọi đó là sự giúp đỡ. Người lớn có con nhỏ cũng hành động tương tự. Tựa như do tự vệ vô thức, họ cố ngăn cản đứa trẻ làm những động tác chậm chạp và vụng về, giống như họ sẽ tự nhiên phải đi một con ruồi vô hại đang quấy rầy họ.

Ngược lại, người lớn có thể chịu đựng những động tác của trẻ khi chúng xảy ra chớp nhoáng, với nhịp điệu nhanh hơn. Trong trường hợp này, người lớn sẵn sàng chịu đựng sự lộn xộn và hỗn loạn do đứa trẻ năng động gây ra trong môi trường của họ. Ở đây người lớn có thể “trang bị cho mình sự kiên nhẫn” vì đây là cái gì rõ ràng và thể hiện ra ngoài; và ý chí của người lớn luôn có thể kiểm soát các hành vi có ý thức của họ. Nhưng khi đứa trẻ cử động chậm chạp, người lớn cảm thấy bị buộc phải can thiệp bằng cách “*thay thế*”. Thế là, thay vì hỗ trợ đứa trẻ trong những nhu cầu tinh thần thiết yếu nhất của trẻ, người lớn lại đứng ra thay thế cho đứa trẻ trong mọi hoạt động mà trẻ muốn tự thực hiện, do đó đóng lại mọi con đường hoạt động của trẻ và biến thành trở ngại to lớn nhất cho sự phát triển sự sống của trẻ. Những tiếng hét tuyệt vọng của đứa trẻ “ngổ ngáo” không muốn được tắm rửa, mặc quần áo, hay được chải tóc, là những cảnh tượng của thảm kịch đấu tranh sớm nhất của con người.

Ai có thể nghĩ rằng *sự giúp đỡ vô ích* cho đứa trẻ là cội rễ đầu tiên của tất cả mọi *đàn áp*, và do đó là nguyên nhân của vết thương nguy hiểm nhất mà cá thể người lớn có thể gây ra cho đứa bé?

Người Nhật đã có một quan niệm đầy ấn tượng về địa ngục của trẻ em. Như là một phần của việc thờ cúng người chết, họ đặt lên các ngôi mộ của trẻ con một số hòn đá nhỏ và những vật tương tự như đá để giúp chúng thoát khỏi những hành hạ của thế giới bên kia sẽ cố tiếp tục giáng xuống đầu chúng. Khi đứa trẻ dựng lên cái gì, một con quỷ sẽ đạp nó xuống và phá tan đi, và các hòn đá nhỏ mà cha mẹ nó chu đáo đặt lên mộ sẽ giúp nó có thể xây trở lại. Đây là một trong những dự phóng đầy ấn tượng của tiềm thức vào cuộc sống ở thế giới bên kia.

Sự thay thế của người lớn

Người lớn thay thế hành động của trẻ bằng chính hành động của mình không những ở cách đứng ra làm thay cho đứa trẻ, mà còn thể hiện ở chỗ đem ý chí của họ thâm nhập vào trong ý chí của trẻ khiến ý chí của họ thay thế ý chí của trẻ. Khi điều này xảy ra, trẻ không còn hành động nữa mà chính là người lớn hành động thông qua trẻ.

Trong Viện Tâm thần học nổi tiếng của mình, khi chỉ ra sự hoán đổi nhân cách bằng thuật thôi miên trong trường hợp các cá thể mắc chứng cuồng loạn thần kinh, Charcot đã gây ra một tiếng vang lớn. Những thí nghiệm của ông làm lung lay những quan niệm căn bản được coi là bất biến, ví dụ, con người là chủ nhân của hành động của chính nó. Đã có thể chứng minh bằng thực nghiệm rằng sự ám thị áp đặt lên một chủ thể đến độ kiểm chế cá tính của họ và thay thế nó bằng cá tính của nhà thôi miên. Những sự kiện này, dù hạn chế trong phạm vi bệnh viện và một số thí nghiệm rất giới hạn, đã mở ra một lĩnh vực nghiên cứu và khám phá mới. Hiện tượng này đưa đến các nghiên cứu về dạng nhân cách hai mặt, về những trạng thái tâm lí trong tiềm thức và những trạng thái có tính thăng hoa và cuối cùng dẫn đến thám hiểm thế giới vô thức bằng phân tâm học.

Có một giai đoạn trong cuộc đời cực kì nhạy cảm với sự ám thị - giai đoạn sơ sinh - khi ý thức đang trong quá trình hình thành, và sự mẫn cảm với các yếu tố bên ngoài đang trong giai đoạn được tạo dựng. Lúc đó, người lớn có thể đưa chính cá tính của họ len lỏi vào đứa trẻ, như để bằng sự xâm nhập tinh vi, với chính ý chí của họ, kích hoạt cái phẩm chất tuyệt vời của ý chí của trẻ, là tính mềm dẻo dễ uốn nắn của trẻ.

Trong các trường học của mình, chúng tôi nhận thấy rằng nếu chỉ cho trẻ cách làm bất cứ điều gì với quá nhiều nhiệt tình hay làm những động tác thái quá hay quá chính xác, sẽ dập tắt khả năng phán đoán và hành động theo chính cá tính của trẻ. Hệ quả, như đã xảy ra, là một động tác bị tách rời khỏi cái bản ngã phải chỉ huy nó, và thay bằng động tác từ một bản ngã bên ngoài mạnh mẽ hơn nó, với một chuyên động nhỏ, nhưng có sức mạnh kinh khủng để vô lấy, và hầu như đánh cắp chính các cơ quan non nớt của nhân cách của đứa trẻ. Người lớn thực hiện việc ám thị không chỉ theo ý muốn mà còn có thể ngoài ý muốn của họ hay vì không ý thức và không nhận diện được vấn đề đang tồn tại.

Tôi sẽ đưa ra vài ví dụ. Một lần, tôi thấy một bé khoảng hai tuổi đặt một đôi giày lên tấm trải giường trắng tinh, với một động tác nông nổi, không suy nghĩ, không cân nhắc, tôi lấy đôi giày và đặt chúng xuống đất, trong một góc phòng rồi nói, “Bẩn!” và tôi dùng tay phủi tấm trải giường nơi đôi giày đã được đặt xuống. Sau sự việc này, bất cứ khi nào thấy một đôi giày, đứa bé sẽ chạy đến, nhặt chúng lên và đặt chúng ở chỗ khác và nói, “Bẩn!”, sau đó

đến bên giường và quơ tay cứ như để phủi sạch, mặc dù đôi giày không hề ở gần đó.

Đây là một ví dụ khác. Một gia đình nhận một gói quà và bà mẹ thích thú đón nhận. Cô ấy mở ra, thấy một mảnh lụa và một chiếc kèn nhỏ, cô lập tức đưa mảnh lụa cho đứa con gái nhỏ, còn chiếc kèn cô đưa lên môi để thổi. Đứa bé vui mừng hét lên “Nhạc!”. Và suốt khoảng thời gian sau đó bất cứ khi nào sờ vào một mảnh vải, bé đều trở nên háo hức và nói “Nhạc!”.

Đặc biệt là những yếu tố ức chế dễ len lỏi vào trong các hành vi của một đứa trẻ bởi một ý chí nằm bên ngoài nó, khi ý chí của người lớn không đủ mạnh để tạo ra một phản ứng ở trẻ. Những con người đang hoang, có tự chủ, và nhất là những bảo mẫu thạo nghề đặc biệt chấp nhận điều này. Một trường hợp minh họa rõ ràng nhất mà tôi đã gặp là một bé gái khoảng bốn tuổi sống cùng bà nó ở nhà của bà. Đứa bé rất muốn vặn cái vòi phun trong vườn để thấy nước bắn ra. Nhưng khi bé sắp làm việc này, bé đột ngột co tay lại. Bà của bé khuyến khích bé vặn cái vòi, nhưng bé đáp, “Không, bảo mẫu không cho”. Người bà cố thuyết phục bé rằng bé hoàn toàn được phép làm điều đó, chỉ ra rằng bé đang ở nhà của bà. Bé cười thích thú, thể hiện sự hài lòng và hơn hết sự háo hức nhìn thấy vòi nước phun, nhưng, dù bé đã vươn tay đến vòi nước, song đến phút cuối, bé vẫn rút tay lại không mở vòi. Tính vâng lời theo mệnh lệnh của người bảo mẫu vắng mặt mạnh đến nỗi sự thuyết phục âu yếm của người đang ở kề bên cũng không thể lật ngược cái lực ở xa đó.

Một trường hợp tương tự là một cậu bé lớn hơn một chút, khoảng bảy tuổi, rất muốn chạy đến cái gì ở xa đã hấp dẫn nó, song bé quay trở lại và ngồi xuống, cứ như sợ sự lưỡng lự trong ý chí mà bé không thể vượt qua. Không biết được ai là “chủ nhân” kiểm soát bên trong đứa trẻ, bởi kí ức của nó đã mất hết dấu vết về điều này.

Chúng ta có thể nói rằng sự cởi mở của đứa trẻ đối với sự gợi ý ám thị là một sự phóng đại của một trong các chức năng tâm lí có tính định hình, hay của một sự miễn cảm nội tại đặc trưng mà chúng ta gọi là “tình yêu môi trường”. Đứa trẻ hào hứng quan sát mọi vật và bị chúng thu hút, nhưng trên hết, trẻ bị lôi cuốn bởi các hành động của người lớn và tìm cách học hiểu và lặp lại chúng. Trong việc này, có lẽ người lớn có một sứ mệnh: tạo cảm hứng cho các hành động của con trẻ, là một quyền sách mở mà trẻ có thể đọc sự hướng dẫn cho các động tác của chúng và học cái nó phải học để hành động đúng đắn. Nếu vậy, người lớn phải luôn đi kèm và hành động của họ phải *chậm rãi*, để tất cả các chi tiết hành động của họ thật rõ ràng cho đứa trẻ theo dõi. Nếu người lớn tự buông theo nhịp điệu nhanh và mạnh của họ như thường vẫn xảy ra, thì thay vì gây cảm hứng, họ có thể khắc ghi chính cá

tính của họ lên đưa trẻ và hoán đổi đưa trẻ với bản thân họ qua sự ám thị.

Ngay cả những vật bất động, nếu chúng hấp dẫn các giác quan, chúng vẫn có thể có một sức ám thị kêu gọi sự chú ý của trẻ, như thanh nam châm có sức hút từ bên ngoài. Để làm rõ điều này, tôi sẽ nêu lên một thí nghiệm thú vị của Giáo sư Levine được minh họa trong các phim về tâm lí của ông. Ông muốn ghi nhận thái độ khác biệt của trẻ em khuyết tật và trẻ em bình thường trong trường chúng tôi (ông chú ý chọn ra các trẻ cùng tuổi và cùng môi trường) khi đối diện cùng các món đồ.

Trong phim này, chúng ta thấy một cái bàn lớn, trên đó đặt sẵn nhiều vật khác nhau, gồm cả vài thứ của chúng tôi. Một nhóm trẻ em đi vào, chúng liền bị thu hút, thích thú với các vật trước mặt. Chúng linh hoạt và luôn vui cười, và có vẻ hài lòng khi đứng trước nhiều đồ vật khác nhau như vậy. Mỗi đứa lấy một món nào đó và sửa soạn làm việc, nhưng lại đặt đồ xuống, chọn món khác và cứ tiếp tục như thế, từ thử nghiệm này đến thử nghiệm khác. Đây là một cảnh tượng.

Còn đây là cảnh tượng khác. Nhóm trẻ thứ hai đi vào. Chúng đi chậm chậm, ngừng bước, nhìn xung quanh. Chúng chọn một trong nhiều món đồ và ở lại quanh đó một lúc, và rồi chúng có vẻ như đứng yên, không làm gì. Đó là cảnh tượng thứ hai.

Trong hai nhóm trẻ này, nhóm nào là trẻ khuyết tật và nhóm nào là trẻ bình thường? Các trẻ em khuyết tật là những đứa năng động, vui vẻ, di chuyển nhanh, chạy từ món này qua món khác và muốn thử đủ thứ. Đối với mọi người, chúng có vẻ là những đứa thông minh, bởi ai cũng thường nghĩ rằng đứa trẻ sống động, vui tươi, chuyển từ món này qua món khác là thông minh.

Và ngược lại những đứa trẻ bình thường là những đứa di chuyển bình thản, để nhiều giờ đứng yên và chú ý đến một món đồ như thể chúng đang suy nghĩ. Vậy hành động điềm tĩnh, kiềm chế, cân nhắc và tính khí trầm tư là các đặc tính của sự bình thường.

Thí nghiệm ghi lại trên hai bức ảnh trên dường như đối lập với các quan niệm nói chung đã được thiết lập; bởi trong một môi trường bình thường, các trẻ thông minh hành xử như trẻ khuyết tật trong phim. Đứa trẻ bình thường chậm rãi, trầm tư, là típ mới, nhưng nó cho thấy ngay rằng các cử động có kiểm soát được chỉ huy bởi bản ngã của nó và cai quản bởi lí trí. Những đứa trẻ như vậy làm chủ sự gợi ý ám thị đến với chúng từ những vật bên ngoài và hành xử với những vật như vậy với sự tự do. Cho nên điều quan trọng không phải là cử động nhiều mà là sự tự chủ. Điều quan trọng cho bất cứ cá nhân nào không phải là nó phải vận động bất cứ cách nào và theo bất cứ hướng

nào, mà là nó phải đạt được sự tự chủ với các cơ quan vận động của nó. Khả năng vận động theo bản ngã và không bị thống trị bởi sự hấp dẫn đơn thuần của các vật ngoại tại, khiến đứa trẻ chỉ tập trung vào một vật, và đó là một hiện tượng có căn nguyên nội tại.

Vận động tinh tế và có suy nghĩ như vậy là trạng thái thật sự bình thường; nó kết thành một trật tự mà ta có thể gọi là trật tự của kỉ luật nội tại. Kỉ luật trong những hành động bên ngoài là biểu hiện của một kỉ luật nội tại đã kết tinh xung quanh trật tự. Khi điều này không xảy ra, vận động nằm ngoài vòng kiểm soát của nhân cách và có thể bị thống trị bởi một ý chí bên ngoài, hay trở thành nạn nhân của những tác động bên ngoài giống như con tàu không bánh lái. Một ý chí bên ngoài khó tạo ra hoạt động có kỉ luật bởi vẫn còn thiếu sự tổ chức cần thiết cho hoạt động như vậy. Khi ấy, chúng ta có thể nói tính cá thể đã bị phá vỡ.

Đứa trẻ khi đã mất cơ hội phát triển theo đúng bản chất của chính nó cũng gần giống như người đáp xuống sa mạc trong khinh khí cầu và đột ngột nhận thấy khinh khí cầu bị gió cuốn đi. Anh ta thấy mình không thể làm gì để có thể điều khiển nó và thấy không có gì thay thế được nó. Đây là hình ảnh của con người khi nó thật sự phát triển qua cuộc đấu tranh giữa người lớn và trẻ nhỏ. Tâm hồn của nó là một tâm hồn tối tăm, không phát triển, xa lạ với những phương tiện biểu lộ của nó, nó như thể bị bỏ rơi, trở thành nạn nhân của các yếu tố trong thiên nhiên.

Tầm quan trọng của sự vận động

Rõ ràng là người lớn, bởi không hiểu được tầm quan trọng của hoạt động đối với trẻ, nên chỉ biết ngăn cấm những hoạt động làm phiền họ.

Tương tự, cũng không rõ vì sao các nhà khoa học và nhà giáo lại không nhận ra tầm quan trọng cực kì của hoạt động trong sự hình thành kẻ-sẽ-là-người. Ngay từ ngữ “động vật” đã bao hàm cái ý tưởng về sự vận động, tức là hoạt động: sự khác biệt giữa động vật và thực vật là thực vật đứng yên còn động vật di chuyển, vậy thì tại sao người ta lại có thể nghĩ rằng nên giảm bớt các hoạt động của đứa trẻ?

Những lời khen ngợi khác nhau thể hiện sự chấp nhận thái độ này từ tiềm thức. Đứa trẻ được gọi là “bông hoa nhỏ” - một thứ đứng yên. Hay là “thiên thần nhỏ”, tức là một kẻ di chuyển, bay nhảy, nhưng bay nhảy trong một thế giới khác chứ không phải thế giới của con người.

Tất cả điều này phơi bày sự mù quáng bí ẩn của tâm hồn con người, sự mù quáng này vượt khỏi các ranh giới chật hẹp mà Freud đã chỉ ra là *điểm mù* tâm lí được ông mô tả như một sự mù lòa từng phần, hiện diện trong vô

thức nhân loại.

Sự mù lòa này thật sự sâu sắc nếu khoa học, với các phương pháp khám phá một cách có hệ thống những điều chưa biết, đã lướt qua lời chứng thực quan trọng nhất về sự sống con người nhưng không hề biểu lộ được nó.

Ai cũng đồng ý về tầm quan trọng của các giác quan trong sự hình thành trí tuệ. Không ai nghi ngờ rằng trí óc của một người câm điếc hay của một đứa trẻ mù gặp phải những khó khăn khùng khiếp trong quá trình phát triển của nó, bởi thị giác và thính giác là cửa ngõ của tư duy, chúng được xem là những giác quan của tri thức. Người ta cũng đồng ý rằng dù các điều kiện nội tại giống nhau, trí khôn của kẻ câm điếc và kẻ mù vẫn thấp kém hơn trí khôn của kẻ hoàn toàn vận dụng được các giác quan của họ. Nhưng những nỗi khổ của người mù và người điếc thì ai cũng thấy rõ, cho dù những nỗi khổ này khác cái khổ về thân xác, thậm chí những đau khổ ấy có thể xảy ra ở kẻ có một sức khỏe hoàn hảo. Không ai có thể vô lí đến nỗi giả định rằng việc ngăn cản đứa trẻ nhìn và nghe, một cách giả tạo, sẽ khiến chúng có thể hấp thu tốt hơn văn hóa tri thức và đạo đức xã hội. Hay cũng không ai có thể nghĩ rằng tiến bộ văn minh sẽ phải trông chờ vào kẻ điếc, người mù.

Nhưng chắc hẳn cũng khó chấp nhận ý tưởng cho rằng vận động cũng có tầm quan trọng bằng hay hơn đối với sự hình thành tư duy và đạo đức của con người. Nếu con người tự hình thành nhưng xem thường các cơ quan vận động của nó, sự tăng trưởng của nó sẽ bị đình trệ và nó sẽ mãi mãi ở trong một tình trạng thấp kém trầm trọng hơn cái được hình thành từ sự thiếu vắng của một trong những giác quan của tri thức.

Sự đau khổ của kẻ bị là *tù nhân của thân xác* của nó bộc lộ một hình ảnh bi thảm và nghiêm trọng hơn các nỗi khổ của kẻ điếc hay mù. Người mù và người điếc chỉ thiếu các nhân tố trong môi trường của họ để làm phương tiện cho sự phát triển của họ. Linh hồn có những năng lực thích nghi đến nỗi ở một điểm nào đó, sự nhạy bén của một giác quan này có thể bổ trợ cho sự khiếm khuyết của giác quan khác. Nhưng vận động là một phần của chính nhân cách của con người, và không gì có thể thay thế được nó. Người không vận động là kẻ bị thương trong chính bản thể của nó và là một kẻ sống ngoài lề xã hội.

Khi nói đến cơ bắp, ta liên tưởng ngay đến một cơ chế máy móc, đúng thế, cơ chế của một bộ máy. Và điều này gần như khác hẳn với quan niệm của chúng ta về cái tinh thần, là thứ xa lạ với vật chất và cơ chế máy móc.

Dường như là một sự thách thức với các quan niệm trước đây khi chúng ta thấy sự vận động có tầm quan trọng lớn hơn những cái được gán cho là

“giác quan đem lại tri thức” trong sự phát triển của tư duy và trong sự tiến hóa về tri thức của một con người.

Nhưng trong đôi mắt và đôi tai, lại có những cơ chế máy móc. Không gì hoàn hảo hơn là cái “máy ảnh” tuyệt vời và sinh động nằm trong đôi mắt. Và đôi tai là một tập hợp của những chiếc đàn thụ cầm nhiều dây với một ban nhạc jazz đầy đủ, có cả trống nữa!

Tuy nhiên, khi chúng ta nói đến tầm quan trọng của những công cụ tuyệt vời này ở đôi mắt và đôi tai trong sự hình thành trí thông minh, chúng ta không nghĩ rằng chúng là những cơ chế, mà chúng ta nghĩ đến bản ngã đang sử dụng những cơ chế ấy. Qua những công cụ kì diệu thiết yếu cho sự sống này, bản ngã đi vào mối quan hệ với thế giới và sử dụng chúng tùy theo nhu cầu tâm lí của nó. Những cảnh tượng đẹp của thiên nhiên, bình minh hay hoàng hôn, hoặc của những tác phẩm nghệ thuật, những ấn tượng âm thanh của thế giới bên ngoài, giọng nói của con người, hay âm nhạc, tất cả các ấn tượng đa diện và liên tục này ban cho bản ngã nội tại những niềm vui của đời sống tinh thần và sự dinh dưỡng cần thiết cho sự bảo tồn đời sống tinh thần ấy.

Bản ngã là tác nhân đích thực, là trọng tài duy nhất và là người lãnh hội các ấn tượng của giác quan. Nếu không có bản ngã để nhìn thấy và thụ hưởng, thì công dụng của các cơ chế của giác quan là gì? Không phải sự thấy và sự nghe là quan trọng, mà điều quan trọng là bản ngã phải tự hình thành, lớn lên, vui hưởng và tự bảo tồn qua sự thấy và nghe.

Bây giờ chúng ta có thể rút ra được sự giống nhau giữa điều này và sự vận động. Không nghi ngờ gì nữa, vận động có những bộ phận cơ học của nó, mặc dù chúng không xơ cứng và cố định như lớp màng của màng nhĩ hay thủy tinh thể của mắt. Bây giờ, vấn đề cơ bản của đời sống con người và do đó của giáo dục là bản ngã phải có khả năng vận động và làm chủ các cơ quan vận động của chính nó, sao cho trong các hành động của nó, nó phải được hướng dẫn bởi cái gì đó cao hơn những gì mang tính vật chất hay chỉ là những chức năng của một đời sống thực vật, một cái nói chung là bản năng, nhưng ở con người, cái bản năng đó lại rõ ràng là một tinh thần có tính sáng tạo, bao phủ bởi trí thông minh.

Nếu cái bản ngã không đạt đến điều kiện tất yếu này, sự thống nhất của nó sẽ tan vỡ. Nó sẽ giống như một bản năng phải đi vòng trong thế giới, tách khỏi thân xác mà nó phải kích hoạt.

“Trí tuệ của tình yêu”

Tất cả lao động của sự sống tự hoàn tất theo quy luật của nó và đem lại sự

hài hòa giữa các sinh vật, đạt được ý thức dưới dạng TÌNH YÊU.

Tình yêu không phải là luồng kích thích vận động, nhưng nó phản ánh kích thích vận động như các hành tinh phản chiếu ánh sáng mặt trời. Vận động là bản năng, là sự thôi thúc sáng tạo của sự sống. Nhưng khi vận động này mang đến sự sáng tạo, nó khiến ta cảm nghiệm được tình yêu, và vì vậy mà tình yêu tràn ngập nhận thức của đứa trẻ. Việc đứa trẻ tự hiện thực hóa bản thân xảy đến với nó qua tình yêu.

Thật vậy, dưới dạng tình yêu đối với môi trường của trẻ, chúng ta có thể hình dung thấy sự thôi thúc khó cưỡng, trải qua các giai đoạn miễn cảm, đã kết hợp đứa trẻ với mọi vật. Nó không phải là tình yêu theo nghĩa là một cảm xúc như thông thường ta vẫn hiểu, mà là tình yêu của trí tuệ có thể nhìn thấy, hấp thu, và tự hình thành qua yêu thương. Vâng, nhà hướng đạo nội tại dẫn dắt trẻ em quan sát những gì xung quanh chúng, có thể diễn tả bằng cách nói của Dante, là “trí tuệ của tình yêu”.

Đó đúng là một dạng tình yêu đem lại cho trẻ em khả năng quan sát một cách mãnh liệt và kỹ lưỡng, đến nỗi những vật trong môi trường của chúng, mà chúng ta, vì lạnh nhạt, không nhìn thấy khi đi qua. Sự miễn cảm khiến đứa trẻ thấy cái mà những người khác không nhận thấy, không phải là một đặc tính của tình yêu hay sao? Hay là việc góp nhặt những chi tiết mà người khác không nhận ra, trân trọng những phẩm chất đặc biệt, với bản chất cố hữu của nó, ẩn kín, mà chỉ có tình yêu mới khám phá ra? Chính vì trí khôn của trẻ hấp thu bằng yêu thương, chứ không thờ ơ, mà trẻ có thể thấy được cái vô hình, sự hấp thu chủ động, say mê, chi tiết và kiên định, trong tình yêu là một đặc trưng ở trẻ em.

Đối với người lớn, sự linh hoạt và vui tươi được xem là đặc điểm của sức sống mãnh liệt của trẻ, chúng được xem là đặc tính của trẻ sơ sinh. Nhưng họ không nhận thấy tình yêu đằng sau những đặc tính này, không nhận thấy cái năng lượng tâm linh, cái đẹp đạo đức đi đôi với sự sáng tạo.

Tình yêu của trẻ vẫn còn trong sáng, không vướng vào các tương phản. Trẻ yêu vì trẻ tiếp thu, vì Tự nhiên ra lệnh cho trẻ làm như vậy. Và cái nào nó tiếp nhận thì nó hấp thu để biến thành một phần của chính sự sống của nó, để sáng tạo ra chính bản thể của nó.

Trong môi trường của trẻ, người lớn là đối tượng đặc biệt cho tình yêu của chúng. Trẻ nhận từ người lớn những thứ vật chất và sự hỗ trợ tinh thần, và từ người lớn, với tình yêu mãnh liệt, trẻ lấy ra những gì nó cần cho sự tự hình thành nhân cách của mình. Đối với trẻ, người lớn là con người đáng tôn kính, từ miệng của người lớn, như từ một suối nguồn tâm linh, tuôn ra những lời giúp trẻ tạo ra lời nói của nó, và dẫn dắt nó. Đối với đứa trẻ, lời của người

lớn là những kích thích siêu nhiên. Chính người lớn, bằng hành động của mình, chỉ cho trẻ, kể đến từ cái hư vô, cách thức con người vận động. Bất chước họ là bước vào sự sống. Đứa trẻ bị mê hoặc, hấp dẫn bởi lời nói và hành động của họ, chúng có thể mang cả sức ám thị: vì thế mà đứa trẻ nhạy cảm với người lớn đến độ nhân cách của nó có thể tan biến và người lớn sống và làm việc trong trẻ và hành động thay cho trẻ. Câu chuyện của đứa trẻ đặt giày bản lên tấm trải giường cho thấy sự vâng lời đến mức mê muội. Những gì người lớn nói với trẻ được khắc ghi trong tư duy của trẻ cứ như những con chữ được khắc lên đá

Chữ “nhạc” thốt ra bởi bà mẹ lúc nhận được gói quà là một ví dụ khác nữa. Vì thế người lớn nên cân nhắc tất cả những lời nói của họ trước mặt đứa trẻ; vì trẻ rất háo hức học lấy từ họ; trẻ là kẻ tích lũy tình yêu.

Từ tận đáy tâm hồn đứa trẻ sẵn sàng vâng lời người lớn. Chỉ tới khi người lớn yêu cầu trẻ từ bỏ các mệnh lệnh của động lực nội tại thôi thúc trẻ sáng tạo với những quy tắc và luật lệ bất biến, trẻ mới hết có thể vâng lời. Tương tự như lúc trẻ đang mọc răng, có kẻ bảo nó phải ngừng lại và không cho răng nào mọc ra nữa. Những cơn thịnh nộ và bất tuân của trẻ là biểu hiện của một xung đột thiết yếu giữa thôi thúc có tính sáng tạo và tình yêu của trẻ dành cho người lớn đang không hiểu được nó. Khi người lớn gặp phải cơn giận dữ thay vì sự vâng lời của trẻ, họ nên luôn nhớ đến mỗi xung đột này và phải để ý đến sức phản kháng của một hành động tất yếu cần thiết cho sự phát triển của trẻ.

Thật vậy, chúng ta nên nhớ rằng trẻ muốn vâng lời và yêu mến chúng ta. Trẻ yêu người lớn hơn tất cả những thứ khác, nhưng người ta chỉ nói đến tình yêu của người lớn dành cho đứa trẻ. Điều này áp dụng không những cho cha mẹ mà còn cho thầy cô, “Thầy cô yêu học trò biết bao!”. Hơn nữa, mọi người nói rằng trẻ phải được dạy biết yêu cha mẹ, thầy cô, và tất cả mọi người, và thậm chí cả động vật, thực vật, hoa cỏ và mọi thứ.

Nhưng ai là người sẽ dạy trẻ? Ai sẽ là người thầy dạy trẻ về nghệ thuật yêu thương? Những người hạ thấp các biểu hiện hồn nhiên của trẻ thành sự ngỗ nghịch, và chỉ nghĩ đến cách bảo vệ bản thân và của cải khỏi rơi vào tay đứa trẻ? Một người như vậy không thể là thầy dạy trẻ yêu thương vì không còn sự nhạy cảm mà chúng ta gọi là “trí tuệ của tình yêu”.

Thay vào đó, chính đứa trẻ là kẻ yêu thương người lớn, kẻ muốn thấy người lớn gần bên mình, để luôn ở kẻ bên họ và vui sướng trong việc thu hút sự chú ý đến nó: “Nhìn con đi! ở lại với con nhé!”.

Vào buổi tối khi đi ngủ, trẻ gọi người mình yêu và van xin người đó đừng bỏ đi. Và khi chúng ta đi ăn tối, đứa trẻ chưa cai sữa, thích được đi cùng,

không phải để ăn mà chỉ muốn ở gần để có thể nhìn chúng ta. Người lớn lướt qua tình yêu huyền nhiệm này mà không nhận thấy nó. Nhưng đứa trẻ bé nhỏ yêu chúng ta nhiều đến thế sẽ lớn lên và biến mất. Và ai sẽ yêu chúng ta như đứa trẻ đang yêu chúng ta? Ai sẽ gọi chúng ta khi đi ngủ và nói rằng: “ở với con nhé!”. Khi đứa trẻ lớn lên, nó sẽ nói một cách lạnh nhạt “Chúc ngủ ngon”. Lúc ấy, ai sẽ tha thiết chỉ muốn nhìn chúng ta khi chúng ta ăn? Chúng ta tự vệ chống lại cái tình yêu sẽ qua đi này, và chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy tình yêu khác giống vậy! Trong cơn rối loạn, chúng ta nói: “Không có thời giờ đâu! Không thể được! Bận bịu lắm!” và trong lòng chúng ta đang nghĩ: “Phải dạy đứa bé tốt hơn, nếu không, nó sẽ biến chúng ta thành nô lệ của chúng.”

“Cái chúng ta muốn là được tự do khỏi trẻ để chúng ta có thể làm những gì mình thích, để chúng ta không phải từ bỏ tiện nghi của riêng mình”.

Thật là một sự nghịch ngợm kinh khủng về phần đứa trẻ khi nó đánh thức cha mẹ vào buổi sáng, lúc họ vẫn còn ngủ. Khi điều kiện xã hội cho phép, người bảo mẫu phải ngăn cản điều này hơn hết. Bảo mẫu là *người* canh giữ giấc ngủ sáng của cha mẹ.

Nhưng điều gì thúc đẩy trẻ đi tìm cha mẹ ngay khi trẻ thức dậy nếu đó không phải là tình yêu? Khi có thể, đứa trẻ ra khỏi giường rất sớm, như mọi sinh vật trong sáng, khi trời vừa hừng sáng, trẻ đi tìm cha mẹ còn ngái ngủ như muốn nói: “Hãy học sống thánh thiện! Sáng rồi! Giờ là buổi sáng!”. Nhưng trẻ đến với cha mẹ không phải để dạy họ mà chỉ chạy đến nhìn những người mà trẻ yêu thương.

Có thể là căn phòng vẫn còn tối, rèm còn buông để ánh sáng bình minh sẽ không quấy rầy những người còn ngủ, có thể là đứa trẻ vừa đi vừa vấp, tim đập mạnh vì sợ bóng tối nhưng nó sẽ vượt qua mọi sự, nhẹ nhàng đến bên và chạm vào người cha mẹ. Cha và mẹ cần nhắc nó: “Đã bảo con đừng đánh thức bố mẹ vào sáng sớm mà!” “Con không đánh thức bố mẹ”, bé trả lời, “Con chỉ muốn sờ bố mẹ, con chỉ muốn hôn bố mẹ”. Như thế trẻ nói: “Con không muốn đánh thức thân xác của bố mẹ khỏi giấc ngủ, con chỉ muốn đánh thức tinh thần của bố mẹ thôi.”

Vâng, tình yêu của trẻ có ý nghĩa vô cùng quan trọng khi chúng ta quan tâm đến nó. Cha và mẹ ngủ cả đời, họ luôn có xu hướng ngủ thêm, và cần một con người mới đánh thức họ và giữ vững họ bằng một nguồn năng lượng tươi mới và sinh động mà họ đã đánh mất từ lâu. Họ cần một sinh linh sống khác để nói với họ mỗi buổi sáng: “Có một một cuộc đời khác mà cha mẹ đã quên! Hãy học sống tốt hơn!”.

Để sống tốt hơn! Để cảm thấy hơi thở của tình yêu! Con người sẽ suy

thoái nếu không có trẻ giúp họ tái sinh. Nếu người lớn không thức tỉnh, lớp vỏ cứng sẽ dần hình thành bao quanh họ và biến họ thành vô cảm. Điều này nhắc nhở chúng ta về Ngày Phán Xét Chung, khi Đức Ki-Tô nói với những linh hồn sa đọa, những kẻ đã không bao giờ sử dụng những phương tiện họ gặp trong đời để cải thiện bản thân:

“Tránh xa ta, kẻ bị nguyên rủa... Ta là kẻ lạ và ngươi đã không cho ta vào, ta trần truồng và ngươi không cho ta mặc, ta bệnh và tù tội và ngươi đã không thăm viếng ta!”

Và họ sẽ trả lời: “Nhưng, thưa Ngài, có bao giờ chúng con thấy Ngài đói, khát, là người lạ, trần truồng, bệnh tật hay ở tù mà không thăm nom đâu?”

“Thật vậy, Ta bảo các ngươi. Bất cứ khi nào ngươi không làm gì cho những kẻ thấp hèn nhất này, tức là ngươi đã không làm cho ta.”

Trong cách mô tả sống động của Phúc Âm, dường như chúng ta phải phục vụ Đức Ki-Tô ẩn kín trong mỗi con người nghèo khó, bị tù đày, và đau khổ. Nếu áp dụng cảnh tượng tuyệt vời này vào đứa trẻ, chúng ta sẽ thấy Đức Ki-Tô xuất hiện để phục vụ mọi người dưới hình dạng của đứa trẻ.

“Ta yêu ngươi. Ta đến đánh thức ngươi vào buổi sáng, và ngươi đã đuổi ta.”

“Nhưng, thưa Ngài, có khi nào Ngài đến với chúng tôi vào buổi sáng để đánh thức chúng tôi, và chúng tôi đuổi Ngài bao giờ?”

“Khi đứa con ngươi sinh ra đến gọi ngươi, nó chính là ta. Khi nó nài nỉ ngươi đừng rời bỏ nó, nó chính là ta!”

Chúng ta thật ngu ngốc! Đó là Đấng Cứu Độ! Chính là Đấng Cứu Độ đến đánh thức chúng ta và dạy chúng ta biết yêu thương! Nhưng chúng ta chỉ thấy tính ngỗ nghịch của đứa trẻ và chúng ta đã đánh mất con tim của mình!

Phần II
GIÁO DỤC MỚI

Chương 1

VAI TRÒ CỦA NHÀ GIÁO

Khám phá đứa trẻ đích thực

Chúng ta phải đối diện với một thực tại đáng ngạc nhiên là trẻ em có một đời sống tinh thần với những biểu hiện tinh tế mà ta chưa nhận thức được, và nó có mô thức hoạt động mà người lớn có thể vô tình làm hỏng hay cản trở sự phát triển.

Môi trường của người lớn không phải là một môi trường thích hợp cho sự sống của trẻ em. Đứng ra, nó là một tập hợp của những chướng ngại khiến trẻ phải kháng cự lại, những chướng ngại bóp méo các nỗ lực thích nghi của trẻ, hay khiến trẻ bị ảnh hưởng bởi sự ám thị của người lớn. Đây là khía cạnh phô ra bên ngoài, đã được tâm lý học trẻ em chú trọng đến; chính từ đó mà các đặc tính của trẻ đã được diễn giải, và là cơ sở cho việc giáo dục trẻ. Vì vậy, tâm lý học trẻ em là cái phải được *xem xét lại một cách triệt để*. Như chúng ta đã thấy, đằng sau mọi phản ứng bất ngờ của một đứa trẻ là một bí ẩn cần được giải mã; mỗi hình thức quấy phá là biểu hiện bên ngoài có nguyên nhân sâu xa nào đó, không thể diễn giải được rằng đó là sự xung đột hời hợt mang tính tự vệ chống lại một môi trường không thích hợp, mà đó chính là sự biểu hiện của một đặc tính tất yếu cao đẹp hơn đang tìm cách tự bộc lộ. Nó tựa như một cơn bão ngăn cản không cho linh hồn của đứa trẻ ra khỏi nơi ẩn náu bí mật để tỏ mình với thế giới bên ngoài.

Tất cả những việc này rõ ràng đã che khuất một tâm hồn bị giấu kín, trong các nỗ lực liên tiếp tự hiện thực hóa sự sống của nó, tất cả các cơn giận thất thường, sự chống cự và những hành vi chệch hướng không cho ta một khái niệm nào về sự hiện hữu của một *nhân cách*. Chúng chỉ đơn thuần là *một tổng số các đặc tính*. Nhưng đằng sau chúng phải có một nhân cách, nếu đứa trẻ, một phôi thai tinh thần, đang đi theo một mẫu mực có tính xây dựng trong sự phát triển tinh thần của nó.

Có một con người bị giấu kín, một đứa trẻ bị ẩn giấu, một sinh vật sống bị chôn vùi cần phải *được giải phóng*. Đây là nhiệm vụ cấp bách đầu tiên của giáo dục: theo tinh thần này, “giải phóng” có nghĩa là tri thức, hay đúng hơn là sự khám phá về những cái chưa được biết.

Nếu có sự khác biệt chủ yếu giữa cái mà phân tâm học đã khám phá ra và cái tâm lý chưa được biết này của đứa trẻ, thì sự khác biệt trước hết là bí mật trong tiềm thức của một người lớn là những gì họ đã dồn nén bởi chính cá nhân họ. Chính cá nhân phải được trợ giúp để gỡ một mạng lưới rối rắm

được tạo ra bởi những thích nghi phức tạp và đôi kháng, bởi những biểu tượng và sự nguy trang đã được sắp xếp trong suốt cuộc đời. Trong khi bí mật của một đứa trẻ khó mà che giấu bởi môi trường quanh trẻ, chúng ta phải tác động lên chính môi trường để trợ giúp đứa trẻ có thể tự biểu lộ một cách tự do; đứa trẻ đang trải qua một thời kì sáng tạo và phát triển, và chỉ cần mở lớn cánh cửa cho trẻ là đủ. Thật vậy, cái mà trẻ đang sáng tạo từ cái vô hữu đến cái hiện hữu, từ tiềm năng đến hiện thực, vào lúc nó sinh ra từ hư không, cái đó không thể nào phức tạp, và về mặt năng lượng đang phát triển, nó không có khó khăn gì trong việc tự biểu lộ. Vì vậy, bằng cách chuẩn bị một môi trường mở, một môi trường thích hợp cho thời điểm lúc đó của đời sống, các biểu hiện tự nhiên của tâm hồn đứa trẻ, và do đó sự bày tỏ bí ẩn của trẻ sẽ xảy ra một cách hồn nhiên.

Nếu không có bước tiên đầu tiên này, mọi nỗ lực về giáo dục chỉ có thể dẫn ta lạc sâu hơn vào một mê cung không sao thoát ra nổi.

Mục tiêu chính trước hết của một nền giáo dục thật sự mới mẻ là khám phá đứa trẻ và giải phóng nó. Về điều này, chúng ta có thể nói đây mới chỉ là vấn đề về sự hiện hữu, chỉ đơn thuần để đứa trẻ được hiện hữu. Sẽ có một chương nữa nói thêm về toàn bộ giai đoạn phát triển của trẻ đến khi trưởng thành, liên quan đến vấn đề hỗ trợ cần thiết đối với nó. Tuy nhiên, trong tất cả các chương sách này môi trường là điều căn bản; môi trường phải hỗ trợ cho sự phát triển của cái sinh thể đang trong quá trình phát triển bằng cách giảm các trở ngại đến mức tối thiểu, và phải cho phép các năng lực của trẻ được tự do bằng cách cung cấp các phương tiện cần thiết cho các hoạt động sản sinh ra các năng lực này. Bây giờ, người lớn cũng là một phần của môi trường của một đứa trẻ, người lớn phải thích ứng với các nhu cầu của trẻ nếu không muốn là chướng ngại đối với đứa trẻ và nếu không muốn tự thay thế cho trẻ trong những hoạt động thiết yếu đối với sự tăng trưởng và phát triển của trẻ.

Chuẩn bị về tâm linh

Nhà giáo không nên tưởng tượng rằng chỉ đơn thuần bằng việc học tập và trở thành con người có văn hóa là họ đã được chuẩn bị đầy đủ cho nhiệm vụ của mình. Trước hết, họ phải trau dồi một số kĩ năng đạo đức cho bản thân.

Điểm quan trọng của toàn bộ vấn đề là cách thức nhà giáo đối xử với đứa trẻ, và điều này không lệ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, đừng cho rằng nó chỉ đòi hỏi một sự hiểu biết lí thuyết về bản chất của trẻ hay về các phương thức giảng dạy và sửa sai là đủ.

Cái chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là nhà giáo phải tự chuẩn bị *từ bên*

trong: Họ phải tự kiểm điểm một cách có hệ thống để khám phá ra một số khuyết điểm nhất định có thể trở thành những chướng ngại cho mối quan hệ của họ với đứa trẻ. Để khám phá ra các khuyết điểm đã trở thành một phần của ý thức của họ đòi hỏi sự giúp đỡ và hướng dẫn, hết như ta cần đến một người khác quan sát và nói cho ta biết có cái gì đang nằm phía sau mắt ta.

Theo nghĩa này, nhà giáo cần được “khai tâm” cho sự chuẩn bị nội tâm. Họ quá chú trọng tới các xu hướng xấu của trẻ, với việc chỉnh sửa các hành động không được ưa thích hay sự nguy hiểm cho linh hồn trẻ do hậu quả của Tội tổ tông.

Thay vào đó, họ phải bắt đầu bằng sự truy tìm các khuyết điểm và các xu hướng không mấy tốt đẹp của chính bản thân họ. Trước tiên, họ nên “gỡ bỏ cây đũa nằm bên trong mắt họ, rồi họ sẽ nhìn thấy rõ ràng hơn để lấy hạt bụi” ra khỏi mắt đứa trẻ. Sự chuẩn bị nội tâm này của người thầy có tính tổng quát, không giống như việc đi tìm sự hoàn hảo đặc biệt như trường hợp các thành viên của các dòng tu. Để trở thành nhà giáo, không cần phải trở nên hoàn hảo, hoàn toàn không có nhược điểm. Thật ra, kẻ luôn theo đuổi việc hoàn thiện đời sống nội tâm của chính họ, vẫn có thể không để ý đến những khuyết điểm khác nhau đang ngăn cản họ hiểu được đứa trẻ. Vì vậy, chúng ta cần học hỏi, cần được hướng dẫn, cần được huấn luyện để trở thành nhà giáo.

Trong bản thân chúng ta có những xu hướng không tốt, chúng lan tỏa như cỏ dại trên một cánh đồng (Tội tổ tông), có vô số xu hướng này và chúng được xếp thành bảy nhóm, được biết đến từ xưa là Bảy Mối Tội Đầu.

Tất cả các tội nặng thường tách ta xa khỏi đứa trẻ; bởi so với chúng ta, đứa trẻ không những trong sạch mà còn có những đức tính bí ẩn mà người lớn thường không nhận ra, nhưng chúng ta phải tin với đức tin; bởi Đức Giêsu đã nói về chúng một cách rõ ràng và kiên định đến nỗi tất cả các tác giả Phúc Âm đều ghi lại lời của Ngài như sau: “Trừ phi người cải hóa và trở thành như trẻ nhỏ, thì người mới mong vào được Nước Trời.”

Cái mà nhà giáo phải tìm kiếm là khả năng thấy đứa trẻ như Đức Giêsu đã nhìn thấy chúng. Đây chính là cái nỗ lực đã được xác định và được giới hạn mà chúng tôi muốn xem xét. Nhà giáo chân chính không chỉ đơn thuần là kẻ luôn cố gắng trở nên hoàn hảo mà còn phải là kẻ gạt bỏ được các trở ngại bên trong bản thân khiến trẻ trở nên khó hiểu đối với họ. Chúng tôi dạy các nhà giáo bằng cách cho họ thấy các xu hướng bên trong mà họ cần sửa đổi, như người y sĩ chỉ ra cái bệnh đặc biệt và chính xác đang làm suy yếu hay đe dọa một cơ quan của cơ thể.

Đây là một sự hỗ trợ có tính *tích cực*.

Cái tội nặng của ta ngăn cản ta hiểu được đấng trẻ là sự Giận Dữ.

Nhưng tội nặng không bao giờ chỉ có một, mà luôn kết hợp hay đi theo tội khác, nên sự giận dữ kéo theo và kết hợp với một tội có vẻ bề ngoài cao quý hơn, do đó quý quyết hơn, đó là sự Kiêu Ngạo. Các xu hướng xấu mà chúng ta phân loại là Bảy Mối Tội Đầu có thể sửa đổi bằng hai cách. Một cách là từ bên trong: cá nhân một khi đã thấy rõ các khiếm khuyết của mình, bằng ý chí của bản thân và bằng mọi nỗ lực phải chống lại và gạt bỏ chúng ra khỏi bản thân, với sự trợ giúp của *ân sủng của Thiên Chúa*. Cách thứ hai mang tính xã hội, được tìm ra trong môi trường bên ngoài. Nó có thể được định nghĩa là sự kháng cự, qua các hình thức bên ngoài, đối với các biểu hiện của các khuynh hướng xấu xa của chúng ta, do đó ngăn cản sự phát triển của chúng.

Nỗ lực kháng cự của các hình thức có nhiều ảnh hưởng. Ta có thể nói nó là sự nhắc nhở chính về sự hiện hữu của sự khiếm khuyết về đạo đức trong bản thân chúng ta và trong nhiều trường hợp, chính sự nhắc nhở bên ngoài này khiến chúng ta suy tư về mình và từ đó hăng hái cố gắng để tự thanh tẩy nội tâm.

Hãy cùng xét đến Bảy Mối Tội Đầu. Tính Kiêu Ngạo của chúng ta được làm nhẹ đi bởi ý kiến của kẻ khác về ta; tính Hà Tiện bởi các hoàn cảnh ta sống trong đó, sự Giận Dữ bởi phản ứng của kẻ mạnh, sự Lười Biếng bởi nhu cầu phải làm việc để sinh sống, sự Dâm Dục bởi các tập tục xã hội; sự Tham Lam bởi các cơ hội hạn chế không để ta có được nhiều hơn cái mình cần; sự Ghen Túc bởi nhu cầu phải làm ra vẻ có phẩm cách.

Tóm lại, sự kiểm soát của xã hội, tạo thành một nền tảng tốt để nâng đỡ cho sự thăng bằng về đạo đức của chúng ta.

Tuy nhiên, khi các hành vi của chúng ta bị khuôn đúc bởi sự đối kháng của xã hội, chúng ta không cảm thấy được sự trong sạch giống như khi ta hành động vì vâng lời Thiên Chúa. Ngược lại, trong khi nhu cầu tự nguyện sửa đổi các lỗi lầm ta đã nhìn nhận được kết nối với sự chấp thuận khiêm nhu trong tâm hồn của chúng ta, chúng ta lại không dễ dàng chấp nhận tình cảnh nhục nhã bị người khác sửa sai. Ta còn cảm thấy bị sỉ nhục hơn bởi bị ép buộc phải phục tùng hơn là bởi chính cái lỗi lầm. Khi ta phải chỉnh sửa lẽ lỗi của mình, khi không thể làm gì khác hơn, theo bản năng, ta cố giữ sĩ diện và giả vờ làm như ta đã chọn cái không thể tránh, câu nói giả dối nho nhỏ “Tôi không thích điều đó” là phản ứng theo bản năng của ta với cái nằm ngoài tầm tay của mình, là một trong những dối trá đạo đức thông thường nhất.

Chúng ta đối mặt với sự kháng cự bằng một sự giả dối nho nhỏ, nhưng điều này có nghĩa là chúng ta đang chống trả, không muốn đi vào con đường

hoàn thiện.

Hệ quả là, như trong tất cả cuộc chiến, rõ ràng là sớm cần đến công việc tổ chức; các khuynh hướng cá nhân ẩn kín trong các khuynh hướng tập thể.

Kẻ có những khiếm khuyết giống nhau tự nhiên sẽ hỗ trợ nhau theo bản năng, họ tìm thấy sức mạnh trong sự đoàn kết. Họ dựng lên các pháo đài chống lại những chủ thể nào đối nghịch với những tội xấu xa đáng trừng phạt của họ.

Ví dụ, không ai dám nói rằng sự phân chia tài sản một cách công bằng sẽ làm kẻ giàu có bất bình bởi họ tham lam và keo kiệt. Nhưng họ sẽ nói phân chia của cải là điều tốt cho mọi người và là điều tất yếu cho tiến bộ xã hội, và rồi chúng ta sẽ thấy rằng rất nhiều người giàu cũng tuyên bố họ chịu chia bớt của cải vì lợi ích chung. Chúng ta theo bản năng, có xu hướng che giấu các tội lỗi của mình dưới lớp ngụy trang của những bồn phận cao quý và cần thiết, giống như trong thời chiến tranh, một dải đất đào nhiều hầm hố hay chứa đầy các vũ khí giết người được ngụy trang như một cánh đồng đầy hoa.

Các lực chống đối các tật xấu của ta từ bên ngoài càng yếu ớt thì ta càng có thời gian và dễ dàng xây lên các tấm bình phong để che đậy các sự phòng thủ của chúng ta.

Ngừng lại để suy ngẫm, chúng ta nhận ra rằng chúng ta quyền luyện các tật xấu của mình nhiều hơn ta tưởng; chúng ta bỗng thấy rằng ma quỷ đã chui vào dễ dàng như thế nào, nó dạy ta cách tự giấu giếm với chính mình, bên dưới tiềm thức của ta.

Trong chuyện này, ta không bảo vệ sự sống của chúng ta, mà bảo vệ các tội lỗi chết người của ta, che giấu chúng dưới cái mặt nạ chúng ta sẵn sàng mang vào, gọi nó là “sự tất yếu”, là “bồn phận”, là “lợi ích chung”, và vân vân; và từ đó, mỗi ngày chúng ta càng thấy khó mà giải thoát chính bản thân mình. Nay giáo viên, hay bất cứ ai nói chung, những người quan tâm đến việc giáo dục trẻ, phải tự thanh tẩy mình khỏi tình trạng sai lầm đã đặt họ trong một vị trí giả dối *đối với đứa trẻ*. Khiếm khuyết thông thường phải được xác định rõ ràng và ở đây chúng ta không nói đến một tội lỗi, mà nói đến một tổng hợp của hai tội nặng liên kết chặt chẽ - sự kiêu ngạo và sự giận dữ.

Giận dữ đích thực là tội chính, sự kiêu ngạo theo sau để tạo ra một sự ngụy trang có vẻ khả ái. Sự kiêu ngạo khoác lên cá tính của người lớn một loạt những bộ áo khiến họ có vẻ khả ái hay thậm chí là đáng kính.

Sự giận dữ là một trong những tội dễ dàng được kìm hãm bởi sự chống cự mạnh mẽ và cương quyết của kẻ khác, sự giận dữ là một biểu hiện mà một con người thấy khó chấp nhận ở kẻ khác. Do đó nó bị kiềm chế khi chạm

trán với sức mạnh. Kẻ nhanh chóng thấy mình trong vị thế bị hạ nhục bởi bị buộc phải thoái lui trở nên xấu hổ vì sự giận dữ của họ.

Do đó, chúng ta tìm ra một lối thoát thực sự khi gặp những kẻ không thể tự vệ, hay không thể hiểu chúng ta, như trẻ em, kẻ tin bất cứ điều gì được nói với chúng. Trẻ em không những nhanh chóng quên đi các xúc phạm của chúng ta mà còn cảm thấy có tội bất cứ khi nào chúng ta buộc tội chúng. Chúng giống người đồ đệ thánh thiện của Thánh Francisco, đã bật khóc vì tưởng mình là kẻ giả dối, bởi một linh mục đã bảo với anh ta như vậy.

Ở đây chúng tôi muốn nhà giáo phải thường xuyên suy nghĩ về những hậu quả rất nghiêm trọng của những tình huống như vậy đối với đời sống của đứa trẻ. Chỉ có lí trí của trẻ không hiểu được sự bất công, nhưng tinh thần của nó cảm nhận được điều đó và trở nên khổ sở và bị bóp méo. Rồi phản ứng trẻ con xuất hiện, như biểu hiện của sự tự vệ vô thức. Nhút nhát, nói dối, ương ngạnh, khóc lóc vô cớ, mất ngủ và sợ hãi quá độ, những điều khó hiểu như vậy đều diễn tả những trạng thái tự vệ vô thức ở đứa trẻ nhỏ, mà trí khôn chưa nắm bắt được quan hệ đích thực của nó đối với người lớn.

Nhưng giận dữ không phải lúc nào cũng có nghĩa là bạo hành về thể xác.

Động lực thô thiển và sơ khai thường được hiểu với từ này có thể dẫn đến những biểu hiện phức tạp. Con người càng trưởng thành hơn về tâm lí càng biết che đậy và làm phức tạp trình trạng tội lỗi bên trong của họ.

Thực tế là ở hình thức đơn giản nhất, sự giận dữ nổ ra đơn thuần như một phản ứng lại sự chống cự công khai của đứa trẻ. Nhưng trong sự hiện diện của những biểu hiện khó hiểu của linh hồn đứa trẻ, giận dữ và kiêu ngạo hợp lại thành một phức hợp khoác lấy bộ dạng chính xác, thâm lặng và đáng kính, gọi là *độc tài*.

Ở đây, ta có một sự đàn áp không bàn cãi, nó đặt cá thể độc tài trong một pháo đài kiên cố của uy quyền được công nhận. Người lớn đúng chỉ vì họ là người lớn. Chất vấn điều này cũng giống như là tấn công vào một hình thức vương quyền thiêng liêng đã được thiết lập. Trong một cộng đồng sơ khai, kẻ độc tài thường được xem là đại diện của Thượng Đế. Nhưng đối với đứa trẻ, người lớn chính là Thượng Đế. Điều này nằm ngoài mọi phản biện. Thật ra, kẻ duy nhất có thể chất vấn phải là đứa trẻ, song nó lại phải giữ im lặng. Trẻ phải tự thích nghi với mọi sự, trẻ tin tưởng mọi điều, tha thứ mọi sự. Khi bị còng tay, trẻ không chống trả, và nó tự nguyện xin người lớn đang giận dữ tha tội cho nó, quên cả việc phải hỏi là nó đã phạm tội gì.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng trẻ hành động để tự vệ, nhưng sự tự vệ của nó không hề là một phản ứng trực tiếp và cố ý đối với hành động của người lớn. Nó chỉ là một sự tự vệ thiết yếu của chính sự toàn vẹn về tinh thần của trẻ

hay một sự phản ứng vô thức của cái tinh thần bị đàn áp.

Chỉ khi đứa trẻ lớn dần, nó mới bắt đầu phản ứng chống lại chính sự chuyên chế này; nhưng rồi lúc ấy, người lớn cũng sẽ tìm ra những lí do biện hộ mà họ dùng để tự phòng thủ vững vàng hơn dưới lớp vỏ trá hình của họ, và đôi khi họ còn thành công trong việc thuyết phục đứa trẻ rằng sự chuyên chế của họ là tốt cho trẻ.

“Kính trọng” chỉ có một chiều; kẻ yếu tôn kính kẻ mạnh.

Người lớn được công nhận là có quyền “xúc phạm” đứa trẻ. Họ có thể xét đoán đứa trẻ, nói xấu nó, và công khai làm như vậy, để gây tổn thương cho các cảm xúc của trẻ.

Các nhu cầu của trẻ bị người lớn tùy ý định hướng và kiềm chế. Sự phản đối của trẻ bị họ xem là bất tuân phục, sẽ nguy hiểm nếu được họ chấp nhận.

Đây là một dạng cầm quyền dựa trên mô hình sơ khai ép buộc thần dân phải nộp thuế mà không có quyền đặt câu hỏi, có những kẻ nghĩ rằng mọi điều họ có là do ân huệ mà đức vua ban cho, tương tự, trẻ em tin rằng chúng nợ người lớn mọi sự. Hay đúng ra, người lớn truyền ý tưởng này cho chúng. Họ đã nguy trang làm kẻ sáng tạo. Trong sự kiêu ngạo của họ, họ tin rằng tất cả cái gì làm nên đứa trẻ là do họ tạo ra. Người lớn làm cho đứa trẻ thành thông minh, tốt, sốt sắng, tức là cung cấp cho nó tất cả những phương tiện mà trẻ sẽ cần đến để có thể tiếp cận với môi trường của nó, với con người và với Thượng Đế. Đây là một công việc khó khăn, và để cho bức tranh đầy đủ hơn, họ từ chối nhìn nhận là họ đang độc tài chuyên chế. Nhưng có nhà độc tài nào công nhận là họ hi sinh các thần dân của họ đâu?

Sự chuẩn bị mà phương pháp của chúng tôi đòi hỏi ở nhà giáo là họ phải tự xét mình và tự loại bỏ tội độc tài của họ, họ phải xé tan cái mặc cảm có từ xa xưa của sự kiêu ngạo và giận dữ đã làm xơ cứng trái tim họ một cách vô thức, họ phải tự từ bỏ tính kiêu ngạo và giận dữ để trở nên khiêm tốn, và trên hết, mang lấy đức bác ái từ bi. Đó là những đức tính tâm linh mà họ phải thủ đắc. Đây là tâm điểm của sự cân bằng mà thiếu nó ta không thể tiến xa hơn được. Đây là sự “tập huấn” của nhà giáo, là khởi điểm và là đích cuối của nó.

Điều này không có nghĩa là họ phải chấp thuận mọi hành vi của đứa trẻ hay phải hoàn toàn tiết chế không xét đoán đứa trẻ hoặc không làm gì hết để trợ giúp sự phát triển trí tuệ và tình cảm của trẻ. Nói đúng hơn, người thầy không bao giờ được quên mục đích là để giáo dục, là để trở thành người trợ giúp đích thực của đứa trẻ.

Nhưng chúng ta vẫn phải khiêm tốn và xóa bỏ hết cái định kiến nằm sâu trong tim ta, như vị linh mục trước khi bước lên bàn thờ, phải đọc kinh Sám

hỏi.

Phải làm như vậy và không có cách gì khác hơn.

Chúng ta không từ chối sự hỗ trợ mà giáo dục có thể cho trẻ, mà chúng ta quan niệm rằng phải có một sự thay đổi triệt để tình trạng bên trong của chính chúng ta đã khiến người lớn chúng ta không hiểu rõ được đứa trẻ.

Chương 2

PHƯƠNG PHÁP CỦA CHÚNG TÔI

Phương pháp khởi đầu như thế nào?

Đặc điểm phương pháp giáo dục riêng của chúng tôi xem môi trường là mối quan tâm chính. Một sự canh tân khác đã gây nhiều chú ý và tranh luận là về vai trò của nhà giáo - nhà giáo thụ động “kẻ không thực thi các hoạt động và uy quyền của chính họ, vì điều đó có thể là trở ngại ngăn cản đưa trẻ tự hành động cho chính nó, và hài lòng khi thấy đưa trẻ hành động như vậy và tự mình có tiến bộ, mà không xem đó là do công lao của họ. Người thầy áp dụng lời của Thánh Gioan Tẩy Giả (người đã làm lễ Thánh Tẩy cho Đức Giêsu “ND) cho chính bản thân: “Người phải được nâng cao, nhưng ta phải hạ mình xuống.” Một nguyên tắc đặc trưng khác là sự tôn trọng đối với nhân cách của đưa trẻ, được thực hiện đến độ chưa từng có trong bất cứ phương pháp giáo dục nào khác.

Ba nguyên tắc chính yếu này đã được triển khai trong các cơ sở giáo dục đặc biệt, ban đầu được gọi là *Casa dei Bambini*, dịch sát nghĩa là “Ngôi Nhà của Trẻ em”, một tên gọi với hàm ý về một môi trường quen thuộc. Ai đã theo dõi phong trào giáo dục này điều biết rằng nó luôn gây ra nhiều tranh cãi, đặc biệt là về các vai trò đảo ngược giữa người lớn và trẻ em: nhà giáo hầu như không giảng dạy gì cả, đưa trẻ là trung tâm của sinh hoạt, nó tự học, tự do chọn lựa công việc của chính nó và tự do trong vận động. Điều này nếu không bị coi là không tưởng, thì lại bị xem là phóng đại. Trong khi đó, các sáng kiến về một môi trường vật chất, nơi mọi thứ phải cân đối theo dáng vóc của đưa trẻ đã được hoan hỉ đón nhận. Những căn phòng sáng sủa, những cửa sổ thấp trang hoàng hoa lá, và những món đồ nội thất nhỏ nhắn, nhiều kiểu, giống như nội thất của một ngôi nhà được trang bị đẹp đẽ, những bàn nhỏ, ghế bành nhỏ, rèm xinh xắn, kệ tủ thấp trong tầm tay của trẻ, nơi mà trẻ có thể cất hay lấy những món đồ khác nhau tùy ý, tất cả những điều này đã được xem như những cải tiến thực tiễn đích thực trong đời sống của trẻ. Tôi tin rằng có rất nhiều Ngôi Nhà của Trẻ đã duy trì tiêu chuẩn đặc trưng bên ngoài này và coi đó như là điều quan trọng hàng đầu.

Ngày nay, sau nhiều nghiên cứu chuyên sâu và sau nhiều trải nghiệm, chúng tôi cảm thấy cần phải quay lại vấn đề và nhất là giải thích về nguồn gốc của phương pháp của chúng tôi.

Sẽ rất sai lầm khi tin rằng chỉ quan sát trẻ em một cách qua loa đã khiến chúng tôi đi đến kết luận đóng khung một tư tưởng khá táo bạo rằng có một

bản chất ẩn kín ở đứa trẻ, và khi tin rằng, do từ trực cảm về điều này, ý tưởng về một loại trường đặc biệt và một phương pháp giáo dục đặc biệt đã nảy sinh. Không thể nào quan sát cái gì mà ta chưa biết đến, và bất cứ ai cũng không thể nào, bằng một trực cảm mơ hồ, bỗng nhiên tưởng tượng ra rằng một đứa trẻ có thể có hai bản chất, rồi nói “Bây giờ tôi sẽ cố gắng chứng minh bằng thực nghiệm”. Có lẽ phải nói rằng bất cứ điều gì mới đều phải tự xuất hiện bằng chính năng lượng của nó; nó phải nảy sinh và đánh động vào tâm trí, gọi lên bởi cái ta gọi là ngẫu nhiên. Và thông thường, không ai hoài nghi nhiều hơn là kẻ đầu tiên được chứng kiến điều đó, họ bác bỏ sự kiện mới như bất cứ ai khác. Điều mới lạ phải được liên tục tái hiện, cho đến khi cuối cùng nó được nhìn ra, được công nhận và được nhiệt liệt đón nhận. Lúc đó, nhiệt tình khiến kẻ nhận ra nó đón nhận ánh sáng mới, yêu quý nó, hăng hái say mê nó và dâng hiến cuộc đời mình cho nó, nhiệt tình này có lẽ làm người khác tin rằng kẻ đó đã sáng tạo ra nó. Trong khi đó họ chỉ đơn thuần đạt đến điểm mà họ có thể nhận ra nó, và làm như người lái buôn trong Kinh Thánh, khi tìm thấy viên ngọc trai quý, đã bán đi tất cả những gì mình có để mua được nó. Khó khăn của chúng ta nằm trong việc phát hiện và khó tự thuyết phục bản thân về một cái gì mới mẻ, bởi chính các cánh cửa tri thức của chúng ta đã khép kín trước cái mới. Đầu óc của chúng ta giống như một phòng khách quý tộc, khép kín đối với kẻ không có chức phận, muốn vào, phải được một người đã quen biết giới thiệu - chúng ta đi từ cái biết đến cái không biết. Trong khi cái *mới* phải phá vỡ cánh cửa đang đóng, hay chui vào, trong một lúc thanh thoi, khi cánh cửa để hé. Lúc ấy, cái mới lạ gây ra kinh ngạc và cách mạng, ông Volta chắc hẳn đã trở mắt nhìn các chân co giật của con ếch bị lột da đã chết với sự hoài nghi. Tuy nhiên, ông ta đã ghi nhận sự kiện, và đã phân tách ra điện lực. Đôi lúc một sự cố tầm thường có thể mở ra những chân trời vô tận, bởi con người, do bản chất của nó là một kẻ đi tìm, thám hiểm, nhưng nếu không có sự phát hiện những chi tiết tầm thường ban đầu, sẽ không thể nào tiến bộ.

Trong vật lí và y học có những tiêu chuẩn nghiêm ngặt đối với việc xác định một hiện tượng mới. Một hiện tượng mới là phát hiện sơ khởi của các sự kiện trước đó không được biết đến, mà hầu như không ai nghĩ ra, tức là, tựa như chúng không hề hiện hữu. Một sự kiện luôn có tính khách quan và do đó không phụ thuộc vào trực giác. Trong trường hợp phải chứng minh sự hiện hữu của một sự kiện mới, phải chứng minh rằng sự kiện tự nó có thật, có nghĩa là nó phải được cách li. Giai đoạn thứ hai là khảo sát những điều kiện trong đó hiện tượng mới tự xuất hiện, để chúng ta có thể lặp lại và luôn luôn lặp lại được nó. Chỉ khi vấn đề cơ bản này đã được giải quyết, ta mới có thể khảo sát hiện tượng; lúc đó sự nghiên cứu mới bắt đầu, và khi tìm ra những điều mới lạ theo hướng mới, các nhà điều tra nghiên cứu có lẽ sẽ thực

hiện thêm những khám phá thực sự khác nữa. Đây là một vấn đề khác; rõ ràng là không ai có thể tìm kiếm cái họ không biết là có hiện hữu. Chắc hẳn là công việc nghiên cứu phải có một tiền đề, nó hàm ý một sự xuất hiện, có một hình thức nghiên cứu chỉ chuyên lặp lại, duy trì và đạt đến mức khắc phục một hiện tượng, để nó không biến mất như một ảo ảnh, mà trở thành một thực tại, một sở hữu có thể quản lý được, và do đó thực sự có giá trị.

Ngôi Nhà của Trẻ đầu tiên không phải là một chỗ sắp xếp cho một thí nghiệm giáo dục đã định sẵn, hay cho một thí nghiệm khoa học về giáo dục. Nó cung cấp một ví dụ về một khám phá sơ khởi có tất cả các đặc tính của “cái chưa biết” đã tự bộc lộ trước khi nó được nhận ra, về một sự kiện tâm thường có thể mở ra những chân trời bất tận.

Có những điều tôi đã viết từ lâu và vừa tìm ra trong đồng giấy tờ cũ, có thể có giá trị tư liệu cho vấn đề này.

“Em là ai?”

Ngày 6, tháng 1, 1907, chúng tôi đã mở ngôi trường đầu tiên cho trẻ em bình thường từ ba đến sáu tuổi. Tôi không thể nói gì về các phương pháp của chúng tôi, vì chưa có phương pháp nào cả. Nhưng trong ngôi trường vừa mở, phương pháp của tôi sẽ sớm được hình thành. Ngày hôm ấy, không có gì hơn là năm mươi đứa trẻ vô cùng nghèo khổ, rách rưới, và nhút nhát, nhiều đứa đang khóc. Hầu hết các em là con cái của những phụ huynh thất học đã giao phó chúng cho tôi chăm sóc.

“Kế hoạch ban đầu là tập hợp các em nhỏ của các công nhân sống trong một chung cư dành cho người lao động để trẻ em không bị bỏ mặc chơi một mình trên cầu thang, nơi chúng sẽ làm bẩn tường và gây phiền toái. Nhằm mục tiêu đó, một căn phòng, một chỗ nướng náu đã được dành ra trong chung cư, và tôi được yêu cầu nhận nhiệm vụ trông nom cái viện hẳn “sẽ có một tương lai” này.”

Có một cảm giác lạ lùng khiến tôi long trọng tuyên bố trong buổi khai mạc rằng đây là một dự án “vĩ đại” mà một ngày kia cả thế giới sẽ nói đến.

“Các lời đọc trong sách Thánh hôm ấy, là ngày Lễ Chúa Hiển Linh, vốn được đọc trong các nhà thờ, đối với tôi, có vẻ là một điềm và một lời tiên tri: “Và này bóng tối sẽ bao phủ mặt đất... nhưng Thiên Chúa sẽ hiện ra cho người, và Dân Ngoại đạo sẽ đi trong ánh sáng của Ngài.” Những người hiện diện đều kinh ngạc và hỏi nhau tại sao tôi lại quan trọng hóa một cái viện cho trẻ con nghèo đến như vậy.

“Tôi bắt đầu công việc của mình giống như một người nông dân đã dành ra một kho hạt giống ngô tốt và tìm được một mảnh ruộng phì nhiêu để tự do

gieo hạt. Nhưng tôi đã lầm. Hầu như tôi chưa cày lên các phiến đất của mảnh ruộng mà đã nhận được vàng thay vì hạt thóc: những cục đất ẩn giấu một kho tàng quý giá. Tôi không phải là người nông dân như tôi đã nghĩ. Đúng hơn, tôi giống như Aladdin không biết rằng anh ta đang nắm trong tay cái chìa khóa mở cửa các kho tàng bị giấu kín.

“Trên thực tế, công việc của tôi với những trẻ em bình thường này đã mang lại cho tôi một loạt bất ngờ. Có lẽ câu chuyện thần tiên tuyệt vời sau đây đáng được kể lại, “Thật là logic khi nghĩ rằng các phương pháp rất thành công này trong việc huấn luyện trẻ em khuyết tật lại có thể thực sự là chìa khóa dẫn đến sự phát triển tốt hơn ở trẻ bình thường, và những phương tiện này, nhờ đó tôi đã thành công trong việc tăng sức cho các đầu óc yếu kém và chỉnh lại các trí khôn lệch lạc, chúng lại nắm giữ các nguyên tắc về vệ sinh tâm thần tuyệt vời để hỗ trợ các đầu óc bình thường trở nên mạnh mẽ và ngay thẳng.”^[2] Trong tất cả chuyện này, không có gì là kì diệu cả, và lí thuyết giáo dục, đã là kết quả, có tính tích cực và khoa học nhất có thể, để thuyết phục các đầu óc thặng bằng và thặng trọng. Nhưng điều này không loại trừ việc là những kết quả đầu tiên và bất ngờ đã khiến tôi vô cùng ngạc nhiên và thường làm tôi hoài nghi.

“Những vật tôi đã trao cho những trẻ em bình thường này không có cùng tác dụng đối với chúng như đối với trẻ khuyết tật. Với một đứa trẻ chậm phát triển, thiết bị hữu ích cho tôi như một phương tiện kích động sự chú ý của trẻ, và tôi phải đem hết năng lực của mình để thuyết phục trẻ làm việc với chúng, và đúng là thiết bị đã giúp trẻ khuyết tật cải thiện sức khỏe tâm thần và học được cái gì đó. Nhưng ở đây một điều hoàn toàn trái ngược đã xảy ra. Đứa trẻ bị món đồ hấp dẫn, nó hoàn toàn tập trung vào vật ấy và tiếp tục làm việc không ngừng nghỉ trong một trạng thái tập trung tuyệt vời. Sau khi làm việc như thế, trẻ có vẻ hài lòng, thư thái, và hạnh phúc, vâng, đó là cảm giác thư thái mà bạn có thể đọc được trên những khuôn mặt nhỏ nhắn và bình thản, và trong những đôi mắt trẻ thơ long lanh với sự hài lòng về một công việc tự phát đã hoàn tất. Các vật mà tôi đã đưa cho các em giống như chìa khóa lên dây cót đồng hồ. Sau một lúc lên dây cót, đồng hồ tự chạy được. Nhưng ở đây, sau khi làm việc, đứa trẻ trở nên mạnh mẽ và khỏe mạnh về tinh thần hơn trước. Công việc như vậy đúng là một liều thuốc bổ cho tâm trí.

“Cần một thời gian để tôi tự thuyết phục mình rằng đây không phải là một ảo ảnh. Sau mỗi kinh nghiệm mới chứng minh điều này là thật, tôi tự bảo, “Tôi chưa tin được, lần sau tôi sẽ tin”. Do đó trong một thời gian dài, tôi vẫn hoài nghi và đồng thời lại vô cùng sững sốt và lo âu. Bao nhiêu lần tôi đã trách cô giáo khi cô kể cho tôi nghe những gì các trẻ đã làm? “Điều duy nhất

gây ấn tượng đối với tôi là sự thật”, tôi nghiêm khắc trả lời. Và tôi nhớ rằng cô ấy không phật ý mà lại trả lời trong nước mắt: “Bà nói đúng. Khi tôi nhìn thấy những điều như vậy, tôi nghĩ rằng chắc hẳn các thiên thần đã ban cảm hứng cho các trẻ em đó.”

“Một ngày nọ, trong cảm xúc lớn lao, tôi giữ trái tim mình trong hai tay như thể khuyến khích nó tăng thêm đức tin và tôi đứng trước các đứa trẻ, với lòng tôn kính và tự nhủ, “Các con là ai vậy?”. Phải chăng đây là những đứa trẻ mà Đấng Ki-Tô đã ôm vào lòng và nói lời thiêng liêng với chúng...? Tôi sẽ theo các con, để cùng vào Nước Trời với con.”

“Và cầm trong tay ngọn đuốc đức tin, tôi tiếp tục con đường của mình.”

Những trẻ em đầu tiên tamdn

Vậy chính may rủi đã dẫn tôi đến với các em. Chúng là những đứa trẻ khóc lóc, sợ sệt, nhút nhát đến nỗi ta không thể làm gì để chúng cất tiếng. Khuôn mặt chúng không cảm xúc, mắt chúng ngây dại như thể chúng chưa bao giờ nhìn thấy gì trong đời. Chúng thật sự là những đứa trẻ nghèo, bị ruồng bỏ, lớn lên trong bóng tối của những căn nhà tồi tàn, tăm tối, không được chăm sóc, và không có bất cứ điều gì để kích thích tâm trí của chúng. Bất cứ ai cũng có thể thấy rằng chúng thiếu dinh dưỡng, không cần phải là một y sĩ để có thể nhận ra rằng chúng có nhu cầu cấp bách được ăn uống, được ra nơi thoáng khí và ánh nắng mặt trời. Chúng là hoa chưa nở, nhưng không có sự tươi mát của những nụ chồi, những linh hồn ẩn giấu bên trong một lớp vỏ kín.

Sẽ thật thú vị nếu biết đâu là những hoàn cảnh khác thường đã khiến các em trải qua một sự biến đổi kì diệu như vậy, hay đúng hơn đã đem đến sự xuất hiện những đứa trẻ mới, mà tâm hồn tự biểu lộ với sự rạng rỡ như để chiếu rọi ánh sáng lên khắp trần gian?

Các tình huống này chắc sẽ phải đặc biệt thuận lợi cho sự “giải phóng tâm hồn của trẻ”. Tất cả những chướng ngại đàn áp chắc chắn đã bị tiêu hủy. Nhưng ai đã có thể kể ra những trở ngại này là gì? Hay các tình huống thuận lợi hoặc thật sự cần thiết cho một tâm hồn bị chôn vùi có thể nảy chồi và trở hoa là gì? Nhiều thứ có vẻ hoàn toàn trái ngược với cái cần thiết cho một mục tiêu cao cả như thế.

Chúng ta có thể bắt đầu với gia cảnh của các trẻ này. Cha mẹ các em đến từ các tầng lớp thấp nhất của xã hội, bởi cha của chúng không phải là công nhân có việc làm thường xuyên, mà là những người lao động tầm thường, làm việc tạm thời, ngày qua ngày, và do đó không thể trông nom con cái. Hầu hết họ đều thất học.

Vì không thể tìm được một giáo viên đúng nghĩa cho một nhiệm sở không có tương lai, ý kiến đầu tiên là nên thuê cô con gái của người gác cổng làm cô trông trẻ, sau đó một cô gái có ăn học tốt hơn một chút được thuê để chăm sóc các em. Dù cô này đã từng học để trở thành một giáo viên, nhưng lúc ấy lại đang làm việc ở một phân xưởng, nên không có tham vọng làm cô giáo, và không có sự chuẩn bị - hay thành kiến - là những điều chắc chắn tránh khỏi ở một giáo viên thực thụ. Ngôi trường mới của chúng tôi cũng trong một hoàn cảnh bất thường do nó không phải là một tổ chức từ thiện, mà được tài trợ thành lập bởi một công ti xây dựng đã khai chi phí này là một món được dùng gián tiếp cho việc bảo trì tòa nhà. Các em chỉ được tập hợp ở đó để giữ cho khỏi làm hư hại bức tường của chung cư, và do đó giảm bớt chi phí sửa chữa. Do đó, chúng tôi không thể làm công tác trợ cấp xã hội như cung cấp bữa ăn miễn phí ở trường hay dịch vụ y tế hoặc là có được một ngôi trường thực thụ chỉ nhằm mục đích giáo dục. Quỹ trợ cấp duy nhất đơn giản là số tiền cần thiết để thành lập một văn phòng với bàn ghế và một vài thiết bị bổ sung khác. Đây là lí do tại sao chúng tôi bắt đầu làm bàn ghế riêng của chúng tôi thay vì đi mua bàn học.

Nếu không vì những tình huống bất thường này, có lẽ chúng tôi đã không thể tách biệt các yếu tố thuần túy về tâm lí hoặc chứng minh ảnh hưởng của chúng đối với sự biến đổi của các trẻ này.

Ngôi Nhà của Trẻ đầu tiên như vậy không hẳn là một trường học, nhưng có thể được xem là thước đo, được bắt đầu từ con số không, ở bước đầu của bất cứ công trình nào.

Do không thể có bàn viết cho trẻ, bàn cho giáo viên, hay bất kì trang thiết bị nào khác của một ngôi trường bình thường, các bàn ghế đặc biệt được làm ra như để dùng cho một văn phòng hay một căn nhà. Đồng thời tôi đã cho chuẩn bị vài thiết bị khoa học chuẩn xác, giống những thứ tôi đã dùng trong một viện cho trẻ khuyết tật, vì vậy không có lí do gì để xem chúng là thiết bị học đường.

Không nên nghĩ rằng “môi trường” trong Ngôi Nhà của Trẻ đầu tiên vui tươi và đẹp đẽ như những nhà trẻ chúng ta thấy ngày nay. Những thứ trông ấn tượng nhất gồm một cái bàn chắc chắn cho giáo viên và một cái tủ lớn chứa đủ thứ đồ, có cánh cửa dày được khóa lại, và chìa khóa giao cho giáo viên giữ. Bàn cho trẻ em được làm chắc và bền; đủ dài cho ba đứa trẻ ngồi cùng một hàng, chúng được đặt cái trước cái sau, như các bàn viết trong trường học. Chỉ có những chiếc ghế nhỏ và những ghế bành nhỏ rất đơn giản cho mỗi đứa trẻ là điều mới lạ. Cả hoa cũng không có, điều mà sau này trở thành một đặc điểm của trường học của chúng tôi, bởi ngoài sân, dù vẫn trông tươm tươm, nhưng không có gì khác ngoài những bãi cỏ nhỏ và cây cối. Trong

môi trường như vậy, không có gì đáng khích lệ cho việc thực hiện bất kì thí nghiệm quan trọng nào, tuy nhiên, tôi nghĩ sẽ lí thú nếu thử giáo dục các giác quan của bọn trẻ một cách có hệ thống, để thử nghiệm xem có điều gì khác biệt về phản ứng giữa những trẻ em bình thường với những trẻ em khuyết tật, và nhất là để tìm ra khả năng là có mối tương quan giữa các phản ứng của trẻ bình thường nhưng tuổi nhỏ hơn với các trẻ lớn hơn nhưng có khuyết tật. Tuy nhiên, tôi không đặt quá nhiều hi vọng vào một thí nghiệm như vậy. Tôi không áp đặt sự hạn chế nào cho cô giáo và không đưa ra nhiệm vụ đặc biệt nào, tôi chỉ dạy cô cách sử dụng vài thiết bị luyện giác quan để cô có thể hướng dẫn các em sử dụng chính xác. Điều này xem ra dễ dàng và thích thú đối với cô. Nhưng tôi không ngăn cản cô có sáng kiến riêng. Thật vậy, sau một thời gian ngắn, tôi phát hiện ra rằng tự cô giáo đã làm thêm những món đồ khác như thập giá bọc trong giấy mạ vàng mà theo cô có thể dùng làm phần thưởng cho trẻ có hạnh kiểm tốt nhất. Tôi thường thấy có một hay vài đứa trẻ đeo những món trang trí vô hại này trên ngực. Theo sáng kiến của cô, cô còn tự dạy tất cả bọn trẻ chào theo kiểu nhà binh, mặc dù đa số là các em gái nhỏ và đứa lớn nhất chỉ có năm tuổi. Nhưng điều này có vẻ làm cô hài lòng và tôi thấy chuyện này vừa không quan trọng vừa vớ vẩn. Thế là cuộc sống êm ả và cô lập của chúng tôi đã bắt đầu, và trong một thời gian dài không ai để ý đến chúng tôi đang làm gì.

Trẻ em đã cho tôi thấy gì

Tôi thấy cần tóm tắt các sự kiện chính của giai đoạn này, mặc dù làm như vậy là nói về những điều cực nhỏ đến nỗi chúng chỉ thuộc về những mẩu chuyện trẻ con thường bắt đầu bằng câu “Ngày xưa...” hơn là thuộc về một luận án quan trọng. Các hành động của chính tôi thật đơn giản, thật sự ngây ngô trẻ con, đến nỗi không ai muốn xem chúng là nghiêm túc về mặt khoa học. Tuy nhiên, nếu mô tả có hệ thống, sẽ cần đến rất nhiều quan sát về mặt tâm lí hay đúng hơn rất nhiều cuộc khám phá.

Lặp lại bài tập

Hiện tượng đầu tiên đánh thức sự chú ý của tôi là một cô bé khoảng ba tuổi đang tập xếp những thỏi hình trụ ra vào các khuôn gỗ (Chúng được lấy ra hay đặt vào các lỗ giống như nút đậy vào chai, nhưng chúng là những hình trụ có kích thước cách nhau từng bậc và mỗi cái hợp với lỗ tương ứng). Tôi đã ngạc nhiên khi thấy một đứa bé nhỏ như vậy lặp đi lặp lại bài tập với sự chú tâm mãnh liệt đến thế. Không thấy bé tăng tốc độ hay thành thạo hơn khi thực hiện công việc; đó là một thứ chuyển động không ngừng nghỉ. Thôi thúc bởi thói quen, tôi bắt đầu đếm số lần cô bé lặp lại bài tập. Rồi tôi muốn xem sự tập trung lạ thường của cô bé có thể kéo dài bao lâu mà không bị xáo

trộn, tôi bảo giáo viên để các trẻ khác hát và di chuyển xung quanh. Các em làm như thế nhưng cô bé kia vẫn không hề ngừng công việc của mình. Thế là tôi nhẹ nhàng nâng chiếc ghế bành mà cô bé đang ngồi trong đó và đặt nó lên một cái bàn nhỏ. Bé đã nhanh tay ôm chặt các thỏi hình trụ vào người và đặt chúng lên đầu gối, nhưng vẫn tiếp tục công việc đang làm. Từ lúc tôi bắt đầu đếm, cô bé đã lặp lại bài tập bốn mươi hai lần. Rồi cô bé dừng lại như vừa ra khỏi một giấc mơ và mỉm cười như thể cô rất hạnh phúc. Đôi mắt cô bé sáng rỡ và cô nhìn quanh.

Cô bé có vẻ thậm chí không để ý đến những gì chúng tôi đã làm nhưng không quấy rầy được bé. Và bây giờ, không có lí do rõ ràng, bé đã hoàn tất công việc. Nhưng cái gì đã được hoàn tất, và tại sao?

Việc này cho chúng tôi cái nhìn sâu sắc đầu tiên vào những chiều sâu chưa được khám phá của tâm trí đứa trẻ. Bé gái rất nhỏ này ở độ tuổi khi sự chú ý còn thất thường, thoăn thoắt chuyển tay từ vật này đến vật khác mà không thể dừng. Vậy mà cô bé đã chăm chú vào việc mình đang làm đến mức cái Tôi của cô bé tỏ ra vô cảm đối với bất cứ kích thích nào bên ngoài, sự tập trung của cô bé đi kèm với một chuyển động nhịp nhàng của đôi tay, gọi lên bởi một vật được làm ra một cách chính xác và có kích thước được thay đổi tiệm tiến một cách khoa học. Những sự kiện tương tự vẫn tái diễn ở những dịp khác nhau, và mỗi lần các em vừa bước ra khỏi một kinh nghiệm như vậy, chúng giống như những cá nhân đã được nghỉ ngơi, tràn trề sinh lực với vẻ mặt của những kẻ đã cảm nghiệm được một niềm vui lớn lao nào đó. Mặc dù những khoảng thời gian tập trung trí óc làm trẻ quên hết thế giới bên ngoài không xảy ra thường xuyên, tôi đã để ý đến một hành vi lạ lùng, có chung ở tất cả trẻ em, và cái quy luật thực tế tôi thấy trong mọi hành động của trẻ - cái tính chất đặc biệt của lao động trẻ em, mà sau này tôi đã gọi là “sự lặp lại bài tập”.

Một hôm, khi tôi nhìn các bàn tay bản nhỏ bé của các em đang làm việc, tôi nghĩ rằng mình sẽ dạy cho các em một cái gì thật sự hữu ích, đó là cách rửa tay. Tôi nhận thấy rằng các em cứ tiếp tục rửa ngay cả khi tay của các em đã sạch. Khi chúng rời trường, chúng lại rửa tay nữa. Vài bà mẹ nói với tôi rằng vào buổi sáng, con cái của họ chạy ra khỏi nhà và họ thấy chúng đang rửa tay ở các bồn nước, chúng rất tự hào khoe bàn tay sạch đến nỗi khiến người ta lầm chúng là những đứa bé ăn xin. Chúng lặp đi lặp lại bài tập dù không còn lí do thúc đẩy nào từ bên ngoài. Chúng tiếp tục rửa tay đã sạch vì một nhu cầu bên trong. Điều này cũng xảy ra trong rất nhiều dịp khác; nếu bài tập được chỉ dẫn với những chi tiết càng chính xác hơn thì dường như nó càng có thể trở thành một kích thích gây ra sự lặp lại vô tận của cùng một bài tập.

Tình cảm của trẻ đối với trật tự

Một chi tiết khác được phát hiện lần đầu tiên từ một việc rất đơn giản. Lũ trẻ sử dụng những học cụ được làm ra cho chúng, nhưng cô giáo là người phân phát cho chúng rồi sau đó đặt trở lại vị trí cũ. Cô nói với tôi rằng khi cô ấy sắp đặt đồ lại vị trí cũ, các em đứng dậy và đến đứng gần quanh cô. Bao nhiêu lần cô ấy bảo các em trở về chỗ ngồi, nhưng chúng luôn quay trở lại. Chuyện này xảy ra nhiều lần, nên cô kết luận rằng các em đã không vâng lời. Khi tôi quan sát bọn trẻ, tôi nhận ra rằng các em muốn tự mình đem các món đồ trở về vị trí của chúng, và tôi để cho các em làm như vậy. Và một lối sống mới bắt đầu cho trẻ, sắp xếp đồ vật cho ngăn nắp, dọn dẹp mọi xáo trộn cho có trật tự trở thành một công việc hấp dẫn. Nếu li nước tuột khỏi tay một đĩa bé, mấy đĩa khác sẽ chạy lại để nhặt các mảnh vỡ và lau khô sàn nhà. Một ngày kia, giáo viên đánh rơi một cái hộp có chứa khoảng tám mươi ô vuông nhỏ có màu theo sắc độ khác nhau. Tôi nhớ về lúng túng của cô vì rất khó nhìn ra quá nhiều sắc độ khác nhau để biết chúng nằm vào chỗ nào trong hộp. Nhưng các em lập tức chạy đến và trước sự kinh ngạc của chúng tôi, các em nhanh chóng sắp xếp chúng lại chính xác, theo đúng thứ tự, việc này cho thấy một sự nhạy cảm tuyệt vời đối với màu sắc mà chúng ta hẳn không có được.

Tự do chọn lựa

Một hôm, cô giáo đến trường hơi muộn, cô ấy đã quên khóa tủ và phát hiện rằng các em đã mở cửa tủ và đang đứng quanh đó. Vài đĩa đang lấy đồ ra và mang chúng đi. Cô giáo xem đây là một hành vi mang tính trộm cắp. Những em nào đã lấy cắp và tỏ ra thiếu tôn trọng với trường học và giáo viên của chúng phải bị xử lý khắt khe và phải được dạy cho biết phân biệt phải trái, cô ấy đã nói vậy. Tôi thì ngược lại, cảm thấy mình phải diễn giải vụ việc như một dấu hiệu cho thấy những đứa trẻ lúc bấy giờ đã biết rõ các món đồ và đã có thể tự mình lựa chọn. Và trường học này đúng là như vậy. Đây là khởi đầu của một sinh hoạt sống động và đầy thích thú cho trẻ. Trẻ em có sở thích riêng của mình, và các em lựa chọn công việc cho chính các em. Để giúp các em làm việc này, sau này chúng tôi đã sử dụng những kệ tủ thấp, xinh xắn, nơi đặt các học cụ ở tầm tay để các em có thể chọn cái tương ứng với những nhu cầu nội tại của mình. Thế là *Nguyên tắc tự do lựa chọn* được kèm theo với sự *Lặp lại bài tập*.

Sự tự do lựa chọn này thực hiện bởi trẻ em cho phép chúng tôi quan sát những xu hướng và nhu cầu tâm linh của trẻ.

Một trong những hệ quả thú vị đầu tiên là các em không chọn tất cả các học cụ khoa học đã chuẩn bị cho chúng mà chỉ chọn vài món. Các em hầu như luôn chọn cùng một món, vài món rõ ràng được ưa chuộng. Các món

khác thì lại bị bỏ xó và dần bị phủ đầy bụi bặm.

Tôi đã chỉ cho các em xem tất cả các món đồ và bảo giáo viên giải thích và chỉ dẫn cách dùng. Nhưng mấy đứa trẻ không tự lấy những món mà chúng không thích.

Thế là tôi hiểu ra rằng trong môi trường đã chuẩn bị cho trẻ, tất cả mọi thứ không những phải xếp theo thứ tự, mà phải ở trong một số giới hạn chừng mực nào đó, và rồi sở thích và sự tập trung chú ý sẽ nảy sinh khi những gì rối rắm và thừa thãi đã được bỏ đi.

Trẻ không bao giờ chọn đồ chơi

Mặc dù trường học có một số đồ chơi thực sự tuyệt vời, bọn trẻ không bao giờ chọn chúng. Điều này làm tôi ngạc nhiên đến nỗi tôi đích thân quyết định chỉ cho các em cách sử dụng đồ chơi, dạy cách cầm các hạt đĩa nhỏ của búp bê, nhóm lửa trong cái bếp tí hon của búp bê, và đặt một con búp bê xinh đẹp kế bên đó. Các em chú ý trong giây lát nhưng rồi lại bỏ đi, và chúng chưa bao giờ chọn những món đồ chơi này làm đối tượng của sự lựa chọn tự phát của chúng. Thế là tôi hiểu ra rằng trong cuộc đời của một đứa trẻ, có lẽ chơi là cái gì ít quan trọng mà trẻ em chỉ làm vì thiếu một cái gì đó tốt hơn để làm, nên trong tâm trí của trẻ-có những cái gì cao cả hơn dường như đã vượt lên trên những thú vui vô ích. Điều này cũng đúng đối với chúng ta; chơi ván cờ tướng hoặc ván bài là chuyện đử vui trong lúc rảnh rỗi, chúng sẽ không còn là thú vui nếu chúng ta bị bắt buộc không được làm gì khác. Khi chúng ta có việc gì quan trọng và cấp bách hơn để làm, bộ bài sẽ bị bỏ quên, và đứa trẻ có những nhiệm vụ luôn quan trọng và thật sự cấp bách trước mắt. Mỗi giây phút trôi qua rất quý giá đối với đứa trẻ, nó biểu trưng cho sự chuyển tiếp từ một hình thái thấp hơn đến một hình thái cao hơn. Đứa trẻ luôn tăng trưởng, và tất cả những gì liên quan đến các phương tiện cho sự tăng trưởng của trẻ đều mê hoặc nó và khiến trẻ quên đi những chuyện phù phiếm.

Thưởng phạt

Một lần tôi bước vào trường và thấy một chú bé đang ngồi một mình trong chiếc ghế bành ở giữa căn phòng mà không có gì để làm; nó đeo trên ngực một chiếc huân chương trông rất bắt mắt mà giáo viên đã làm để thưởng cho trẻ ngoan. Cô ấy nói với tôi là chú bé đang bị phạt. Nhưng trước đó cô đã thưởng một đứa bé khác bằng cách đeo huân chương lên ngực nó. Và đứa bé này, đi ngang qua đứa bị phạt, đã trao lại chiếc huân chương cho nó, như thể đó là một món vô dụng, trở ngại cho người muốn làm việc. Đứa trẻ bị phạt thờ ơ nhìn chiếc huân chương và rồi bình thản nhìn quanh phòng, hầu như không có bất kì cảm giác nào về hình phạt đối với nó. Điều này đủ

cho thấy thưởng phạt là vô bổ, nhưng chúng tôi vẫn muốn tiếp tục quan sát thêm một thời gian, và sau rất nhiều thí nghiệm, chúng tôi nhận thấy sự việc luôn xảy ra như vậy, đến nỗi giáo viên cuối cùng gần như cảm thấy xấu hổ khi khen thưởng hay trừng phạt các trẻ này vì chúng dường như có vẻ thờ ơ đối với chuyện thưởng phạt. Sau đó, chúng tôi bỏ việc thưởng phạt, cái thậm chí còn đáng ngạc nhiên nhất là trẻ em thường xuyên từ chối phần thưởng, sự kiện đưa trẻ cho đứa bị phạt chiếc huân chương của nó không phải để trả đũa mà vì nó xem đó là điều tốt nhất có thể làm với món đó, nói tóm lại để khỏi phải để ý đến vật đó nữa. Nhưng ngay cả trước đó, chúng tôi rất thường thấy mấy thập giá mạ vàng gắn lên ngực các em mà không hề gây ra một phản ứng nhỏ nào; đây là sự thức tỉnh của ý thức, sự xuất hiện của ý thức tinh tế về phẩm cách mà trước đó các em chưa hề có.

Bài tập im lặng

Một bữa kia, tôi bước vào lớp học, trong tay tôi ẵm một bé gái bốn tháng tuổi mà tôi đã nhận từ tay bà mẹ ở ngoài sân. Em bé được quấn chặt trong tã theo tục lệ dân gian. Khuôn mặt bé tròn trịa và hồng hào, và bé không khóc, sự yên lặng của nó khiến tôi ngạc nhiên, và tôi muốn chia sẻ cảm giác của mình với các em. “Thấy không? Bé không gây ra một tiếng động nào”. Và nói đùa, tôi thêm vào, “Thấy bé giữ im lặng ghê chưa... Không ai trong các con có thể yên lặng như thế”. Và thật bất ngờ, tôi thấy các em đang chăm chú nhìn tôi một cách kì lạ. Dường như chúng đang dán mắt vào môi tôi và cảm nhận được một cách sâu sắc những gì tôi đang nói. “Để ý bé thở nè” tôi tiếp tục, “hơi thở của em bé nhẹ nhàng quá. Không ai trong các con có thể thở như bé mà không gây một tiếng động...”. Ngạc nhiên và bất động, các em bắt đầu nín thở. Lúc ấy, có sự im lặng khác thường; tiếng tích-tắc của đồng hồ, thường không ai nghe thấy, bắt đầu trở nên rõ ràng. Dường như em bé đã mang đến một bầu không khí im lặng chưa từng có trong cuộc sống thường nhật. Đó là vì không ai làm một cử động dù nhỏ nhất nào. Và điều này đem lại ước muốn được nghe sự im lặng, và từ đó tạo lại sự im lặng. Tất cả các em đều hào hứng làm việc này, nếu sự hào hứng không bao hàm tính bốc đồng phải tìm cách biểu lộ ra bên ngoài. Nhưng ở đây là biểu hiện một mối tương quan nảy sinh từ một ước vọng sâu sắc. Lập tức, các em ngồi yên, kiểm soát chính cả hơi thở của mình, và chúng ngồi như thế với nét mặt bình thản và vẻ tập trung mãnh liệt của những người đang ngồi thiền. Dần dần giữa sự im lặng đầy ấn tượng này, tất cả chúng tôi nghe thấy những âm thanh nhẹ nhất, một giọt nước rơi ở xa và tiếng riu rít của một con chim từ xa. Việc này là nguồn gốc của bài tập về sự yên lặng của chúng tôi.

Một ngày nọ, tôi bỗng có ý sử dụng sự yên lặng để kiểm tra lòng ước ao được nghe của trẻ em, thế là, tôi nghĩ ra việc gọi các em bằng tên trong tiếng thì thầm, từ một khoảng cách nào đó, như trong vài thử nghiệm y học. Em

nào nghe được tên của mình thì phải đến với tôi, mà đi cách nào để không gây ra một tiếng động. Với bốn mươi đứa trẻ, bài tập kiên nhẫn chờ đợi đòi hỏi một sự kiên nhẫn mà tôi nghĩ là bất khả, vì vậy tôi đã mang theo kẹo để thưởng cho mỗi em khi chúng đến bên tôi. *Nhưng những đứa trẻ từ chối không nhận kẹo.* Có vẻ như thể các em đang nói, “Đừng làm hỏng kinh nghiệm đẹp đẽ này của chúng con. Tâm trí chúng con vẫn còn đầy thích thú. Xin đừng làm chúng con phân tâm”. Do đó, tôi đã hiểu rằng trẻ em không những nhạy cảm với sự yên lặng mà còn với tiếng thì thầm gọi chúng trong yên lặng. Chúng sẽ từ từ rón rén bước đến, trên đầu ngón chân, cẩn thận không chạm vào vật gì, và không gây ra âm thanh nào cả. Sau này, tôi nhận ra rõ ràng rằng tất cả các bài tập liên quan đến cử động đều có thể kiểm soát sai lầm, như trong trường hợp này, sai sót được kiểm tra bằng các tiếng động trong sự im lặng, giúp đứa trẻ hoàn thiện các năng lực của nó. Nên lặp lại bài tập có thể dẫn đến một sự tập luyện ngoại tại bằng hành động, tinh tế đến nỗi khó có thể đạt được bằng lời chỉ dẫn bên ngoài. Những đứa trẻ của chúng tôi học cách làm thế nào để di chuyển xung quanh đồ vật mà không đụng vào, và làm thế nào để chạy nhẹ nhàng mà không gây ra tiếng động, nhờ vậy trở nên tinh táo và nhanh nhẹn. Và trẻ vui mừng về *sự hoàn hảo của các thành tích* chúng đã đạt được, cái trẻ em quan tâm là tự khám phá ra bản thân, phát hiện các tiềm năng của chúng và có thể *luyện tập* trong một thế giới huyền bí như nơi mà cuộc sống đang biến chuyển.

Trẻ từ chối bánh kẹo

Phải trải qua một thời gian dài trước khi tôi tự thuyết phục được mình rằng có một nguyên nhân nội tại trong việc trẻ em từ chối bánh kẹo - bánh kẹo được trao làm phần thưởng hay không có lí do là thứ thức ăn bất thường và không cần thiết. Tôi thấy sự từ chối này thật khác thường, khiến tôi quyết định lặp đi lặp lại thí nghiệm này nhiều lần vì ai cũng biết trẻ con luôn ham kẹo ngọt. Tôi mang một số bánh kẹo đến trường, nhưng các em từ chối không lấy hoặc để kẹo bánh vào trong túi áo choàng. Vì tất cả các em đều rất nghèo, tôi nghĩ rằng có lẽ chúng muốn đem kẹo về nhà, tôi bảo với chúng “Những viên kẹo này cô dành cho các con, còn đây là kẹo các con có thể đem về nhà”. Chúng lấy kẹo, nhưng lại bỏ tất cả vào trong túi mà không ăn. Tuy vậy, chúng tôi phát hiện ra rằng chúng cảm kích vì món quà, như có lần khi một đứa trong số bọn trẻ bị bệnh, cô giáo đã đến nhà thăm, cậu bé biết ơn cô giáo đến mức nó mở một cái hộp nhỏ và lấy ra một viên kẹo lớn mà nó đã nhận được ở trường và đưa cho cô. Viên kẹo hấp dẫn đã nằm đó nhiều tuần lễ và đứa bé không hề đụng đến. Cảm nghĩ này có giống của các nhà tu hành chạy trốn cuộc sống dễ dãi và những vật bên ngoài vô ích đối với cái tốt đẹp thật sự của cuộc đời, một khi họ đã tiến xa trên bậc thang của đời sống tâm linh không? Chắc chắn là thái độ này rất phổ biến trong đám trẻ

con đến nỗi có nhiều khách sau này đến thăm trường chúng tôi chỉ để kiểm chứng hiện tượng này, và họ- đã viết về nó trong nhiều quyển sách. Đây là một sự kiện tâm lí tự phát và tự nhiên ở trẻ em. Đương nhiên không ai nghĩ đến việc dạy chúng ăn năn đền tội và từ bỏ kẹo bánh, không ai lại có ý tưởng độc đáo và tuyệt vời để khẳng định là: “Trẻ con không nên chơi hay ăn kẹo.” Ngay cả bộ óc hoang tưởng cũng không nghĩ và làm như vậy. Những mẩu chuyện đáng ngạc nhiên được truyền đi khắp thế giới về một nhân vật quan trọng đã tặng cho đám trẻ những cái bánh bích quy, có dạng hình học, và đám trẻ, thay vì ăn bánh, chỉ chăm chú nhìn bánh và nói, “Đây là một hình tròn! Đây là một hình chữ nhật!”, có một câu chuyện vui khác về một đứa nhỏ, nhà nghèo, đã quan sát mẹ mình nấu nướng trong bếp. Bà lấy một khúc bơ còn nguyên, và đứa trẻ nói, “Đó là một hình chữ nhật!”. Mẹ nó cắt một góc và đứa con nói, “Bây giờ mẹ có một hình tam giác”, và nó nói thêm, “Chỗ còn lại là một hình thang”. Và nó không bao giờ thốt ra lời cầu xin thông thường “Hãy cho con bánh mì và bơ”.

Ý thức về nhân phẩm

Tôi có thể kể ra nhiều việc khác cho thấy các đặc tính thú vị này. Một bữa kia, tôi quyết định dạy các em một bài học hơi hài hước là làm thế nào để hỉ mũi. Sau khi đã cho các em xem những cách sử dụng khăn tay khác nhau, tôi kết thúc bằng cách chỉ cho các em làm thế nào để thực hiện điều đó càng kín đáo, ít gây tiếng động càng tốt, tôi lấy khăn tay ra, với một thao tác kín đáo khó gây chú ý. Các em nghe và nhìn tôi trong sự chú ý say mê, không cười đùa, và tôi tự hỏi tại sao. Nhưng khi tôi vừa mới chấm dứt biểu diễn thì chúng bùng dậy vỗ tay, như trong một rạp hát, khi một nữ diễn viên lớn - khơi dậy một sự hoan nghênh khó kiềm chế. Thế là tôi thực sự cực kì kính ngạc. Tôi chưa bao giờ nghe ai kể những đứa bé nhỏ như vậy đã trở thành đám khán giả vỗ tay hoan nghênh hay những bàn tay nhỏ có thể bộc lộ cảm xúc nhiệt liệt như thế. Tôi bỗng nhận ra có lẽ tôi đã chạm vào một điểm nhạy cảm trong đời sống xã hội của thế giới bé nhỏ này. Vấn đề tôi đã đề cập là việc trẻ em liên tưởng đến một cách hạ nhục liên tục khi luôn luôn bị chế giễu, trẻ em luôn bị mắng do chuyện hỉ mũi. Mọi người la mắng chúng, mọi người sỉ nhục chúng (trong dân gian, chúng còn thường bị gọi là “thò lò mũi xanh”), và cuối cùng, nhất là ở trường, chúng phải mang một khăn tay ghim vào áo choàng ngoài cửa chúng để khỏi mất. Lúc ấy, chiếc khăn tay giống như một vết nhơ và một phù hiệu ô nhục. Nhưng không ai thực sự dạy chúng phải hỉ mũi như thế nào mà không trực tiếp đả kích bọn trẻ. Chúng ta phải đặt mình vào vị trí của trẻ, hay hơn nữa chúng ta phải cố gắng hiểu rằng trẻ em nhạy cảm với mọi sự chế nhạo chúng vì trẻ có cảm giác bị sỉ nhục. Bài học như tôi dạy các em đã đem lại công lí cho trẻ, phục hồi và giúp trẻ tự nâng mình lên trong đời sống xã hội. Đó là cách tôi đã diễn giải sự việc, bởi

sau đó, qua nhiều kinh nghiệm lâu dài, tôi khám phá ra rằng trẻ em có ý thức sâu sắc về phẩm cách cá nhân, và tâm hồn các em có thể bị tổn thương, bị giày vò và áp bức, theo cách mà người lớn không thể nào tưởng tượng được.

Ngày hôm đó không kết thúc như vậy. Khi tôi sắp sửa đi về, các em bắt đầu hét to “Cảm ơn cô, cảm ơn cô đã dạy chúng con”. Khi tôi rời tòa nhà, các em xếp hàng lặng lẽ theo sau dọc theo lề đường, cho đến khi tôi nói với chúng: “Khi các con quay trở vào, hãy chạy bằng đầu ngón chân và hãy cẩn thận không đụng vào góc tường.” Chúng quay lại và biến mất sau cánh cổng như thể chúng đang bay. Tôi đã làm cho những em bé nhỏ xíu đáng thương này xúc động vì phẩm giá xã hội của chúng. Một hôm, một cuộc viếng thăm quan trọng được thông báo, vị khách muốn ở lại một mình với các em để quan sát chúng. Tôi khuyên giáo viên: “Dịp này, chỉ cần để mọi việc tự nhiên xảy ra.” và quay sang các em, tôi nói: “Ngày mai, các con sẽ có khách, cô rất mong họ sẽ nghĩ các con là những đứa trẻ ngoan nhất thế giới.” về sau, tôi hỏi giáo viên là cuộc thăm viếng diễn ra như thế nào. Cô kể tôi nghe: “Thành công lớn. Vài đứa đem ghế mời khách và lịch sự thưa: “Xin mời ông ngồi.” Những đứa khác nói: “Xin chào ông.” Và khi khách về, tất cả các em tụ lại và nhìn qua cửa sổ rồi cùng hét to “Cảm ơn ông đã đến thăm, xin chào tạm biệt!”

Tôi hỏi “Nhưng tại sao lại có tất cả những chào hỏi và chuẩn bị như vậy? Tôi đã bảo cô đừng làm điều gì khác thường mà chỉ để mọi việc xảy ra tự nhiên thôi mà.”

“Nhưng tôi đâu có nói gì với các em”, cô trả lời. “Chính các em tự mình...”, và cô nói thêm, “Chính mắt tôi cũng không tin được những gì tôi đã thấy và tôi tự nhủ chắc các thiên thần đã xui khiến các em...”. Cô tiếp tục giải thích rằng các em đã tự làm tốt mọi việc, mỗi đứa tiếp tục làm một việc riêng trong yên lặng khiến vị khách thật sự cảm động.

Trong một thời gian, tôi vẫn còn hoài nghi và không tin, tôi vẫn truy vấn cô giáo để biết chắc chắn là không có chuẩn bị hay tập dượt gì cả. Nhưng cuối cùng tôi đã hiểu, các em đã có nhận thức về nhân phẩm của chính mình, chúng có *tự ái* và chúng biết cách tổ chức công việc của chúng và biết cách tiếp khách với lòng ưu ái và sự vui vẻ thân thiện. Chúng kính trọng khách của mình và hãnh diện cho họ thấy cái tốt nhất chúng có thể làm. Tôi đã chẳng nói với các em đó sao: “Cô muốn khách nghĩ rằng các con là những đứa trẻ ngoan nhất thế giới.” Nhưng chắc chắn không phải lời thúc giục của tôi đã khiến chúng hành động như thế. Chỉ cần tôi nói với các em, “Các con sẽ có một người khách đến thăm viếng”, thì giống như loan báo sự xuất hiện của khách mời trong phòng khách, và thế là sẽ có một đám nhỏ nhanh nhẹn và có trách nhiệm, với phẩm cách và lễ độ, sẵn sàng làm những việc cần làm.

Tôi hiểu có một điều rất đơn giản nhưng gần như tuyệt vời. *Trẻ em không rút rè*. Bây giờ không có chướng ngại nào đặt ra giữa tâm hồn của trẻ và môi trường xung quanh chúng. Chúng đã khai mở hoàn toàn và tự nhiên như bông sen nở ra những cánh hoa trắng của nó để đón nhận được những tia sáng mặt trời và tỏa ra một hương thơm tinh tế. Trẻ không có gì để che giấu, không có gì để cất đi, không có gì để sợ. Đơn giản là như vậy, chúng ta có thể nói, sự an nhiên thoải mái của trẻ là kết quả của sự thích ứng tức thời và hoàn hảo với môi trường của chúng. Các tâm trí thức tỉnh, năng động đang hoạt động trong thế giới, luôn an nhiên tự tại, tỏa ra ánh sáng tâm linh và hơi ấm làm tan biến các cuộn dây quấn trói tâm hồn của người lớn khi họ tiếp xúc với các em. Những trẻ này đã tiếp đón mọi người với lòng thương mến. Vì vậy, nhiều nhân vật quan trọng bắt đầu đến thăm các em để đón nhận những cảm giác mới mẻ và tươi mát, và đám trẻ trở thành trung tâm của một đời sống xã hội nhộn nhịp. Thật thú vị khi thấy ngay những người khách bình thường cũng bắt đầu bộc lộ những cảm tình khác hơn cách thông thường của họ. Ví dụ, những phụ nữ ăn mặc thanh lịch mang trang sức như khi đi viếng thăm người họ muốn tôn vinh, và họ thích thú trước sự ngưỡng mộ của những đứa trẻ thật tươi tắn, ngây thơ và không chút ganh tị; họ hạnh phúc được nghe các em bày tỏ sự trầm trồ khen ngợi.

Các em vuốt ve các thứ đẹp đẽ và bàn tay mềm mại, thơm tho của những người phụ nữ này. Một lần, có một bé trai đến gần một phụ nữ đang có tang và tựa cái đầu nhỏ của nó vào người bà, rồi nó cầm lấy bàn tay của bà và giữ nó giữa đôi tay của mình. Sau này, bà ấy nói với nhiều xúc động rằng không ai mang đến cho bà nhiều an ủi như đứa bé đó.

Kỉ luật tự phát

Mặc cho phong cách an nhiên và tự do của các em, nhìn chung, chúng vẫn cho ta cảm tưởng chúng có kỉ luật lạ thường. Chúng lặng lẽ làm việc, mỗi đứa chú tâm vào công việc riêng của mình, chúng lặng lẽ đi tới đi lui, lấy học cụ mới hay đặt lại chỗ cũ các vật mà chúng đã dùng. Chúng đi ra khỏi lớp học, nhìn quanh sân rồi lại trở vào. Chúng thực hành các điều cô giáo kêu gọi một cách nhanh chóng lạ thường. Cô giáo kể tôi nghe: “Các em luôn sẵn sàng làm đúng y lời tôi bảo nên tôi bắt đầu cảm thấy có trách nhiệm với từng lời tôi thốt ra.” và đúng như thế, nếu cô ấy muốn các trẻ thực hành bài tập về sự yên lặng, các em sẽ ngồi bất động trước khi cô chưa dứt lời yêu cầu. “Bây giờ chúng ta sẽ giữ im...” Mặc cho sự tuân phục rõ rệt này, chúng biết tự hành động theo ý riêng của mình, tùy ý sắp xếp giờ giấc và việc làm trong ngày của chúng. Trẻ tự lấy học cụ theo ý và dọn dẹp trường lớp cho ngăn nắp; nếu giáo viên đến muộn hoặc để các em ở lại một mình, mọi chuyện vẫn diễn ra tốt đẹp như thế. Điều này chính là cái đặc biệt lôi cuốn

người quan sát trẻ - trật tự và kỉ luật kết hợp với sự hồn nhiên.

Kỉ luật hoàn hảo này, thật rõ ràng ngay cả lúc nó xuất hiện trong im lặng sâu xa, sự vâng lời này khiến trẻ em hằng hái thực hành những gì được nói với chúng, thậm chí ngay cả khi chưa được nói ra, chúng chỉ đoán mà chưa nghe, đã xảy ra từ lúc nào? Lớp học hoàn toàn yên lặng khi các em làm việc và di chuyển. Không ai bắt buộc chúng yên lặng, và hơn thế nữa, không ai có thể tạo ra được sự yên lặng bằng các phương tiện bên ngoài, có lẽ các em nhỏ này đã tìm ra quỹ đạo của chu kì của chúng, như các ngôi sao đi vòng quanh không mệt mỏi nhưng vẫn chiếu sáng muôn đời mà không hề chệch khỏi vị trí của chúng? Lời Thánh Kinh nói về chúng, có thể áp dụng cho các trẻ em như thế, “Và các vì sao đã tỏa sáng trong canh thức và đã vui mừng; chúng chiếu rọi sự viên mãn của chúng đến Đấng đã tạo nên chúng”. Một kỉ luật tự nhiên như vậy dường như làm thăng hoa môi trường tại đó, và biểu lộ như một phần của kỉ luật phổ quát đang cai quản thế giới. Chính cái kỉ luật mà vị tiên tri đã nói đến như là cái mà con người đã đánh mất. “Người trẻ đã thấy ánh sáng và cư ngụ trên địa cầu, nhưng dường như kỉ luật, chúng không biết đến.” Ta có cảm tưởng rằng cái kỉ luật tự nhiên này phải cung cấp nền tảng cho tất cả các hình thức kỉ luật khác đã được ấn định - ví dụ như trong đời sống xã hội “bởi những quan tâm tức thời bên ngoài. Thật vậy, một trong những điều khơi dậy mỗi quan tâm lớn lao nhất và cung cấp dinh dưỡng tốt nhất cho tư duy, dường như đang nắm giữ một điều gì bí ẩn, lại đích thực là cái thực tại về trật tự và kỉ luật được kết hợp thật chặt chẽ với nhau này do kết quả của sự tự do.

Một ngày nọ, con gái của Thủ tướng chính phủ nước ta muốn đi theo vị đại sứ của nước Argentina trong một buổi viếng thăm Ngôi Nhà của Trẻ. Viên đại sứ đã quyết định không báo trước cuộc viếng thăm để ông có thể chứng kiến sự *hồn nhiên* của trẻ em mà ông từng nghe nói đến. Tuy nhiên, khi đến trường, ông được biết là trường đã đóng cửa vì là ngày nghỉ lễ. Vài trẻ em ở sân sau xuất hiện, chúng lập tức đến gặp ông, một đứa nói, gần như tự nhiên “Không sao đâu dù hôm nay là ngày lễ. Tất cả tụi con đều ở trong tòa nhà này và bác gác cổng có chìa khóa”. Rồi mấy đứa trẻ chạy đi gọi các bạn và cửa lớp học được mở ra, tất cả các em đều ngồi xuống làm việc. Sự hồn nhiên kì diệu của đám trẻ là điều chắc chắn không nghi ngờ được. Những bà mẹ của các đứa trẻ đều biết việc này. Ta có thể tưởng tượng là họ kinh ngạc bao nhiêu khi thấy các vị khách đi vào sân nhà để gặp các em. Hoàng hậu nước Ý, và chính Nhà Vua và một số nhân vật quyền cao chức trọng mà họ không bao giờ nghĩ sẽ được thấy mặt dù đứng từ xa. Nhưng đây không phải là điều họ nói với tôi. Thay vào đó, họ đến để tâm sự những điều riêng tư trong gia đình, “Mấy đứa nhỏ ba, bốn tuổi này nói với chúng tôi những lời mà nếu là người khác nói có thể làm phật lòng chúng tôi. Ví dụ,

các cháu nói: “Tay mẹ bẩn, mẹ nên rửa đi”, hay “Mẹ phải giặt sạch các vết bẩn trên áo quần của mẹ.” Khi chúng tôi nghe các cháu nói vậy, chúng tôi không phật ý. Các cháu nói với chúng tôi những chuyện nghe như trong giấc mơ”. Thật vậy, những người nghèo này trở nên sạch sẽ và thơm mát hơn. Các cháu vỡ bắt đầu biến mất khỏi bậu cửa sổ. Dần dần cửa sổ sạch hơn và hoa phong lữ bắt đầu nở trên các cửa sổ quanh sân. Nhưng sự kiện ấn tượng nhất là vài người phụ nữ nghèo thường đặt ở bậu cửa sổ của trường, ở tầng trệt, vài món ăn họ đã nấu và muốn gửi cho cô giáo để tỏ sự biết ơn, mà không cho cô ấy biết là của ai.

“Con đã viết được! Con đã viết được!”

Một hôm, có hai ba bà mẹ đại diện các cha mẹ đến gặp tôi và xin tôi dạy con họ học đọc và viết. Những người phụ nữ này mù chữ. Khi tôi phản đối vì cảm thấy công tác này không nằm trong dự định của tôi, họ kiên quyết van nài.

Thế là những chuyện bất ngờ nhất đã xảy đến. Tôi chỉ dạy các cháu bé bốn hay năm tuổi vài chữ trong bộ vần mà tôi đã nhờ giáo viên cắt ra từ giấy cứng. Một số chữ được làm từ giấy nhám để trẻ có thể sờ lên và cảm nhận được dạng chữ để viết, tôi đặt những chữ này lên một tấm ván, sắp xếp các chữ cùng dạng với nhau, để bàn tay các em phải di chuyển theo động tác đồng nhất khi các em sờ vào chữ. Cô giáo hài lòng với cách sắp xếp này và không làm gì hơn để giúp các em.

Tôi đã không hiểu tại sao các em lại tỏ ra thật phấn khởi. Chúng đi vòng vòng, tay cầm từng chữ của bảng chữ cái như cầm biểu ngữ và vui mừng la to. Nhưng tại sao? Một hôm tôi bắt gặp một cậu bé vừa bước một mình vừa lặp lại: “Để viết Sofia, mình phải có một chữ ‘S’, một chữ ‘O’, một chữ ‘F’ một chữ T và một chữ ‘A’”. và cậu bé lặp lại các âm làm thành chữ đó như vậy. Như thế, bé đã tiến hành một cuộc nghiên cứu và phân tích từ mà cậu có trong đầu và tìm các âm cấu tạo ra từ này.

Với mỗi quan tâm sâu sắc của kẻ đang làm một cuộc khám phá, cậu bé đã hiểu rằng mỗi một âm tương ứng với một chữ cái trong bảng chữ cái abc. Và trên thực tế, viết thành tiếng đâu có phải là điều gì khác hơn là mối tương quan giữa một kí hiệu và một âm. Ngôn ngữ tự thân nó là tiếng nói; chữ viết thực sự không gì khác hơn là chuyển dịch *từng tiếng* (chuyển âm thành kí hiệu - ND). Mọi tiến bộ của chữ viết nảy sinh từ điểm tiếp cận này từ đó hai ngôn ngữ (chữ viết và tiếng nói “ND) biến hóa song song với nhau. Ban đầu, một thứ, ngôn ngữ viết, từng giọt rơi xuống từ thứ kia, sau đó chúng sẽ tạo thành một dòng rõ rệt, với các từ ngữ và diễn từ.

Đây là bí mật thực thụ, là chìa khóa mà một khi đã khám phá ra sẽ đem

đến một lợi ích hai mặt. Nó cho phép bàn tay nắm bắt một kỹ năng cốt yếu, lao động hầu như vô thức, như ngôn ngữ nói, đồng thời tạo ra một ngôn ngữ khác phản ánh được nó trong từng chi tiết. Trí óc và bàn tay, cả hai đều giành được thắng lợi. Bàn tay mang đến một kích thích mới mẻ, và các giọt nước trở thành dòng thác. Ngôn ngữ cuối cùng có được chữ viết tương ứng. Bờ nó là một dòng nước, một dòng thác nhưng lại đo các giọt âm thanh nhỏ tạo thành.

Một khi bảng chữ abc đã hình thành, chữ viết cũng phải hình thành một cách hợp lý như một hệ quả tự nhiên. Bởi lẽ đó, bàn tay phải có khả năng vẽ nên các kí hiệu. Các kí tự tạo thành con chữ chỉ đơn thuần là kí hiệu biểu trưng, do đó rất dễ vẽ nên. Nhưng tôi chưa hề suy nghĩ về những điều này trước khi một sự kiện lớn lao nhất đã xảy ra trong Ngôi Nhà của Trẻ. Một hôm, một đứa bé bắt đầu viết. Nó ngạc nhiên đến nỗi nó la to: “Tôi viết được rồi, tôi viết được rồi!”. Các em khác phấn khởi chạy đến để nhìn những chữ mà anh bạn nhỏ đã viết trên sàn nhà với một cục phấn. “Con nữa, con nữa!”. Những đứa khác la lên và chạy đi. Chúng chạy đi tìm dụng cụ để viết. Vài đứa tụ quanh tấm bảng đen. Mấy đứa khác nằm dài trên sàn nhà, và thế là chữ viết bắt đầu phát triển như một sự *bùng nổ*. Hoạt động không mệt mỏi này thật sự như một dòng thác. Chúng viết khắp nơi, trên cửa, trên tường và cả trên các ổ bánh mì ở nhà. Các em nhỏ chỉ mới khoảng bốn tuổi. Khám phá rằng chúng có thể viết trở thành một sự kiện bất ngờ. Cô giáo sẽ kể cho tôi, ví dụ như: “Bé này bắt đầu viết hôm qua lúc 3 giờ chiều.”

Chúng tôi cảm thấy như là đang có phép lạ. Nhưng khi chúng tôi cho các em sách đọc, và nhiều người nghe nói chuyện đã xảy ra đem đến cho chúng tôi vài quyển sách in có những hình ảnh rất đẹp, thì những quyển sách này lại chỉ được đón nhận một cách lạnh nhạt, như những thứ có hình ảnh đẹp nhưng lại làm mất tập trung đối với thao tác viết chữ đang rất hấp dẫn và hoàn toàn thu hút các em. Có lẽ, những em nhỏ này chưa hề thấy sách, nhưng chúng tôi đã cố thử làm cho các em để ý đến sách trong một thời gian rất lâu mà không được. Và cũng không thể làm cho chúng hiểu được đọc là gì! Nên chúng tôi cất sách đi và đợi đến khi thuận lợi hơn. Chúng cũng không hề đọc cái đã được viết bằng tay. Rất hiếm khi thấy có đứa nào cố đọc cái đứa khác đã viết, đứng ra, chúng dường như không thể đọc chữ. Nhiều em quay lại và nhìn tôi sững sờ khi tôi đọc lớn tiếng những chữ mà các em đã viết, như để hỏi, “Sao cô biết vậy?”.

Năng lực đọc đến sau

Chỉ khoảng sáu tháng sau các em mới bắt đầu hiểu đọc là gì, và chúng chỉ làm thế bằng cách liên kết đọc với viết. Mắt chúng theo dõi tay tôi khi tôi viết chữ trên một mảnh giấy và bắt đầu hiểu ra là tôi đang truyền đạt tư

tưởng của tôi như thể tôi đang nói. Vừa khi việc này trở thành rõ ràng đối với các em, chúng bắt đầu lấy những miếng giấy mà tôi đã viết câu gì lên đó rồi mang chúng đến một góc và thử đọc. Các em đọc trong đầu chứ không phát thành âm. Ta biết các em đã hiểu được chữ viết qua nụ cười bất ngờ hiện lên một lúc, trên khuôn mặt nhỏ nhắn, trước đó căng thẳng vì cố gắng và qua sự nhảy mừng khe khẽ dường như được khơi dậy từ một dòng suối ẩn tàng. Thế là chúng đi vòng vòng. Mỗi câu tôi viết có chứa một “mệnh lệnh” như tôi có thể đưa ra bằng lời nói: “Mở cửa sổ”, “Đến gần cô”, và những việc tương tự. Đây là cách chúng bắt đầu đọc. Cuối cùng các em có thể đọc những câu dài có chứa nhiều lệnh phức tạp. Nhưng dường như chữ viết được chúng hiểu đơn thuần là một phương cách khác để tự diễn đạt, một hình thức khác của tiếng nói, có vai trò tương tự là được truyền trực tiếp từ người này cho người khác.

Thật vậy, khi khách đến viếng thăm, nhiều đứa trong số các em nhỏ mà lúc trước gần như quá lớn tiếng chào đón bây giờ lại giữ im lặng. Chúng đứng dậy và đến tấm bảng đen để viết: “Xin mời ngồi, cảm ơn đến thăm”, và đại loại như thế.

Một hôm, chúng tôi kể về một thảm họa khủng khiếp đã xảy ra ở Sicilia: một cuộc động đất đã phá hủy hoàn toàn thành phố Messina với hàng trăm ngàn nạn nhân. Một đứa bé khoảng năm tuổi đứng dậy và bắt đầu viết: “Con tiếc...”. Chúng tôi quan sát và đoán rằng cậu bé sẽ tỏ nỗi đau buồn về những gì đã xảy ra. Nhưng chú bé tiếp tục viết: “Con tiếc là con còn nhỏ.” Điều này dường như là một suy tư vị kỷ lạ lùng, nhưng chú bé viết tiếp: “Nếu con lớn, con sẽ đi giúp.” Bé đã viết một bài văn nhỏ, đồng thời bộc lộ tấm lòng nhân hậu của mình. Bé là con của một phụ nữ đã nuôi nấng bé bằng việc bán những giỏ rau thơm trên đường phố.

Sau đó, còn xảy ra một chuyện nữa không kém phần ngạc nhiên. Trong khi chúng tôi chuẩn bị vật liệu để dạy bảng chữ abc kiểu chữ in cho mấy đứa nhỏ để có thể đem sách ra thử lần nữa, những đứa trẻ bắt đầu đọc tất cả những chữ in mà chúng có thể tìm ở trường, và có vài chữ thật khó mà đọc ra, chẳng hạn như chữ in kiểu Gothic trên một tấm lịch. Cùng thời gian đó, cha mẹ các em đến kể rằng các em thường dừng bước trên đường để đọc các bảng hiệu của các cửa tiệm, nên khó mà đi dạo với chúng được. Rõ ràng là các em không quan tâm đến chuyện đọc chữ mà chỉ chú ý đến việc đoán ra các kí tự. Đây là một hình thức viết khác mà các em muốn học, và chúng có thể làm thế chỉ bằng cách giải mã ý nghĩa của các từ ngữ. Đầu óc các em cũng làm việc theo thể thức như đầu óc của người lớn đang nghiền ngẫm về một đồng chữ khắc thời tiền sử, cho đến khi ý nghĩa mà họ thu lượm được chứng minh cho họ rằng họ đã giải mã chính xác các kí hiệu mà họ không biết. Sự quan tâm bất ngờ và say mê đối với bất cứ cái gì có chữ in cũng xuất

phát từ một động lực như thế.

Nếu chúng tôi đã quá vội vàng giải thích các chữ in cho các em, có lẽ chúng tôi đã dập tắt mọi quan tâm và nhiệt tình truy đoán ra cái không quen thuộc, cương quyết buộc các em đọc sách quá sớm, không đúng lúc có lẽ sẽ đưa đến một hậu quả trái ngược với ý giúp ích; theo đuổi mọi lợi ít quan trọng hơn có lẽ sẽ giảm thiểu các năng lực trong tâm trí năng động của trẻ. Kết quả là sách vở được giữ lại lâu hơn trong kệ tủ. Chỉ một thời gian sau, đám trẻ mới tiếp cận với sách. Việc này bắt đầu bằng một sự kiện thật sự hào hứng. Một đứa bé đến trường đầy phấn chấn. Nó giấu một mẩu giấy nhúm trong bàn tay và tâm sự với một trong các bạn của nó rằng: “Đồ biết cái gì trong mảnh giấy này.” “Chẳng có gì hết; chỉ là một tờ giấy rách.” “Không, có một câu chuyện.” “Có câu chuyện trên đây à?” Việc này thu hút một đám trẻ tò mò. Đứa bé chọn một mảnh giấy từ một đồng rác, và nó bắt đầu đọc một câu chuyện. Thế là cuối cùng các em hiểu ra ý nghĩa của sách vở và sau đó, sách trở thành món có nhu cầu cao. Tuy nhiên nhiều đứa trẻ, khi thấy cái gì lí thú trong sách, chúng bèn xé trang đó ra và mang đi.

Tội nghiệp mấy quyển sách! Cách khám phá ra giá trị của sách thật đáng sửng sốt. Trật tự êm ả bình thường trong trường bị gián đoạn, và chúng tôi phải kiểm tra các bàn tay nhỏ nhắn hăng hái đã trở thành phá hoại chỉ đơn thuần vì yêu sách. Ngay cả trước khi các em đọc sách và học biết quý sách, các em với một chút giúp đỡ của chúng tôi đã học đánh vần cho đúng và viết tốt đến nỗi có thể so chúng với trẻ học lớp ba trường tiểu học.

Những trẻ em mới

Suốt thời gian này, không có gì được thực hiện để cải thiện sức khỏe thể chất của các cháu nhỏ. Nhưng bây giờ không ai nhìn ra những đứa trẻ thiếu ăn, xanh xao như cần thêm rất nhiều thức ăn, thuốc bổ và chăm sóc về y tế, qua dáng vẻ hồng hào và linh hoạt của chúng. Các em rất khỏe mạnh như đã được chữa hết bệnh nhờ không khí trong lành và ánh sáng mặt trời. Quả thật, nếu các nguyên nhân tâm lí buồn chán có thể ảnh hưởng đến sự biến dưỡng hay chuyển hóa thức ăn làm giảm sinh lực của ta, điều ngược lại cũng có thể xảy ra: một nguyên nhân tâm thần phấn chấn có thể làm tăng mức chuyển hóa thức ăn và tất cả các chức năng về thể chất của ta. Chúng tôi đã chứng minh được điều này. Giờ đây điều này chắc hẳn không gây ra ngạc nhiên, nhưng vào thời ấy, chúng đã gây ra sự sửng sốt kinh ngạc.

Thiên hạ nói đến các “phép lạ” và báo chí bình luận hay đến độ tin tức về những đứa trẻ kì diệu lan ra như lửa rừng trên khắp thế giới. Nhiều sách viết về các em nhỏ này, chúng tạo cảm hứng cho các nhà viết tiểu thuyết, họ viết chính xác về những gì họ đã thấy, nhưng có vẻ như đang diễn tả một thế giới nào khác. Thiên hạ nói đến sự khám phá ra linh hồn của con người, về phép

lạ, họ còn trích dẫn những mâu thuẫn giữa các trẻ nhỏ. Một quyển sách mới nhất ở Anh quốc viết về các em, có tựa *Những trẻ em mới*. Từ các nước xa xôi, đặc biệt từ châu Mỹ, nhiều người đến để kiểm chứng những chuyện đáng ngạc nhiên. Đám trẻ con của chúng tôi hẳn cũng có thể lặp lại các lời trong Kinh Thánh được đọc ở nhà thờ ngày 6, tháng Giêng, lễ Ba Vua, hôm khai giảng ngôi trường: “Hãy ngược mắt nhìn quanh và thấy, tất cả đều tụ tập: Họ đến với các người... nhiều kẻ từ phương xa bên kia bờ đại dương sẽ tụ về quanh các người.”

Chương 3

NHỮNG ĐIỀU ĐÃ ĐƯỢC KHAI TRIỂN THÊM

Nguyên tắc đã thiết lập

Bài tường thuật ngắn gọn về các vụ việc và các ấn tượng này chưa làm sáng tỏ bao nhiêu về vấn đề “phương pháp”. Phương pháp nào đã đem lại những kết quả này?

Và đây là quan điểm.

Ta không thể nhìn thấy phương pháp, *ta nhìn thấy đứa trẻ*. Ta nhìn thấy tâm hồn của đứa trẻ được giải phóng khỏi các trở ngại, đang hành động theo bản tính của nó. Các đặc tính của tuổi thơ mà chúng tôi chợt bắt được chỉ đơn thuần là một phần của sự sống, giống như các màu lông của chim chóc hay hương thơm của hoa cỏ; chúng hoàn toàn không phải là sản phẩm của một “phương pháp giáo dục” nào. Song hiển nhiên là các điều tự nhiên này có thể bị ảnh hưởng bởi một nền giáo dục muốn bảo vệ chúng, muốn vun trồng chúng và hỗ trợ sự phát triển của chúng. Ngay đối với loài hoa, có màu sắc và hương thơm tự nhiên, con người còn có thể tác động thông qua trồng trọt; họ có thể tạo ra một số đặc tính, cải tạo các đặc tính ban đầu cho thêm phần đẹp đẽ. Hiện tượng đã xảy ra ở Ngôi Nhà của Trẻ có những đặc điểm tự nhiên về mặt tâm lí. Các đặc điểm này không hiển nhiên như các đặc điểm tự nhiên của sự sống thực vật, vì *đời sống* tinh thần biến đổi đến nỗi các đặc điểm của nó có thể hoàn toàn biến mất trong một môi trường không thuận lợi và bị thay thế bởi những cái khác, vì thế, trước khi tiến đến sự phát triển về giáo dục, chúng ta phải tạo ra những điều kiện môi trường thuận lợi cho sự xuất hiện của những đặc tính bình thường đã bị ẩn đi. Với mục tiêu ấy, chỉ cần *tháo gỡ các chương ngại vật*; đó là bước đầu tiên và là nền móng của giáo dục. Do đó, vấn đề không chỉ là phát triển các đặc tính đã có sẵn, mà trên hết, là khám phá bản chất thật sự của đứa trẻ, rồi sau đó mới có thể bồi dưỡng sự phát triển bình thường của nó.

Nếu chúng ta xem xét loạt tình huống đầu tiên, được tạo ra một cách tình cờ, đã dẫn đến sự xuất hiện của những đặc tính bình thường, chúng ta có thể ghi nhận một vài điểm đặc biệt quan trọng. Điều đầu tiên là cung cấp một môi trường dễ chịu, nơi trẻ không cảm thấy bị bó buộc. Những đứa trẻ đến từ các căn nhà lụp xụp tồi tàn chắc chắn đã nhận thấy môi trường mới của chúng thật thú vị, nào là lớp học sạch sẽ, màu trắng với những bàn ghế nhỏ mới, nào là những chiếc ghế bành tí xíu làm riêng cho trẻ, và những bãi cỏ nhỏ trong sân chơi âm áp ánh mặt trời.

Điều thứ hai là *vai trò tiêu cực* của người lớn. Cha mẹ mù chữ, cô giáo là một người lao động không có tham vọng và định kiến như một giáo viên thực thụ. Điều này tạo ra một hoàn cảnh có thể xem là một sự “yên ổn về mặt trí thức”. Ta luôn thấy rằng giáo viên phải ung dung bình thản, nhưng sự ung dung bình thản được yêu cầu là cái bình thản do cá tính và bản lĩnh, ở đây là một sự ung dung bình thản sâu sắc hơn, một trạng thái trông không hay (tốt hơn) là tự do khỏi sự mê muội về tư duy, tạo nên một sự trong suốt nội tâm, một sự tự do không vướng mắc về mặt trí tuệ. Một trạng thái như vậy gần giống như sự trong sạch về trí tuệ mà Thánh Francisco thành Assisi đã cảm nghiệm, thường bị ngộ nhận là ngu ngơ, trong khi nó lại là một trạng thái tâm thần sẵn sàng *giác ngộ* để đón nhận sự mặc khải thiêng liêng. Tương tự là một sự *khiêm tốn về tâm linh* chuẩn bị cho ta khả năng hiểu được đứa trẻ và do đó phải là phần cốt yếu nhất trong sự chuẩn bị của một người thầy.

Một tình huống đáng ghi nhận khác là sự cung cấp những vật có tính khoa học thích hợp, hấp dẫn trẻ, được làm hoàn hảo nhằm giáo dục giác quan, với những thứ, ví dụ như các khung để học thắt dây, cho phép phân tích và hoàn thiện các động tác. Tất cả những điều này là để đánh thức sự tập trung chú ý. Điều này không thể xảy ra nếu như người giáo viên chỉ giảng dạy bằng lời nói để kêu gọi năng lượng của trẻ từ bên ngoài. Cho tới lúc này, chúng ta có một môi trường thích hợp, sự khiêm tốn nơi người giáo viên và những thiết bị khoa học. Đây là ba đặc điểm nhìn thấy được ở bên ngoài của phương pháp.

Bây giờ chúng ta hãy khám phá một số biểu hiện ở trẻ em.

Cái thích hợp nhất, giống như một chiếc cửa thần mở rộng cửa cho các đặc tính bình thường, đó là hoạt động kiên định tập trung vào một công việc duy nhất, một bài tập với một vật ngoại tại nào đó, với các cử động của bàn tay được hướng dẫn bởi trí tuệ. Và ở đây, chúng ta thấy sự bộc lộ của những đặc tính rõ ràng đến từ một thôi thúc nội tại, như sự “lặp lại bài tập” và “tự do lựa chọn các vật”. Chính lúc đó đứa trẻ đích thực sẽ xuất hiện bừng sáng niềm vui và không mệt mỏi vì hoạt động giống như sự chuyển hóa tinh thần được kết nối với sự sống và do đó với sự tăng trưởng của đứa trẻ. Kể từ đây, chính sự lựa chọn của đứa trẻ sẽ hướng dẫn nó. Trẻ nhiệt tình đáp ứng các thử thách như trong bài tập im lặng; trẻ vui thích bởi một số bài học mở ra trước mắt trẻ con đường đưa đến công lí và nhân phẩm. Trẻ hăm hở hấp thu những phương tiện giúp trẻ phát triển tâm trí của nó. Nhưng trẻ quay lưng khỏi những điều khác như phần thưởng, kẹo bánh và đồ chơi. Hơn nữa, trẻ thợ cho chúng tôi thấy rằng trật tự và kỉ luật là những nhu cầu tất yếu và là biểu hiện tất yếu khi liên quan đến trẻ. Và trong khi ấy nó vẫn thực sự còn là

đứa bé, tươi tắn, thật thà, vui vẻ, linh hoạt, hét hò tràn đầy phấn khởi, vỗ tay, lớn tiếng chào hỏi, nồng nhiệt cảm ơn, gọi tên và chạy theo ta để tỏ lòng biết ơn. Nó thân thiện với mọi người, chiêm ngưỡng mọi thứ và tự thích ứng với mọi sự.

Chúng ta hãy chọn ra những gì trẻ đã chọn lựa, và chú trọng đến những biểu lộ hồn nhiên của trẻ để làm thành một danh mục. Và đồng thời chúng ta hãy ghi nhận những gì trẻ bỏ qua, để có một danh mục những thứ không cần thiết nhằm tránh phung phí thời giờ.

Danh mục thứ nhất gồm: Lặp lại bài tập. Tự do lựa chọn. Tự kiểm tra lỗi lầm. Phân tích các động tác. Tập im lặng, cư xử đẹp trong quan hệ xã hội. Trật tự trong môi trường. Chăm sóc vệ sinh cá nhân. Tập luyện giác quan. Tách biệt viết và đọc. Viết trước khi đọc. Đọc không cần sách. Kỉ luật trong tự do hoạt động.

Và danh mục thứ hai gồm: Bỏ phần thưởng và hình phạt. Bỏ tập sách đánh vần ‘abc’. Bỏ bài học tập thể^[3]. Bỏ kế hoạch và thi cử. Bỏ đồ chơi và tham lam. Bỏ bàn viết cao riêng cho giáo viên.

Hiển nhiên là từ bản danh mục kép này, chúng ta có thể tìm thấy bản phác thảo của một phương pháp giáo dục. Nói một cách ngắn gọn, chính bản thân trẻ em đã cung cấp cho ta những định hướng thực tiễn và tích cực, hay nói đúng hơn, những hướng dẫn có tính thực nghiệm để xây nên một hệ thống giáo dục, trong đó các lựa chọn của trẻ em hướng dẫn sự thành hình của phương pháp và nhiệt tình sinh động của trẻ đóng vai trò kiểm tra sai sót.

Thật kì diệu khi nhận ra rằng trong suốt quá trình xây dựng một phương pháp giáo dục đích thực, hình thành từ những trải nghiệm thu thập qua một thời gian dài, những nguyên tắc ban đầu này, xuất phát từ số không vẫn được bảo lưu nguyên vẹn. Điều này khiến chúng tôi nghĩ đến phôi thai của động vật có xương sống, trong phôi xuất hiện một đường được gọi là đường hay lần sơ khai: nó là một hình dạng có thực nhưng vẫn chưa có thực chất; rồi sau này nó mới trở thành cột sống, chúng ta có thể tiếp tục so sánh thêm. Trong động vật có xương sống, chúng ta thấy cái toàn thể được chia ra làm ba phần đầu, ngực và bụng; rồi một số điểm từ từ đến sau theo một tiến hóa có trật tự đã định và cuối cùng cứng dần, đó là các đốt xương sống. Thế nên trong bản phác thảo sơ khởi của phương pháp giáo dục của chúng tôi, có cái toàn thể, có một đường căn bản trong đó ba thành tố cốt yếu nổi bật lên - môi trường, giáo viên và các học cụ với một số đặc điểm thay đổi dần dần, như các đốt xương sống vậy.

Theo dõi sự triển khai tuân tự này là điều thú vị, một công việc đầu tiên trong xã hội loài người được dặt dẫn bởi đứa trẻ, cho thấy sự tiến hóa của

những nguyên tắc ban đầu được bộc lộ như những điều mặc khải bất ngờ. Tiến hóa là từ tốt nhất để diễn tả sự phát triển tuân tự của phương pháp độc đáo này; bởi các chi tiết mới mẻ được tạo ra bởi sự sống vẫn đang biến chuyển trong tương quan với môi trường của nó. Tuy nhiên, môi trường này là một môi trường đặc biệt, bởi qua việc làm của người lớn, môi trường này cũng là một đáp ứng tích cực và thiết yếu đối với những khuôn mẫu mới được bộc lộ qua sự tiến hóa của chính đời sống đứa trẻ.

Sự áp dụng phổ biến nhanh chóng lạ thường của phương pháp này cho các trường học của trẻ em xuất thân từ mọi điều kiện xã hội và từ mọi chủng tộc, đã mở rộng kinh nghiệm của chúng tôi đến độ chúng tôi có thể ghi nhận một cách chắc chắn, không chút hoài nghi sự hiện hữu của những đặc tính bất biến của các xu hướng phổ quát, và do đó chúng tôi có thể nói đến các *quy luật tự nhiên* phải tạo thành nền tảng cho công cuộc giáo dục.

Các trường học phát triển từ Ngôi Nhà của Trẻ đầu tiên đặc biệt đáng chú ý do họ được gọi hứng bởi cùng nguyên tắc là chờ đợi các biểu lộ tự phát hồn nhiên của trẻ chứ không thiết lập sẵn các phương pháp cố định từ bên ngoài.

Trẻ mồ côi ở Messina

Có thể thấy một ví dụ ấn tượng và nổi tiếng ở một trong những Ngôi Nhà của Trẻ đầu tiên được thành lập ở Roma. Hoàn cảnh ra đời của nó còn lạ lùng hơn ngôi trường đầu tiên của chúng tôi, vì ở đây tập hợp những trẻ mồ côi đã sống sót sau khi trải qua một trong những tai họa lớn nhất, trận động đất ở Messina vào năm 1908, sáu mươi đứa trẻ này đã được tìm thấy giữa cảnh hoang tàn đổ nát. Không ai biết tên hay vị trí xã hội của chúng. Một cơn sốc kinh hoàng khiến chúng trở nên giống nhau, đờ đẫn, thỉnh lặng, lơ đãng. Khó cho chúng ăn và ngủ. Đêm đến, chúng la hét và khóc lóc.

Một môi trường thú vị được tạo ra cho chúng, và Hoàng hậu nước Ý đặc biệt quan tâm đến chúng. Các thiết bị nội thất nhỏ nhắn được làm ra, sơn màu tươi sáng, các tủ nhỏ, màn cửa sổ màu sáng, bàn tròn nhỏ rất thấp sơn màu tươi sáng, những bàn hình chữ nhật hơi cao hơn, ghé đầu và ghé bàn, vật dụng trên bàn ăn đặc biệt hấp dẫn. Từ những thứ nhỏ xinh như đĩa, dao, nĩa, thìa, và khăn ăn, cho đến những bánh xà phòng và khăn tay cũng có kích thước vừa với bàn tay nhỏ đang còn cần thời gian để phát triển của các em. Vật nào cũng có trang trí, biểu trưng sự sang trọng. Trên tường có tranh ảnh đẹp và các bình hoa được đặt khắp nơi. Địa điểm được chọn là một tu viện của các nữ tu dòng Thánh Francisco, có vườn rộng rãi, lối đi rộng, những luống hoa đẹp, có hồ cá vàng, và chuồng bò cừu. Giữa khung cảnh này, các nữ tu trong bộ áo thụng màu nhạt, nghiêm nghị trong bộ khăn che đầu dài đi

qua đi lại trong thanh bình và tĩnh lặng.

Những nữ tu dạy các em cách cư sự đẹp, và dần dần dạy kĩ thêm về chi tiết. Trong số các nữ tu, có nhiều người từng thuộc tầng lớp quý tộc, họ thực hành các lễ lồi tỉ mỉ nhất về cách hành xử trong cái đời sống xã hội mà họ đã từ bỏ, họ cố tìm trong kí ức và trong những thói quen tập tục trước đó những chi tiết mà họ có thể nhớ lại bởi không gì thoả mãn được đám trẻ. Các em học cách cư xử như những ông hoàng ở bàn ăn, và còn học cách phục vụ ở bàn ăn như những người hầu bàn tốt nhất. Bữa ăn không còn thu hút trẻ do thức ăn, mà do cái tinh thần về sự chín chu, bữa ăn như một bài tập về các động tác có kiểm soát, về các tri thức được tiếp thu đầy phần chân, và dần dần các em lấy lại được sự ngon miệng tự nhiên ở độ tuổi của mình và cùng với ăn ngon là một giấc ngủ yên. Sự thay đổi ở những đứa trẻ này gây ra một ấn tượng sâu sắc. Ta đã có thể thấy các em chạy nhảy khi chúng mang đồ vật vào trong vườn, hay khi với vẻ mặt tinh táo và vui tươi, các em khiêng bàn ghế ra khỏi phòng và sắp xếp chúng theo một hình vuông nhỏ dưới tán cây mà không làm vỡ hay đụng vào vật khác. Chính ở đây từ “cải hóa” lần đầu tiên được sử dụng. “Các em nhỏ này khiến tôi liên tưởng đến những người đã cải đạo”, một trong những nhà văn nữ nổi tiếng của Ý đương thời đã nói như vậy, “không có sự cải hóa nào kì diệu hơn như sự chinh phục được nỗi u buồn và suy nhược, và nâng ta lên một bình diện cao hơn của sự sống”. Ý tưởng này đem đến một hình thức tâm linh cho cái hiện tượng đầy ấn tượng không thể giải thích nhưng không ai không nhìn ra, đã khuấy động tâm trí nhiều người, và từ ngữ này thịnh hành khá lâu mặc cho nó mang tính nghịch lí. Bởi quan niệm về sự cải hóa dường như đi ngược với trạng thái hồn nhiên của tuổi thơ. Nhưng ở đây có một sự biến đổi về tâm linh khiến đứa trẻ được giải thoát khỏi sự đau khổ, sự bỏ rơi và đã tái sinh trong niềm vui. Buồn bã và tội lỗi, cả hai điều là những tình trạng cho thấy sự xa rời nguồn mạch các năng lượng của sự sống, và về khía cạnh này, khi trẻ có khả năng phục hồi được những năng lượng này tức là chúng đã được cải hóa. Thế là buồn phiền và tội lỗi biến mất như màn đêm, nhường chỗ cho ánh bình minh trong niềm vui và sự thanh tẩy. Thật vậy, cả hai đều có trong các ân sủng của Chúa Thánh Linh. Ngài được gọi là “Đấng An ủi cao cả nhất”, “Chất bổ dưỡng ngọt ngào”, “thanh thảo trong lao động”, “an ủi trong khốc lốc”. Ngài thanh tẩy cái xấu xa, tưới mát cái khô khan, chữa lành vết thương, uốn mềm sự cứng cõi, và ban sức khỏe cùng niềm vui bất tận. Không có gì trong con người mà không có sự nâng đỡ của Ngài, không có gì thiếu Ngài mà không gây tổn thương. ^[4]

Thật vậy, điều này đã xảy ra với đám trẻ của chúng tôi. Có một sự phục sinh từ đau buồn đến niềm vui, với sự biến mất nhiều khiếm khuyết đã hằn sâu mà người ta lo rằng không sửa đổi được. Nhưng còn có cái gì hơn thế

nữa “những đặc điểm thường được xem là đáng được khen cũng đã biến mất. Đúng là trẻ nhỏ đã đem đến một sự khai sáng khiến ta sửng sốt. *Nihil est innoxium...* Mọi sự trong con người đã bị hiểu sai và mọi sự phải được hoàn toàn đổi mới. Và cách duy nhất cho sự canh tân này là trở về với nguồn mạch duy nhất của các năng lượng sáng tạo. Nếu không có được sự chứng minh phức tạp từ các trẻ nhỏ đã đến với ngôi trường của chúng tôi trong những điều kiện bất thường nhất của đời sống, thì chúng tôi đã không thể phân biệt được tốt với xấu trong cá tính của trẻ; bởi trước đây, người lớn đã quyết định rằng đứa trẻ chỉ tốt khi nó thích nghi với các điều kiện *đời sống* của người lớn và ngược lại. Qua những luận cứ trái nghịch này, các đặc tính tự nhiên của trẻ vẫn bị giấu kín. Đứa trẻ đích thực đã biến mất; nó là kẻ vô danh trong thế giới của người lớn; cái tốt và cái xấu đều cùng nhau tiếp tục chôn vùi đứa trẻ.

Trẻ em của gia đình khá giả

Một tầng lớp trẻ em khác sống trong những điều kiện xã hội ngoại lệ là trẻ em của các gia đình giàu có. Có lẽ ta sẽ nghĩ rằng giáo dục các em này dễ dàng hơn các trẻ em nghèo trong ngôi trường đầu tiên của chúng tôi hay các trẻ mồ côi do động đất ở Messina. Vậy cái gì thực sự đã được cải hóa ở chúng? Trẻ em của gia đình giàu được nhiều đặc ân, được bao bọc bởi mọi sự chăm sóc mà xã hội có thể cung cấp, nhưng để phá tan thành kiến này tôi sẽ trích vài trang từ quyển sổ cũ của tôi, ^[5] trong đó những giáo viên công tác trong các trường của chúng tôi ở châu Âu và châu Mỹ thành thật kê lại những cảm tưởng đầu tiên và những khó khăn gặp phải, khiến ta nghĩ đến lời của Thánh Francisco khi ngài tán dương các sinh vật bé mọn: “Chị cháu ơi, hãy đến gần đây, chính trong các sinh vật nhỏ bé nhất mà lòng nhân từ của Đấng Tạo hóa được bộc lộ một cách rõ ràng nhất.”

Sự đẹp đẽ trong môi trường với muôn vàn bông hoa vẫn không hấp dẫn đứa trẻ nhà giàu. Các lối đi trong vườn không mê hoặc được nó. Cũng không tạo được sự nối kết giữa đứa trẻ và học cụ. Giáo viên ngỡ ngàng trước những đứa trẻ không tự lao vào các học cụ được đưa ra, như cô đã hi vọng, để chọn những vật theo ý thích riêng của chính các em. Trong khi ở trường của trẻ con nghèo, thường là ngay từ đầu các em sẽ chạy ngay đến các vật được trao cho. Nhưng trẻ em nhà giàu, đã có thừa mọi món đồ chơi cầu kì, ít khi cảm thấy bị thu hút bởi những kích thích dành cho chúng.

Một giáo viên người Mỹ, cô G. viết thư cho tôi từ Washington như sau: “Các em giành giật nhau các món đồ. Nếu tôi thử chỉ dẫn cái gì cho một đứa trong bọn chúng, những đứa khác sẽ bỏ ngay cái chúng đang cầm trong tay và ồn ào xúm quanh tôi, không có mục đích gì cả. Khi tôi vừa giải thích

xong một học cụ, tất cả các em đều bu quanh và giành nhau. Các em không có vẻ thật sự chú ý vào học cụ. Chúng đi từ món này qua món khác mà không dừng lại ở món nào. Có một em không thể ở yên được một chỗ, đến nỗi nó không thể ngồi lâu đủ để chạm tay vào bất cứ món nào chúng tôi đưa cho. Trong nhiều trường hợp, các em di chuyển không mục đích. Chúng chỉ chạy vòng vòng trong lớp, trong đầu không có mục tiêu. Chúng chẳng chú ý tôn trọng vật gì khi di chuyển; chúng đụng bàn, đẩy ghế và giẫm lên các món học cụ. Đôi khi, chúng bắt đầu làm một việc gì ở một chỗ, rồi chạy đi, lấy món khác và rồi lại bỏ đi.”

Cô D, viết thư từ Paris: “Tôi phải thú thật là kinh nghiệm của tôi thật đáng nản. Các em nhỏ không thể tập trung vào công việc lâu hơn một phút, chúng không kiên trì, và không chủ động, chúng thường nối đuôi nhau đi vòng vòng như một bầy cừu. Khi một đứa lấy món nào, những đứa còn lại đều muốn bắt chước. Đôi khi, chúng chỉ lăn tròn trên sàn nhà, làm đổ cả ghế.”

Mô tả ngắn gọn sau đây đến từ một trường có nhiều trẻ em nhà giàu ở Roma: “Quan tâm chính của chúng tôi là kỉ luật. Các em lạc hướng trong công việc và từ chối không theo lời hướng dẫn.”

Bây giờ là vài mô tả về sự xuất hiện của kỉ luật. Cô G. kể tiếp các kinh nghiệm ở Washington: “Trong vài ngày, cái khối những hạt phân tử quay cuồng (những đứa trẻ mất trật tự) bắt đầu có hình dạng nhất định. Dường như bọn trẻ bắt đầu tự định hướng; chúng bắt đầu chú ý đến những món đồ mà lúc trước chúng khinh thường coi như là những món đồ chơi ngớ ngẩn, và kết quả của sự chú ý mới này là chúng bắt đầu hành xử như những cá thể độc lập, *rất là cá thể hóa*. Thế là một vật thu hút sự chú ý hoàn toàn của một đứa không có chút nào hấp dẫn đối với đứa khác nữa; những đứa trẻ khác biệt nhau trong cách thể hiện mối quan tâm của chúng.

“Cuộc chiến chỉ thật sự thắng khi đứa trẻ tìm được cái gì hoặc một vật đặc biệt nào đó *khơi dậy được một sự quan tâm sâu sắc và tự phát ở trẻ*. Đôi khi sự nhiệt tình nảy sinh bất ngờ, nhanh chóng lạ kì. Một lần với từng học cụ học tập, tôi thử gây chú ý ở một em, mà không đạt được kết quả nào. Rồi tình cờ tôi đưa cho nó xem hai miếng thẻ, một miếng đỏ một miếng xanh, lưu ý nó về các màu sắc khác nhau. Nó lập tức chìa tay ra lấy ngay như thể rất khao khát, và chỉ trong một bài học đã học biết được năm màu. Trong những ngày kế tiếp, nó lấy tất cả những món đồ mà lúc trước nó đã coi thường và dần dần quan tâm đến chúng.

“Một em khác lúc đầu có khả năng tập trung rất thấp, đã vượt qua được trạng thái hỗn độn này khi chú ý đến một trong những món đồ phức tạp nhất, cái có tên là “thanh gỗ học số”. Nó chơi liên tục với mấy thanh gỗ đó cả tuần

lễ, học đêm và làm những bài toán cộng đơn giản. Rồi nó bắt đầu quay lại với những bộ học cụ đơn giản hơn, các thời hình trụ, các tấm inset kim loại và quan tâm đến mỗi phần của bộ học cụ. “Ngay lúc các em tìm được cái gì hấp dẫn đối với chúng, sự hỗn độn nhanh chóng biến mất và cũng kết thúc luôn sự lang thang của tâm trí.”

Cũng giáo viên đó mô tả sự thức tỉnh của nhân cách đứa trẻ như sau: “Có hai chị em, một đứa ba tuổi và đứa kia năm tuổi. Đứa ba tuổi không có cá tính chút nào, bởi cô bé bắt chước chị nó y chang trong mọi việc. Nếu đứa lớn có cây bút chì màu xanh, đứa nhỏ hơn sẽ bòn chòn cho đến khi nó cũng có một cây bút chì màu xanh. Nếu đứa lớn ăn bánh mì với bơ, đứa nhỏ không ăn gì khác ngoài bánh mì với bơ, và vân vân... Đứa bé hoàn toàn không để ý gì đến bất cứ thứ gì ở trường: nó chỉ đi theo chị nó, bắt chước tất cả những gì chị nó làm. Tuy nhiên một hôm, nó bỗng chú ý đến các hình khối vuông màu hồng. Nó dựng thành một cái tháp, và nó trở nên hăng say hơn. Nó lặp lại bài tập này nhiều lần, quên hẳn chị nó. Việc này làm đứa lớn ngạc nhiên đến nỗi nó gọi em nó và hỏi: “Tại sao chị đang tô một vòng tròn mà em lại xây một cái tháp?” Từ hôm đó, cô bé đã có được cá tính của mình, bắt đầu tự phát triển và thôi không còn là cái bóng của chị nó nữa.”

Cô D. kể lại chuyện một bé gái bốn tuổi hoàn toàn không thể bung li nước mà không làm đổ, dù li nước chỉ đầy có phân nửa, đến mức nó cố ý tránh làm công việc này, vì nghĩ rằng nó sẽ không bao giờ làm được. Sau khi để ý đến một bài tập dùng một học cụ loại khác, cô bé bắt đầu bung các li nước một cách rất dễ dàng. Khi các bạn học của cô bé đang vẽ màu nước, nó say mê với việc mang nước đến cho mọi người mà không làm đổ một giọt. Một sự việc khác rất kì lạ được cô B, một giáo viên người Úc kể lại cho chúng tôi. Có một cô bé ở trường chưa phát triển được khả năng nói, bé không thể nói gì được ngoài việc ú ớ vài âm thanh không rõ ràng, cha mẹ đưa cô bé đi bác sĩ để xem cô có gì bất thường không. Một hôm, cô bé chú ý đến các khối hình trụ và bỏ ra nhiều giờ để làm việc với học cụ này, bé lấy các hình trụ bằng gỗ ra khỏi lỗ của chúng rồi lại đặt trở vào. Sau khi đã làm đi làm lại rất nhiều lần với sự chú ý tốt độ, nó chạy đến nói với giáo viên, “Cô ơi đến xem nè!”

Cô B. kể về niềm vui của các em khi làm việc. “Mấy đứa trẻ bộc lộ niềm hãnh diện mà chúng ta cảm thấy khi đã tự mình tạo được cái gì thật sự mới lạ. Chúng múa vòng vòng, lấy tay quàng quanh cổ của tôi khi chúng đã học làm được cái gì rất đơn giản, và chúng nói với tôi: “Con làm tất cả một mình đó. Cô không nghĩ là con có thể làm được cái này, phải không? Và hôm nay con làm hay hơn hôm qua.”

Cô D. báo cáo: “Sau lễ Giáng Sinh, có một sự thay đổi lớn trong lớp.

Dường như trật tự đã được thiết lập mà không cần đến sự can thiệp của tôi. Các em nhỏ dường như quá bận rộn với công việc của chúng để có thể tiếp tục những hành động vô trật tự chúng đã làm trước đó. Chúng tự ý đến kệ tủ để chọn lấy những vật mà trước đó chúng chán ngán, và chúng lấy hết món này đến món khác, mà không hề có vẻ mệt mỏi. Một bầu không khí lao động lan rộng trong lớp. Các em nhỏ trước kia đã chọn các món học cụ của chúng do ngẫu hứng chốc lát, bây giờ đã cảm thấy nhu cầu có một thứ luật lệ, một kỉ luật nội tại riêng cho bản thân; chúng tập trung nỗ lực vào những công việc chính xác và có hệ thống, và cảm nhận được một sự hài lòng thật sự khi khắc phục được các khó khăn. Công việc chính xác này tạo ra một kết quả tức thời đối với tính khí của chúng. Trẻ trở thành chủ nhân của chính nó.”

Một ví dụ làm cô D. kinh ngạc nhất là chuyện một đứa bốn tuổi rưỡi có trí tưởng tượng cực kì sống động đến độ khi một vật được trao cho nó, dù không để ý đến hình dạng của vật nhưng nó lập tức nhân cách hóa vật đó, và cùng lúc cả bản thân nó nữa, nó nói liên tục, tưởng tượng nó là ai đó, và không thể tập trung chú ý vào chính các món đồ. Trong khi tâm trí của nó sao nhãng như thế, nó không thể làm bất cứ thao tác chính xác nào dù chỉ là cài một cái cúc áo. Bỗng nhiên có cái gì kì diệu bắt đầu tác động trong nó. Cô nói: “Tôi ngạc nhiên thấy có một sự thay đổi lạ kì ở đứa bé. Nó lấy một trong những bài tập mà nó thích nhất ra làm, và sau đó chuyển sang tất cả các bài tập khác. Nó làm hết bài tập này đến bài tập khác. Và nhờ vậy nó mới yên tĩnh.”

Sự bình thường đích thực

Có thể kể gần như *không xuể* các câu chuyện có thật và giống nhau được mô tả bởi các giáo viên đã dạy học trước khi một phương pháp chắc chắn được thiết lập. Những việc và những khó khăn tương tự, dù ở mức độ thấp hơn hầu hết đều có ở các em nhỏ *hạnh phúc*, có bố mẹ thông minh và thương yêu chăm sóc chúng. Có những khó khăn tâm linh liên hệ với sự giàu có về vật chất, những điều này giải thích vì sao Bài Giảng Trên Núi đã đánh động được mọi trái tim: “Phục cho những người nghèo khó về tinh thần!... Phục cho những kẻ than khóc!”

Nhưng tất cả đều được mời gọi và vượt qua được những khó khăn riêng biệt, tất cả đều có thể đáp lời gọi. Vì thế hiện tượng gọi là “cải hóa” là điều đặc trưng cho tuổi ấu thơ. Nó bao hàm một sự thay đổi chớp nhoáng, đôi khi tức thời, luôn bởi cùng một nguyên nhân. Khó mà kể ra được ví dụ duy nhất về sự cải hóa nào mà không liên quan đến sự tập trung vào một công việc thú vị. Và những sự cải hóa đã xảy ra ở nhiều trường hợp khác nhau. Các em nhỏ bị kích động bởi óc hoang tưởng đã trở nên bình tĩnh. Các em buồn nản

đã lấy lại được sự vững vàng. Và tất cả đã cùng tiến tới trên con đường lao động và kỉ luật, tiếp tục một sự tiến bộ tự biến chuyên, cái tiến bộ được thúc đẩy bởi một năng lượng nội tại nào đó, mà khi đã tìm được một lối ra, có thể tự bộc lộ qua hành vi hướng ngoại.

Những sự kiện bất ngờ xuất hiện như dấu hiệu dự báo sự phát triển tiếp nối sẽ có một đặc tính bùng nổ. Có thể so sánh chúng với cái răng đầu tiên bất ngờ nhú ra, hay tiếng nói đầu tiên bé đột nhiên thốt ra hay bước đi đầu tiên của bé. Sau cái răng đầu tiên, cả hai hàm răng lần lượt từng cái sẽ mọc ra, sau tiếng nói đầu tiên, ngôn ngữ phát triển, và sau bước đi đầu tiên, nghệ thuật bước đi trên hai chân được sở hữu vĩnh viễn. Thế là sự phát triển đã bị chững lại, hay đúng hơn, đã bị xoay sai hướng, ở *tất cả các trẻ em*, thuộc mọi thành phần xã hội. Sự quảng bá các trường học của chúng tôi trên khắp thế giới, ở mọi chủng tộc, đã cho thấy sự cải hóa này của trẻ là một điều mang tính phổ quát cho nhân loại. Ta có thể thực hiện một cuộc khảo sát tỉ mỉ về *số lượng* không kể hết được của các đặc tính sẽ phai mờ dần để luôn được thay thế bởi cùng một cái cấu trúc của sự sống. Do đó, từ lúc sự sống bắt đầu, trong trẻ nhỏ, các sai lầm liên tục xảy ra, bóp méo cái mẫu người có tâm lí tự nhiên, và dẫn đến vô số *lệch lạc*.

Điều đặc biệt chúng tôi ghi nhận trong những sự cải hóa của đứa trẻ là một sự phục hồi về tâm lí, trở lại *trạng thái bình thường*. Đứa trẻ có vẻ kì diệu do sự thông minh trước tuổi, kẻ anh hùng đã tự khắc phục được chính bản thân và sự đau buồn của chính bản thân, đã tìm được nghị lực để sống và có niềm thanh thản mới, đứa trẻ có tâm hồn phong phú chọn làm việc có kỉ luật thay vì đi theo những cái phù phiếm trong đời sống, đó là *những đứa trẻ bình thường*. Và cái ta gọi là sự cải hóa khi nó chỉ bao hàm sự xuất hiện của một sự kiện đáng ngạc nhiên, sau khi đã tìm được nhiều trải nghiệm, phải được xem là một sự *bình thường hóa*. Có một bản chất ẩn tàng trong con người, một bản chất bị vùi lấp và do đó không ai hiểu, ấy thế mà đó chỉ đơn giản là bản chất đích thực của nó, cái bản chất được mang lại bởi sự sáng tạo, bởi sức khỏe.

Cách diễn dịch này không xóa đi những đặc điểm của sự cải hóa, thậm chí có lẽ ngay cả người lớn cũng có thể được kêu gọi trở thành cái mà họ phải là, nhưng điều này khó khăn đến nỗi một sự thay đổi như vậy không thể được xem đơn thuần là một sự quay về với bản chất con người. Trong khi ở đứa trẻ, những đặc điểm tinh thần bình thường có thể xuất hiện dễ dàng, và rồi tất cả những đặc điểm chệch hướng khỏi cái bình thường cùng biến mất, giống như khi sức khỏe được phục hồi, tất cả các triệu chứng của bệnh tật đều tan biến. Nếu ta quan sát trẻ em dưới ánh sáng của hiểu biết này, rất nhiều khi chúng ta có thể nhận ra những xuất hiện tự phát của tính chất bình thường đó

cho dù ở giữa những điều kiện khắc nghiệt của môi trường. Và, các biểu hiện của một sự phát triển bình thường, cho dù đã bị bỏ qua bởi lẽ chúng không được nhìn nhận hay hỗ trợ, chúng trở lại như là những năng lượng tất yếu tự tìm một chỗ giữa các trở ngại để tồn tại. Ta có thể cho rằng các năng lượng bình thường của một đứa trẻ dạy ta một bài học về sự tha thứ, như trong lời Đức Ki-Tô: “Người sẽ tha thứ không phải bảy lần, mà là bảy mươi bảy lần.” Do đó, bản chất thâm sâu hơn của đứa trẻ tái hiện không chỉ bảy lần mà là bảy mươi bảy lần, dù bị ức chế bởi người lớn. Vì thế, đây không phải là một giai đoạn chuyển tiếp trong giai đoạn sơ sinh đang vượt chững các đặc tính bình thường ở trẻ, mà là một cuộc đấu tranh gây ra do sự ức chế liên tục.

Chương 4

NHỮNG LỆCH LẠC TÂM THẦN

Nguyên nhân duy nhất

Khi quan sát các đặc tính đã bị biến mất cùng với quá trình bình thường hóa, chúng tôi ngạc nhiên nhận thấy chúng bao gồm hầu hết các tính chất thường được xem là đặc thù ở tuổi thơ. Không chỉ chuyện lời thối lệch thếch, chuyện không vâng lời, tật lảm biếng, tính tham lam, tính ích kỉ, hay cãi cọ và hư đốn, mà còn cả cái gọi là “óc tưởng tượng sáng tạo”, thích thú các chuyện đầu đầu, quyến luyến cá nhân, tuân phục, ham chơi, và nhiều thứ khác nữa. Ngay cả các đặc điểm đã được khảo sát một cách khoa học và gắn liền với tuổi ấu thơ như tính bất chước, óc tò mò, sự không kiên định, sự bất ổn của khả năng tập trung chú ý cũng biến mất. Và điều này có nghĩa là cho tới nay ta chưa đi vào được bản chất của đứa trẻ, mà mới chỉ thấy cái bề ngoài che mất cái bản chất nguyên thủy và bình thường, sự kiện kinh ngạc này có tính phổ quát, nhưng đó không phải là điều gì mới. Từ thời cổ đại xa xưa nhất, người ta đã công nhận rằng có hai bản chất trong một con người - con người như đã được tạo ra, và con người sa ngã - sự sa ngã được gán cho một sai lầm nguyên thủy ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại: Tội tổ tông. Tội này cũng được nhìn nhận là tâm thường, không tương xứng với mức độ lớn lao của các hậu quả của nó, nhưng nó bao gồm sự từ bỏ tinh thần sáng tạo, từ bỏ những quy luật đặt ra trong sáng tạo. Sau khi mắc tội này, con người như một con thuyền trôi dạt, lèo lái bởi may rủi, không chống lại được các trở ngại của môi trường hay những ảo tưởng của tâm trí nó. Vì thế, nó bị lạc đường. Quan niệm này, một sự tổng hợp của triết lí sống, lại tìm được một tương ứng đặc biệt và khai sáng trong đời sống của đứa trẻ. Ban đầu chỉ là một việc rất tâm thường về sau lại thành ra sai lệch, có cái gì kín đáo và mong manh len vào dưới dạng tình thương và trợ giúp nhưng thực ra chỉ là sự mù quáng của tâm hồn người lớn, sự ích kỉ được che đậy và vô thức, thật sự là một năng lực quỷ quái chống lại đứa trẻ. Nhưng trẻ em lại liên tục tái sinh, tươi tắn và mang trong mình cái khuôn mẫu nguyên vẹn sẽ quyết định sự phát triển của con người.

Nếu sự bình thường hóa xảy ra qua một sự kiện mang tính quyết định và đơn nhất, tức là sự tập trung chú ý vào một sinh hoạt có tính vận động nào đó, nối kết đứa trẻ với thực tại bên ngoài, thì khi đó chúng ta phải giả định rằng một sự kiện đơn nhất là cội nguồn của mọi lệch lạc, tức là đứa trẻ đã bị ngăn cản, không hoàn thành được kế hoạch ban đầu của sự phát triển của nó, do một tác động nào đó ảnh hưởng đến môi trường của nó trong giai đoạn

hình thành cá tính, khi các tiềm năng của nó phải tiến hóa trong quá trình *nhập thể*.

Do đó, nếu chúng ta có thể quy một số hậu quả về một nguyên nhân đơn nhất, rõ ràng và đơn giản, điều đó chứng tỏ rằng cái sự kiện làm phát sinh các hậu quả đó phải thuộc về một giai đoạn sơ khai của sự sống, khi con người vẫn còn là một phôi thai tâm linh, và cái nguyên nhân đơn nhất, khó nhận ra, có thể dẫn đến sự méo mó của toàn bộ con người.

Những huyền tưởng

Khái niệm *nhập thể* có thể được dùng để dẫn dắt toàn bộ cách diễn giải về những đặc tính phát sinh từ sự chệch hướng của một năng lượng tinh thần - phải được nhập thể thông qua vận động, nhờ đó thống nhất nhân cách của tác nhân. Nếu không đạt được sự thống nhất này, do người lớn đã tự mình thay thế đứa trẻ hay do thiếu động lực vận động cho trẻ trong môi trường của nó, năng lực tinh thần và vận động của trẻ phải phát triển riêng biệt, và hệ quả là “con người bị phân cắt”. Bởi trong thiên nhiên, không có gì tự sáng tạo hay tự phá hủy, nhất là trong trường hợp của các năng lực, những năng lực này đã trở thành lệch hướng, bởi phải hoạt động bên ngoài phạm vi mà thiên nhiên giao phó cho chúng. Chúng bị lệch hướng trước hết bởi chúng đã mất đối tượng và hoạt động trong chân không, mơ hồ và hỗn độn. Trí tuệ đáng lẽ phải tự hình thành qua các kinh nghiệm về vận động lại *chạy trốn* vào trong hoang tưởng. Khi tâm trí đang chạy trốn bắt đầu tìm kiếm, nhưng không tìm được gì, chúng muốn bám víu vào các sự vật, và vì không thể bám vào nên chúng lang thang giữa các hình ảnh và biểu tượng, về mặt vận động, những đứa trẻ linh hoạt này không bao giờ ngồi yên, nhưng các cử động của chúng rối loạn và không mục đích, chúng khởi sự một việc gì đó chỉ để bỏ ngang mà không kết thúc, vì năng lượng của chúng bị hướng tới nhiều mục tiêu khác nhau mà không thể ổn định tập trung vào bất cứ điều nào. Người lớn, dù có phạt các hành động vô lễ lồi và gây rối của những đứa trẻ mạnh mẽ và không ngừng di chuyển này, hay dù họ kiên nhẫn chịu đựng, ngưỡng mộ và khuyến khích các huyền tưởng của đứa trẻ, họ vẫn cho rằng chúng được tạo ra bởi sự tưởng tượng hay sáng tạo phong phú của trí óc đứa trẻ. Froebel đã chế ra nhiều món quà hay cách giải trí nhằm khuyến khích sự phát triển của óc tưởng tượng của đứa trẻ theo chiều hướng đó. Ông giúp đứa trẻ giả vờ xem các thỏi gỗ và các viên gạch được sắp xếp theo cách khác nhau như là ngựa hay lâu đài hay xe lửa. Đúng ra, xu hướng biểu tượng hóa của đứa trẻ khiến nó có thể dùng bất cứ vật gì, như một nút bật điện làm sáng lên những ảo ảnh huyền hoặc trong đầu nó. Một thanh gỗ có thể trở thành con ngựa, cái ghế thành ngôi vua, cây bút chì thành chiếc máy bay. Vì lẽ đó người ta cho

trẻ đồ chơi, nhưng đồ chơi không cho phép trẻ thực hành bất cứ hoạt động thực sự nào mà chỉ cung cấp cho trẻ các ý tưởng và ảo ảnh. Chúng chỉ đơn thuần là những hình ảnh bất toàn và không hiệu năng của thực tại. Thật ra, đồ chơi dường như cung cấp cho trẻ một môi trường vô ích, không thể dẫn đến bất cứ sự tập trung tinh thần hay mục đích nào, chúng được dành cho những đầu óc đi lạc trong ảo tưởng. Chúng kích động trẻ em hoạt động ngay như một luồng khí thổi lên một ngọn lửa từ than hồng bên dưới lớp tro. Nhưng ngọn lửa sẽ sớm tàn và món đồ chơi sẽ bị vứt đi. Vậy mà các món đồ chơi là những vật duy nhất mà người lớn đã làm ra cho đứa trẻ, một sinh linh có trí thông minh, với mục đích cung cấp cho trẻ vật liệu để nó có thể tự do vận dụng trong sinh hoạt của nó. Thực tế là người lớn bỏ trẻ một mình trong các trò chơi của nó, hay nói đúng hơn một mình với món đồ chơi của trẻ, vì họ tin rằng các vật này tạo thành một thế giới ở đó đứa trẻ sẽ được hạnh phúc. Niềm tin tưởng này vẫn tồn tại, cho dù, đứa trẻ sớm chán đồ chơi và thường đập hỏng chúng, nhưng ở đây, người lớn tự tỏ ra quảng đại và hào phóng, và việc tặng quà trở thành một nghi thức. Đây là tự do duy nhất mà thế giới người lớn đã ban cho con người trong giai đoạn sơ sinh đáng kính, vào thời điểm mà nó phải hình thành nguồn cội của một đời sống cao trọng hơn. Những đứa trẻ bị “hư hại” này được xem là rất thông minh, nhất là ở trường, dù chúng thiếu kỉ luật và trật tự ngăn nắp. Nhưng trong môi trường được đặc biệt chuẩn bị của chúng tôi, chúng tôi thấy trẻ lập tức tự mình chọn lấy một công việc nào đó, và những hoang tưởng kích động cùng các chuyển động bồn chồn của trẻ đều biến mất; một đứa trẻ trầm tĩnh, bình thản, gắn bó với thực tại, bắt đầu làm việc cho sự thanh cao của nó qua lao động. Sự bình thường hóa đã hoàn tất. Các cơ quan vận động của trẻ đã xuất hiện từ sự hỗn độn ngay giây phút mà chúng có thể bám trụ vào sự chỉ đạo nội tại của chúng, từ đó chúng sẽ trở thành những công cụ của một trí óc khao khát học biết và thấu hiểu thực tại của thế giới bên ngoài, và sự tò mò lẫn thẩn sẽ biến thành một cố gắng để nắm bắt được tri thức.

Phân tâm học đã nhận ra khía cạnh bất thường của óc tưởng tượng và sự đóng kịch, và bằng sự diễn giải sáng suốt đã xếp chúng vào các “huyền tưởng về tâm lí”. Một “sự huyền tưởng” là một sự chạy trốn, ẩn núp và thường che giấu một năng lực bị chệch ra khỏi vị trí tự nhiên của nó; hoặc nó thể hiện một sự tự vệ vô thức của bản ngã chạy trốn khỏi cái khó chịu hay nguy hiểm và núp sau một cái mặt nạ.

Các “rào cản”

Trong trường, các giáo viên để ý thấy rằng những đứa trẻ có rất nhiều trí tưởng tượng không phải là những đứa thành công nhất trong việc có được nhiều lợi ích từ sự học hỏi, như người ta thường nghĩ. Ngược lại, dường như

chúng rất ít hay chẳng đạt được gì. Nhưng, không ai ngờ được là đầu óc của các đứa trẻ này đã bị lệch lạc, người ta tin rằng một bộ óc thông minh vĩ đại và sáng tạo không thể tự chuyên tâm vào các vấn đề thực tiễn. Một trong những dấu hiệu rõ ràng nhất là đứa trẻ bị lệch lạc có một bộ óc *thông minh bị kém đi*; bởi nó không sở hữu được trí óc của nó cũng như nó không có thể đưa trí óc của nó đến sự phát triển viên mãn. Điều này không chỉ xảy ra khi đầu óc nó chạy trốn vào một thế giới đầy ảo tưởng mà còn xảy ra trong nhiều trường hợp, ngược lại khi sự thông minh đã bị ít nhiều kiềm chế và dập tắt vì nản chí thay vì chạy trốn ra ngoài, nó tự co cụm vào bên trong chính nó. Mức thông minh trung bình ở một đứa trẻ thông thường thấp hơn khi so với mức của trẻ em đã được bình thường hóa. Điều này là do các sai lệch, có thể được so sánh một cách đơn giản với các xương bị trật khớp, nên nó đòi hỏi sự chăm sóc tinh tế nhất, nếu muốn nó quay trở lại tình trạng bình thường. Trong khi đó, phương pháp thông thường là cương quyết giải quyết trực tiếp cả về mặt giáo dục trí tuệ và chữa trị căn bệnh. Ta không thể ép buộc một đầu óc lệch lạc phải lao động bắt buộc, mà không gặp phải hay đúng hơn gây ra một phản ứng tự vệ đáng chú ý nhất về mặt tâm lí. Đó không phải là sự tự vệ thường được biết đến trong tâm lí học nói chung và tự biểu lộ ra bên ngoài bằng sự bất tuân phục hay gàn bướng. Ngược lại, nó là một sự tự vệ tâm lí hoàn toàn nằm bên ngoài ý chí, và bên dưới tiềm thức nó thể hiện một trở ngại cho việc tiếp thu, và do đó cho sự thấu hiểu các ý tưởng áp đặt từ bên ngoài. Nó tương tự cái hiện tượng mà các nhà phân tâm học đã đặt cho cái tên có tính mô tả là *ức chế*. Một người giáo viên phải có khả năng nhận ra những vấn đề nghiêm trọng này. Một thứ rèm che phủ lên tâm trí của đứa trẻ, khiến nó càng bị điếc và đui mù về mặt tâm lí. Tiềm thức dường như nói rằng: “Thầy nói, nhưng con không lắng nghe. Thầy có tiếp tục nói, nhưng con cũng không nghe tiếng thầy. Con không thể xây nên thế giới của chính con bởi vì con đang dựng lên bức tường tự vệ để ngăn không cho thầy được vào bên trong.”

Sự tự vệ kéo dài và chậm rãi này khiến trẻ hành động như thể nó đã mất các năng lực tự nhiên của nó và đây không còn là một vấn đề ứng thuận hay không ứng thuận nữa. Người giáo viên phải tiếp cận với các học sinh bị vướng phải các rào cản tâm lí này sẽ nghĩ rằng chúng không thông minh hay không có khả năng tự nhiên để nắm bắt một vài môn học ví dụ như toán, hay để chỉnh sửa các chữ đã đánh sai vắn. Nếu các rào cản tâm lí như thế bao gồm nhiều môn học, và đôi khi là tất cả các môn học, những trẻ em thông minh có thể bị lầm là có khuyết tật, và sau khi ở lại lớp qua nhiều năm có thể vĩnh viễn bị xếp xuống hạng những trẻ em chậm phát triển. Như một quy luật, rào cản tâm lí không phải là chướng ngại bất khả xâm phạm, mà còn mang theo nó những hệ số có tác động từ xa. Nên chúng ta sẽ thấy sự “gồm

chán” của đứa trẻ đối với một môn học đặc biệt, sau đó là chán ghét học hành nói chung, rồi chán ghét trường lớp, giáo viên và các bạn học. Không còn chỗ cho tình thương và sự thân thiện, cuối cùng đứa trẻ ngán sợ học đường và trở nên hoàn toàn xa lạ với nó.

Không gì thông thường bằng chuyện các cá nhân mang theo cả cuộc đời họ một rào cản tâm lí đã được dựng lên từ lúc ấu thơ. Chúng ta có thể thấy một ví dụ về sự gòm chán điển hình đối với toán học mà nhiều người vẫn còn cảm thấy suốt đời. Không những họ không thể nào hiểu nó, mà chỉ cần nghe nói đến cũng gây nên một chướng ngại bên trong làm họ mỗi mết ngay cả trước khi môn học đó bắt đầu. Chuyện này cũng xảy ra với môn văn phạm. Tôi từng, biết một phụ nữ trẻ người Ý rất thông minh, nhưng khi đánh vần lại phạm những lỗi không ngờ ở người với tuổi tác và văn hóa như cô. Mọi nỗ lực chỉnh sửa đều vô ích, các lỗi chính tả của cô dường như chỉ tăng thêm, cả việc đọc sách văn chương cổ điển cũng không giúp được gì. Nhưng một hôm, với sự kinh ngạc của tôi, tôi thấy cô viết tiếng Ý hay và đúng chuẩn. Tôi không thể bàn về trường hợp của cô ở đây, nhưng điều chắc chắn là cô có một khả năng diễn đạt đúng đắn, nhưng một lực tâm tôi bí ẩn, đã chuyên chế kìm hãm nó, và thay vào đó, mang đến vô số lỗi lầm. Câu hỏi được đặt ra là cái nào trong hai hình thức chệch hướng, huyền tưởng hay rào cản tâm lí, là cái trầm trọng nhất. Trong các trường học của chúng tôi, nơi tiến hành Sự bình thường hóa, những huyền tưởng đã kể ra, ảnh hưởng đến óc tưởng tượng hay trò chơi là những cái dễ chữa trị nhất. Điều này có thể minh họa bằng một việc tương tự như sau: Nếu một người chạy trốn khỏi một nơi nào bởi họ đã không tìm được cái họ cần ở đó; hay cả nhóm người chạy nạn vì một quốc gia không cung cấp được lương thực cần thiết, chúng ta vẫn luôn có thể nghĩ rằng họ sẽ được gọi về nếu điều kiện môi trường có Sự thay đổi.

Chúng ta có thể kêu gào với họ: “Hãy trở về, chúng tôi sẽ cung cấp các điều kiện tốt hơn cho đời sống của các bạn. Các bạn sẽ có thể sử dụng các năng lực của mình trong một môi trường dễ chịu.”

Trên thực tế, một trong những điều thường được quan sát ở trường chúng tôi là sự biến đổi nhanh chóng của các đứa trẻ mất trật tự và dữ dằn, chúng dường như quay trở lại một cách chớp nhoáng từ một thế giới xa xăm. Sự thay đổi ở các em này không chỉ là sự biến đổi rõ rệt bên ngoài từ hỗn loạn thành lao động, mà nó còn mang tính sâu sắc hơn, và tự biểu lộ qua sự thanh thản và an nhiên, sự biến mất của các lệch lạc của chúng xảy ra như một hiện tượng tự phát, một sự biến đổi tự nhiên, và nếu sự lệch lạc này không được sửa đổi trong thời ấu thơ, có lẽ nó sẽ kéo dài suốt đời. Thật vậy, nhiều người lớn được xem là có óc tưởng tượng phong phú thật ra chỉ có những cảm tưởng mơ hồ đối với môi trường của họ, và họ chỉ tiếp cận với những thực

tại có tính cảm giác. Họ là những kẻ được xem là có cá tính hay có óc tưởng tượng, họ bừa bãi, và luôn sẵn sàng chiêm ngưỡng ánh sáng, bầu trời, màu sắc, hoa cỏ, cảnh trí, âm nhạc, và họ nhạy cảm đối với mọi sự trên đời như với một cuốn tiểu thuyết. Nhưng họ không yêu quý ánh sáng mà họ chiêm ngắm, có lẽ họ không có khả năng dừng lại để tìm hiểu về nó; các vì sao gây cảm hứng cho họ không thể giữ được sự chú ý của họ lâu dài đủ để họ thu đắc một kiến thức tối thiểu về thiên văn học. Họ có xu hướng nghệ sĩ nhưng họ không tạo ra được cái gì; vì họ thiếu khả năng đạt đến bất cứ trình độ điều luyện thật sự nào. Như một quy luật, họ không biết làm gì với đôi tay. Họ không thể giữ yên đôi tay hay sử dụng chúng. Họ sờ đến mọi vật một cách bòn chòn và thường hay làm vỡ. Họ sẽ thơ thẩn bứt bông hoa mà họ chiêm ngắm ra từng mảnh. Họ không thể sáng tạo ra cái gì đẹp đẽ hay làm cho cuộc đời họ được hạnh phúc. Họ không biết cách nhận ra cái thi vị thật sự của thế giới. Họ đi lạc nếu không ai trợ giúp bởi lẽ họ lầm lẫn nhược điểm cơ bản và sự bất lực của họ với một trạng thái cao hơn. Giờ đây, nguồn gốc của trạng thái này, dọn đường cho các bệnh trạng tâm thần thật sự nằm ở ngay cội rễ đời sống của họ, ở độ tuổi dễ bị lẫn lộn nhất và vào lúc con đường bị chặn dẫn đến những chệch hướng khó nhận ra lúc ban đầu.

Mặt khác, các ức chế tâm thần khó khắc phục hơn, dù ở trẻ em. Một bức tường bên trong đã dựng lên nhốt kín tinh thần và che giấu nó để che chắn nó khỏi thế giới. Một vở kịch bí mật diễn ra đằng sau vô số những rào cản đa dạng này, thường là việc chống cự đối với tất cả những gì đẹp đẽ bên ngoài có thể là cội nguồn cho sự phong phú và hạnh phúc, sự theo đuổi tri thức, các bí mật của khoa học và toán học, sự mỹ miều hấp dẫn của một ngôn ngữ bất tử, âm nhạc do đó đều là “kẻ thù” cần phải cô lập. Sự biến đổi năng lượng lạ lùng này phóng ra cái bóng tối che đậy và giấu kín cái phải là đối tượng của tình yêu và sự sống. Học tập là một sự chán chường dẫn đến sự ghê tởm thế giới thay vì chuẩn bị cho đứa trẻ tham gia.

Rào cản! Từ ngữ khá gợi hình này, do sự liên kết các ý tưởng, khiến ta nghĩ đến tất cả sự phòng vệ mà con người đã dựng lên xung quanh nó trước khi kiến thức về vệ sinh cho họ thấy một lối sống lành mạnh hơn. Con người tự vệ đối với ánh sáng mặt trời, không khí, nước xung quanh bằng các rào cản, xây lên bức tường để ngăn cản ánh sáng, đóng kín cửa sổ ngày đêm, dù chúng đã quá hẹp để vừa đủ thoáng khí, họ trùm mình trong những bộ y phục nặng nề, lớp này trên lớp khác, như những lớp củ hành, khiến cơ thể e ngại việc tự nhúng vào trong nước, đóng kín các lỗ chân lông trên da của họ khỏi tiếp xúc với không khí trong lành. Môi trường vật lí của con người bị chắn ngang và ngăn cản sự sống. Về mặt xã hội cũng vậy, chúng tôi thấy có những hiện tượng nhắc đến những rào cản. Tại sao người ta tự cách li với nhau, và tại sao mỗi nhóm gia đình lại tự tách biệt với một cảm giác cô lập

và kinh tế với những nhóm khác? Một gia đình không tự cô lập để hưởng thú riêng trong gia đình họ, mà để tự tách rời ra khỏi người khác. Các rào cản này được xây lên không phải để bảo vệ tình thương. Các thành lũy của một gia đình bị đóng kín, không thể vượt qua, kiên cố hơn các bức tường của ngôi nhà. Và những rào cản chia cách giai cấp xã hội và quốc gia cũng vậy. Các rào cản quốc gia không được dựng lên để chia rẽ một nhóm đoàn kết và đồng nhất để nó được tự do và bảo vệ khỏi hiểm nguy. Mỗi lo âu bị cô lập và sự phòng thủ củng cố các rào cản giữa các quốc gia, và cản trở sự trao đổi nhân sự và sản phẩm của họ. Tại sao lại như thế, nếu văn minh phát triển là do sự trao đổi với nhau? Có phải các rào cản quốc gia cũng là một hiện tượng tâm lý có nguyên nhân do chịu đựng quá nhiều đau khổ và bạo lực cùng cực? Đau đớn đã trở nên có hệ thống và quá lớn đến nỗi các hàng rào vững chắc và dày đặc hơn đã làm suy thoái đời sống các quốc gia.

Đứa trẻ bị lệ thuộc

Vài đứa trẻ với bản chất phức tạp có các năng lực tinh thần không đủ mạnh mẽ để tìm ra một chỗ trú ẩn khi chạy trốn và thoát khỏi ảnh hưởng của người lớn, do đó chúng tự gắn bó với một người lớn hơn, kẻ thường có xu hướng thay thế hành động của trẻ bằng hành động của chính họ; những đứa trẻ như thế trở nên cực kì lệ thuộc vào người lớn. Chúng thiếu sinh lực, mặc dù chúng không ý thức được điều đó, do vậy chúng dễ càu nhàu. Những đứa trẻ này luôn than phiền; chúng có vẻ không hạnh phúc và được xem là những sinh linh có cảm xúc tinh tế và nhạy cảm với sự trìu mến. Các trẻ em này luôn chán nản, dù chúng không biết điều này và chúng nhờ cậy người khác, nghĩa là người lớn, bởi chúng không thể tự mình thoát khỏi sự chán chường đang làm chúng khổ sở. Các em bám víu vào người khác như thể sự sống của chính các em lệ thuộc vào người khác. Các em xin người lớn giúp chúng, chơi với chúng, kể chuyện, hát cho chúng nghe, và năn nỉ họ không bao giờ lìa xa chúng. Người lớn trở thành nô lệ của một đứa trẻ như vậy; một mối tương quan lạ lùng cầm chân cả đôi bên, nhưng họ lại tạo ra cảm tưởng là họ rất hiểu nhau và nhiệt tình mến nhau. Những đứa trẻ này lúc nào cũng hỏi “tại sao”, hết câu hỏi này đến câu hỏi khác, như thể chúng rất khao khát học hỏi. Nhưng nếu ta quan sát kĩ, ta thấy chúng không lắng nghe câu trả lời trước khi chúng hỏi câu khác, cái dường như là một sự tò mò để biết thật ra là một cách để trói buộc người mà chúng cần giúp. Chúng sẵn sàng bỏ rơi các vận động của chúng và vâng theo mọi mệnh lệnh cấm cản của người lớn, kẻ thấy dễ dàng thay thế ý chí của đứa trẻ để bảo sẽ từ bỏ mọi sự, bằng chính ý muốn của họ. Do đó, có một mối nguy hiểm nghiêm trọng từ việc này sẽ khiến đứa trẻ sa vào một thứ thờ ơ lãnh đạm được gọi là biếng nhác hay lười biếng.

Một người lớn hài lòng với tình trạng như vậy bởi nó không gây trở ngại cho các sinh hoạt của chính họ, nhưng thật sự nó là giới hạn cùng cực mà sự lệch lạc có thể đạt đến. Sự lười biếng là gì nếu không phải là sự suy nhược của sinh vật có tâm linh. Nó tương ứng với sự thiếu thốn về sức mạnh thể chất của kẻ mắc bệnh nặng; ở đây là khủng hoảng của các năng lượng tâm lí có tính sáng tạo và tất yếu cho sự sống. Đạo Thiên Chúa xem sự biếng nhác là một trong bảy tội trọng, mang nguy hiểm và cái chết cho tâm hồn. Người lớn đã đẩy linh hồn đứa trẻ trôn vào chính nó, họ đã thổi vào nó cái hơi hỗ trợ vô ích của họ, sự hoán đổi bằng chính hoạt động của họ thay cho đứa trẻ, sức mạnh ám thị của họ, và họ đã dập tắt linh hồn của trẻ và cản trở sự phát triển về tinh thần của nó. Nhưng họ không hề ý thức được điều gì cả.

Tính chiếm hữu

Trong đứa bé còn rất nhỏ và đứa trẻ đã bình thường hóa, có một sự thôi thúc tự nhiên dẫn chúng đến các nguồn lực để cùng hành động với các lực này. Sự chuyên động hướng ngoại này đến môi trường của chúng không phải là cái gì lạnh nhạt, mà là một tình yêu sâu sắc, một dấu hiệu của sự sống có thể so sánh với con đói. Người đói có thôi thúc phải tìm thức ăn. Nó không có liên hệ với sự lí luận duy lí. Nó không nói: “Đã lâu rồi tôi không ăn, nếu không ăn, tôi sẽ không thể duy trì được sức lực hay sự sống; do đó, tôi cần phải tìm chất bổ dưỡng để ăn.” Đói là một sự khó chịu còn cào cưỡng bách ta phải tìm ra thức ăn. Đứa trẻ có một sự đói khát đối với môi trường của nó, nó tìm kiếm những cái có thể nuôi sống tinh thần của nó, và tự nuôi dưỡng nó bằng hoạt động. “Là trẻ em, trẻ sơ sinh, ta hãy yêu thích dòng sữa tâm linh”. Đặc tính cơ bản của con người nằm trong sự thôi thúc này, nghĩa là trong tình yêu mến đối với môi trường của trẻ. Nói rằng đứa trẻ có sự đam mê đối với môi trường của nó là không đúng, vì đam mê là cái gì có tính bốc đồng và tạm thời, nó bao hàm một thôi thúc hướng về một “giai đoạn trọng yếu đối với sự sống”. Thay vào đó, sự thôi thúc bởi lòng yêu mến môi trường của trẻ, thúc đẩy trẻ kiên trì hoạt động, không ngừng cháy sáng như ngọn lửa liên tục đốt cháy các nguyên tố trong cơ thể khi tiếp xúc với ô-xy, tạo ra hơi ấm dịu dàng, tự nhiên cho cơ thể sống. Một đứa trẻ năng động tự biểu lộ như một sinh linh đang sống trong một môi trường thích hợp cho nhu cầu của nó, nơi nó tìm ra được những phương tiện, nếu không có, sẽ khiến trẻ không thể tự phát triển toàn diện.

Nếu đứa trẻ không có được một môi trường cho đời sống tinh thần như vậy, mọi thứ trong nó bị suy yếu, sai lệch và xa rời thế giới. Đứa trẻ trở thành một kẻ khó hiểu, bí ẩn, trống rỗng, bất lực, ngộ nghịch, buồn chán, tách rời khỏi xã hội.

Giờ đây, đứa trẻ khó tìm được những kích thích hoạt động góp phần vào sự phát triển của nó, trẻ chỉ thấy có các “đồ vật” và muốn chiếm hữu chúng. Lấy cái gì và giữ nó lại là điều dễ làm, khi ánh sáng tri thức và tình yêu đều vô dụng. Năng lượng bùng phát theo một hướng khác. Một đứa trẻ sẽ nói, “Con muốn”, khi nó thấy một chiếc đồng hồ bằng vàng, mặc dù nó không biết xem giờ. Nhưng rồi đứa khác liền la to, “Không, con muốn nó”, và sẵn sàng đập hỏng, biến nó thành vô dụng, để nó có thể chiếm hữu cái đồng hồ. Đó là khởi đầu của các cạnh tranh giữa các cá nhân và của các cuộc đấu đá có tính phá hoại để tranh giành mọi thứ.

Hầu hết tất cả các chệch hướng về đạo đức là hậu quả xuất phát từ bước đầu tiên này khi quyết định chọn lựa giữa tình yêu và chiếm hữu, đặt trẻ trước sự lựa chọn một trong hai ngã đường, đẩy đứa trẻ đi tới với toàn bộ sức sống. Phần năng động của trẻ vươn ra ngoài như những vòi bạch tuộc, bóp nát và phá hủy những vật nó say mê chộp lấy. Cảm tưởng sở hữu khiến trẻ bám chặt vào các sự vật và nó sẵn sàng bảo vệ chúng như bảo vệ chính mạng sống của nó.

Những trẻ em mạnh mẽ và năng động hơn bảo vệ các vật sở hữu của chúng bằng cách đánh những đứa trẻ khác cũng ham muốn món đồ như chúng. Chúng liên tục cãi lời bởi chúng muốn có cùng một thứ hay bởi chúng muốn cái người khác có. Điều này là nguồn gốc của bất cứ phản ứng nào ngoại trừ yêu thương, là cội rễ của sự bùng nổ của bất cứ cảm xúc nào ngoại trừ tình huynh đệ, dẫn đến tranh giành và chiến tranh vì những chuyện vớ vẩn tầm phào, không quan trọng. Nhưng thực ra, không nên xem thường những điều như vậy vì chúng rất nghiêm trọng, có cái gì trật khớp, và một bóng đen che trùm cái đã phải hiện hữu, một năng lượng bị chệch hướng. Do đó, chính cái ác nội tại trong nó, chứ không phải từ cái gì bên ngoài, đã gây nên tính chiếm hữu.

Như mọi người đều biết, có nhiều nỗ lực đề xuất một lối giáo dục đạo đức bằng lời thúc giục, khuyến khích trẻ em không nên bám vào vật chất bên ngoài. Căn bản của sự dạy dỗ này là sự tôn trọng vật sở hữu của người khác. Nhưng khi đứa trẻ đã đến mức này, nó đã băng qua chiếc cầu tách rời con người khỏi sự cao thượng của đời sống nội tâm, và vì thế đứa trẻ hăm hở quay sang các vật bên ngoài với sự ham muốn. Mầm bệnh đã xâm nhập vào linh hồn của đứa trẻ sâu xa đến nỗi những đặc tính như vậy được coi là thích hợp với bản chất con người.

Ngay cả những trẻ có bản tính phục tùng cũng hướng sự chú ý của chúng đến những thứ vật chất vô giá trị. Tuy nhiên, những trẻ này “chiếm hữu” đồ vật một cách khác, không gây gỗ và ít khi tranh giành ganh đua với những đứa trẻ khác. Nhưng chúng thường tích trữ và giấu các món đồ, nên người ta

nghĩ chúng là các nhà sưu tầm tự nhiên. Nhưng kiểu này rất khác với sự sưu tầm và phân loại các vật dưới sự hướng dẫn của một kiến thức nào đó. Ngược lại, chúng tôi đang nói đến những đứa trẻ tích lũy những món đồ nhiều loại, không có liên hệ gì với nhau, không có gì hấp dẫn. Bệnh lí học nhận ra những trường hợp góp nhặt sưu tầm vô lí, không mục đích, là dấu hiệu của bệnh rối loạn tâm thần, chỉ đạo bởi một bất thường về tâm lí, và việc này không chỉ có ở những người lớn bị bệnh tâm thần mà ở cả những đứa trẻ phạm tội, với túi áo chứa đầy những vật vô dụng và lộn xộn. Điều này tương đồng với tính hay góp nhặt của những trẻ có tính tình yếu ớt và phục tùng vốn được xem là khá bình thường. Nếu có ai thử lấy đi những món mà những đứa trẻ này đã gom góp, chúng sẽ hết sức đề phòng canh giữ. Chuyên gia tâm lí Adler đã đưa ra một diễn giải lí thú về những triệu chứng này. Ông so sánh nó với tính hà tiện, với hiện tượng thấy ở người lớn mà mầm mống có thể nhận ra từ lúc ấu thơ. Đó là hiện tượng của một con người bám víu vào nhiều thứ và không muốn cho đi vật sở hữu, ngay cả khi chúng không có công dụng gì đối với họ, một loại cây độc được đã lớn lên từ sự thiếu cân bằng cơ bản.

Cha mẹ hài lòng vì con họ biết gìn giữ tài sản, họ xem đó là bản chất con người và nhìn nhận nó trong mối liên hệ với đời sống xã hội. Thậm chí những trẻ có tính chiếm hữu và tích lũy vẫn là những kiểu người được xã hội thông cảm.

Ham quyền lực

Một lệch lạc đặc thù khác gắn liền với tính chiếm hữu là tính ham quyền lực. Một thứ quyền lực do bản năng trong con người để thống trị môi trường của nó, khiến nó qua tình yêu đối với môi trường đó chiếm lĩnh thế giới bên ngoài. Nhưng đây là một sự lệch lạc, khi quyền lực, thay vì là thành quả của chinh phục, xây dựng nên nhân cách, lại được hướng đến việc nắm bắt và chộp lấy các đồ vật.

Đứa trẻ bị lệch hướng phải đối mặt với một người lớn mà với nó, là một đấng cực kì quyền uy nắm mọi sự trong tay của họ. Một đứa trẻ như thế hiểu rằng quyền lực của chính nó sẽ thực sự lớn nếu nó có thể hành động thông qua người lớn. Do đó, nó bắt đầu lợi dụng người lớn để có thể đạt được những gì nó không thể tự mình đạt được. Đây là một phương thức hoàn toàn dễ hiểu. Điều này đương nhiên có ở tất cả các trẻ em, nhiều đến nỗi nó được xem là cái gì bình thường nhất, và là một điều khó sửa đổi nhất. Nó cung cấp một ví dụ điển hình về đứa trẻ búng bĩnh; bởi lẽ hợp lí tự nhiên là một sinh linh yếu ớt, bất lực, bị nhốt kín, một khi nó khám phá ra điều kì diệu rằng nó có thể thuyết phục một kẻ tự do, có quyền lực cung cấp cho nó những thuận

lợi, nó sẽ tìm cách có được các thuận lợi đó. Đứa trẻ thử nghiệm và nó bắt đầu muốn những cái vượt quá cái người lớn nghĩ là hợp lí cho nó, do các ham muốn của nó là vô hạn. Đứa trẻ có đầy những huyền tưởng nhất thời, và người lớn giống một kẻ toàn năng, có thể thỏa mãn các ước muốn mà trẻ thấy trong mơ với tất cả sự huy hoàng choáng mắt của chúng, cảm giác như thể được hoàn toàn biến thành hiện thực trong các câu chuyện thần tiên có lẽ thường xuất hiện trong sự lãng mạn của tâm hồn đứa trẻ. Trong câu chuyện thần tiên, trẻ em cảm thấy những ước vọng của chúng được đề cao dưới lớp vỏ hấp dẫn. Bất cứ ai cậy đến các vị tiên đều có thể nhận được ân huệ, của cải hơn hẳn bất cứ quyền lực của con người nào. Có những vị tiên tốt và những vị tiên ác, có tiên đẹp và tiên xấu. Họ có thể hiện ra dưới lớp áo kẻ nghèo hay người giàu. Một số sống trong rừng rậm, số khác sống trong các lâu đài thần tiên. Thật vậy, họ giống như những phóng chiếu được lí tưởng hóa của một đứa trẻ sống giữa người lớn. Có những bà tiên già nua như bà của nó và có những cô tiên trẻ đẹp như mẹ nó. Vài bà tiên ăn mặc rách rưới, những vị khác trong y phục bằng vàng, giống như có những bà mẹ nghèo và bà mẹ giàu trong áo dạ hội đẹp tuyệt vời, nhưng tất cả đều nuông chiều con cái của họ. Người lớn, dù khôn khéo hay kiêu hãnh, luôn là một đấng quyền năng đối với đứa trẻ, vì vậy trong đời sống thực tế, đứa trẻ bắt đầu thử khai thác người lớn, điều này cuối cùng sẽ dẫn đến xung khắc. Lúc đầu, sự tranh đấu này có vẻ ngọt ngào; vì người lớn tự cho phép mình bị thua cuộc và nhượng bộ để thích thú khi thấy đứa con của mình hạnh phúc và hài lòng. Vâng, người lớn ngăn cản đứa trẻ tự rửa tay cho nó, họ chắc chắn sẽ có thỏa mãn chứng bệnh chiếm hữu của họ. Nhưng đứa trẻ, sau chiến thắng đầu tiên, nó tìm cái thứ hai, và người lớn càng nhượng bộ, đứa trẻ càng đòi hỏi, cuối cùng thì ảo tưởng rằng người lớn là để thỏa mãn các ham muốn của đứa trẻ kết thúc trong thất vọng cay đắng. Do thế giới vật chất có những giới hạn bất di bất dịch, trong khi trí tưởng tượng có thể lang thang trong vô tận, cuối cùng một cuộc chạm trán và xung đột dữ dội xảy ra. Tính khí bùng bình của trẻ biến thành hình phạt cho người lớn. Họ bỗng nhiên nhận ra rằng họ sai lầm và họ nói; “Tôi đã làm hư con tôi.”

Ngay cả một đứa trẻ tuân phục cũng có thể chinh phục người lớn, với những triu mến, nước mắt, thỏa hiệp, khuôn mặt nhỏ nhắn buồn bã, hay sự khả ái hấp dẫn của nó. Người lớn cũng phải nhượng bộ đứa trẻ như vậy cho đến khi họ không còn gì để nhượng bộ, và rồi bất hạnh mà mọi chệch hướng khỏi trạng thái bình thường chắc chắn sẽ dẫn đến lại xảy ra. Người lớn suy nghĩ và cuối cùng nhận ra lỗi hành xử của họ là nguồn gốc của các tật xấu của con họ, rồi họ tìm cách quay lại và sửa đổi đứa trẻ.

Nhưng mọi người đều biết không có gì có thể sửa đổi tính bùng bình của một đứa trẻ. Cả lời khuyên khích lẫn hình phạt đều không hiệu quả; giống

như ta phải rao giảng dài dòng cho một người mê sảng trong cơn sốt là họ phải hết bệnh và hăm dọa sẽ đánh họ nếu nhiệt độ của họ không giảm. Thực ra là người lớn làm hư đứa trẻ không phải vì nhượng bộ nó, mà vì chính khi họ ngăn cản không cho đứa trẻ thực sự được sống, họ đã đưa nó lệch khỏi con đường phát triển tự nhiên của nó.

Mặc cảm tự ti

Người lớn tỏ ra coi thường đứa trẻ nhưng họ không ý thức được điều này, vì họ tin rằng con mình đẹp đẽ và hoàn hảo, và dự phóng sự hãnh diện và kì vọng tương lai vào đứa con. Nhưng có một sự thúc giục bí mật bên trong họ, không chỉ đơn thuần là lời khẳng định rằng đứa trẻ “trông rỗng” hay “ngỗ nghịch” do đó cần được họ “đong đầy” và sửa dạy; đây đúng là thái độ khinh thường đối với đứa trẻ dù không được nhận ra. Sinh linh yếu ớt mà họ phải đối mặt là đứa con của chính họ. Khi có điều gì liên quan đến đứa trẻ, người lớn là kẻ toàn năng. Họ còn có quyền bộc lộ những cảm xúc mà họ hẳn phải hổ thẹn khi biểu lộ trước xã hội người lớn. Trong số các xu hướng đen tối của họ có sự keo kiệt và cảm giác độc đoán và chuyên chế. Thế là ở nhà, dưới lớp nguy trang là uy quyền của bậc cha mẹ, việc phá vỡ bản ngã của đứa trẻ từ từ diễn ra. Ví dụ, nếu người lớn thấy đứa trẻ bê li nước, họ nghĩ và lo sợ là cái li sẽ vỡ. Vào lúc ấy, tính hà tiện khiến họ xem cái li là báu vật, và để cứu cái li họ sẽ ngăn không cho đứa bé di chuyển. Có thể người lớn này rất giàu có, muốn gia tăng của cải nhiều gấp mười lần để đứa con trai sẽ giàu có hơn ông ta. Nhưng trong lúc bấy giờ thì ông xem cái li là vật vô cùng quý giá phải bảo vệ với bất cứ giá nào. Mặt khác, ông tự nhủ, “Tại sao đứa bé này phải đặt cái li xuống bằng cách này trong khi mình để nó theo kiểu kia? Mình không phải là người có thẩm quyền sắp đặt mọi chuyện theo ý mình sao?”. Vậy mà cũng người lớn đó sẽ vui lòng hi sinh bất cứ điều gì cho đứa con của mình, ông mơ thấy sự thành công của đứa con; ông muốn nó thành một người nổi tiếng và đầy quyền lực. Nhưng trong lúc này, cái xu hướng bạo ngược, độc đoán, trỗi dậy trong con người ông, ông tự phung phí sức mình trong việc giữ gìn một vật không có giá trị. Thật ra, nếu là một người đầy tớ làm cùng động tác như vậy, chắc hẳn ông chỉ mỉm cười; và nếu là một vị khách làm bê cái li, ông chắc sẽ lập tức trấn an họ rằng không có gì quan trọng và chiếc li không có giá trị gì. Do đó, đứa trẻ hẳn phải luôn nhận ra trong tuyệt vọng rằng nó là người duy nhất nguy hiểm cho mọi vật, vì thế chỉ mình nó không thể chạm vào li; nó là một sinh linh thấp hèn, hầu như ít giá trị hơn là đồ vật.

Có một tập hợp phức tạp của các ý tưởng mà ta phải để ý trong tương quan với sự kiến tạo bên trong của trẻ. Trẻ không những cần chạm vào đồ vật và làm việc với chúng, mà còn phải làm theo một trình tự cho đến khi

hành động hoàn tất, và đây là điều cực kì quan trọng cho sự hình thành nhân cách bên trong của trẻ. Người lớn không còn ghi nhận một cách ý thức về chuỗi hoạt động hằng ngày của họ, bởi họ đã sở hữu chúng như là cái đã là một phần của chính sự hiện hữu của họ, như một lối sống. Khi người lớn thức dậy vào buổi sáng, họ biết theo thói quen cái họ phải làm và thực hiện các hành động bình thường như thể chúng là những việc đơn giản nhất trên đời. Thứ tự của các hành động của họ hầu như tự động, và họ không còn để ý đến nó hơn hơi thở hay nhịp đập của tim họ. Ngược lại, đứa trẻ cần xây lên cái nền tảng này. Nhưng nó không bao giờ có thể làm ra một chương trình hành động để tiến hành một cách liên tiếp. Khi đứa trẻ đang chơi, người lớn đến bảo đây là lúc đi dạo, và mặc áo cho trẻ rồi đưa nó ra ngoài. Hay đứa trẻ có thể đang làm một công việc nhỏ như bỏ đầy những viên sỏi vào một cái xô, một trong những người bạn của mẹ nó ghé qua, và mẹ nó bảo nó bỏ dở công việc để đến chào. Trong đời sống của đứa trẻ, người lớn can thiệp không ngừng, những kẻ có uy quyền này điều khiển cuộc đời của nó mà không hề tham khảo ý kiến của nó, không tôn trọng nó và xem các hành động của nó không hề có giá trị, trong khi đó, trước sự có mặt của nó, người lớn sẽ không quay sang một người khác hay người giúp việc, để cắt ngang việc họ đang làm mà không nói, “Xin ông vui lòng”, hay “Nếu có thể”. Hậu quả là đứa bé cảm thấy nó là kẻ khác biệt với tất cả những người khác, với sự thấp hèn đặc biệt xếp nó bên dưới những người khác. Nay, như chúng tôi đã nói, một trình tự của chuỗi hành động xuất phát từ một chương trình đã được ấn định trước bên trong là cực kì quan trọng với sự phát triển của đứa trẻ. Một ngày kia, người lớn sẽ giải thích cho đứa trẻ là nó phải chịu trách nhiệm về các hành động của chính nó, nhưng nền tảng đầu tiên của một trách nhiệm như thế nằm trong một khuôn mẫu đầy đủ của sự kết nối giữa hành động này với hành động khác, và nó nằm trong sự đánh giá ý nghĩa của chúng. Nhưng đứa trẻ chỉ cảm thấy rằng mọi hành động của nó đều vô nghĩa. Người lớn, bậc cha mẹ, than phiền rằng họ không thể khơi dậy được tinh thần trách nhiệm và tinh thần làm chủ các hành động của chính họ ở đứa con trai, chính họ lại là kẻ đã từng bước hủy hoại khái niệm về sự liên tục của các hành động nối tiếp trong đời sống, và ý thức về nhân phẩm của chính đứa trẻ. Trong những trường hợp như vậy, thay vì có ý thức về nhân phẩm của chính nó, đứa trẻ mang trong mình một niềm tin vững chắc mơ hồ về sự thấp hèn và bất lực của nó. Việc nhận bất cứ trách nhiệm nào hàm ý sự tin tưởng rằng mình là chủ nhân của các hành động của chính mình và có sự tự tin về mình. Nguồn gốc lớn nhất của thất vọng là hoàn toàn tin rằng “mình không thể” có khả năng làm được gì. Nếu một đứa trẻ bị liệt phải chạy đua với một người rất nhanh nhẹn, nó sẽ hẳn không muốn chạy đua, nếu một kẻ khổng lồ điều luyện được sắp xếp để đấu võ với một người nhỏ con, không kinh nghiệm, người sau chắc không muốn đấu, cố gắng khả thi bị dập tắt

trước khi thử, để lại một cảm giác về sự bất lực trước khi thử thách bắt đầu. Người lớn không ngừng dập tắt ý chí cố gắng của trẻ khi họ làm nhục ý thức về sức mạnh của chính đứa trẻ và thuyết phục nó tin vào sự bất lực của nó; bởi, đúng ra, người lớn không muốn cản trở đứa trẻ trong hành động của nó, nhưng họ bảo với đứa trẻ rằng, “Con không làm được cái đó; nếu con thử, cũng vô ích mà thôi”. Nếu người nào thô lỗ hơn, họ sẽ nói, “Đồ khùng, tại sao mà muốn làm cái đó? Mà không thấy là mà không làm được sao?”. Nhưng cách hành xử như vậy không những xúc phạm đến công việc của trẻ và tính liên tục của chuỗi hành động của trẻ, mà còn là một sự sỉ nhục đối với chính nhân cách của đứa trẻ. Nó ghi sâu vào tâm hồn đứa trẻ cảm tưởng rằng các hành động của nó là vô giá trị, nhân cách của chính nó là ù lì và bất lực. Thế là sự nản chí và thiếu tự tin nảy sinh, bởi nếu có kẻ mạnh hơn ta ngăn ta làm điều ta định làm, ta có thể tự nhủ rằng nếu có kẻ yếu hơn thay thế vào vị trí của họ, ta có thể làm lại từ đầu. Nhưng nếu người lớn thuyết phục đứa trẻ là sự bất lực nằm bên trong nó, thì sẽ có một thứ mây mù bao phủ tâm trí nó, đem đến sự nhút nhát, một thứ lãnh đạm và một niềm sợ hãi đã trở thành cố hữu. Tất cả các cảm tưởng này tạo thành một chướng ngại nội tại mà phân tâm học mô tả là một “mặc cảm tự ti”. Nó là một trở ngại có thể vĩnh viễn trở thành một nhận thức nhục nhã về sự bất lực và thấp hèn so với kẻ khác, và điều này ngăn cản đứa trẻ tham gia vào các thử thách xã hội vẫn nảy sinh ở từng bước trong cuộc sống.

Mặc cảm tự ti này dẫn đến sự nhút nhát, rụt rè khi quyết định, bất ngờ thoái lui trước bất cứ khó khăn hay chỉ trích nào, trong biểu hiện tuyệt vọng bên ngoài với những giọt nước mắt dễ rơi theo những tình huống đau đớn như thế.

Bản chất tự nhiên của một đứa trẻ “bình thường” bộc lộ như một trong những đặc tính nổi bật của nó là sự tự tin và chắc chắn trong hành động. Khi cậu bé ở San Lorenzo bảo với các khách viếng thăm đang thất vọng rằng tuy là ngày lễ nghỉ, các em vẫn có thể mở cửa phòng học và làm việc cho dù giáo viên vắng mặt, bé cho thấy một sức mạnh hoàn hảo và cân bằng về khí chất, trẻ đã không tự phụ vào chính sức mạnh của mình mà dựa trên tri thức và sự làm chủ được nó. Cậu bé biết nó đang làm gì và hoàn tất trình tự thao tác cần thiết để có thể thực hiện hành động với sự giản dị tuyệt đối mà không hề cảm thấy việc nó đã làm là cái gì xuất chúng. Cũng theo cách đó, một cậu bé đang dùng những chữ rời để ráp với nhau thành các từ ngữ, đã không có vẻ bối rối khi vị Hoàng hậu nước Ý dừng lại trước mặt nó và yêu cầu nó đánh vần “Viva l’Italia” (“Hoan hô nước Ý” - ND). Nó lập tức đặt các chữ nó đã dùng trở lại theo đúng thứ tự trong hộp, một cách bình thản như thể nó đang ở một mình. Để tỏ lòng tôn kính vị Hoàng hậu, người ta nghĩ rằng chắc nó sẽ ngừng việc đang làm để thực hiện ngay mệnh lệnh của bà. Nhưng có

một chi tiết đặc biệt không nên bỏ qua: nó đã đặt tất cả các chữ đã dùng về vị trí theo đúng trật tự của chúng, trước khi lại dùng chúng để ghép những chữ khác. Và đúng vậy, khi nó đã làm việc đó, nó mới đánh vần các chữ, “Viva l’Italia!”. Đây là một con người có khả năng hoàn toàn làm chủ các cảm xúc và hành động của nó, dù nó chỉ mới bốn tuổi, nó đã tự định hướng với sự vững vàng hoàn hảo để đối mặt với các việc xảy ra trong môi trường của nó.

Sợ hãi

Sợ hãi là một hình thức lệch lạc khác, thường được xem là đặc tính tự nhiên của tuổi thơ. Khi người ta nói đến một đứa trẻ sợ sệt, họ cho rằng nỗi sợ là hậu quả của sự xáo trộn nào đó đã bắt rễ sâu, hầu như tách biệt với các điều kiện môi trường của nó, và giống như sự nhút nhát, nó là một phần cá tính của đứa trẻ. Ta có thể nói là một số trẻ có tính dễ tuân phục bị bao trùm bởi một nỗi khắc khoải của cái sợ. Ngược lại, có những đứa khác khỏe mạnh, năng động, và thường can đảm trước nguy hiểm, nhưng cũng bộc lộ những nỗi lo sợ lạ lùng, vô lí và không cưỡng được. Những trạng thái tâm thần này có thể được diễn giải là hệ quả của những ấn tượng sâu đậm đã ghi sâu trong quá khứ, ví dụ như sợ băng qua đường, sợ mè dưới giường, hoặc sợ khi thấy một con gà, có nghĩa là những trạng thái tương tự với những mối khiếp đảm mà khoa tâm thần đã khảo sát ở người lớn. Những hình thức lo sợ này xuất hiện một cách đặc biệt ở những đứa trẻ “bị lệ thuộc vào người lớn”, và người lớn để được trẻ vâng lời, lợi dụng trạng thái ý thức còn mơ hồ của đứa trẻ để in sâu lên nó nỗi lo sợ giả tạo đối với các sinh linh mơ hồ đang hoạt động trong bóng tối. Đây là một trong những hình thức phòng thủ độc hại nhất mà người lớn dùng đối với đứa trẻ; nó làm nỗi lo sợ tự nhiên của trẻ đối với bóng tối thêm trầm trọng và đưa vào đó những hình ảnh nhân vật khiếp đảm. Bất cứ điều gì giúp đứa trẻ tiếp xúc với thực tế và cho phép nó tiếp thu kinh nghiệm về các sự vật trong môi trường của nó, và nhờ đó thấu hiểu các sự vật ấy, đều có khuynh hướng giải phóng trẻ khỏi tình trạng xáo trộn vì lo sợ này. Trong các trường học bình thường hóa của chúng tôi, sự biến mất của các nỗi sợ hãi trong tiềm thức, hay không bộc lộ ra được, là một trong những kết quả rõ ràng nhất. Một nhà văn nổi tiếng người Tây Ban Nha (Espagna) muốn viết về một hiện tượng đã làm ông kinh ngạc như một điều đáng được phổ biến, ông có ba đứa con gái đã lớn và cô bé thứ tư đi học ở trường của chúng tôi. Bất cứ khi nào có dông bão vào buổi tối, cô bé nhất là đứa duy nhất không kinh sợ, nó sẽ đưa các chị vào phòng bố mẹ chúng, nơi các em thường đến ăn náu trong những lúc như vậy. Sự hiện diện của bé, thông qua sự tự do khỏi các nỗi khiếp sợ huyền bí, là sự an ủi thật sự cho các đứa kia. Vì vậy, thỉnh thoảng khi sợ hãi vào ban đêm, các chị thường sang phòng cô em nhỏ để trút bỏ cảm giác lo sợ.

Một “trạng thái lo sợ” khác với nỗi sợ trời dậy từ một bản năng bình thường để tự bảo toàn trước nguy hiểm. Thứ lo sợ bình thường này ít thấy ở trẻ em hơn là người lớn. Điều này không chỉ đơn giản vì trẻ em ít có kinh nghiệm gặp phải nguy hiểm hơn người lớn. Ta cũng có thể nói rằng đối diện với nguy hiểm là đặc điểm phổ biến trong thời thơ ấu, và điều này chiếm tỉ lệ nhiều hơn hẳn so với người lớn. Thực tế là trẻ em tự dẫn thân vào hiểm nguy thường xuyên hơn, như những đứa trẻ đuổi theo xe đang chạy trên đường, hay ở thôn quê, trẻ em leo lên cây cao nhất hoặc bò xuống các vực sâu. Chúng phóng xuống biển hay sông và thường vô tư tự học bơi. Có vô số các trường hợp nêu cao tính anh hùng của trẻ em đã cứu hay cố cứu các bạn của chúng. Tôi chỉ kể ra trường hợp của vụ hỏa hoạn ở một bệnh viện tại California, có một khu dành riêng cho các trẻ em mù. Xác các trẻ bình thường được tìm thấy, dù chúng ở khu khác trong tòa nhà, vì đã chạy sang để đưa các trẻ mù đến nơi an toàn. Trong các tổ chức cho trẻ em, như Hướng Đạo, mỗi ngày chúng ta đều biết được những tấm gương về sự anh hùng của giới trẻ.

Ta có thể thắc mắc rằng sự phục hồi phẩm chất bình thường ở trẻ có thể phát triển xu hướng anh hùng mà ta thường thấy ở trẻ em hay không? Trong thí nghiệm của chúng tôi về sự bình thường hóa, không có những pha anh hùng nào cả, trừ phi chúng tôi thỉnh thoảng chấp nhận sự bày tỏ ước vọng cao thượng nào đó, nhưng đó là một việc hoàn toàn khác với một hành động anh hùng thật sự (Có đứa bé năm tuổi khi nghe vụ động đất ở Messina, đã viết rằng “Nếu con lớn, con sẽ đi và giúp.”). Nhưng những việc thực và bình thường xảy ra trong đời sống của trẻ em ở trường của chúng tôi được xem là “sự thận trọng” giúp chúng tránh được nguy hiểm và nhờ đó sống chung được với các mối nguy hiểm, ví dụ, chúng sớm có thể sử dụng dao ở bàn hay trong nhà bếp, dùng diêm để thắp lửa hay nến, đứng một mình gần các ao hồ hay bồn chứa nước, và băng qua đường phố. Tóm lại, chúng có thể kiểm soát các hành động của mình và đồng thời kiểm soát được những cơn bốc đồng đột ngột hơn, do đó đạt được một lối sống bình thản và cao thượng hơn. Vì vậy, sự bình thường hóa không khiến chúng lẩn xả vào nguy hiểm nhưng lại phát triển được một sự thận trọng cho phép chúng sống giữa các nguy hiểm, biết được những gì là nguy hiểm và khắc phục được chúng.

Nói dối

Các sai lệch về tâm lí dù bộc lộ vô số đặc tính, giống như búp và cành của một cây sum sê, đều từ cùng một bộ rễ sâu, và chính khi giải quyết các sai lệch này mà cái bí mật đơn nhất của sự bình thường hóa được tìm ra, trong khi trong tâm lí học bình thường và trong các phương pháp giáo dục đương thời chúng được xem là những khiếm khuyết riêng lẻ cần được nghiên cứu

và giải quyết riêng biệt như thể chúng thật sự độc lập với nhau. Một trong những hậu quả chính đặc biệt này là nói dối. Sự dối trá là một kiểu “trang phục” che giấu tâm hồn, có rất nhiều “trang phục” khác nhau; bởi có rất nhiều kiểu nói dối khác nhau, mỗi kiểu có ý nghĩa và tầm quan trọng riêng, có những lời nói dối bình thường, có lời nói dối bệnh hoạn. Khoa tâm thần trước đây đã chú ý đến những lời nói dối không kiểm chế được trong chứng cuồng loạn tâm thần, khi lời nói dối che phủ cả linh hồn và ngôn ngữ và trở thành chất liệu của sự dối trá. Cũng chính khoa tâm thần đã lưu ý đến lời nói dối của trẻ em trong các tòa án vị thành niên, và nói chung đến lời chứng gian có thể do vô thức của trẻ làm nhân chứng. Điều thật đáng kinh ngạc là khi ta bỗng khám phá ra rằng đứa trẻ có “tâm hồn ngây thơ”, gần như đồng nghĩa với sự thật (sự thật từ miệng của sự ngây thơ), lại có thể làm chứng gian một cách hoàn toàn thành thật. Các nhà tâm lý hình sự đã để ý đến những dữ kiện đáng ngạc nhiên này và nhìn nhận rằng các trẻ này thật sự thành thật và lời nói dối của chúng là do một loại nhầm lẫn tâm thần bị thêm trầm trọng do cảm xúc ở thời điểm đó.

Thay thế sự thật bằng gian dối, dù là trạng thái kinh niên hay nhất thời, chắc chắn là điều khá khác biệt với những lời nói dối vặt của đứa trẻ cố ý tìm cách giấu mình để tự vệ có ý thức. Nhưng ở những đứa trẻ bình thường và trong đời sống thường nhật, ta cũng thấy những lời nói dối không liên quan gì đến sự tự vệ. Lời nói dối có thể là một sáng tác thật, phát sinh từ nhu cầu kể lại một cái gì hay ho, cộng với niềm thích thú được người khác tin là thật, mặc dù chuyện kể lại không nhằm ý lường gạt hay vị lợi. Nó có thể mang một hình thức nghệ thuật giống như một diễn viên hóa thân vào vai diễn của mình. Tôi có thể đưa ra một ví dụ: Một hôm, vài đứa trẻ kể cho tôi nghe là khi có một nhân vật quan trọng đến ăn tối, mẹ các em đã tự tay làm thức uống với rau quả đầy vitamin bổ dưỡng, để quảng bá về lối dùng thức ăn tươi. Các em kể rằng bà đã thành công vì nước uống ngon đến nỗi người khách mời đã nói là ông sẽ dùng và nói lại với những người khác.

Câu chuyện thật chi tiết và thú vị đến nỗi tôi hỏi mẹ các em cách chế biến món nước đó. Nhưng rồi bà nói với tôi rằng bà chưa hề nghĩ đến chuyện làm món gì như vậy bao giờ. Ở đây chúng ta có một ví dụ điển hình về sự sáng tác thuần túy do trí tưởng tượng của đứa trẻ diễn dịch hoàn toàn thành lời nói dối giữa đám đông, không với mục đích nào khác ngoài sự thích thú thuần túy khi bịa ra được một câu chuyện.

Những kiểu nói dối này hầu như ngược lại với các lời nói dối nói ra vì biếng nhác, khi đứa trẻ không quan tâm đến việc phân biệt cái gì là thật. Tuy nhiên, đôi khi, nói dối có thể là sản phẩm của lý luận tinh vi. Có lần tôi biết một cậu bé sáu tuổi bị mẹ nó tạm thời gửi vào một trường nội trú. Nữ gia sư chịu trách nhiệm nhóm trẻ mà cậu bé gia nhập rất phù hợp với công tác và

rất quan tâm đến cậu bé đặc biệt này. Sau một thời gian, cậu bé bắt đầu than phiền về người gia sư với mẹ, kể lể một số chi tiết chống lại bà. Cậu bé cho rằng bà ta quá khắt khe. Mẹ nó đến gặp hiệu trưởng để tìm hiểu và có được chứng cứ rằng bà giáo rất chiều chuộng và luôn yêu quý chăm sóc cậu bé. Khi bà đối chất cậu bé và hỏi tại sao cậu bé nói dối, nó trả lời, “Con không nói dối nhưng con không thể nói là hiệu trưởng khó chịu”. Dường như không phải nó thiếu can đảm buộc tội vị hiệu trưởng mà đúng hơn là nó chịu áp lực của quy ước. Còn nhiều thứ hơn có thể kể ra về sự tinh ranh của trẻ em khi phải tự thích ứng với môi trường của chúng.

Những đứa trẻ có cá tính yếu ớt và dễ sai bảo, ngược lại, nói dối theo ngẫu hứng, tùy tiện, do phản xạ tự vệ, không có suy tính kỹ lưỡng. Lời nói dối khờ khạo, không đầu đuôi, do ứng khẩu và do vậy khá dễ nhận ra đó là lời nói dối mà cha mẹ và thầy cô phản đối, nhưng họ quên rằng ý nghĩa của chúng rõ ràng và thật sự là một cách tự vệ đối với các tấn công của người lớn. Trong những trường hợp này, lời cáo buộc của người lớn đối với trẻ em thường là chúng nhu nhược, thấp kém, đáng hổ thẹn, và lời cáo buộc này là một sự thừa nhận gián đơn rằng những lời nói dối này phơi bày một kẻ thấp kém.

Nói dối vặt là một trong những hiện tượng tâm lý liên quan đến tuổi ấu thơ còn đang định hình, nhưng cùng với thời gian những hiện tượng này đã trở thành có hệ thống và chiếm một phần rất quan trọng trong đời sống xã hội loài người đến nỗi chúng dường như được xem là thiết yếu, đàng hoàng, thậm chí là mỹ miều, tựa như quần áo để che thân thể.

Trong trường giúp trẻ bình thường hóa của chúng tôi, tâm hồn của đứa trẻ tháo bỏ lớp nguy trang của tính quy ước xã hội và phơi mở sự chân thật tự nhiên của trẻ. Dẫu vậy, nói dối vặt không phải là một trong những lệch lạc có thể biến mất như có phép lạ. Nó đòi hỏi việc tái kiến tạo hơn là cải hóa. Những ý tưởng rõ ràng, thống nhất với thực tế, tự do tinh thần và một mối quan tâm năng động với những sự cao quý tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự kiến tạo lại một tâm hồn chân thật.

Nhưng nếu chúng ta phân tích đời sống xã hội, ta thấy nó được bão hòa bởi dối trá, như bởi một bầu không khí không thể nào xóa tan được mà không gây ra chấn động xáo trộn trong xã hội. Trên thực tế, nhiều đứa trẻ rời Ngôi Nhà của Trẻ đi vào các trường lớp trung cấp thông thường đã bị cho là vô lễ và bất tuân đơn giản chỉ vì chúng thành thật hơn các đứa trẻ khác nhiều và chưa phát triển một số hình thức thích ứng cần thiết. Các giáo viên của các em không nhận ra điều này. Kỷ luật và các quan hệ xã hội thật ra được tổ chức dựa trên sự dối trá và một sự chân thật xa lạ dường như làm xáo trộn cơ cấu quy ước đạo đức đã được thiết lập làm nền tảng của giáo dục.

Một trong những đóng góp sáng chói nhất của khoa phân tâm học cho lịch sử về tâm hồn của con người là sự diễn giải về các nguy trạng như là sự thích ứng của tiềm thức. Chính những hình thức nguy trạng của người lớn, chứ không phải những lời nói dối vặt của đứa trẻ, cho thấy bộ áo khùng khiếp đã cấu thành một phần của đời sống con người, giống như bộ da thú hay lông chim trong thế giới loài vật, có nghĩa là, bộ y phục che chở, bao bọc, làm đẹp và bảo vệ bộ máy sống đang hoạt động bên trong. Nguy trạng là cách giả dối để che giấu cảm xúc, là sự dối trá mà con người đã dựng lên trong chính nó, để sống, hay đúng hơn, để sống còn trong một thế giới mâu thuẫn với các cảm nghĩ tự nhiên và trong trắng của nó. Và bởi lẽ, vì không thể sống trong một tình trạng xung đột triền miên, tâm hồn phải tự thích nghi. Một trong những nguy trạng độc đáo nhất là sự giả dối của người lớn đối với đứa trẻ. Người lớn hi sinh các nhu cầu của đứa trẻ vì chính nhu cầu của họ, nhưng họ từ chối không chấp nhận sự thật này bởi lẽ điều này khó chấp nhận được. Nên họ tự thuyết phục rằng họ đang thực thi một quyền lợi tự nhiên và hành động vì lợi ích tương lai của đứa trẻ. Khi đứa trẻ tự vệ, tâm hồn của người lớn không tỉnh thức trước trạng thái đích thực của sự vật, nhưng họ xem bất cứ điều gì đứa trẻ làm để tự cứu nó là bất tuân, hay có xu hướng xấu xa. Dần dần tiếng kêu yếu ớt của sự thật và công lí bên trong người lớn biến mất và được thay thế bằng những hình thức nguy trạng rực rỡ, vững chắc và vĩnh viễn dưới dạng trách nhiệm, quyền lợi, uy quyền, thận trọng, v.v. Trái tim đã chai đá. Nó trở nên như băng đá và sáng chói như cái gì trong suốt. Mọi cái va chạm vào nó đều bị vỡ tan. “Trái tim của tôi đã thành đá: tôi đâm nó và tay tôi bị chấn thương.”^[6] Đó là một ẩn dụ đẹp đẽ trong vực sâu Địa Ngục của Dante, nơi tất cả tình thương đã bị dập tắt, chỉ còn lại hận thù là băng đá. Tình thương và thù hận là hai trạng thái khác biệt của linh hồn, như nước trong trạng thái lỏng và rắn của nó. Vâng, nguy trạng này là một sự dối trá của tinh thần, giúp con người tự thích nghi với các lệch lạc có tổ chức của xã hội nhưng dần làm chai đá những gì từng là tình thương thành những hình thức hận thù.

Đây là sự dối trá đáng sợ ẩn núp trong những ngõ ngách sâu kín của tiềm thức của tâm hồn.

Hậu quả trực tiếp trên đời sống thể chất

Các sai lệch về tâm lí có rất nhiều đặc điểm, vài đặc điểm dường như thuộc về một trật tự hoàn toàn khác vì chúng ảnh hưởng đến sự hoạt động của cơ thể. Ngày nay, các nguyên nhân tâm lí của nhiều xáo trộn thể chất đã được y học khảo sát kĩ lưỡng. Tuy những khiếm khuyết cơ bản là về thể chất nhưng nguyên nhân sâu xa nằm trong lĩnh vực của tâm trí. Vài vấn đề như

khó khăn về tiêu hóa, thường xảy ra ở trẻ em. Những đứa trẻ mạnh khỏe và năng động có xu hướng đói còn cao khó kiềm chế được bằng tập luyện hay chế độ ăn uống. Các trẻ này ăn nhiều hơn cần thiết do một thói thúc khó cưỡng thường được ta dễ dãi xem là “ăn rất ngon miệng”, mặc dù điều này có thể dẫn đến các xáo trộn về tiêu hóa và những tình trạng bị ngộ độc liên tục cần đến sự chăm sóc của bác sĩ.

Ngay từ thời xa xưa, người ta đã nhận ra một thói xấu về đạo đức trong xu hướng khó kiềm chế của cơ thể là ăn nhiều thức ăn hơn cần thiết, điều này có hại nhiều hơn tốt. Khuynh hướng này thường bộc lộ sự tạm ngừng tính nhạy cảm bình thường đối với thức ăn, sự nhạy cảm không những thúc giục ta đi tìm thức ăn mà còn giới hạn sự tiêu thụ thức ăn ở mức cần thiết. Đó là điều ta thấy ở các động vật mà sức khỏe được giao phó cho sự chỉ đạo của bản năng tự bảo tồn. Bản năng này có hai mặt, một mặt liên quan đến môi trường, sự tránh né các mối nguy hiểm, mặt kia liên quan đến chính cá thể và kiểm soát sự tiêu thụ thức ăn của nó. Các động vật có một bản năng thông thường không những hướng chúng đến đúng loại thức ăn, mà còn ấn định số lượng chúng phải ăn. Thật vậy, đây là một trong những đặc tính nổi bật của tất cả động vật. Dù chúng ăn nhiều hay ít, mỗi loài ở trạng thái tự nhiên đều tuân thủ số lượng mà thiên nhiên đã khắc ghi trong nó ở dạng bản năng.

Mặt khác, chỉ có con người mới bộc lộ thói tham ăn uống quá độ đã khiến nó không những tích lũy số lượng thức ăn quá mức mà còn tạo khuynh hướng tiêu thụ những chất thật ra là độc hại cho nó. Do đó, chúng ta có thể nói rằng sự xuất hiện của các sự chệch hướng về tâm thần dẫn đến việc làm mất đi những sự nhạy cảm có tính che chở và hướng dẫn con người về sức khỏe, ở đây, chúng ta tìm thấy bằng chứng rõ ràng của đứa trẻ bị chệch hướng đã bộc lộ ngay sự thiếu cân bằng trong thói quen ăn uống của nó. Thức ăn thu hút đứa trẻ từ bên ngoài qua dáng vẻ, chỉ được đón nhận bởi vị giác ngoại tại, nhưng yếu tố nội tại thiết yếu cho sự sống đã bị suy yếu hay mất đi. Một trong những chứng minh đáng kinh ngạc nhất ở các trường bình thường hóa của chúng tôi là sự kiện các trẻ em, khi đã thoát khỏi các sai lệch về tâm lý và đã phục hồi trạng thái bình thường, không còn các dấu hiệu của tính tham lam và ngừng thói mê ăn quá độ trước đó của chúng. Nay trẻ chú ý đến thao tác chính xác của mỗi hành động, để chúng có thể ăn với những điều bộ thích hợp. Sự phục hồi của sự nhạy cảm thiết yếu cho sự sống gây ra một sự kinh ngạc hầu như khó tin lúc ban đầu, khi mọi người nói đến sự cải hóa của trẻ em. Vài cảnh tượng trong đời sống của trẻ trở thành đề tài của sự mô tả tỉ mỉ, để thuyết phục mọi người rằng hiện tượng này là một sự kiện có thật. Những đứa trẻ nhỏ bé, khi đến giờ có một buổi ăn đáng hưởng và trước một món ăn hấp dẫn, chúng bận rộn sắp xếp và chỉnh lại khăn ăn, nhìn các

bìa sách để nhớ cách cầm và sử dụng mỗi dụng cụ trên bàn hay lo giúp đỡ một người bạn nhỏ hơn, và đôi khi chúng thật tỉ mỉ đến nỗi món ăn đã nguội trước khi ăn. Các đĩa khác mặt buồn thiu vì chúng đã hi vọng được chọn để phục vụ ở bàn ăn, nhưng lại bị giao cho công việc dễ dàng nhất, đó là ngồi ăn.

Một bằng chứng ngược lại về mối liên hệ giữa các yếu tố tâm lý và thức ăn có thể tìm thấy trong một sự kiện trái ngược. Các trẻ em dễ sai bảo có sự miễn cưỡng kì lạ và thường không chế ngự được trong việc ăn uống. Nhiều người đã trải qua khó khăn trong việc cho một số trẻ ăn uống, chúng từ chối ăn đến nỗi gây ra khó khăn thật sự cho gia đình hay trường học. Hiện tượng này càng nổi bật khi xảy ra ở các viện cho trẻ em nghèo và èo uột mà người ta nghĩ rằng chúng sẽ cố ăn no bất cứ khi nào có dịp được ăn. Hiện tượng này có thể trở nên nghiêm trọng dẫn đến sự suy yếu về thể chất mà mọi nỗ lực chữa trị đều thất bại. Nhưng không nên lầm lẫn sự từ chối ăn uống này với bệnh khó tiêu, khi các cơ quan tiêu hóa đều trong tình trạng thật sự bất thường khiến trẻ ăn không thấy ngon, ở đây, đứa trẻ từ chối ăn vì nguyên do tâm lý nào đó. Trong vài trường hợp, nó bắt nguồn từ một cơ chế tự vệ chống lại các nỗ lực dứt cho nó ăn, hay khi đứa trẻ bị bắt buộc ăn cho nhanh, nghĩa là theo nhịp điệu của người lớn. Đứa trẻ có nhịp điệu của riêng nó, và điều này hiện nay đã được các bác sĩ chuyên khoa nhi khẳng định, họ đã ghi nhận trẻ em không ăn hết thức ăn chúng cần cùng một lúc, nhưng sẽ ăn rất chậm và xen kẽ giữa các khoảng nghỉ dài. Điều này cũng có thể nhận thấy ở trẻ sơ sinh, trước khi bé được cai sữa. Bé ngừng bú sữa không phải vì đã no mà để nghỉ ngơi, nhịp điệu của bé không những chậm mà còn ngắt quãng. Do đó, chúng ta có thể nhận ra một động cơ tự vệ khả dĩ, như một rào cản, chống lại bạo lực đã ép buộc bé phải ăn, trái với quy luật của thiên nhiên. Tuy nhiên, có những trường hợp, không có chuyện tự vệ này. Đứa trẻ hầu như do thể chất, không muốn ăn uống. Nó xanh xao một cách vô vọng và không có cách điều trị nào, dù là ngoài trời, ánh sáng mặt trời hay không khí miền biển cũng không chữa được cho nó. Tuy nhiên, trong những trường hợp này, nếu xem xét kĩ hơn, chúng ta sẽ thấy trẻ bị che khuất bởi một người lớn mà trẻ vô cùng gắn bó nhưng họ hoàn toàn chế ngự nó. Chỉ có một cách duy nhất để chữa cho đứa trẻ như vậy, đó là tách đứa trẻ khỏi ảnh hưởng này, đến một môi trường nơi trẻ sẽ được tự do và năng động về mặt tâm lý, để trẻ có thể tháo gỡ được sự ràng buộc đã làm tinh thần nó què quặt.

Để hỗ trợ cho luận điểm của chúng tôi, xin lưu ý rằng mối liên kết giữa đời sống tinh thần và hiện tượng vật chất, được xem là hầu như không liên hệ gì đến trí tuệ, ví dụ như ăn uống, đã luôn luôn được thừa nhận. Thói háu ăn được liệt vào một trong những tật xấu “làm đầu óc tối tăm”, sự chính xác của Thánh Thomas Aquinas khi chỉ ra mối liên hệ giữa tính tham ăn và các

tình trạng tri thức là điểm lí thú. Ông khẳng định rằng tham ăn làm mờ óc phán đoán và làm suy yếu tri thức của con người về những thực tại có thể hiểu được. Nhưng ở đứa trẻ, ta thấy xảy ra quá trình đảo ngược; chính sự xáo trộn tâm thần sinh ra tính háu ăn. Đạo Thiên Chúa đã gắn tật xấu này với các xáo trộn về tâm linh khiến nó được xếp vào bảy tội trọng, nghĩa là, cùng hàng với những tội dẫn đến cái chết của linh hồn, đến con đường bị chặn qua sự vi phạm một số quy luật huyền bí cai quản vũ trụ. Cùng lúc, đứng trên một quan điểm khác, hoàn toàn, tân tiến và khoa học, phân tâm học gián tiếp hỗ trợ cho học thuyết của chúng tôi về sự đánh mất bản năng hướng đạo, hay sự nhạy cảm để tự bảo tồn. Tuy nhiên, khoa phân tâm học diễn giải nó theo lối khác và đề cập đến “bản-năng-hướng-đến-sự-chết”. Có nghĩa là nó nhìn thấy con người có một xu hướng tự nhiên hỗ trợ cho cái chết không tránh được, khiến nó đến dễ dàng và nhanh chóng hơn, và thậm chí họ còn chạy đến gặp cái chết bằng cách tự tử. Con người trở nên nghiện các chất độc như rượu, á phiện và cô-ca-in vì một thôi thúc khó cưỡng, nghĩa là họ say mê và mời gọi cái chết, thay vì bám vào sự sống và sự cứu rỗi. Nhưng có phải tất cả điều này chính xác cho thấy việc đánh mất cái mãn cảm nội tại thiết yếu cho sự sống phải hoạt động để bảo đảm sự sinh tồn của cá thể hay không? Nếu xu hướng này phát sinh từ cái chết không tránh được, nó phải hiện hữu ở mọi sinh vật. Nhưng chúng tôi hẳn phải nói rằng mọi chệch hướng về tâm thần đưa con người vào ngõ chết và khiến nó chủ động trong việc tự hủy hoại sự sống của chính mình, và cái khuynh hướng kinh khủng này đã tự manh nha bộc lộ dưới dạng hầu như không thể nhận ra trong buổi đầu của giai đoạn sơ sinh.

Tất cả bệnh tật có lẽ mang cùng hệ số tâm lí, bởi đời sống vật chất và tinh thần của con người liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng sự bất thường trong ăn uống mở toang cánh cửa và chào đón tất cả mọi bệnh tật. Tuy nhiên, đôi khi bệnh tật chỉ là vẻ bên ngoài, với những nguyên nhân hoàn toàn có tính tâm lí, như thể nó chỉ là hình ảnh, chứ không phải là một thực tại. Khoa phân tâm học đã rọi sáng lên những trường hợp như vậy khi phải đối phó với chứng loạn thần kinh chức năng hữu cơ dẫn đến trạng thái bệnh lí. Các chứng loạn thần kinh chức năng không phải là những bệnh tật giả mà có những triệu chứng thật, thân nhiệt cao và những rối loạn thật sự về chức năng trong cơ thể đôi khi có vẻ trầm trọng. Nhưng các bệnh tật này lại thật sự không thuộc về thể chất, vì chúng nảy sinh trong tiềm thức bởi các yếu tố tâm lí có khả năng áp đảo các định luật sinh lí. Bằng bệnh tật, bản ngã có thể thoát khỏi các tình huống hay bốn phận khó chịu. Bệnh trạng kháng cự mọi sự điều trị và chỉ biến mất khi bản ngã được, giải thoát khỏi các điều kiện nó muốn trốn khỏi. Tôi đã chứng kiến nhiều trường hợp này trong một cơ sở giáo dục về tôn giáo cho trẻ em gái, hoàn toàn đầy đủ về mặt vệ sinh, vậy mà

vẫn có trẻ bị bệnh nằm ở nhà thương, vài đứa liên tục có thân nhiệt cao, khó điều trị. Các chứng bệnh này biến mất khi việc bắt buộc tham dự Thanh lễ đầu tiên vào lúc sớm mai được xóa bỏ. Nhiều bệnh tật và thể trạng ốm yếu, như các khuyết điểm đạo đức biến mất khi trẻ được đưa vào một môi trường tự do, và được phép tham gia vào các sinh hoạt bình thường hóa. Ngày nay, nhiều bác sĩ khoa Nhi công nhận trường học của chúng tôi là “Nhà của Sức Khỏe”, nơi họ gửi gắm những trẻ có bệnh về chức năng mà họ không chữa được theo lối thông thường. Nhiều trường hợp được chữa lành đáng ngạc nhiên đã xảy ra.

Phần III
ĐỨA TRẺ VÀ XÃ HỘI

Chương 1

HOMO LABORANS - CON NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xung đột giữa đứa trẻ và người lớn

Xung đột giữa người lớn và đứa trẻ là khởi điểm của những hậu quả lan rộng hầu như vô tận, trong đời sống con người, như những ngọn sóng tỏa ra xa khi ta ném một viên đá vào mặt hồ phẳng lặng. Các hậu quả này là những dao động khuếch tán ra mọi hướng theo vòng tròn.

Chính xác đây là cái mà y học và phân tâm học đã khám phá ra khi quay lại tìm căn nguyên của các chứng bệnh về thể chất và tâm thần. Các nhà phân tâm học phải đi rất xa trong cuộc truy tìm căn nguyên của bệnh tâm thần, giống những nhà thám hiểm đi tìm cội nguồn của sông Nile, đã phải đi xa, vượt qua nhiều ghềnh thác nguy hiểm trong hành trình cho đến khi họ đến tận các vùng nước yên của các đại hồ. Các khoa học thăm dò nguyên nhân của các yếu kém, thiếu khả năng, kháng cự và méo mó của tâm hồn con người phải vượt khỏi các nguyên nhân trước mắt và đi xa hơn các nguyên nhân đã được nhận diện và có thể hiểu được, cho đến khi họ đến tận vùng biển êm, đó là thể chất và tâm hồn của trẻ nhỏ.

Nhưng nếu ta muốn du hành theo hướng nghịch và quan tâm đến lịch sử mới của nhân loại như đã được viết ra trong bí mật của sự hình thành các nhân tố của nó, thì ta có thể khởi hành từ biển hồ yên tĩnh của thuở ban đầu trong thời thơ ấu và đi theo dòng chảy dữ dội của sự sống lúc nó phóng tới và chảy xuống từ triền núi cao, vượt qua các chướng ngại vật, quanh co trên hành trình cam go của nó, phóng xuống các vực sâu. Ta có khả năng làm mọi sự trừ việc ngồi bất động hay ngừng chảy theo dòng cuộn xoáy của khối nước.

Các chứng bệnh dễ thấy nhất làm khổ người lớn như bệnh về thể chất, thần kinh và tâm thần thật sự có thể truy ra từ tuổi thơ, chính cuộc đời của đứa trẻ có thể cho ta thấy các triệu chứng đầu tiên.

Tuy nhiên, có một điểm đáng lưu ý là mỗi điều ác lớn và dễ thấy đều kèm theo vô số điều ác nhỏ hơn. Trường hợp chết vì bệnh ít hơn so với các trường hợp cùng bệnh được chữa lành, và nếu bệnh hoạn là nguyên nhân của sự yếu ớt đã không thể kháng cự lại sự tấn công của nó, chắc hẳn phải có nhiều người yếu ớt cho dù họ đã không còn là con mồi của bệnh tật. Các tình trạng bất thường khiến dễ bị bệnh có thể so sánh với các đợt sóng truyền các dao động của không khí đến vô tận. Vì vậy, ai muốn biết nước tinh khiết và có thể uống được hay không, họ sẽ không dùng hết nước mà chỉ khảo sát

một lượng nhỏ. Nếu lượng đó bị ô nhiễm, họ kết luận phần còn lại cũng bị ô nhiễm. Thế nên, nếu người ta chết vì bệnh hay vì lạc vào hỗn loạn tâm thần hay tinh thần, ta có thể kết luận rằng toàn thể nhân loại đều bị làm lỡ.

Khái niệm này không mới. Ngay vào thời Moses, người ta đã nhận ra rằng con người đầu tiên đã phạm tội, đó là Tội tổ tông theo đó toàn thể nhân loại đều bị lây nhiễm và lạc lối. Tội tổ tông dường như là một quan niệm vô lí và bất công vì nó bao hàm sự kết án khả dĩ của vô số kẻ vô tội tạo nên nhân loại, nhưng ta có thể quan sát một sự kiện tương tự khi thấy những đứa trẻ vô tội bị kết án phải chịu những hậu quả tai hại của sự phát triển bị bóp méo bởi các lỗi lầm lặp lại qua các thời đại. Căn nguyên của cái mà chúng ta chữa trị nằm trong xung đột tồn tại ngay trong nền tảng đời sống con người, một xung đột với nhiều hệ lụy chưa được khám phá đầy đủ.

Bản năng lao động

Trước khi bản chất tự nhiên đích thực của đứa trẻ được khai mở, các quy luật chi phối sự hình thành của đời sống tâm lí vẫn hoàn toàn chưa được biết đến. Khảo sát các giai đoạn mãn cảm chỉ đạo sự hình thành của con người có lẽ sẽ trở thành một trong các khoa học có tính ứng dụng thực tiễn nhất của loài người.

Nền tảng của tăng trưởng và phát triển nằm trong các mối quan hệ lũy tiến và luôn mật thiết giữa cá thể và môi trường của nó, vì sự phát triển của tính cá nhân của trẻ, hay cái gọi là tự do của trẻ, không thể là gì khác hơn sự độc lập tiệm tiến của trẻ đối với người lớn, được hiện thực hóa bằng phương tiện của một môi trường thích hợp, nơi trẻ có thể tìm được các phương tiện cần thiết cho sự phát triển các chức năng của nó. Điều này cũng rõ ràng và đơn giản như trong thực tế khi cho trẻ sơ sinh cai sữa, chúng ta làm các món ăn cho bé từ ngũ cốc, nước rau và nước hoa quả, nghĩa là dùng các sản phẩm của môi trường bên ngoài để thay thế sữa mẹ.

Cái sai lầm khi hình dung ra sự tự do của đứa trẻ trong giáo dục nằm trong sự tưởng tượng rằng sự độc lập giả định của đứa trẻ khỏi người lớn là không cần một sự chuẩn bị tương ứng về môi trường, sự chuẩn bị môi trường như vậy là một phần của khoa học về giáo dục, giống như việc chuẩn bị thức ăn dặm cho trẻ là một phần của khoa học về sức khỏe. Vậy chuẩn bị một môi trường tâm lí, với các nguyên tắc cốt lõi, như là một nền tảng của giáo dục mới, đã được phác thảo bởi chính đứa trẻ, khá đủ rõ ràng để biến thành một thực tại có tính thực tiễn.

Trong các điều mặc khải mà đứa trẻ đã mang đến cho chúng ta, có một điều có tầm quan trọng cơ bản, đó là hiện tượng bình thường hóa qua lao

động. Vô số các thí nghiệm với trẻ em của mọi chủng tộc trên thế giới đã cho phép chúng tôi tuyên bố rằng hiện tượng này là dữ liệu đã được kiểm chứng chắc chắn nhất mà chúng ta có trong lĩnh vực tâm lý học hay giáo dục. Chắc chắn là thái độ của trẻ đối với lao động biểu hiện một bản năng thiết yếu cho sự sống, bởi không có lao động, nhân cách của trẻ không thể tự tổ chức và sẽ bị lệch khỏi sự hình thành bình thường của nó. Con người tự xây dựng bản thân qua lao động. Không có gì thay thế được lao động, cả sức khỏe thể chất hay tình yêu mến và mặt khác các sự chệch hướng cũng không thể chỉnh sửa bằng hình phạt hay gương tốt. Con người xây dựng bản thân qua lao động, lao động với đôi tay của nó, sử dụng đôi tay như là công cụ của bản ngã của nó, cơ quan của trí tuệ và ý chí cá nhân của nó quyết định sự hiện hữu của chính nó khi đối diện với môi trường. Bản năng của đứa trẻ là bằng chứng cho thấy lao động là một khuynh hướng cố hữu trong bản chất của con người, nó là bản năng đặc trưng của loài người.

Vậy tại sao lao động, lẽ ra phải là một nguồn thỏa mãn tối thượng, một trung tâm cho sức khỏe và tái tạo, như đối với trẻ em, lại bị gạt bỏ bởi người lớn? Tại sao ta có thể nghĩ rằng lao động là sản phẩm của các nhu cầu tất yếu khắc nghiệt do môi trường của nó tạo ra? Có lẽ vì lao động trong xã hội loài người được đặt trên những nền tảng sai lầm. Nó phát triển từ con người lệch lạc, lệch lạc qua sự chiếm hữu, quyền lực, dửng dưng, dính bén, nên bản năng sâu xa vẫn còn tiềm ẩn như một đặc tính bị kiềm chế. Nên lao động chỉ tùy thuộc vào các tình huống bên ngoài hay các tranh giành giữa những con người lệch lạc. Nó trở thành lao động cưỡng bức làm nảy sinh các rào cản tâm lý mạnh mẽ, và do đó trở thành khô cứng và đáng ghét.

Nhưng khi thông qua các tình huống ngoại lệ, lao động là kết quả của một thôi thúc nội tại theo bản năng, thì ngay ở người lớn, nó sẽ có một đặc tính hoàn toàn khác biệt. Lao động như thế trở nên hấp dẫn và khó cưỡng, và nó nâng cao con người lên trên các lệch lạc và xung đột bên trong nó. Đó là lao động của một nhà sáng chế hay kẻ khám phá, những nỗ lực anh hùng của nhà thám hiểm, các sáng tác của người nghệ sĩ, có nghĩa là lao động của những con người được ban cho một năng lực phi thường khiến họ có thể khám phá lại cái bản năng của chủng loại theo các khuôn mẫu của chính cá tính của họ. Bản năng này như một suối nguồn vọt phun ra từ vỏ mặt đất cứng rắn và dâng cao do một thôi thúc sâu xa, để rơi xuống như nước mưa tưới mát nhân loại khô cằn.

Chính qua sự thôi thúc này tiến bộ thật sự của văn minh đã xuất hiện.

Các đặc tính của hai loại lao động

Người lớn và đứa trẻ được tạo ra để yêu thương nhau và sống với nhau,

thể nhưng họ luôn xung khắc đo không hiểu nhau, điều này xói mòn các góc rẽ của sự sống, trong một bí mật bất khả xâm phạm.

Những vấn đề liên quan đến môi xung khắc này có tính đa diện, và một số, rõ ràng và cụ thể có ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội bên ngoài. Người lớn có sứ mệnh chu toàn một việc phức tạp và dồn dập đến nỗi họ thấy khó mà tạm ngừng như họ nên làm nếu họ phải theo sau đứa trẻ, tự thích ứng với nhịp điệu và các nhu cầu tâm lí của sự phát triển của trẻ. Mặt khác, sự phức tạp ngày càng tăng và tốc độ trong môi trường của người lớn ngày càng trở nên không thích hợp cho đứa trẻ. Chúng tôi có thể tưởng tượng ra một trạng thái giản dị và bình yên của đời sống sơ khai trong đó đứa trẻ tìm ra một nơi nương náu tự nhiên. Trẻ thấy người lớn làm những công việc đơn giản theo một nhịp điệu chậm rãi, đứa trẻ được bao quanh bởi các gia súc và thấy chúng sống quanh nó. Trẻ sờ các đồ vật và cố gắng làm việc mà không ai la mắng. Nó ngủ khi buồn ngủ, buông mình dưới bóng mát một cây cô thụ. Nhưng dần dần văn minh đã lấy đi môi trường xã hội khỏi đứa trẻ. Mọi thứ đều bị quy định quá chặt chẽ, quá hạn chế, quá vướng víu, quá nhanh. Không những nhịp điệu sống vội vàng của người lớn bận bịu là một chướng ngại cho đứa trẻ, mà sự xuất hiện của máy móc, tựa như một cơn lốc, đã quét mất những nơi ẩn náu cuối cùng của trẻ thơ. Trẻ không còn có thể sống một cách năng động, sự chăm sóc cho đứa trẻ hàm ý cho sự che chở nó khỏi các hiểm nguy đang gia tăng quanh trẻ trong thế giới bên ngoài. Thế là trẻ trở thành một kẻ tị nạn, một sinh linh bất lực, một nô lệ. Không ai nghĩ đến nhu cầu tạo ra một môi trường đặc biệt cho đời sống của trẻ, không ai nghĩ rằng điều thích hợp là trẻ cũng cần hoạt động và làm việc. Điều cần thiết là hiểu rằng có hai vấn đề xã hội vì có hai dạng thức của đời sống, do đó có hai nhu cầu cần xét đến - vấn đề xã hội của người lớn và vấn đề xã hội của đứa trẻ. Trong mỗi lĩnh vực, có công việc tất yếu phải làm; công việc của người lớn và công việc của đứa trẻ, cả hai đều thiết yếu cho đời sống của nhân loại.

Nhiệm vụ của người lớn

Nhiệm vụ của người lớn là xây dựng một môi trường đặt chồng bên trên thiên nhiên, một công việc hướng ngoại đòi hỏi hoạt động và nỗ lực thông minh; đó là cái ta gọi là lao động sản xuất, và do có bản chất xã hội nó có tính tập thể và tổ chức. Để đạt được mục tiêu của công việc, con người phải cần tổ chức có trật tự, điều hòa công việc theo các tiêu chuẩn là quy luật của xã hội. Họ áp đặt một kỉ luật tập thể mà mọi người tự nguyện tuân thủ, vì chính họ cũng nhìn nhận các luật lệ này là cần thiết để đời sống xã hội có trật tự và hiệu quả. Nhưng ngoài các luật lệ thể hiện những nhu cầu của địa phương và thời đại, khác biệt giữa các nhóm người và giữa các lứa tuổi, có những luật lệ căn bản khác bắt nguồn từ chính bản chất con người, liên quan

đến chính lao động; những luật này là chung cho mọi người và mọi lứa tuổi. Một trong những luật đó là luật phân chia lao động, áp dụng phổ quát cho mọi sinh vật sống, cần thiết để các sản phẩm của con người phải được chuyên môn hóa. Một quy luật tự nhiên khác lại liên quan đến cá nhân lao động là luật về cố gắng tối thiểu, theo đó, con người tìm cách đạt năng suất tối đa với sự lao động tối thiểu. Đây là quy luật vô cùng quan trọng không phải vì ước muốn làm việc tối thiểu mà bởi vì khi theo luật này, sản xuất được gia tăng nhưng với mức tiêu thụ năng lượng tối thiểu. Đó là nguyên lý có lợi ích thực tiễn được áp dụng cho các máy móc thay thế hay hoàn tất lao động của con người.

Có những “quy luật tốt” về thích ứng lao động trong xã hội và tự nhiên.

Nhưng không phải cái gì cũng tiến hành theo đúng các “quy luật tốt” này, bởi vật liệu con người dùng để lao động và sản xuất của cải có giới hạn, và trong cuộc đấu đá cạnh tranh đến sau đó, việc áp dụng các luật này bị suy thoái.

Thế là các tập quán xấu xa của con người xuất hiện, và sự chiếm hữu thành quả lao động của kẻ khác thay thế cho sự phân chia lao động. Thay thế cho luật cố gắng tối thiểu, nguyên tắc khai thác công việc của người khác xen vào: “Hãy để họ làm việc để ta có thể thu lợi từ sức lao động của họ trong khi ta nghỉ ngơi.” Những sự thoái hoá này kết hợp với các “quy luật tốt và thiết lập một hình thức xã hội của lao động của người lớn, dưới lớp nguy trang của quyền tư hữu.

Đứa trẻ cơ bản là một hữu thể tự nhiên, sống với người lớn, về mặt đời sống vật chất của nó. Nhưng trẻ em luôn hoàn toàn xa lạ với lao động xã hội của người lớn; sinh hoạt của nó không thể sử dụng được trong sản xuất xã hội. Đúng ra, chúng ta phải giữ nguyên tắc này trong đầu rằng đứa trẻ không thể tham gia vào lao động xã hội của người lớn. Nếu chúng ta dùng biểu tượng của lao động chân tay như công việc của người thợ rèn đập cái đe bằng một cây búa nặng nề, đứa bé không thể làm việc đó. Nếu ta dùng biểu tượng của lao động trí óc như công việc của nhà khoa học sử dụng dụng cụ của họ trong một dự án nghiên cứu khó khăn, đứa trẻ không có gì để đóng góp vào lĩnh vực này. Hay nếu ta nghĩ đến nhà lập pháp suy tư về những bộ luật tốt nhất, đứa trẻ không bao giờ có thể thay thế ông ta.

Đứa trẻ do đó hoàn toàn xa lạ với xã hội của người lớn và có lẽ ta có thể diễn tả vị trí của nó bằng lời Thánh Kinh: “Vương quốc” của Ta không thuộc về thế giới này.” Nó là kẻ xa lạ, nằm ngoài tổ chức tạo ra bởi con người, bên ngoài thế giới nhân tạo mà con người đã xây trên thiên nhiên. Đứa trẻ sinh ra trong thế giới là một hữu thể bên-ngoài-xã-hội *theo đúng nghĩa*. Chúng ta gọi một người là kẻ ở bên-ngoài-xã-hội khi họ không thể tự thích ứng với xã

hội hay không tích cực đóng góp một phần vào lao động sản xuất hoặc vào các quy luật của tổ chức của nó, và do đó họ là kẻ phá rối trật tự đã thiết lập. Sự kiện đứa trẻ là hữu thể bên-ngoài-xã-hội luôn gây xáo trộn triền miên cho người lớn, ngay chính trong ngôi nhà của cha mẹ nó. Sự thiếu khả năng thích nghi với môi trường của người lớn càng thêm trầm trọng bởi đứa trẻ năng động và không thể từ bỏ hoạt động của nó. Do đó, người ta có nhu cầu gây chiến với đứa trẻ, đứa trẻ phải được dạy không quấy rầy hay làm phiền cho đến khi trở nên thụ động. Nó phải dời đến một nơi xa để sống, nếu không phải là nhà tù cho những người lớn bên-ngoài-xã-hội, thì cũng là một chỗ tương tự, dù là nhà giữ trẻ, phòng chơi hay trường học. Đây là những nơi đứa trẻ bị lưu đày cho đến khi nó có thể sống trong thế giới người lớn mà không gây xáo trộn cho người khác. Chỉ lúc đó đứa trẻ mới được gia nhập xã hội. Nhưng trước tiên, trẻ phải vâng lời người lớn như một kẻ không có quyền công dân, hay đúng ra cũng không có đời sống dân sự, nó không là gì cả. Người lớn làm chủ nhân ông của nó; trẻ phải luôn chấp hành mệnh lệnh của họ, mà không được khiếu nại và do đó được xem là lẽ đương nhiên. Đứa trẻ đến với gia đình từ số không, và đối với trẻ, *người lớn* vĩ đại và quyền năng như thần thánh, là kẻ duy nhất có thể ban các thứ nhu yếu cho sự sống của nó. Người lớn là kẻ sáng tạo ra nó, kẻ quyền uy, chủ nhân, kẻ ban bố các hình phạt; không ai có thể cực kì và hoàn toàn lệ thuộc vào một kẻ khác như đứa trẻ lệ thuộc vào người lớn.

Nhiệm vụ của đứa trẻ

Nhưng đứa trẻ cũng là một người lao động và sản xuất. Tuy nó không thể tham gia vào công việc của người lớn, nó lại có một công việc riêng lớn lao, thực sự khó khăn và quan trọng mà nó phải thực hiện, đó là công việc tạo ra con người. Từ đứa trẻ sơ sinh bất lực, không có ý thức, ngu ngơ, và không có khả năng tự nâng mình đứng dậy, lại có thể hình thành nên một cá thể người lớn với hình dạng hoàn hảo, có tư duy phong phú với tất cả các sở hữu của đời sống tinh thần của họ, rạng rỡ với ánh sáng tâm linh, đó là công việc của đứa trẻ. Chính đứa trẻ xây nên con người, chỉ mình đứa trẻ mà thôi. Người lớn không thể thay chỗ đứa trẻ trong vào công việc này; sự loại trừ người lớn khỏi “thế giới” và “công việc” của đứa trẻ còn hiển nhiên và tuyệt đối hơn sự loại trừ đứa trẻ khỏi công việc tạo ra cái trật tự xã hội xây chông bên trên thiên nhiên, nơi người lớn đang ngự trị. Lao động của đứa trẻ thuộc vào một trật tự khác và có một lực hoàn toàn khác với công việc của người lớn. Lao động của đứa trẻ được thực hiện vô thức, buông theo một năng lực tâm linh huyền bí, tích cực tham gia vào sự sáng tạo. Nó đúng là một lao động sáng tạo, có lẽ đó chính là hiện tượng sáng tạo con người, như đã được vạch ra một cách tượng trưng trong Kinh Thánh. Thần khí được thổi vào con người,

mà Sách Thánh chỉ nói rằng nó đã “được tạo ra”. Nhưng cách thức con người được sáng tạo, cách thức mà sinh vật này đã nhận được những đặc tính của trí thông minh và uy quyền trên tất cả mọi tạo vật, tuy nó xuất phát từ cái không, là cái chúng ta có thể quan sát và chiêm ngưỡng với mọi chi tiết ở đũa trẻ và trong mọi đũa trẻ. Cảnh tượng tuyệt vời này diễn ra trước mắt ta hằng ngày. Cái đã xảy ra có thể tự tái diễn trong mỗi sinh linh của loài người khi nó được sinh ra. Ở đó ta tìm được cội nguồn sinh động của sự bất tử, nơi mọi sự được tái sinh khi nó chết. Chúng tôi có thể lặp lại từng giây phút, trước bằng chứng rõ ràng của thực tế rằng đũa trẻ là cha của con người. Tất cả năng lực của người lớn xuất phát từ khả năng của “con-trẻ-là-cha” có thể hoàn tất sự hiện thực hóa của khuôn mẫu bí mật nó mang trong người. Tuy nhiên, điều đã đặt đũa trẻ vào vị thế của một người lao động thật sự là do trẻ không hoàn tất “khuôn mẫu của con-người-sẽ-là” đơn thuần qua chiêm nghiệm và nghỉ ngơi. Không, lao động của đũa trẻ được tạo ra bởi hoạt động, trẻ sáng tạo qua sự tập luyện không ngừng nghỉ, và chúng ta phải nhớ rõ rằng trẻ cũng sử dụng môi trường bên ngoài của trẻ cho công việc của nó, cũng cái môi trường mà người lớn sử dụng và biến đổi. Đũa trẻ lớn lên qua sự tập luyện; sinh hoạt kiến tạo của trẻ là lao động thực thụ, phát sinh cụ thể từ môi trường bên ngoài của nó. Qua các kinh nghiệm của nó, đũa trẻ tự tập luyện và vận động; nhờ đó nó học điều hòa các cử động của nó và hấp thu, từ môi trường bên ngoài, các cảm giác đem đến tính cụ thể cho trí khôn của nó. Trẻ miệt mài thụ đắc ngôn ngữ qua hành vi chú ý lắng nghe kì diệu và những nỗ lực sơ khởi mà chỉ nó có thể làm được. Không gì kiềm chế được đũa trẻ cố gắng tự đứng trên đôi chân của nó. Và khi làm như thế, trẻ đang đi theo một chương trình và một lịch trình như nhà học giả năng nổ nhất trên thế giới, với sự kiên định bất biến của các vì sao trong các chu trình vô hình của chúng. Mỗi năm, chúng ta có thể đo chiều cao của đũa trẻ và nó sẽ đạt đến giới hạn tăng trưởng đã quy định. Chúng ta cũng biết trẻ lên năm tuổi sẽ đạt đến một trình độ thông minh nào đó và đũa lên tám đạt một trình độ khác. Khi trẻ mười tuổi, chúng ta có thể nói nó cao bao nhiêu và nó sẽ làm được gì; bởi đũa trẻ sẽ tuân theo chương trình mà thiên nhiên đã hoạch định cho nó. Do đó, qua hoạt động không mệt mỏi, tạo ra bởi các nỗ lực, trải nghiệm, chinh phục và đau buồn, qua các thử thách cam go và đấu tranh kiệt sức của nó, đũa trẻ, từng bước, chu toàn nhiệm vụ khó khăn và vinh quang của nó, luôn tăng thêm các hình thái mới của sự hoàn thiện. Người lớn thật sự hoàn thiện môi trường, nhưng đũa trẻ hoàn thiện chính hữu thể bản thân. Các nỗ lực của đũa trẻ giống như của một người bước đi không ngừng nghỉ cho tới khi đạt đến mục tiêu của họ. Do đó, sự hoàn hảo của con người trưởng thành tùy thuộc vào đũa trẻ.

Người lớn chúng ta phụ thuộc vào đũa trẻ. Chúng ta là con cái và kẻ lệ

thuộc vào đứa trẻ trong phạm vi lao động của trẻ, cũng như nó là con cái của ta và lệ thuộc vào phạm vi lao động của chúng ta. Một kẻ phụ thuộc trong một lĩnh vực này, kẻ kia phụ thuộc trong lĩnh vực kia. Người lớn làm chủ trong một lĩnh vực, nhưng đứa trẻ làm chủ lĩnh vực của nó. Và do đó, cả hai phụ thuộc vào nhau; cả đứa trẻ. Và người lớn đều là vua, nhưng mỗi bên có vương quốc riêng.

Đây là khuôn khổ nền tảng cho sự hài hòa trong nhân loại. .

So sánh hai nhiệm vụ

Bởi lao động của đứa trẻ gồm các hành động tác động lên các sự vật có thực trong thế giới bên ngoài, nó có thể là đề tài của một nghiên cứu tích cực nhằm xác nhận các quy luật, nguồn gốc và mô thức tiến hành của nó, và so sánh nó với lao động của người lớn. Cả người lớn và đứa trẻ đều tiến hành một hành động tức thời, có ý thức, và tự nguyện trong môi trường của riêng mình, và do đó có thể được xem là sự lao động. Nhưng ngoài mặt này, mỗi bên có một *mục tiêu* phải đạt được, mà không được trực tiếp biết đến và làm do ý muốn. Tất cả sự sống, dù là của thực vật, đều phát triển nhờ vào môi trường. Hơn thế nữa, sự sống là một năng lượng trong thế giới bên ngoài, liên tục tái phối trí cái môi trường, nếu không, có lẽ sẽ thoái hóa và do đó, luôn canh tân nó, cho phép sự sáng tạo luôn tiếp diễn, ví dụ, công việc trước mắt của các trùng san hô là hấp thu chất calcium car-bô-nat từ nước biển và từ đây tạo thành cái vò che chắn cho chúng, trong khi mục tiêu cuối cùng của chúng đối với môi trường là tạo nên các lục địa mới. Và bởi mục tiêu tối hậu còn xa vời đối với công việc trước mắt của chúng, chúng ta có thể khảo sát tất cả những gì có thể khảo sát trong rạn san hô, bằng nghiên cứu khoa học, nhưng chúng ta sẽ không tìm thấy một lục địa mới. Điều này ít nhiều cũng áp dụng cho tất cả các sinh vật và đặc biệt cho con người.

Mỗi hữu thể sơ sinh tham gia vào sự sáng tạo một sinh vật trưởng thành đều có một mục tiêu xa nhưng rõ ràng và chắc chắn. Khi nghiên cứu đời sống trẻ sơ sinh hay của đứa trẻ nói chung, từ mọi khía cạnh, chúng ta cuối cùng có thể biết được và khám phá ra mọi sự về đứa trẻ, từ các phân tử của sự sống vật chất của nó cho đến các chi tiết nhỏ nhất nhất của tất cả các chức năng của nó, nhưng có một điều chúng ta sẽ không tìm ra, đó là người lớn mà nó sẽ trở thành:

Vậy, hai mục tiêu của tác động xa và gần đều bao hàm sự lao động tận dụng môi trường.

Đôi khi thiên nhiên, qua các sinh vật đơn giản hơn của nó bày ra những ví dụ cho ta thấy thoáng qua một phần bí mật của nó. Ví dụ trong giới côn

trùng, chúng ta có thể ghi nhận hai hình thức của lao động thật sự có năng suất. Một thứ là tơ lụa, chất sợi bóng bẩy mà con người dệt thành vải vóc quý giá nhất; thứ kia là mạng nhện với sợi mong manh mà con người vội vàng phá hủy. Lụa là sản phẩm của một sinh vật còn non, mạng nhện là sản phẩm của một sinh vật đã lớn. Không nghi ngờ gì nữa, chúng ta đang có hai thứ lao động khác nhau. Do đó, khi chúng ta nói đến công việc của đứa trẻ và so sánh nó với công việc của người lớn, chúng ta đang nói về hai loại hoạt động khác biệt với hai mục đích khác nhau, nhưng cả hai đều chính đáng.

Bây giờ cái chúng ta cần biết là đặc tính lao động của đứa trẻ. Khi một đứa trẻ làm việc, nó không làm để đạt được một mục tiêu bên ngoài nào đó. Mục đích lao động của trẻ chính là công việc, và khi lặp lại một bài tập, trẻ hướng về một mục tiêu, mục tiêu đó độc lập với các yếu tố bên ngoài, về mặt các đặc tính cá nhân, mục tiêu của công việc không hề là hệ quả của sự mệt mỏi, bởi nét đặc trưng ở trẻ là *rời* khỏi công việc của nó với sinh lực mới và tràn đầy năng lượng. Thế nên, chúng tôi cho rằng công việc của trẻ là sự thỏa mãn một nhu cầu nội tại, một hiện tượng trưởng thành về mặt tinh thần. Mục đích bên ngoài, được xem là một tổng thể - có nghĩa là đối tượng mà đứa trẻ tác động lên qua hoạt động của nó, công dụng của đối tượng này và mục tiêu trẻ nhắm đến - cái mục đích này tự rút gọn thành một phương tiện duy nhất cho hoạt động nội tại. Hoạt động này không hoàn toàn gắn kết với đối tượng như thể có một tác nhân cơ động ấn định một hoạt động máy móc, nhưng là cái trí tuệ phải đóng vai trò của nó.

Việc lặp lại hành vi phát sinh từ một tri thức đã được thụ đắc chính xác qua thao tác và qua các mục đích phải đạt được. Và tất cả điều này cấu tạo thành cái động lực phức tạp cần thiết cho một bài tập có tính đào tạo. Đứa trẻ cảm thấy có nhu cầu lặp lại thao tác này không phải để hoàn thiện thao tác của nó mà để xây nên hữu thể nội tại của chính nó, và thời gian cần thiết, số lần lặp lại theo nhu cầu, quy luật nội tại tiềm ẩn trong phôi thai tinh thần là một trong những điều bí ẩn của trẻ thơ.

Điều này cho thấy một trong những sự khác biệt giữa các định luật tự nhiên về lao động của người lớn và lao động của trẻ em. Đứa trẻ không tuân theo định luật về cố gắng tối thiểu, nhưng theo một định luật hoàn toàn trái ngược. Nó tiêu thụ rất nhiều năng lượng cho một mục đích không thực chất và không những để thúc đẩy mà còn sử dụng năng lượng một cách mãnh liệt nhằm thực hiện chính xác mỗi chi tiết. Hành động hướng ngoại và đối tượng do đó là một phương tiện có tầm quan trọng luôn luôn mang tính tạm thời. Mối quan hệ giữa tài nguyên môi trường và sự hoàn thiện hóa đời sống nội tâm của đứa trẻ như thế thật đáng kinh ngạc, bởi lẽ theo người lớn, chính ý tưởng này phải thể hiện qua đời sống tâm linh. Con người đã đạt đến mức thăng hóa không còn bận tâm đến các vật bên ngoài, nhưng chỉ sử dụng

chúng vào lúc đó để hoàn thiện bản ngã bên trong của họ. Trong khi đó, kẻ sống trên một bình diện thông thường, bận tâm quá nhiều đến các sự vật, đến những mục tiêu bên ngoài, sẵn sàng hi sinh bản thân cho chúng và đánh mất linh hồn và sức khỏe vì chúng.

Một đặc tính khác, rõ ràng và khó phủ nhận giữa lao động của người lớn và lao động của đứa trẻ là công việc của đứa trẻ không cho phép bóc lột kẻ khác và không thể đi tắt đón đầu. Đứa trẻ chỉ xúc tiến công việc cho sự phát triển của nó và tiến hành công việc cho đến khi hoàn tất. Không ai làm được công việc của trẻ và lớn lên giúp nó. Để trở thành con người tuổi đôi mươi, nó phải trải qua hai mươi năm. Thật vậy, đi theo một kế hoạch và lịch trình nội tại bất biến và khắt khe chính là đặc tính của tuổi thơ đang phát triển. Thiên nhiên là người thầy khắt khe trừng phạt những hành vi bất tuân nhỏ nhất nhất bằng cái ta gọi là “bị chậm lớn” hay là sự chệch hướng về chức năng, nói ngắn gọn là bằng bệnh tật hay sự bất thường. Điều thú vị là ta hãy tạm ngừng một lát để xem đứa trẻ, một học giả của thiên nhiên, hoàn toàn tuân theo một năng lực tự nhiên hướng dẫn nó và trao cho nó công việc mà nó sẽ trung thành thực hiện hơn cả các hiệp sĩ thời Trung cổ vì danh dự của họ. Đứa trẻ sẽ phát triển về thể chất và khả năng tâm lí, như chương trình đặt ra bởi thiên nhiên đã ra lệnh. Cách trẻ làm thế nào, trẻ tiến hành sự kiến tạo bên trong bản thân ra sao, đó là bí mật mà trẻ thơ sẽ không tiết lộ - như một học giả cần mẫn luôn giữ im lặng về những gì họ đang làm. Chỉ trong những tình huống đặc biệt, bí mật mới được phơi mở, chúng ta có thể nói, là học giả của thiên nhiên, đứa trẻ thỉnh thoảng phải thi đỗ, có nghĩa là phải cố gắng để hoàn tất những giai đoạn khác nhau trong quá trình tiến bộ của nó. Đó là những giai đoạn mẫn cảm mà mọi sinh vật ở giai đoạn “sơ sinh”, từ côn trùng cho đến con người, đều phải trải qua.

Trong các giai đoạn này, có những sự mẫn cảm đặc trưng của giai đoạn phát triển đặc biệt sau đó sẽ biến mất, và với từ ngữ “mẫn cảm”, chúng tôi cũng hàm ý về một khả năng hoạt động đặc biệt - một năng lực hành động dường như nhất thời và đặc trưng của một giai đoạn nhất định, và do đó dường như kì diệu đối với những kẻ không còn sở hữu nó. Thật vậy, chúng tôi có thể nói rằng mỗi sự thụ đắc bởi một sinh vật đang tiến hóa là nhờ một giai đoạn mẫn cảm, không khác gì học giả thi đỗ không chỉ trong từng bộ môn mà còn để đi từ lớp dưới lên lớp trên trong cùng bộ môn.

Phát triển qua hoạt động

Các giai đoạn mẫn cảm của các sinh vật trong quá trình tiến hóa là một trong những kì quan lớn nhất của thiên nhiên. Có những bản năng chỉ tìm thấy trong giai đoạn sơ sinh, và biểu thị một sự chỉ đạo nội tại mang đến

những đặc tính chuyên biệt. Tăng trưởng không phải là cái gì mơ hồ như sự tích lũy tiệm tiến về vật chất hay một nhu cầu tất yếu di truyền bên trong. Nó là một quá trình được hướng dẫn tỉ mỉ bởi các bản năng nhất thời cung cấp một sự mẫn cảm nhạy bén và một động lực hướng đến các hình thức hoạt động chuyên biệt, và chúng thường khác biệt rất rõ ràng với các hoạt động của cá thể ở giai đoạn trưởng thành. Đúng ra chúng tôi có thể nói rằng sự khác biệt sâu sắc giữa hai trạng thái nằm ở điểm này: khi đạt đến mức tối đa về chiều cao và phát triển thể chất, người lớn đồng thời đã hiện thực hóa các bản năng chủng loại của nó, khiến nó tác động theo một thể thức ổn định lên thế giới bên ngoài. Trong khi đó, trẻ sơ sinh thường thiếu hẳn, hơn là có, các bản năng cố định của chủng loại, và thay vào đó, nó có một số những bản năng có thể thay đổi và tiếp nối với nhau, đưa nó đến sự thụ đắc những đặc tính của giai đoạn trưởng thành.

Các sự mẫn cảm này do ảnh hưởng của các bản năng chỉ đạo phát triển có tính nhất thời khiến ta hiểu được hoạt động không ngừng nghỉ của thiên nhiên. Theo cùng thể thức, khi thâm nhập sâu hơn vào bên dưới hình dạng bên ngoài của cơ thể, chúng ta thấy các cơ quan và các mô đang hoạt động bên trong, điều này cung cấp một giải thích chi tiết về đời sống của một cơ thể sống, cùng với các hiện tượng thuộc về trật tự tâm lí, chúng ta có thể khảo sát bên dưới bề mặt và tìm ra các hoạt động khác nhau đang tác động lên sự tăng trưởng. Các giai đoạn mẫn cảm trong đứa trẻ đôi khi ban cho nó những năng lực thực sự kì diệu. Ví dụ, chúng ta có thể ghi nhận sự nhạy bén lạ lùng của các giác quan của đứa trẻ, sự nhạy bén của đôi mắt của trẻ đối với màu sắc và kích thước đang hướng dẫn sự chú ý của trẻ vào việc thu thập các chi tiết nhỏ nhất nhất của môi trường. Giai đoạn nhạy cảm về trật tự đối với các vật bên ngoài và vị trí của chúng trong thiên nhiên cũng thật tuyệt vời. Chính qua sự mẫn cảm này mà đứa trẻ có thể tự định hướng, điều này khó khả thi nếu thiên nhiên đã không ghi sâu khả năng này trong trẻ sơ sinh.

Đứa trẻ có một nguyên lí động lực thúc đẩy khác cái động lực ở người lớn. Người lớn hành động trong sự hỗn độn của những động lực bên ngoài đòi hỏi nhiều cố gắng, lao động mệt mỏi. Và nếu người lớn phải có tầm mức tương xứng với nhiệm vụ của họ, đứa trẻ, mà họ đã từng là, cũng phải đã từng làm việc thật tốt để họ thành một con người mạnh mẽ.

Người lớn đã đánh mất sự mẫn cảm ban đầu, và giờ đây họ là một đứa học trò tồi của thiên nhiên, đáng bị đánh trượt trong cuộc thi gặt gao. Họ không thể bắt chước đứa trẻ.

Đứa trẻ bị thúc đẩy tiến tới bởi các nhạy cảm tinh tế, bừng sáng với tình yêu của trí tuệ đang thôi thúc trẻ hướng ra thế giới bên ngoài và khiến trẻ tích lũy ấn tượng của các sự vật như một thứ sữa tâm linh mà nó cần tiếp thu

để nuôi dưỡng đời sống nội tâm của nó. Vì vậy, những biểu hiện tâm lí của đứa trẻ vừa là động lực của sự nhiệt tình vừa là nỗ lực của sự nhẫn nại kiên định và cẩn thận.

Đứa trẻ không trở thành mệt mỏi vì lao động nhưng nó trở nên mạnh mẽ hơn. Nó lớn lên do lao động và vì thế mà lao động làm tăng năng lượng của nó. Đứa trẻ không bao giờ xin được lấy bớt gánh nặng công việc của nó mà ngược lại nó xin được phép thực hiện các công việc của nó và được phép làm một mình. Nhiệm vụ tăng trưởng là đời sống của đứa trẻ, trẻ phải thực sự làm việc hay phải chết.

Người lớn nếu không ý thức về điều bí ẩn này sẽ không bao giờ hiểu được lao động của đứa trẻ. Và trong thực tế, họ chưa bao giờ hiểu được bí mật này. Vì vậy, họ luôn ngăn cản đứa trẻ làm việc vì nghĩ rằng cái mà trẻ cần nhất để lớn lên là sự nghỉ ngơi. Người lớn làm tất cả cho đứa trẻ, bởi họ chỉ được hướng dẫn bởi các quy luật lao động tự nhiên của chính họ, sự cố gắng tối thiểu và tiết kiệm thời gian, Nhanh hơn và khéo léo hơn đứa trẻ, người lớn đã thay áo và mặc áo cho đứa trẻ, tắm cho nó, đút cho nó ăn, ẵm nó trong tay hay đặt trong xe đẩy và sắp xếp môi trường của nó mà không cho phép nó tham gia.

Khi đứa trẻ được phép có một không gian nhỏ “trong thế giới và trong thời gian”, nó tuyên bố như một dấu hiệu đầu tiên của sự háo hức tự vệ, “Con, con muốn làm cái đó!”.

Nhưng trong môi trường đặc biệt đã được chuẩn bị cho trẻ trong trường của chúng tôi, trẻ em tìm thấy một câu diễn tả nhu cầu nội tại này. “Xin giúp con tự làm một mình.” Chân lí đằng sau lời yêu cầu nghịch lí này thật sâu sắc! Người lớn phải trợ giúp cho đứa trẻ, nhưng trợ giúp bằng cách nào để trẻ có thể hành động cho chính nó và thực hiện công việc thực sự của nó trong thế giới. Câu này không những diễn tả nhu cầu của đứa trẻ mà còn biểu lộ cái mà trẻ cần từ môi trường của nó: trẻ phải được bao quanh bởi một môi trường sống, không phải một môi trường chết. Trẻ không muốn một môi trường để làm chủ và thụ hưởng; trẻ muốn một môi trường có thể giúp nó thiết lập các chức năng của nó. Môi trường này rõ ràng phải được làm cho sinh động bởi một trí khôn cao hơn, sắp xếp bởi một người lớn đã được chuẩn bị cho sứ mệnh của họ. Điều này làm quan niệm của chúng tôi khác với quan điểm của thế giới trong đó người lớn làm mọi việc cho trẻ hay khác với một môi trường thụ động trong đó người lớn bỏ mặc đứa trẻ một mình.

Phôi thai tinh thần, như phôi thai vật chất, cần một môi trường sống để phát triển.

Điều này có nghĩa là đặt trẻ vào giữa các đồ vật có tỉ lệ tương xứng với

dáng vóc và thể lực của chúng là chưa đủ; người lớn giúp trẻ còn phải được huấn luyện để làm việc đó. Nếu người lớn, do một hiểu lầm chết người, thay vì giúp trẻ tự làm các việc cho nó, lại làm thay cho đứa trẻ, thì người lớn đó sẽ trở thành chướng ngại mù quáng và mạnh mẽ nhất đối với sự phát triển đời sống tinh thần của đứa trẻ, Bi kịch lớn đầu tiên về đấu tranh giữa con người và sự lao động của nó, và có lẽ nguồn gốc của mọi bi kịch và mọi đấu tranh của nhân loại nằm trong sự hiểu lầm này, tức là trong sự cạnh tranh quá mức giữa lao động của người lớn và lao động của đứa trẻ.

Các yếu tố này vừa tế nhị vừa sâu xa nhắc nhở chúng ta nghĩ đến các mô trong phôi thai thể chất cần được che chở, bao bọc trong một môi trường bảo vệ, để cái khuôn mẫu về hình thái chúng chứa đựng sẽ không bị hỏng. Điều không thể nghi ngờ là chúng ta phải xây nên một môi trường sống và bảo vệ cho đứa trẻ, phôi thai tinh thần của con người. Đặt trong tầm tay của trẻ vài phương tiện sinh hoạt có kích cỡ cân xứng và có mục đích để trẻ tập luyện các năng lực xây dựng là chưa đủ. Cung cấp vài lời khuyên cho các bà mẹ hay nói chung cho những người lớn yêu quý và gần gũi với trẻ nhất cũng không đủ. Cái cần là cái gì thuộc về một chiều kích rộng lớn hơn. Bởi đứa trẻ bộc lộ không những các ước vọng cần thỏa mãn mà cả toàn bộ sự sống phải tiến hóa, sự sống cần sự chăm sóc tế nhị nhất, mà người lớn vẫn còn chưa nhận thức được. Nói một cách không thái quá, người lớn xưa nay chỉ xây dựng một *thế giới cho người lớn* nên bắt đầu xây lên *một thế giới cho đứa trẻ*. Cư xử với đứa trẻ là việc phức tạp và tế nhị đến nỗi ta cần có thêm điều gì khác hơn là sự thức tỉnh ở người mẹ hay sự huấn luyện những loại người bảo mẫu và giáo viên mới.

Sự đáp ứng cho các nhu cầu của trẻ phải là sự canh tân giáo dục về mặt tư duy và tâm linh, nó sẽ là trung tâm của nhiều khoa học phụ, cho đến khi đạt được kết quả mỹ mãn, là một quan điểm mới về cuộc sống, là một sự canh tân đời sống.

Các bản năng hướng đạo

Trong thiên nhiên, cũng có hai dạng thức sống: một của kẻ trưởng thành và một của sinh vật sơ sinh, chúng khác nhau và thậm chí đối nghịch nhau. Đời sống của người lớn có đặc tính đấu tranh, đấu tranh để thích nghi với môi trường, như Lamarck đã mô tả, hay đấu tranh vì cạnh tranh và chọn lọc tự nhiên như Darwin đã minh họa: đấu tranh không những cho sự sống còn của loài, mà còn cho sự chọn lọc tự nhiên trong sự cạnh tranh về mặt tính dục.

Điều xảy ra giữa các động vật trưởng thành có thể so sánh với các diễn biến trong đời sống xã hội của loài người, ở đây, chúng ta cũng tìm thấy nỗ

lực tự đảm bảo sự sinh tồn và tự vệ chống trả kẻ thù, ta cũng tìm thấy các đấu tranh và lao động để thích ứng thành công với môi trường, và ở đây ta cũng nhìn thấy tình yêu và chinh phục về tình dục. Trong cuộc cạnh tranh này, Darwin đã tìm ra các tác động của sự tiến hóa và lời giải thích cho sự tồn tại của các hình thái vật chất, cũng như các sử gia duy vật đã quy sự tiến hóa về lịch sử của nhân loại cho sự đấu tranh và cạnh tranh giữa người với người.

Trong khi giải thích lịch sử con người, chúng tôi không có dữ liệu nào khác ngoài các hoạt động của người lớn, nhưng trong thiên nhiên thì không phải như vậy. Ngược lại, chìa khóa thật sự dẫn đến sự sống vẫn dai dẳng tồn tại và tự thiết lập trong thiên nhiên và cho thấy sự đa dạng tuyệt vời của vô số sinh vật nằm trong chương sách dành riêng cho giai đoạn sơ sinh. Tất cả các sinh vật đều yếu ớt trước khi chúng lớn mạnh đủ để chống chọi, và tất cả sinh linh đều ở một giai đoạn mà vấn đề thích ứng của các cơ quan của chúng không cần đặt ra bởi vì các cơ quan này chưa hiện hữu, Không một sinh vật nào bắt đầu ở thể trưởng thành.

Vậy hẳn phải có một phần ẩn giấu của sự sống, dưới những hình thức khác, những phương tiện khác, những động lực khác hơn là những cái đã tồn tại trong môi tương giao giữa cá thể mạnh mẽ và môi trường của nó. Chương sách này, chương sách về *tuổi thơ trong thiên nhiên*, nắm giữ chìa khóa đích thực dẫn đến sự sống, bởi điều xảy ra cho người lớn chỉ có thể giải thích được những rủi ro của sự sinh tồn.

Các nghiên cứu sinh học về đời sống “sơ sinh” của các sinh vật đã chiếu rọi ánh sáng lên khía cạnh kì diệu và phức tạp nhất của thiên nhiên, cho thấy những thực tại đáng kinh ngạc và những triển vọng tuyệt vời, đong đầy thiên nhiên sống động với chất thơ và hầu như với tôn giáo. Trong lĩnh vực này, sinh học đã khám phá và đưa ra ánh sáng các mặt sáng tạo và bảo tồn của loài cho thấy sự hiện hữu của các bản năng đã hoạt động với vai trò chỉ đạo nội tại cho các sinh vật sống, và để phân biệt các bản năng này với các bản năng có tính kích động, có mối liên hệ với các phản ứng tức thời của một sinh vật với môi trường, chúng có thể được gọi là “bản năng chỉ đạo”.

Trong sinh học, tất cả các bản năng hiện hữu luôn được tập hợp thành hai nhóm căn bản khác nhau tùy theo các mục tiêu riêng của chúng, đó là, các bản năng để bảo vệ sự sống cá thể và các bản năng để bảo vệ sự sinh tồn của loài, cả hai trường hợp đều cho thấy sự đấu tranh có mối liên hệ với các giai đoạn nhất thời, và như thế, với những tiếp cận giữa cá thể và môi trường xung quanh nó, đồng thời trong cả hai trường hợp đều có những bản năng bộc lộ vai trò hướng dẫn kiên định thiết yếu cho sự sống với một chức năng chủ yếu để bảo tồn. Ví dụ, trong các bản năng liên quan đến bảo vệ sự sống

của cá thể, khía cạnh đấu tranh có tính giai đoạn của nó được biểu hiện bởi bản năng tự vệ chống lại các nguyên nhân bất lợi và có tính đe dọa. Giữa các bản năng liên quan đến sự bảo đảm sinh tồn của loài, có bản năng mang tính giai đoạn, được khơi dậy bởi sự gặp gỡ với những sinh vật khác dưới dạng quan hệ tính dục hay xung đột về tính dục. Các chi tiết riêng lẻ này, vì hiển nhiên và dữ dội hơn, là các bản năng đầu tiên được các nhà sinh học nhận ra và khảo sát. Tuy nhiên, sau này, người ta chú ý nhiều hơn đến các bản năng cho sự bảo tồn của cá thể và loài trong khía cạnh bảo thủ bất biến của chúng. Các bản năng này được xác định là những bản năng chỉ đạo được nối kết chặt chẽ với chính sự hiện hữu của sự sống trong vai trò vũ trụ vĩ đại của nó, Các bản năng này không hẳn là những phản ứng đối với môi trường, với tính chất là những sự mẫn cảm tinh tế bên trong, *cố hữu của sự sống*, tương tự như tư duy thuần túy là một phẩm chất nội tại cố hữu của trí tuệ. Chúng ta có thể tiếp tục so sánh và xem chúng như là những ý tưởng của Thiên Chúa đang hoạt động sâu trong lòng các tạo vật sống, rồi sau đó hướng dẫn chúng tác động lên thế giới bên ngoài để hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa. Vì thế, các bản năng chỉ đạo không có tính chất kích động của những đấu tranh nhất thời nhưng được đánh dấu bởi một trí tuệ và một sự khôn ngoan hướng dẫn các sinh linh trên hành trình của chúng qua thời gian (các cá thể) và trong vĩnh cửu (các loài).

Các bản năng hướng đạo đặc biệt kì diệu khi chúng có nhiệm vụ hướng dẫn và bảo vệ sự sống của trẻ sơ sinh lúc ban đầu, khi sinh linh vẫn hầu như chưa hiện hữu và còn non nớt, tuy nhiên đang tiến đến sự phát triển toàn vẹn. Ở giai đoạn như vậy, nó chưa thụ đắc những đặc điểm chủng tộc, chưa có sức mạnh, sự đối kháng, hay các vũ khí sinh học để tranh đấu, thậm chí cả niềm hi vọng vào chiến thắng cuối cùng, là phần thưởng chắc chắn cho sự sống còn. Ở đây, bản năng hướng đạo tác động vừa như một bà mẹ vừa như một nhà mô phạm, cả hai đều bí ẩn như bí mật của sáng tạo. Sự hướng dẫn này đem sinh vật bất lực đến bờ an toàn khi nó không có phương tiện hay sức mạnh để tự cứu nó.

Một trong những bản năng hướng đạo này liên quan đến tình mẫu tử, bản năng kì diệu đã được Fabre và các nhà sinh học mô tả là một chìa khóa cho sự sinh tồn của Các sinh vật. Một bản năng khác liên quan đến sự tăng trưởng của cá thể đã được nhà sinh học người Hà Lan mô tả trong nghiên cứu về các giai đoạn mẫn cảm.

Bản năng mẫu tử không chỉ đơn thuần giới hạn ở con mẹ, mặc dù nó là kẻ sinh con đẻ cái trực tiếp cho chủng loại và có vai trò lớn nhất trong nhiệm vụ bảo vệ này. Nó xuất hiện ở cả cha mẹ và đôi khi cả trong quần thể sinh vật. Một cuộc nghiên cứu sâu hơn về bản năng mẫu tử cho chúng ta nhận ra nó là một năng lượng huyền bí không chỉ có liên hệ với các sinh vật sống, mà còn

để bảo vệ chủng loài ngay khi không thông qua con mẹ, như lời trong sách Ecclesiasticus, “Từ thuở ban sơ, và trước khi có thể giới, ta đã được tạo ra”.

Do đó, thuật ngữ “bản năng mẫu tử” là một thuật ngữ chung cho bản năng chỉ đạo liên quan đến sự bảo tồn chủng loài, có một số đặc điểm chung của bản năng này trong tất cả các loài; bản năng mẫu tử đòi hỏi sự hi sinh của tất cả các bản năng khác trong sinh vật đã lớn để đảm bảo sự tồn tại của loài. Một con vật hung dữ nhất sẽ bộc lộ một sự hiền lành và dịu dàng tùy theo đặc tính của nó; con chim bay thật xa để tìm thức ăn hay để thoát khỏi hiểm nguy, nhưng sẽ đứng yên để canh giữ cái tổ của nó, nó sẽ tìm cách khác để tự vệ khỏi mọi nguy hiểm, nhưng không bao giờ bỏ trốn. Bản năng cố hữu của loài thường bất ngờ thay đổi tính chất. Ngoài ra, trong nhiều loài, có một khuynh hướng xây dựng và lao động xuất hiện mà chưa từng được thấy cũng ở những loài này, vào những thời điểm khác, bởi một khi đã đến giai đoạn trưởng thành, chúng thích ứng với môi trường thiên nhiên chúng đã tìm thấy. Bản năng mới che chở cho loài dẫn đến một lao động kiến tạo để chuẩn bị một chỗ ở và ăn náu cho con non mới sinh... về phương diện này, mỗi loài và các sinh vật khác nhau tuân theo một sự chỉ đạo đặc biệt. Không sinh vật nào ngẫu nhiên gom góp vật liệu đầu tiên mà nó tìm thấy hay điều chỉnh cách xây tổ của nó theo địa điểm. Không, các chỉ dẫn cho nó là cố định và bất biến, Ví dụ, cách chim xây tổ là một trong những đặc điểm để phân biệt các loài chim khác nhau, ở côn trùng, ta tìm thấy những ví dụ đáng kinh ngạc về công việc kiến tạo; tổ ong là những lâu đài xây theo một kiến trúc hình học hoàn hảo mà cả quần thể ong đã phối hợp để xây cho thế hệ mới. Những ví dụ khác, ít ngoạn mục hơn nhưng không kém phần thú vị, như con nhện, khác thường vì tự “xây nhà” cho chính nó và biết cách giăng bẫy rộng và mỏng manh để bắt kẻ thù của nó. Nhưng rồi bỗng nhiên, con nhện hoàn toàn thay đổi công việc của nó, và quên đi các nhu cầu tất yếu của chính nó, bắt đầu tạo ra một cái túi tí hon với những sợi tơ mới, đan bện chặt, hầu như không thấm nước. Thường túi có vách đôi, biến nó thành chỗ trú ẩn tuyệt vời ở những vùng ẩm và lạnh, nơi vài loài nhện sinh sống. Đây là sự khôn ngoan thật sự trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt. Bên trong cái túi an toàn, con nhện đẻ trứng. Nhưng thật lạ, là con nhện say mê gắn bó với cái túi này. Trong một số quan sát tại phòng thí nghiệm, người ta thấy những con nhện như vậy, với thân hình màu xám, nhỏ bé, mà không sự tìm kiếm nào cho thấy nó có một quả tim, có thể chết vì đau buồn nếu cái túi của nó bị xé ra hay phá hủy. Trên thực tế, người ta khám phá ra rằng con nhện gắn bó với cái túi của nó như thể cái túi là một phần nổi dài của cơ thể nó. Nó yêu cái túi, nhưng nó không có cảm xúc gì đối với trứng hay các con nhện tí hon cuối cùng sẽ chui ra từ các trứng này. Con nhện dường như không để ý đến sự hiện diện của chúng. Bản năng đã khiến con nhện mẹ này làm việc cho

loài của nó dù không có sinh vật sống nào của loài là đối tượng trực tiếp. Do đó, có thể có một *bản năng không có đối tượng trực tiếp* với hoạt động khô cứng, biểu thị sự tuân phục đối với một mệnh lệnh nội tại để làm cái gì cần thiết và mang đến sự yêu thích cái đã được ra lệnh.

Có những con bướm cả đời hút mật hoa mà không hề biết đến sự quyến rũ của thức ăn nào khác. Nhưng đến lúc đẻ trứng, chúng không bao giờ đẻ trứng trên hoa. Chúng được chỉ đạo bởi một bản năng khác, bản năng tìm thức ăn thích hợp cho các thay đổi của cá thể, và chúng được hướng dẫn đi tìm một môi trường khác, thích hợp cho một cá thể mới cần thức ăn khác. Thế nhưng những con bướm không để ý đến thức ăn đó, cũng như chúng không bao giờ biết đến sinh vật sắp ra đời. Côn trùng mang bên trong chúng mệnh lệnh của thiên nhiên, hoàn toàn xa lạ với chúng. Con bọ cánh cam và các côn trùng tương tự không bao giờ đẻ trứng ở mặt trên của lá sẽ là thức ăn cho các ấu trùng nhỏ bé, mà ở mặt dưới của lá, để ấu trùng có thể được che chở và giấu kín. Chúng ta thấy “suy nghĩ thông minh” tương tự trong một số lớn các côn trùng, chúng không bao giờ ăn lá những cây mà chúng đã chọn để nuôi dưỡng con non của chúng. Do đó, nói theo mặt “lí thuyết”, chúng có một “thứ kiến thức”, để biết cái gì sẽ là thức ăn thích hợp cho con non và “dự đoán” các nguy hiểm có thể đến từ thời tiết.

Một sinh vật trưởng thành với sứ mệnh bảo vệ các sinh linh mới, do đó thay đổi các đặc tính của nó và biến đổi chính bản chất của nó, như thể đã đến lúc quy luật thông thường chi phối chính cuộc sống của nó tạm ngừng, để chờ đợi một sự kiện thiên nhiên vĩ đại nào đó - phép lạ của sáng tạo. Rồi nó làm một việc không những chỉ để sống, mà ta có thể nói, nó tiến hành một nghi thức được diễn ra trong cái phép lạ này.

Thật vậy, một trong những phép lạ huy hoàng nhất của thiên nhiên là khả năng của con non, mặc dù hoàn toàn thiếu kinh nghiệm, là xác định phương hướng cho chúng và tự bảo vệ mình trong thế giới bên ngoài, với sự hướng dẫn của các bản năng không toàn phần và nhất thời được xem là các *Giai Đoạn Mẫn Cảm*. Ở đây, bản năng theo nghĩa đen, thật sự là kẻ chỉ đạo hướng dẫn chúng tuần tự qua các khó khăn liên tiếp và kích hoạt các sinh vật mới với sức mạnh khó cưỡng. Rõ ràng thiên nhiên đã không bỏ mặc sự bảo vệ trẻ sơ sinh cho người lớn, thiên nhiên nắm chắc các quy tắc và cảnh giác dõi theo sự tôn trọng các quy tắc này. *Người lớn* phải làm việc trong các giới hạn đã ấn định bởi các bản năng hướng đạo để bảo vệ chủng loại. Thông thường, như đã thấy ở loài cá và côn trùng, hai dạng bản năng hướng đạo, một dạng ở con bố mẹ và một dạng ở con non, hoạt động riêng biệt và độc lập, khi con bố mẹ và con non không hề gặp nhau. Mặt khác, ở các động vật cấp cao hơn, hai bản năng dần dần hợp lại trong sự gặp gỡ giữa bố mẹ và

con, và sự cộng tác hài hòa xảy ra sau đó, chính trong sự gặp gỡ giữa các bản năng hướng đạo trong con mẹ và các giai đoạn mãn cảm của con non mà tình thương có ý thức phát triển giữa con bố mẹ và con non. Hay ngay tình mẫu tử cũng có thể mở rộng đến một quần thể có tổ chức, chăm sóc thể hệ mới như một tổng thể, sản phẩm sống động của một chủng loại. Ta tìm thấy điều này ở các côn trùng có hình thức tổ chức xã hội, như ong, kiến và vôn vôn.

Tình yêu và sự hi sinh không phải là nguyên nhân để bảo vệ loài, mà là các hệ quả của một bản năng hướng đạo sinh động có bộ rễ vươn xuống tận cái phòng thí nghiệm sáng tạo vĩ đại của sự sống, nơi từ đó mỗi loài rút ra sức sinh tồn của chúng, cảm xúc yêu thương chỉ khiến nhiệm vụ được áp đặt trở nên dễ dàng hơn, mang đến cho nỗ lực niềm vui thú đặc biệt, tìm thấy trong sự hoàn toàn tuân phục đối với mệnh lệnh của thiên nhiên.

Nếu chúng ta muốn gói trọn thế giới người lớn chỉ trong một cái nhìn thoáng qua, chúng ta có thể nói rằng đôi lúc cũng có trường hợp ngoại lệ đối với các quy luật chi phối nó, các quy luật rõ ràng nhất trong tự nhiên, do đó tưởng chừng như tuyệt đối và bất biến. Và rồi, các quy luật không thể thắng này bị phá vỡ: chúng tạm ngừng như để nhường chỗ cho điều gì cao hơn, và chúng nhượng bộ các yếu tố mâu thuẫn với chúng, có nghĩa là, chúng tạm ngừng cho đến khi các quy luật mới xuất hiện trong đời sống sơ sinh của chủng loại. Nhờ đó, sự sống được vĩnh viễn duy trì, nó được đổi mới bởi sự tạm ngừng như thế, cho phép nó hướng nội đến sự vĩnh cửu.

Bây giờ chúng ta có thể hỏi, con người có vai trò nào trong các quy luật thiên nhiên này? Con người chứa trong bản thân nó, như trong một sự tổng hợp tối cao, tất cả các hiện tượng thiên nhiên của các sinh linh thấp hơn nó, con người là mẫu mực điển hình và vượt trội hơn chúng. Và, hơn nữa, nhờ đặc quyền về trí óc, con người tôn vinh chúng với vẻ huy hoàng rực rỡ của trang phục tinh thần tạo nên bởi trí tưởng tượng, cảm xúc và nghệ thuật.

Vậy, hai hình thức của sự sống được thể hiện ở loài người như thế nào và chúng tự bộc lộ dưới những khía cạnh cao cả nào? Thật ra hai đời sống này không hiển nhiên. Nếu chúng ta phải tìm ra chúng trong thế giới con người, chúng ta phải nói rằng nó chỉ bao gồm thế giới của người lớn, trong đó các đặc điểm phổ biến là đấu tranh, nỗ lực thích ứng, và lao động cho các chinh phục bên ngoài. Tất cả các dữ kiện của thế giới con người đều quy tụ vào việc chinh phục và sản xuất, như thể không có gì quan trọng hơn. Nỗ lực của con người va chạm và vỡ ra trong cạnh tranh, như một lưỡi gươm đã tôi luyện và vào một tấm giáp che ngực. Nếu người lớn xét đến đứa trẻ, họ sẽ làm như thế với cái lí luận mà họ đã áp dụng cho chính cuộc đời của họ. Họ thấy ở đứa trẻ một sinh vật khác biệt và vô dụng, và họ giữ chúng ở xa; hoặc, với cái gọi là giáo dục, họ cố lôi kéo đứa trẻ quá sớm và trực tiếp vào trong

quỹ đạo các hình thức đời sống của chính họ. Họ hành động như con bướm mà ta có thể hình dung, như thể nó sẽ phá vỡ cái kén của ấu trùng để khuyến khích nó bay đi, hoặc như con ếch sẽ lôi con nòng nọc ra khỏi nước và cố hết sức làm cho nó thở bằng phổi và đổi màu da đen xấu xí thành màu lá xanh.

Điều này ít nhiều là cách con người đã hành xử với con cái của họ. Người lớn phô bày cho trẻ thấy sự hoàn hảo, sự trưởng thành của họ, các mẫu hình của chính họ và họ trông chờ trẻ em bắt chước họ. Họ khó mà hiểu được rằng các đặc tính khác biệt của đứa trẻ cần một môi trường khác và một phương tiện sống khác, thích hợp với cái hình thức hiện hữu khác đó.

Làm sao có thể giải thích được quan niệm sai lầm này cho một kẻ cao cả nhất và tiến hóa nhất, được phú cho trí thông minh, kẻ là thống lĩnh môi trường của nó, sinh vật đầy quyền lực, có thể lao động với một sự vượt trội tốt bậc hơn tất cả các sinh vật khác?

Vậy mà, con người, nhà kiến trúc sư, kẻ xây dựng, kẻ sản xuất và biến đổi môi trường lại làm ít hơn con ong hay các côn trùng hay bất cứ sinh vật nào cho con cái của họ.

Cái cao nhất và thiết yếu nhất trong các bản năng hướng đạo của sự sống có thể hoàn toàn vắng bóng ở con người sao? Con người có thật sự bất lực và mù lòa trước một hiện tượng đáng sửng sốt nhất của sự sống trong vũ trụ, mà sự hiện hữu của các loài vật phụ thuộc vào chẳng?

Con người phải cảm nhận cái mà các sinh vật khác cảm nhận, bởi trong thiên nhiên, mọi sự đều biến đổi nhưng không có gì mất đi và các năng lượng cai quản vũ trụ đặc biệt không thể hủy diệt. Chúng vẫn dai dẳng ngay cả khi bị chệch ra khỏi chính đối tượng của chúng.

Con người, kẻ kiến tạo, xây nên chốn đặc biệt cho con cái họ ở đâu? Trẻ phải sống trong một môi trường đẹp đẽ, ở đó con người thể hiện các hình thái nghệ thuật cao quý nhất của họ, một nghệ thuật không bị ảnh hưởng và ấn định bởi bất cứ nhu cầu hướng ngoại nào, trong đó có một động lực tình yêu quảng đại tích lũy những của cải không thể sử dụng trong thế giới của sản xuất. Những chỗ này có phải là nơi mà con người cảm thấy nhu cầu đình lại và quên đi các cá tính thông thường của nó, nơi nó nhận thức rằng điều cốt yếu duy trì sự sống là cái gì khác hơn sự đấu tranh? Ở nơi nào đó khi một chân lí trời dậy từ thâm sâu, họ sẽ nhận ra rằng áp bức kẻ khác không phải là bí mật để sinh tồn hay là điều quan trọng nhất trong đời, mà chỉ là mối quan tâm hoàn toàn mang tính cá nhân? Do đó, ở đâu sự từ bỏ bản thân sẽ thật sự là suối nguồn của sự sống? Không có nơi nào mà tâm hồn đầy khát khao phá vỡ được các xiềng xích của luật lệ đang trói buộc nó vào thế giới của các sự vật bên ngoài sao? Không có sự mong mỏi truy tìm một phép lạ, một nhu

câu về phép lạ để duy trì sự sống hay sao? và đồng thời không có một khao khát hướng đến một cái gì vượt lên trên khoảng thời gian dài nhất của cuộc đời cá thể và kéo dài đến vĩnh cửu hay sao? Đây là con đường đưa đến giải thoát.

Ở những nơi này, con người cảm thấy nhu cầu phải từ bỏ chính cái lí luận nhọc nhằn của nó và sẵn sàng có lòng tin. Bởi đó là những tình cảm phải được khơi dậy trong con người bằng những sự kiện tương tự với những điều đã dẫn mọi sinh vật đến sự ngừng lại các quy luật của bản chất của chúng, để tự hiến tế chính họ, ngõ hầu sự sống có thể kéo dài đến vô tận. Vâng, có những chôn để con người không còn thấy nhu cầu chinh phục nhưng có nhu cầu thanh tẩy và được hồn nhiên, để nó khao khát sự giản dị và bình an. Trong cái bình an hồn nhiên ấy, con người tìm kiếm sự đổi mới cho cuộc đời, như một sự phục sinh thoát khỏi các gánh nặng của trần gian.

Vâng, trong con người phải có những khát vọng vĩ đại, khác xa hơn hay đối nghịch với những cái của đời thường.

Đấy chính là tiếng nói của Thượng Đế mà không ai có thể làm im, đang lớn tiếng kêu gọi con người cùng nhau hợp quần quanh đấng trẻ.

Chương 2

ĐỨA TRẺ TRONG VAI TRÒ CHỦ NHÂN

“Hãy tự biết mình”

Một trong những đối tượng nghiên cứu quan trọng nhất ngày nay là khám phá về các bản năng hướng đạo trong con người. Chính chúng tôi đã mở ra lĩnh vực nghiên cứu này và khởi động nó từ cái chưa từng có. Sự đóng góp chính của chúng tôi cho vấn đề nằm trong lĩnh vực này. Nó mở ra một hướng nghiên cứu mới mẻ, và các kết quả của nó đến nay đã là bằng chứng cho sự hiện hữu của những bản năng như vậy và là một phác họa đầu tiên về cách khảo sát chúng.

Một khảo sát như vậy chỉ có thể thực hiện được với đứa trẻ đã bình thường hóa, đang sống tự do trong một môi trường thích hợp cho nhu cầu của sự phát triển của nó. Và rồi, một bản chất mới tự biểu lộ, rõ rệt đến nỗi các đặc tính bình thường của nó phải được chấp nhận là những thực tại không thể chối cãi.

Vô Số kinh nghiệm đã cho chúng ta thấy một sự thật liên quan đến cả hai lĩnh vực, lĩnh vực của giáo dục và lĩnh vực của tổ chức xã hội loài người. Điều rõ ràng là nếu tổ chức con người với một bản chất khác với cái thường được biết, chính nó phải khác biệt, và chính giáo dục cũng có thể dẫn đến một sự bình thường hóa thế giới người lớn. Một cải cách xã hội như vậy không thể xảy ra bằng lí thuyết hay năng lực của vài nhà tổ chức, nhưng qua sự xuất hiện chậm rãi và liên tục của một thế giới mới giữa lòng cái cũ - thế giới của trẻ thơ và của thiếu niên. Từ thế giới này, các điều được khai minh, và sự hướng dẫn tự nhiên cần thiết cho đời sống bình thường của xã hội, sẽ dần biến hóa. Giả định rằng các cải cách lí thuyết hoặc những nỗ lực cá nhân có thể lấp đầy khoảng trống quá lớn tạo ra bởi sự trấn áp trẻ em là điều thật sự vô lí. Không ai có thể khắc phục những tội ác ngày càng bành trướng mà tội lỗi đầu tiên nằm trong thực tại là tất cả con người đều bất thường. Bởi tuổi sơ sinh của họ đã không thể phát triển theo đường hướng mà thiên nhiên đã vạch ra, do đó gánh chịu những sai lệch không thể chỉnh sửa.

Năng lượng chưa được biết có thể trợ giúp nhân loại là cái đang nằm tiềm ẩn bên trong đứa trẻ.

Nay là lúc để khôi phục lại châm ngôn: “Hãy tự biết mình!”. Đó là nguồn gốc của tất cả các ngành khoa học về sự sống đã giúp cải thiện và cứu sống sự sống thể chất con người bằng y học tân tiến và tiến bộ về vệ sinh, đánh dấu cái gần như là tầm mức của một nền văn minh cao nhất, một nền văn

minh với đặc trưng là sự vệ sinh thân thể.

Nhưng trong lĩnh vực trí tuệ, con người vẫn chưa biết được chính mình. Những khảo sát đầu tiên con người tìm hiểu về bản chất vật lí được tiến hành trên các tử thi. Các nghiên cứu đầu tiên để hiểu được cái bản chất tinh thần của họ được thực hiện với con người đang *sống*, ngay từ lúc nó mới sinh ra.

Không có những tiếp cận cơ bản này, có lẽ sẽ không có lối mở ra cho sự tiến bộ hay đúng hơn, nếu ta có thể nói, cho sự sinh tồn của nhân loại trong nền văn minh của chúng ta. Tất cả khó khăn liên quan đến những vấn đề xã hội vẫn tồn tại mà chưa được giải quyết, như những khó khăn đã được hình dung ra trong khoa học sự phạm tân tiến. Bởi sự cải thiện trong giáo dục chỉ có thể có một điều căn bản, đó là sự bình thường hóa của đứa trẻ. Một khi điều này đã đạt được, không những các khó khăn về sự phạm sẽ có thể giải quyết, mà thật ra, chúng sẽ không còn tồn tại. Và, hơn nữa, các kết quả đạt được là những cái không hề được tìm kiếm và chúng kì diệu như phép lạ.

Có lẽ phương thức này cũng cần cho thế giới người lớn, và ở đây chỉ có một vấn đề thực, ẩn trong câu nói: “Hãy tự biết mình” - tri thức của những quy luật nằm bên dưới đang hướng dẫn sự phát triển tinh thần của con người. Nhưng đứa trẻ đã giải bài toán này rồi, và một con đường thực tiễn đã mở ra. Bên ngoài điều này, không có chỉ dấu của bất cứ sự cứu rỗi khả thi nào. Bởi mọi điều tốt đẹp khi đến tay những kẻ lệch lạc, họ đều tìm cách để chiếm hữu cho chính họ, và để biến chúng thành phương tiện của quyền lực. Thế nên một điều tốt bị phá hủy ngay trước khi nó có thể thành hữu ích, và do đó biến thành một mối nguy hiểm cho đời sống con người. Đó là lí do tại sao mọi điều tốt, mọi tiến bộ, mọi khám phá có thể gia tăng cái ác đang làm khổ thế giới, như ta đã thấy trong trường hợp các máy móc, hình thức cụ thể nhất của tiến bộ xã hội đối với tất cả chúng ta. Mọi khám phá có ý nghĩa nâng cao và tiến bộ có thể bị sử dụng cho phá hoại, cho chiến tranh, và làm giàu cho riêng cá nhân. Tiến bộ về mặt vật lí, hóa học, và sinh học, và sự cải thiện các phương tiện giao thông chỉ làm tăng nguy cơ của sự tàn phá, khốn khổ và sự xuất hiện của cái man rợ độc ác. Vì thế, chúng ta không thể đặt hi vọng vào thế giới bên ngoài cho đến khi sự bình thường hóa của con người được nhìn nhận là một thành tựu căn bản của đời sống xã hội. Chỉ khi đó, tất cả các tiến bộ bên ngoài mới có thể đem đến phúc lợi và một hình thức văn minh cao hơn.

Do đó, chúng ta phải cậy đến trẻ thơ là chìa khóa cho số mệnh của sự sống tương lai của chúng ta. Bất cứ ai muốn thành công vì mục đích nào đó cho phúc lợi của xã hội, phải tìm đến đứa trẻ, không những để cứu nó khỏi bị lệch lạc, mà còn để học được từ đứa trẻ cái bí mật thực tiễn của sự sống của chính chúng ta. Từ quan điểm này, nhân vật trẻ thơ tự bộc lộ là đối tượng

quyền năng và huyền bí cho ta suy ngẫm, bởi đứa trẻ nắm giữ cái bí mật của bản chất của chúng ta trong bản thân nó, trẻ thơ trở thành chủ nhân của chúng ta.

Sứ mệnh của cha mẹ

Cha mẹ của đứa trẻ không phải là người tạo ra nó mà là người giám hộ của nó. Họ phải che chở và chăm sóc nó, theo nghĩa sâu sắc nhất của một sứ mệnh thiêng liêng vượt khỏi các mối quan tâm và ý tưởng của đời sống bên ngoài. Đối với đứa trẻ, họ là các giám hộ siêu nhiên, nêu so sánh với các thiên thần hộ mệnh trong thần học, chỉ trực tiếp lệ thuộc vào cõi trời, họ có quyền năng lớn hơn bất cứ uy quyền nào của con người, và cha mẹ được kết hợp với đứa trẻ theo cách mà nó không hề nhận thức được, họ không thể tách rời khỏi đứa trẻ. Để thực hiện sứ mệnh này, cha mẹ phải thanh tẩy tình yêu mà thiên nhiên đã khắc ghi trong lòng họ, và họ phải hiểu rằng tình yêu là phần được ý thức của một sự hướng dẫn sâu xa hơn, không nên bị nhiễm bẩn bởi sự ích kỷ hay thờ ơ. Cha mẹ nên hình dung và tiếp thu vấn đề xã hội mà chúng ta phải đối mặt ngày hôm nay, đó là cuộc đấu tranh cho quyền lợi của đứa trẻ trên thế giới.

Nhiều điều về quyền lợi của con người đã được đề cập đến trong những năm gần đây, và đặc biệt là về quyền lợi của người lao động, nhưng giờ đây đã đến lúc chúng ta phải nói lên quyền lợi xã hội của đứa trẻ, Vấn đề xã hội về quyền lợi của người lao động đã là nền tảng cho các thay đổi xã hội, bởi nhân loại sống nhờ vào lao động của con người, và do đó vấn đề này có quan hệ với đời sống vật chất của toàn thể nhân loại. Nhưng nếu người lao động sản xuất những thứ con người tiêu thụ và là kẻ sáng tạo ra những vật bên ngoài con người, thì đứa trẻ lại sản xuất ra chính nhân loại, và do đó, quyền lợi của trẻ em còn kêu gọi một sự cải cách xã hội mạnh mẽ hơn. Rõ ràng là xã hội con người phải dành sự chăm sóc khôn ngoan và hoàn hảo nhất cho đứa trẻ, để nhận từ đứa trẻ sức mạnh lớn lao hơn và các giá trị cao hơn trong nhân loại của tương lai.

Trái lại, xã hội đã bỏ bê và thật sự quên đi quyền lợi của đứa trẻ mà nó có lẽ đã giày vò và đàn áp một cách vô thức, xã hội đã không thể nhận ra giá trị, năng lực, bản chất cốt yếu của trẻ, thực tế này phải được nhìn nhận, và cảm xúc này phải đánh thức lương tâm nhân loại một cách mãnh liệt nhất.

Quyền lợi của trẻ thơ

Cho đến hôm qua, cho đến khởi nguyên của thế kỉ này, xã hội chưa hề mảy may quan tâm đến trẻ thơ. Xã hội đã bỏ mặc nó cho sự chăm sóc duy

nhất của gia đình, sự che chở và bảo vệ duy nhất cho trẻ là uy quyền của người cha, ít nhiều là vết tích của cái đã được bộ luật La Mã thiết lập hơn hai ngàn năm trước. Trong thời gian khá dài này, văn minh cải biến, sửa đổi những bộ luật để chúng có lợi và phục vụ cho người lớn, nhưng lại bỏ rơi đứa trẻ và không cho nó bất cứ sự bảo vệ xã hội nào. Đứa trẻ chỉ nhận được sự trợ giúp về vật chất, tinh thần và kiến thức mà gia đình sinh ra nó có thể cung ứng. Nếu gia đình của trẻ không có khả năng, trẻ phải phát triển trong sự bần cùng về mặt vật chất, tinh thần và tri thức nhưng xã hội lại không cảm thấy có trách nhiệm gì đối với nó. Đến bây giờ xã hội cũng không hề đòi hỏi gia đình phải chuẩn bị như thế nào đó, một cách đúng đắn, để chăm sóc đứa con sẽ trở thành thành viên của gia đình. Nhà nước, quá nghiêm khắc trong việc đòi hỏi các văn bản chính thức và các thủ tục rườm rà, quá lo lắng kiểm soát tất cả mọi thứ liên quan đến những chi tiết nhỏ nhất về trách nhiệm xã hội lại không mấy may quan tâm đến khả năng của những bậc làm cha mẹ tương lai trong việc che chở đầy đủ cho con cái và bảo vệ sự phát triển của chúng. Nhà nước chẳng cung cấp nơi dạy hay sự hướng dẫn nào cho các bậc cha mẹ. Trong phạm vi Nhà nước, ai muốn lập gia đình chỉ cần trải qua một nghi thức hôn phối. Từ tất cả những điều này, chúng ta có thể tuyên bố rằng xã hội từ ban sơ đã thờ ơ với những người lao động nhỏ bé mà thiên nhiên đã tín nhiệm trao cho vai trò xây dựng nên nhân loại. Giữa tiến bộ liên tục có lợi cho người lớn, trẻ em vẫn là những kẻ không thuộc xã hội con người, ở bên lề xã hội, bị cô lập, không có bất cứ phương tiện giao tiếp nào để khiến xã hội trở nên có ý thức về tình trạng của chúng. Trẻ em có lẽ là những nạn nhân mà xã hội không hề nhận thức được.

Và thực vậy, trẻ em là nạn nhân.

Chúng thực sự là nạn nhân, như khoa học đã nhìn nhận, khi khoảng nửa thế kỉ về trước, y khoa mới bắt đầu thật sự quan tâm đến giai đoạn thơ ấu. Vào thời ấy, trẻ em bị bỏ rơi nhiều hơn bây giờ, không có chuyên viên và bệnh viện riêng cho trẻ em. Chỉ khi các thống kê tiết lộ tỉ lệ tử vong cao ở trẻ sơ sinh trong năm đầu đời mới khiến người ta quá đỗi kinh ngạc. Người ta bắt đầu nhận ra rằng mặc dù có nhiều đứa trẻ sinh ra trong các gia đình, chỉ có một số ít còn sống. Cái chết của trẻ nhỏ có vẻ tự nhiên đến nỗi các gia đình đã thấy quen thuộc và tự an ủi với ý nghĩ rằng con của họ đã lên thẳng tới thiên đàng. Chắc phải có một sự chuẩn bị tâm linh đặc biệt cho sự vâng phục nhẫn nhục đối với lời tuyên mộ các thiên thần nhỏ mà như người ta đã nói, Thiên chúa muốn có bên Ngài. Quá nhiều trẻ sơ sinh chết vì sự ngu dốt hay thiếu chăm sóc đúng đắn đến nỗi hiện tượng này đã được gọi là sự không ngừng “tàn sát kẻ vô tội”.

Các sự kiện được phơi bày với công chúng và lập tức, một phong trào tuyên truyền được xúc tiến để đánh thức lương tâm xã hội trước một nạn

thức mới về trách nhiệm. Cho con ra đời là chưa đủ mà phải cứu sống sinh mạng ấy. Và khoa học cho biết cách thực hành: cha mẹ phải có tri thức mới và được hướng dẫn để chăm sóc sức khỏe của những đứa con sơ sinh của họ đúng cách.

Nhưng trẻ con không chỉ khốn khổ trong gia đình. Các nghiên cứu khoa học ở học đường phơi bày những sự hành hạ rất đáng lo ngại. Trong thập niên cuối của thế kỷ 19, y học đã phát hiện và khảo sát các chứng bệnh công nghiệp trong giới công nhân, từ đó dẫn đến yêu cầu đầu tiên cho vệ sinh công sở. Lúc ấy, người ta công nhận rằng ngoài các bệnh truyền nhiễm do mất vệ sinh, trẻ em cũng bị những bệnh “công nghiệp” - do lao động của chúng gây ra.

Trẻ em làm việc ở trường. Chúng bị nhốt vào đó, cam chịu những hành hạ cưỡng chế của xã hội. Lòng ngực hẹp khiến trẻ dễ mắc bệnh lao, hậu quả của những giờ dai dẳng khom mình trên các bàn viết, học đọc và viết, xương sống bị cong do luôn bị ép ở một vị trí; mắt bị cận vì đã cố gắng rất lâu để nhìn trong ánh sáng mờ. Cả cơ thể bị biến dạng như thể nó bị ép trong những không gian chật hẹp và đông đúc một thời gian dài.

Nhưng các hành hạ đối với chúng không chỉ xảy ra về mặt thể xác mà còn liên quan đến mặt tinh thần. Học hành bị ép buộc, và trí óc trẻ em bị mệt mỏi, vì nhàm chán và sợ sệt, hệ thần kinh bị kiệt sức. Chúng biếng nhác, bị thành kiến, chán nản, buồn bã, hung dữ, không có niềm tin vào bản thân, và không có sự vui tươi đáng yêu của trẻ thơ.

Những đứa trẻ bất hạnh! Những đứa trẻ bị áp bức!

Gia đình chúng không biết gì về tất cả điều này. Cha mẹ chỉ quan tâm đến việc đứa trẻ phải thi đỗ và học càng nhanh càng tốt để họ khỏi phải mất thời giờ và tiền bạc, Họ không quan tâm đến chính sự học hỏi hay sự thành đạt cao hơn về văn hóa, họ chỉ đơn thuần đáp ứng những đòi hỏi của xã hội, đáp ứng bốn phận bị bắt buộc, một bốn phận mà họ thấy nặng nề và tốn kém. Do đó, điều duy nhất mà họ quan tâm là con cái phải kiếm được một giấy thông hành^[7] để gia nhập đời sống xã hội trong thời gian ngắn nhất có thể.

Những cuộc khảo sát và điều nghiên tiên hành trong giới học sinh vào thời gian ấy tiết lộ những điều đáng kinh ngạc khác. Nhiều trẻ em nghèo, khi đến trường, đã mệt mỏi vì các công việc lao động chúng làm vào buổi sáng, vài đứa đã phải đi bộ nhiều dặm để phân phối sữa cho khách hàng trước khi đến trường, vài đứa khác đã chạy và rao bán báo trên đường phố hay lao động ở nhà. Do đó, chúng đến trường trong đói khát, buồn ngủ với ước muốn duy nhất là được nghỉ ngơi. Các nạn nhân bé nhỏ và tội nghiệp này lại thường xuyên bị trừng phạt vì thiếu tập trung và không hiểu lời giảng của

giáo viên. Giáo viên chỉ quan tâm đến trách nhiệm và hơn nữa đến uy quyền của họ, tìm cách đánh thức sự chú ý của các đứa trẻ kiệt sức này bằng hình phạt và đòi hỏi sự vâng lời với lời hăm dọa. Họ làm nhục học trò trước mặt bạn bè của chúng bằng cách quở trách chúng về sự thiếu khả năng hay lì lợm. Các trẻ em thiếu may mắn này cả đời bị bóc lột ở nhà và chịu hình phạt ở học đường.

Sự bất công mà các cuộc điều nghiên và khảo sát đầu tiên này phơi bày nhiều đến nỗi chúng gây nên phản ứng thật trong xã hội, Học đường và các quy tắc luật lệ liên quan được nhanh chóng điều chỉnh. Một chuyên ngành y học mới và quan trọng được khởi xướng, bao gồm sức khỏe học đường và sự vận dụng ảnh hưởng của nó để bảo vệ và lành mạnh hóa ở tất cả các trường học được công nhận tại các nước văn minh, Bác sĩ và giáo viên hợp tác với nhau vì lợi ích của học sinh, chúng ta có thể nói, đây là biện pháp xã hội đầu tiên chống lại một sai lầm vô thức từ xa xưa trong toàn thể nhân loại, và nó đánh dấu bước đầu tiên hướng đến sự phục hồi cho trẻ thơ trong xã hội.

Nếu nhìn lại qua sự thức tỉnh đầu tiên này và theo dòng lịch sử, chúng ta sẽ không tìm ra dữ kiện liên quan cho thấy sự công nhận các quyền lợi của trẻ em hay sự nhận thức trực giác về tầm quan trọng của đứa trẻ. Chỉ có Đức Ki-Tô gọi chúng đến với Ngài, chỉ cho người lớn rằng trẻ em là người hướng đạo lỗi vào Nước Trời cho họ, và đã cảnh báo về sự mù lòa của họ. Ngài đã cảnh báo chúng ta: “Nếu người không cải hóa và trở nên giống những đứa trẻ nhỏ này, người sẽ không bao giờ vào được Nước Trời.” Nhưng người lớn vẫn tiếp tục chỉ nghĩ về việc cải hóa đứa trẻ, xem họ là hình mẫu hoàn hảo cho đứa trẻ. Và dường như sự mù lòa kinh khủng của họ là không thể chữa trị được. Đây là bí ẩn của tâm hồn con người! Sự mù quáng này, vẫn còn là một hiện tượng hoàn vũ và có lẽ cũng xưa như chính nhân loại.

Thật ra trong mọi lí tưởng về giáo dục, trong mọi ngành sự phạm cho đến thời chúng ta, từ “giáo dục” luôn đồng nghĩa với từ “trừng phạt”. Mục đích vẫn luôn là để khuất phục đứa trẻ trước người lớn, kẻ đã tự mình thay thế cho tự nhiên và thay thế các quy luật của sự sống bằng chính óc lí luận và ý chí của họ. Mỗi quốc gia có những hình thức trừng phạt khác nhau. Trong các trường tu, những hình phạt cố định thường được nêu lên giống như họ đang phô trương các huy hiệu của trường, vài hình phạt sử dụng sự hạ nhục, như treo bảng yết thị trên lưng đứa trẻ, bắt chúng đội “nón tai lừa” của kẻ dốt hay bỏ chúng vào một cái cũi để kẻ đi ngang qua có thể cười chê và chế nhạo. Thường có những hình phạt tra tấn về thể xác. Trẻ bị bắt đứng hàng giờ ở một góc tường, mệt mỏi, chán nản vì ở không, chẳng thấy được gì, nhưng bị buộc phải giữ tư thế tại chỗ bằng chính ý chí của mình.

Những hình phạt khác là bắt chúng quỳ trên sàn nhà với đầu gối trần,

hoặc bị roi vọt hay đánh bằng gậy trước công chúng. Một hình thức độc ác tinh vi hiện đại xuất phát từ học thuyết phối hợp gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục - một nguyên tắc cuối cùng đưa đến sự phối hợp nhà trường và gia đình để trừng phạt và hành hạ đứa trẻ. Đứa trẻ bị phạt ở trường bị bắt buộc phải báo cho gia đình để cha nó hiệp sức với thầy cô mà trừng phạt và mắng chửi nó. Rồi đứa trẻ bị buộc phải trình giấy báo của cha nó để chứng minh là nó đã tự buộc tội mình với kẻ hành hình kia của nó, người cha là kẻ, ít nhất về nguyên tắc, đã hợp lực để hành hạ chính con mình. Thế nên, đứa trẻ bị trừng phạt phải vác thánh giá

Không có ai bảo vệ nó, Tòa án mà trẻ có thể đến khiếu nại, như những tội nhân bị kết án ở đâu? Không hề có. Đâu là tình thương ở đó đứa trẻ tìm được chỗ ẩn náu và niềm an ủi? Không có gì cả. Nhà trường và gia đình đồng ý trừng phạt nó, bởi nếu không làm thế, hình phạt sẽ bị giảm đi và do đó giáo dục sẽ bị hạ thấp!

Nhưng gia đình đâu cần được nhắc nhở là phải phạt con họ. Các cuộc điều nghiên gần đây tìm hiểu về các hình phạt trẻ em trong gia đình (một cuộc khảo sát như thế được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Hiệp hội các Quốc gia) cho thấy đến nay, không có quốc gia nào, lớn hay nhỏ trên thế giới mà không có trẻ em không bị trừng phạt trong gia đình. Chúng bị sỉ vả thậm tệ, bị hành hung, đánh đập, tát tai, đấm đá, đuổi xa, nhốt vào phòng tối, bị hăm dọa bằng những thứ hiểm họa hoang đường, và không được hưởng những xoa dịu nho nhỏ là chôn ẩn náu trong cơn đày đọa triền miên hay những niềm an ủi đối với những tra tấn phải chịu đựng một cách vô thức, ví dụ như được chơi với các bạn hay ăn bánh kẹo, trái cây. Hồi cuối cùng một hình phạt quen thuộc là phải đi ngủ mà không được ăn tối, nên suốt đêm phải ngủ trong nhọc nhằn xáo trộn vì buồn và đói, Mặc dù những hình phạt như thế đã nhanh chóng biến mất trong những gia đình có học thức, chúng vẫn còn được sử dụng, và những thái độ cộc cằn, giọng nói cứng rắn, nghiêm khắc và hăm dọa là những hình thức hành xử thường xuyên đối với một đứa trẻ. Người lớn nghĩ rằng họ đương nhiên có quyền phạt đứa trẻ và bà mẹ nó phải nghĩ rằng tát tai nó là một nghĩa vụ.

Vậy mà hình phạt tùy tiện với thể xác giữa công chúng đã bị bãi bỏ cho người lớn bởi nó hạ thấp nhân phẩm và là sự ô nhục trong xã hội. Nhưng có điều gì ti tiện hơn là sỉ nhục và đánh đập một đứa trẻ không? Rõ ràng là lương tâm của con người về mặt này đã bị thui chột.

Tiến bộ văn minh ngày nay không phụ thuộc vào tiến bộ của cá thể, nó không xuất phát từ ngọn lửa cháy trong tâm hồn con người, nó là sự tiến tới của một cỗ máy vô cảm, lèo lái bởi một sức mạnh bên ngoài. Năng lượng thúc đẩy nó di chuyển xuất phát từ thế giới bên ngoài như một quyền lực to

lớn vô hồn đến từ toàn thể xã hội và đang vận hành không khoan nhượng. Tiến tới! Luôn luôn tiến tới!

Xã hội như một đoàn tàu lớn đang chạy với một tốc độ chóng mặt hướng đến một mục tiêu xa vời, trong khi các cá thể tạo nên xã hội ấy có thể được so sánh với những hành khách ngủ gật trong các toa xe. Lương tâm ngái ngủ của họ là những trở ngại mạnh mẽ nhất đối với bất cứ sự hỗ trợ thiết yếu cho sự sống hay chân lí cứu rỗi nào. Nếu không phải thế, thế giới có lẽ đã có thể tiến bộ nhanh chóng; có lẽ sẽ không có sự tương phản nguy hiểm giữa sự gia tốc không ngừng của các phương tiện di chuyển và sự xơ cứng càng sâu sắc hơn của tinh thần con người. Bước đầu tiên, bước khó khăn nhất trong bất cứ phong trào xã hội nào *hướng* về một sự tiến bộ tập thể, là công tác đánh thức nhân loại đang ngái ngủ và vô cảm này và ép buộc nó phải lắng nghe lời kêu gọi.

Ngày nay điều cần thiết là xã hội như một tổng thể phải ý thức về đứa trẻ và tầm quan trọng của trẻ thơ, và phải mau chóng xử lí mối nguy hiểm của cái khoảng trống rộng lớn mà xã hội đang dựa vào. Nó phải lấp đầy khoảng trống này bằng cách dựng lên một thế giới cho đứa trẻ và công nhận các quyền lợi xã hội của trẻ. Tội ác lớn nhất mà xã hội đang phạm phải là phung phí và tiêu tán số tiền đáng lẽ dành cho trẻ em vào việc hủy diệt trẻ em và hủy diệt chính xã hội. Xã hội đã hành xử như một người giám hộ phung phí gia sản thừa kế của đứa trẻ. Thế giới người lớn tiêu xài và chỉ xây cái gì cho chính họ, trong khi rõ ràng một phần lớn của cái của họ phải dành cho đứa trẻ. Sự thật này nằm ngay trong chính đời sống; các động vật, loài côn trùng bé nhỏ nhất có thể dạy ta điều ấy. Những con kiến dự trữ thức ăn cho ai? Con ong hút mật cho ai? Tại sao chim chóc tìm kiếm thức ăn và mang về tổ? Trong thiên nhiên không có một ví dụ nào về con mẹ nuốt trọn mọi thứ cho mình và bỏ mặc con nó trong thiếu thốn, vậy mà con người không làm gì cho đứa con của họ; họ chỉ cung cấp vừa đủ để giữ thân thể nó trong tình trạng thực vật, thế thôi. Khi xã hội phung phí có nhu cầu cấp bách về tiền bạc, nó lấy từ các trường học, đặc biệt là các trường dành cho trẻ con, nơi đang che chở những hạt mầm của sự sống con người. Xã hội lấy tiền từ chỗ không có cánh tay hay tiếng nói nào để bảo vệ nó. Đây là một trong những tội ác và sai lầm vô lí nhất của nhân loại. Xã hội cũng không nhận thức được rằng nó nhân đôi sự hủy hoại khi nó dùng tiền của cho chiến tranh, nó hủy hoại vì ngăn chặn sự sống và phá hủy vì đem đến sự chết. Nhưng cả hai là một, và cùng một sai lầm vì chính qua sự thất bại không đảm bảo được sự phát triển của sự sống mà con người đã lớn lên một cách bất thường.

Do đó, người lớn phải được tổ chức lại, và lần này không phải cho họ, mà là cho con cái của họ. Họ phải lên tiếng đòi lại một quyền lợi mà họ không thấy được do sự mù lòa cố hữu của họ, nhưng nếu, một khi được nhận ra, nó

là điều không thể chối cãi. Nếu xã hội đã là một giám hộ vô tâm với đứa trẻ, giờ đây nó phải phục hồi của cái và trả lại công bằng cho đứa trẻ.

Cha mẹ có một sứ mệnh rất quan trọng. Họ là những kẻ duy nhất có thể và phải cứu vớt con cái họ vì họ có quyền năng tổ chức tập thể xã hội và do đó có quyền hành động trong sự thực hành đời sống liên kết. Lương tâm họ phải cảm nhận được sức mạnh của sứ mệnh mà thiên nhiên đã giao phó cho họ, một sứ mệnh đặt họ lên trên xã hội, khiến họ thống lĩnh tất cả các hoàn cảnh vật chất, vì chắc chắn sự sống, tương lai của nhân loại nằm trong tay họ.

Nếu họ không làm thế, họ sẽ hành xử giống như quan Pontius Pilate.

Pilate ở xứ Palestine là kẻ có toàn quyền năng, vì ông ta có thế lực của Roma sau lưng, quyền lực đế quốc thống trị tất cả các quyền lực khác.

Pilate đã có thể cứu Đức Ki-Tô, ông ta đã có thể, nhưng ông ta đã không làm.

Một đám đông với những thành kiến cổ xưa, bám quá chặt vào luật lệ hiện hành, vào tập tục cổ xưa, đòi giết chết một kẻ vô tội. Đấng cứu Chuộc và Pilate đã phân vân và dừng dưng.

“Tôi có thể làm gì được”, có lẽ ông ta đã nghĩ như vậy, “nếu đây là những tập tục phổ biến?”.

Và ông ta đã rửa tay.

Ông ta có uy quyền để nói: “Không, ta sẽ không giết!”. Nhưng ông ta đã không nói ra.

Cha mẹ ngày nay hành xử như Pilate. Họ bỏ rơi con cái cho các tập tục xã hội, có quyền năng đến độ chúng có vẻ như là những điều tất yếu. Và thế là tấn bi kịch xã hội của đứa trẻ xảy ra. Xã hội bỏ rơi đứa trẻ cho gia đình chăm sóc, mà không cảm thấy có mấy may trách nhiệm, và gia đình giao con họ cho xã hội nhốt nó vào trong trường, tách nó khỏi mọi kiểm soát của gia đình.

Thế nên đứa trẻ lặp lại sự Thương Khó của Đức Ki-Tô bị điệu từ vua Herod đến quan Pilate, ném từ bên này qua bên kia, giữa hai quyền lực, mỗi bên giao Ngài cho trách nhiệm của bên kia.

Không ai lên tiếng bảo vệ đứa trẻ, nhưng hẳn phải có một tiếng nói có quyền để bảo vệ nó, tiếng nói của máu mủ, quyền lực của sự sống, thẩm quyền con người của cha mẹ nó.

Khi lương tâm của cha mẹ thức tỉnh, họ sẽ không hành động như Pilate, kẻ để che chở cho Đấng cứu Độ đã chối bỏ thân tính của Ngài, cột trời, đánh

đập Ngài, và là kẻ đầu tiên sỉ nhục Ngài khi tuyên bố “Đây là Con Người (Ecce Homo)!”.

Tấn tuồng lịch sử này không được xem là một sự bào chữa cho Đức Ki-Tô mà như là tập đầu tiên của sự Thương Khó của Ngài.

Đây là con người - Ecce Homo

Vâng, đứa trẻ sẽ trải qua một sự thương khó, giống như sự Thương Khó của Đức KI-TÔ, Nhưng khởi đầu của mọi sự nằm trong Con Người Đây, Ecce Homo. Hãy nhìn con người. Không có Thiên Chúa trong nó. Nó trống rỗng và đã bị sỉ nhục, đánh đập bởi một quyền lực cao hơn, lẽ ra có thể bảo vệ nó.

Sau đó nó bị lôi đi bởi đám đông, bởi nhà cầm quyền xã hội. Đối với đứa trẻ, nhà trường là một nơi với nhiều tai ương hơn cả thảm họa tự nhiên. Các tòa nhà lớn dường như được xây cho người lớn, và mọi thứ đều tỉ lệ tương xứng với người lớn - cửa sổ, cửa ra vào, các hành lang màu xám, tường trống trơn, ở đây, trẻ con của vô số thế hệ trong bộ đồ đồng phục màu đen tang tóc trải qua suốt thời kỳ ấu thơ. Gia đình bỏ nó ở ngưỡng cửa, vì họ bị cấm vào. Nơi đây là sự tách rời của hai lĩnh vực và hai trách nhiệm. Và đối với đứa trẻ, khóc lóc, vô vọng, trái tim run lên vì sợ hãi, như thể nó đọc được trên cửa dòng chữ của Dante khắc ghi trên cổng Địa Ngục:

“Con người sẽ đi ngang ta để vào đô thị của sự khóc lóc. Con người băng qua ta để trở thành đám dân bị kết án.”

Đây là một tiếng nói lạnh lùng, hăm dọa gọi nó đi vào với những bằng hữu vô danh, bị lên án tập thể như những sinh linh quý quyết phải bị trừng phạt. Câu thơ của Dante lại hiện lên trong đầu ta:

“Đáng kiếp cho các người, những linh hồn xấu xa.”

Đứa trẻ sẽ đi đâu?

Trẻ sẽ đi đến nơi nó đã được ra lệnh, nơi nó đã được gửi đến.

Nó đã bị kết án. Nó sẽ đi vào một lớp học, và có người sẽ xử nó như quái vật Minos trong thơ của Dante, sẽ xoắn đuôi quanh thân thể đứa trẻ, chỉ cho linh hồn đi lạc đến khu vực nó đã được chỉ định. Nhưng ở đâu, cũng có thảm họa muôn đời, không lối thoát.

Khi đứa trẻ đã đi vào, trong lớp học đã được chỉ định, giáo viên sẽ *đóng cửa* lại. Từ đây cô giáo là chủ, cô ấy chỉ huy cái đám linh hồn này mà không có ai làm chứng hay kiểm soát.

Cô sẽ đóng cửa lại. Gia đình và xã hội đã phó mặc con cái của họ vào bàn

tay uy quyền của cô. Người ta đã gieo hạt giống của mình trong gió, và gió đã mang đi. Từ đó những tứ chi mảnh khảnh, run rẩy, bị đóng vào thập gỗ hơn ba tiếng đồng hồ đau đớn, ba và ba tiếng trong nhiều ngày, nhiều tháng, và nhiều năm.

Tay chân đứa trẻ đã bị cột chặt vào bàn viết bởi những cái nhìn lạnh lùng, giữ chúng bất động như những chiếc đinh trong thân thể Đức Ki-Tô trên Thập giá. Hai bàn chân nhỏ bất động, hai bàn tay nhỏ đan vào nhau, nằm yên trên bàn viết. Và khi các tư tưởng của giáo viên được cố nhét vào cái trí tuệ đang khát khao chân lí và tri thức, đứa trẻ sẽ chịu đựng, cái đầu nhỏ cúi xuống trong tuân phục, tựa như đang chảy máu vì chiếc mũ gai.

Quả tim nhỏ tràn đầy yêu thương sẽ bị đâm thấu bởi sự thiếu hiểu biết của thế giới như bị đâm bởi lưỡi giáo. Cái văn hóa trao cho để làm giảm cơn khát về tri thức sẽ có vẻ cay đắng. Ngôi mộ của linh hồn đã không thể sống trong một thế giới quá giả tạo, với tất cả sự nguy trang, đã được chuẩn bị, và khi linh hồn được đặt ở đó, lính canh, như để chế nhạo, sẽ được đặt quanh đó để canh chừng không cho nó sống lại.

Nhưng đứa trẻ luôn luôn sống lại, và trở về, tươi tắn, đổi mới, để sống giữa loài người.

Như Emerson đã nói, đứa trẻ là Đấng cứu Độ muôn đời, luôn luôn xuống giữa những kẻ đã sa ngã, để dẫn đưa họ về Nước Thiên Đàng.

Chú thích

[1] Từ chữ “culla”, tiếng Ý, có nghĩa là “nôi”. ↑

[2] B.s. Maria Montessori: *Discovery of the Child*, Chương 2 (Nxb Kalakshetra, Madras 20).

[3] Điều này không có nghĩa là trong Ngôi Nhà của Trẻ không có những bài học chung, nhưng đúng hơn đó không phải là phương cách duy nhất hay là phương cách giảng dạy chính. Các bài học chung chỉ là một phương tiện dành cho các đề tài và sinh hoạt đặc biệt.

[4] Trích từ *Whitsun*, tác phẩm được cho là khi thì của Vua Robert nước Pháp, khi thì của Stephen Langton và có khi là của Giáo hoàng Innocent III: Consolator optime, Dulcis hospes animae, Dulce refrigerium. In labore requies, In aestu temperies, In fletu solatium... Sine tuo numine, Nihil estin homine, Nihil est ihnoxium. Lava quod est sordidum, Riga quod est aridum, Sana quod est saucium, Flecte quod est rigidum, Fove quod est trigidum, Rege quod est devium... (Chú thích của Carter)

[5] B.s. Maria Montesssori: *The Advanced Montesssori Method*, Quyển I, trang 72-78 (Nxb Kalakshetra, Madras-600020)

[6] “Da Francesca a Beatrice”, Victoria Ocampo.

[7] Theo suy nghĩ thông thường, bằng cấp, kết quả học tập là điều kiện thiết yếu để có một địa vị trong xã hội - ND.

Mục lục

[Lời tựa](#)

[Dẫn nhập](#)

[Phần I PHÔI THAI TINH THẦN](#)

[Chương 1 ĐỨA TRẺ NGÀY NAY](#)

[Chương 2 PHÔI THAI TINH THẦN](#)

[Chương 3 TRÍ TUỆ ĐANG HÌNH THÀNH](#)

[Chương 4 NHỮNG VIỆC NGƯỜI LỚN GÂY TRỞ NGẠI](#)

[Chương 5 NHỊP ĐIỆU](#)

[Phần II GIÁO DỤC MỚI](#)

[Chương 1 VAI TRÒ CỦA NHÀ GIÁO](#)

[Chương 2 PHƯƠNG PHÁP CỦA CHÚNG TÔI](#)

[Chương 3 NHỮNG ĐIỀU ĐÃ ĐƯỢC KHAI TRIỂN THÊM](#)

[Chương 4 NHỮNG LỆCH LAC TÂM THẦN](#)

[Phần III ĐỨA TRẺ VÀ XÃ HỘI](#)

[Chương 1 HOMO LABORANS - CON NGƯỜI LAO ĐỘNG](#)

[Chương 2 ĐỨA TRẺ TRONG VAI TRÒ CHỦ NHÂN](#)